

ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC LUẬN
(Sikṣasamuccaya)



Việt Dịch : HT.Như Điển

---o0o---

Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 23 – 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

- Lời Tựa
- Tiêu Sử Tôn Giả Santideva
- Quyển Thứ Nhất
 - Phẩm Thứ Nhất - Phần Thứ Nhất
- Quyển Thứ Hai
 - Phẩm Thứ Nhất - Phần Thứ Hai
- Quyển Thứ Ba
 - Phẩm Thứ Nhất - Phần Thứ Ba
- Quyển Thứ Tư
 - Phẩm Thứ Hai - Phần Thứ Nhất
 - Phẩm Thứ Ba
 - Phẩm Không Thứ Tư - Phần Thứ Nhất
- Quyển Thứ Năm
 - Phẩm Không Thứ Tư - Phần Thứ Hai
- Quyển Thứ Sáu
 - Phẩm Không Thứ Tư - Phần Thứ Ba
- Quyển Thứ Bảy
 - Phẩm Không Thứ Tư - Phần Thứ Tư
- Quyển Thứ Tám
 - Phẩm Thứ Năm
 - Phẩm Thứ Sáu - Phần Thứ Nhất
- Quyển Thứ Chín
 - Phẩm Hộ Thân
 - Phẩm Thứ Sáu - Phần Thứ Hai
 - Phẩm Thứ Bảy - Phần Thứ Nhất
- Quyển Thứ Mười
 - Phẩm Hộ - Thọ Dụng Phước
 - Phẩm Thứ Bảy - Phần Thứ Hai

Phẩm Thứ Tám - Phần Thứ Nhất
Quyển Thứ Mười Một
Phẩm Thứ Tám - Phần Thứ Hai
Quyển Thứ Mười Hai
Phẩm Thứ Tám - Phần Thứ Ba
Phẩm Thứ Chín
Quyển Thứ Mười Ba
Phẩm Thứ Mười
Phẩm Thứ Mười Một
Quyển Thứ Mười Bốn
Phẩm Thứ Mười Một - Phần Thứ Hai
Phẩm Thứ Mười Hai
Quyển Thứ Mười Lăm
Phẩm Thứ Mười Hai - Phần Thứ Hai
Quyển Thứ Mười Sáu
Phẩm Thứ Mười Hai - Phần Thứ Ba
Phẩm Thứ Mười Ba - Phần Thứ Nhất
Quyển Thứ Mười Bảy
Phẩm Thứ Mười Ba - Phần Thứ Hai
Phẩm Thứ Mười Bốn - Phần Thứ Nhất
Quyển Thứ Mười Tám
Phẩm Thứ Mười Bốn - Phần Thứ Hai
Quyển Thứ Mười Chín
Phẩm Thứ Mười Bốn - Phần Thứ Ba
Phẩm Thứ Mười Lăm - Phần Thứ Nhất
Quyển Thứ Hai Mươi
Phẩm Thứ Mười Lăm - Phần Thứ Hai
Phẩm Thứ Mười Sáu - Phần Thứ Nhất
Quyển Thứ Hai Mươi Một
Phẩm Thứ Mười Sáu - Phần Thứ Hai
Phẩm Thứ Mười Bảy - Phần Thứ Nhất
Quyển Thứ Hai Mươi Hai
Phẩm Thứ Mười Bảy - Phần Thứ Hai
Phẩm Thứ Mười Tám - Phần Thứ Nhất
Quyển Thứ Hai Mươi Ba
Phẩm Thứ Mười Tám - Phần Thứ Hai
Quyển Thứ Hai Mươi Bốn
Phẩm Thứ Mười Tám - Phần Thứ Ba
Quyển Thứ Hai Mươi Lăm
Phẩm Thứ Mười Tám - Phần Thứ Tư

---oo---

Lời Tựa

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (Taisho Shinshū Daijōkyo) là một bộ Đại Tạng Kinh bằng chữ Hán, được ấn hành ở Nhật và ở Đài Loan gồm 100 tập. Mỗi tập có độ dày khác nhau từ 500 trang đến hơn 1000 trang khổ giấy A4. Đây là một bộ Đại Tạng đã được nhiều học giả và các nhà nghiên cứu về Phật Học chọn làm bộ Đại Tạng tiêu biểu so với những bộ khác như: Càn Long Đại Tạng hay Đại Tạng thời nhà Minh v.v... Ngày nay Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ như Anh, Pháp, Đức và trong đó có cả tiếng Việt. Đây là một duyên lành cho những ai sau này không rành chữ Hán, chữ Nhật, có thể tra cứu thẳng bằng tiếng Việt và những ngoại ngữ khác.

Chư Tôn Hòa Thượng Việt Nam chúng ta trong quá khứ và ngay cả hiện tại đa phần các Ngài chọn những bộ kinh thông dụng như: Pháp Hoa, Đại Bát Niết Bàn, Bảo Tích v.v... để dịch. Vì lẽ có nhiều người trì tụng. Một số quý Ngài khác dịch Luật. Riêng cá nhân chúng tôi chọn những bộ Luận để dịch, vì thấy việc này ít có người làm. Chúng tôi đã chọn quyển thứ 32 của Đại Chánh Tân Tu thuộc Luận Tập Bộ Toàn để dịch. Quyển này dày 790 trang. Mỗi trang như thế nếu dịch và đánh máy sang tiếng Việt thành 6 trang khổ A5. Như vậy nếu 790 trang ấy nhân lên 6 lần tức có khoảng 4.740 trang. Đó chỉ là một tập. Mỗi ngày tôi dịch được từ 2 đến 5 trang. Như vậy để xong tập này phải cần thời gian ít nhất là hơn 200 ngày. Đó là chưa kể đến những ngày trái gió trở trời và những đoạn khó phải tra cứu nhiều. Như vậy trung bình dịch suốt năm chỉ được một tập.

Được duyên may là mỗi năm chúng tôi có ba tháng an cư kiết hạ tại Đức và cũng mỗi năm ba tháng tôi nhập thất tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi để phiên dịch và tịnh tu. Như vậy, trên thực tế mỗi năm tôi chỉ có được sáu tháng như thế.

Sau khi dịch xong “Nhơn Minh Chánh Lý Môn Luận”. Bỏn của ngài Đại Vực Long Thọ Bồ Tát, do ngài Huyền Trang dịch sang chữ Hán và “Nhơn Minh Chánh Lý Môn Luận” cũng của ngài Đại Vực Long Thọ Bồ Tát nhưng do ngài Nghĩa Tịnh đời Đường dịch sang Hán văn, chúng tôi cố gắng dịch thật kỹ ra Việt văn, nhưng dịch xong rồi đọc lại chẳng hiểu gì cả. Lại tiếp tục dịch “Nhơn Minh Chánh Lý Luận” của ngài Thương Yết La Chủ Bồ Tát tạo và ngài Huyền Trang dịch ra Hán văn, chúng tôi cố gắng chuyển ngữ sang tiếng Việt nhưng cũng chẳng hiểu nghĩa rõ. Không lẽ tiếng Việt mình yếu, chữ Hán không thông. Tự hỏi như thế! Nhưng chắc không phải vậy, vì chữ ít mà nghĩa nhiều, nên dịch ra tiếng Việt hơi tối nghĩa, nên chúng tôi

phải đọc thêm sách giải thích về Nhân Minh của ngài Thiện Hoa và ngài Thiện Siêu thì rõ thêm phần nào, nhưng ba luận trên đã dịch xong mà chưa cho xuất bản, vì nghĩa , ý, từ còn nhiều chỗ uẩn khúc lắm.

Trong quyển 32 này có: Phương Tiện Tâm Luận, Như Thật Luận, Nhập Đại Thừa Luận, Đại Thừa Bảo Yếu Nghĩa Luận, Tập Đại Thừa Tướng Luận, Bồ Đề Tư Lương Luận, Phát Bồ Đề Tâm Kinh Luận, Bồ Đề Tâm Ly Tướng Luận, Bồ Đề Hành Kinh, Bồ Đề Tâm Quán Thích , Quảng Thích Bồ Đề Tâm Luận, Kim Cang Đánh Du Già Trung Phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Tâm Luận..., là những bộ luận chúng tôi đã dịch xong và mỗi năm chúng tôi cũng đã cho in một tập đề hướng dẫn cho Tăng Ni và quý Phật Tử tu học trong khóa giáo lý Âu Châu, để có tài liệu học hỏi và tham khảo.

Năm nay nhân kỳ nhập thất tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi lần thứ hai, tôi chọn dịch quyển “Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận” gồm 25 quyển từ trang 75 đến trang 145. chỉ trong 70 trang thôi mà chúng tôi đã dịch thành 230 trang đánh máy khổ A4. Nếu in thành A5 sẽ lên đến 400 trang. Luận này do Ngài Pháp Xứng Bồ Tát tạo. Ngài Pháp Xứng, tiếng Phạn là Santideva và tiếng Hoa dịch là Tịch Thiên. Còn tiêu đề Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận tiếng Phạn gọi là Siksasamuccaya. Có nơi dịch là “Giáo Tập Yếu” nhưng chúng tôi dịch nguyên văn như bản Hán văn bên trên để dễ tra cứu.

Tương truyền Ngài Santideva có soạn ba quyển sách quan trọng. Đó là Siksasamuccaya (Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận) và quyển Bodhicaryavatara (Bồ Tát Hạnh) và quyển Sutrasamuccaya (Kinh Tập Yếu). Quyển Bồ Tát hạnh đã được Thầy Thích Trí Siêu đệ tử của Hoà Thượng Thích Huyền Vi ở Pháp căn cứ vào bản tiếng Tây Tạng, tiếng Anh và tiếng Pháp đã dịch sang tiếng Việt vào tháng 7 năm 1990. Còn bản kinh Tập Yếu đã được Hoà Thượng Thích Huyền Vi dịch từ Hán văn sanh Việt văn năm 1985 với tựa đề là Yếu Nghĩa Phật Pháp và đặc biệt còn một tên nữa là luận Đại Thừa Bảo Yếu, Hoà Thượng Thích Bảo Lạc đã dịch. Lần này chúng tôi cho dịch bộ Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận này nữa là đủ 3 quyển . Như vậy quý độc giả và quý Phật Tử có cơ hội để tra cứu bằng tiếng Việt thoải mái, không phải bận tâm về những ngoại ngữ khác nữa.

Tiện đây, cũng xin phép Thầy Trí Siêu là chúng tôi đã trích Tiểu Sử của Ngài Santideva do Thầy soạn dịch rất công phu và đã đăng trong quyển Bồ Tát Hạnh xuất bản năm 1990 tại Pháp, để đăng vào trong quyển Đại Thừa

Tập Bồ Tát Học Luận này, mà tác giả là Ngài Santideva. Xin đa tạ Thầy trước.

Ví dụ trong tập thứ 32 này có “Thành Thật Luận” đã có vị dịch sang tiếng Việt rồi, chúng tôi không phải dịch lại nữa. Chúng tôi sẽ cố gắng dịch những luận nào mà lâu nay chưa có bản tiếng Việt mới dịch, để quý Phật Tử tham khảo và dĩ nhiên phải cố gắng để dịch cho xong bộ luận trong thời gian giới hạn của tuổi đời.

Từ quyển 1 cho đến quyển thứ 12 của Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận này do tôi đọc và dịch từ bản chữ Hán sang tiếng Việt và chú Thiện Tánh đánh máy. Từ quyển 13 đến quyển thứ 25 do Thầy Đồng Văn cùng phiên dịch và đánh máy tiếng Việt. Sau khi in ra lần đầu, tôi đã giáo chính lại một lần. Kế tiếp là nhờ Hòa Thượng Thích Bảo Lạc xem và giáo chính lại một lần nữa. Sau đó đem layout và trước khi in thành sách sẽ giáo chính lại một lần cuối cùng. Tuy đọc, sửa và chỉnh lời, chỉnh ý nhiều lần như vậy, nhưng chắc chắn còn rất nhiều thiếu sót vì lẽ ngôn ngữ thì vô cùng mà ý kinh, luận thì vô tận. Khi đọc kính mong quý Ngài và quý vị góp ý thêm. Xin chân thành đa tạ.

Năm 2003 vừa qua chúng tôi đã dịch tác phẩm “Đại Đường Tây Vực Ký” do Ngài Huyền Trang người Trung Hoa biên soạn và đã được chùa Pháp Bảo tại Úc cho ấn tống vào dịp lễ Phật Thành Đạo năm nay 2004 là 1000 cuốn. Đồng thời, chùa Phật Bảo ở Illinois và quý Phật tử tại Hoa Kỳ ấn tống nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu năm này (2004) 4000 cuốn. Kế tiếp là ở Đức chúng tôi đã cho ấn tống 1000 cuốn nữa. Đặc biệt ở Việt Nam cũng đã được in ra bằng cách sao chép trên bản lụa, thành nhiều ngàn bản. Như thế nhiều người sẽ được lợi lạc khi tham khảo dịch phẩm ấy.

Năm nay (2004) nhân kỳ nhập thất lần thứ 2 ở đây, chúng tôi dịch tác phẩm này của Ngài Santideva, người Ấn Độ và có nhân duyên hoằng hoá Phật Pháp nơi Tây Tạng và Phật Tử cũng như chư Tăng Tây Tạng rất có duyên với Ngài. Hy vọng cũng sẽ được các nơi kêu gọi ấn tống như thế trong năm tới, quả là tốt đẹp biết bao và sẽ lợi lạc cho nhiều người.

Cuối cùng xin được cảm ơn Hoà Thượng Thích Bảo Lạc, Viện chủ chùa Pháp Bảo, Thầy Phổ Huân, Cô Giác Trí, Cô Giác Thủy, Cô Giác Duyên, Cô Giác Anh và tất cả quý Phật tử chùa Pháp Bảo hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp đã hỗ trợ cho Thầy trò của chúng tôi nhập thất lần thứ hai trên vùng núi đồi của Tu Viện Đa Bảo này được an tâm tu học cũng như thực hiện được một

vài công việc có lợi ích cho đời sau trong công việc phiên dịch. Kính xin hồi hướng tất cả phước báo này lên Tam Bảo. Cầu nguyện cho quý vị được thành tựu trí tuệ siêu việt trong cuộc sống của ngày hôm nay và mai hậu.

Nam Mô Thường Hoan Hỷ Bồ Tát Ma Ha Tát

Dịch giả kính nguyện

Thích Như Điển

Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi

Mùa nhập thất lần thứ 2.

Ngày 12 tháng 12 năm 2004

---o0o---

Tiểu Sử Tôn Giả Santideva

Theo truyền thuyết, tôn giả Santideva sinh ở miền Nam Ấn, vùng Sri Nagara vào khoảng thế kỷ thứ 7. Ngài là Thái tử con vua Surastra.

Từ những kiếp quá khứ, Ngài đã cúng dường phụng thờ nhiều đức Phật và đã tích tụ nhiều căn lành đưa đến giải thoát. Nhờ phước đức ấy nên ngay từ lúc ấu thơ, Ngài đã nhiều lần chiêm bao thấy Văn Thù Bồ Tát. Lớn lên, đến tuổi sắp được vua cha truyền ngôi, một hôm Ngài nằm mộng thấy hai vị Bồ Tát: Văn Thù và Tara 1[1]. Bồ Tát Văn Thù ngồi trên ngai vàng, bảo Ngài rằng: “Ở đây không có chỗ cho hai người”, Bồ Tát Tara tưới nước nóng trên đầu Ngài nói rằng: “Vương quyền chính là nước sôi bỏng của địa ngục. Ta đang tấn phong cho người với nước này đây”.

Tỉnh dậy, Ngài hiểu rằng đó là sự khuyến cáo của hai vị Bồ Tát nên đêm hôm trước ngày lên ngôi, Ngài rời bỏ cung thành trốn vào rừng sâu. Sau 21 ngày lang thang trong rừng, vừa khát vừa đói, Ngài gặp được một con suối, sắp sửa định uống thì có một thiếu nữ xuất hiện bảo Ngài đừng uống vì đó là nước độc. Sau đó thiếu nữ dâng cho Ngài một thứ nước thơm như cam lồ. Giải khát xong, Ngài hỏi thiếu nữ: “Cô ở đâu đến?”.

-Thiếu nữ trả lời: “Ở giữa khu rừng mênh mông này là nơi Thầy tôi ở, Ngài rất đạo đức, từ bi và đã thành tựu phép tam muội của Văn Thù Kim Cang Sư Lợi (Sri Manjuvajra). Tôi từ đó đến đây”. Vừa nghe . như thế, tôn giả Santideva mừng rỡ như kẻ nghèo bắt được vàng, yêu cầu thiếu nữ dẫn Ngài đến gặp vị Thầy kia. Đến nơi Ngài thấy đó là một hành giả Du Già (Yogi) sống trong một chòi lá. Ngài liền đánh lễ, xưng tán cúng dường và cầu xin được truyền phép tam muội của Văn Thù Bồ Tát.

Sau 12 năm ở đó tu tập, Ngài chứng được phép tam muội trên, thấy được vị Thầy kia chính là Văn Thù và thiếu nữ kia chính là Tara.

Kể từ đó, Ngài luôn luôn được thấy Văn Thù Bồ Tát. Sau đó Ngài đi về phương đông, xin vào làm việc trong triều của vua Pancamasimha. Nhờ tài giỏi và thông minh nên Ngài được vua trọng vọng cho làm Thừa Tướng . Để tỏ lòng thành kính nhớ ơn vị thần linh thủ hộ của mình, tức Văn Thù Bồ Tát, Ngài luôn đeo trên mình một thanh kiếm gỗ.[2]

Ngài giúp vua trị vì đúng theo Phật pháp và truyền dạy nhiều kỹ nghệ mới lạ. Điều đó khiến các vị đại thần khác ganh tức, tìm cách gièm pha và hãm hại Ngài. Họ bảo vua rằng: “Thừa Tướng là một người gian xảo, luôn đeo trên mình một thanh kiếm mà không bao giờ rút ra cho ai xem cả. Chúng tôi biết thanh kiếm ấy làm bằng gỗ. Gặp lúc nguy biến làm sao Thừa Tướng có thể cứu nguy cho Bệ hạ được? Xin Bệ hạ hãy khám nghiệm lại.” Vua tin lời, cho triệu Thừa Tướng vào bắt phải rút kiếm ra khỏi vỏ cho vua xem. Thừa Tướng nói: “ Kiếm của tôi, Bệ hạ không thể nhìn được, nếu không Bệ hạ sẽ hối hận”. Nghe vậy, vua càng nghi ngờ nhất quyết đòi xem. Cuối cùng Thừa Tướng tâu: “Nếu Bệ hạ nhất quyết muốn xem thì hãy theo tôi đến chỗ vắng, lấy tay che mắt phải lại, chỉ nhìn bằng mắt trái thôi”. Vua chấp thuận và Thừa Tướng rút kiếm ra, hào quang lóe lên quá mạnh khiến con mắt trái của Vua rơi xuống đất. Vua liền ăn năn hối hận, biết Ngài là một người đặc đạo, một Đại thành tựu giả [3] nên cầu xin sám hối. Biết vua đã ăn năn, Thừa Tướng nhặt mắt trái của vua bỏ vào tròng lại khiến vua khỏi mù.

Sau đó tôn giả từ bỏ chức Thừa Tướng, tìm đến Tu viện Nalanda, xuất gia thọ giới, được đặt tên là Santideva. Sau khi nghe hết 3 tạng kinh điển, tôn giả thâm biên soạn 3 bộ luận: Siksamuccaya, Sutrasamuccaya và Bodhicaryavatara. Ngài tu mật hạnh, học trực tiếp với Văn Thù Bồ Tát trong thiền định. Tất cả thời ăn, ngủ, đi, đứng, Ngài đều thiền quán về Thanh Quang (Eussel, Clear Light). Tuy vậy chúng tăng bên ngoài thấy Ngài chỉ

ăn với ngủ không chịu văn, tư, tu gì cả. Thấy thế, một số Thượng Tọa học giả họp nhau lại định tống khứ Ngài ra khỏi tu viện. Có người cho ý kiến: “Nếu chúng ta họp lại, bắt mỗi người phải tuân tự trùng tuyên lại Kinh Luận, chắc chắn y sẽ phải tự động rút lui, rời bỏ Tu viện vì y chỉ ăn với ngủ đâu có bao giờ tu học gì”. Thế rồi đến phiên tôn giả Santideva phải trùng tuyên lại Kinh Luận, ban đầu Ngài từ chối, nói rằng không biết gì. Chúng tăng muốn làm nhục Ngài nên làm bộ nài nỉ, cuối cùng Ngài nói: “Nếu vậy phải làm cho tôi một toà sư tử [4] tôi mới trùng tuyên”. Nghe vậy có vài người đâm ra nghi ngờ, nhưng đa số chấp thuận vì tin rằng Ngài không thể trùng tuyên Kinh Luận gì được.

Sau khi lên ngôi toà sư tử. Ngài hỏi:” Các vị muốn tôi tụng lại Kinh Luận đã có từ trước hay những sáng tác mới sau này?”. Vì muốn chế giễu Ngài nên đại chúng nói: “Những sáng tác mới sau này”. Thế là Ngài bắt đầu tụng lên Bồ Tát Hạnh (Bodhisattva-carya-vatara). Khi tụng đến câu: “Khi Có và Không, không còn khởi lên trong tâm...” thì Ngài bay lên hư không rồi từ từ biến mất, nhưng tiếng của Ngài còn vọng lại cho đến câu kệ cuối cùng của Bồ Tát Hạnh. Không thấy Ngài nữa, tăng chúng hồi hận trở về phòng Ngài tìm kiếm, thấy trên bàn để lại 3 quyển : Sutrasamuccaya, Siksacamuccaya và Bodhicaryavatara. [5]

[1] Tara là hóa thân hình nữ của Quán Thế Âm, trong Phật Giáo Ấn Độ và Tây Tạng được nói đến rất nhiều. Quán Thế Âm, khi nhìn thấy chúng sinh đau khổ, Ngài nhỏ lệ từ bi và giọt lệ này rơi xuống hóa thành Tara.

[2] Văn Thù Bồ Tát, thường hiện thân, tay phải cầm kiếm trí tuệ, tay trái cầm kinh Bát Nhã.

[3] Mahasiddha: Người tu hành đặc đạo có thần thông.

[4] Simhasana: Tòa ngồi chỉ dành cho những hàng Tỳ Kheo Trưởng Lão Pháp Sư.

[5] Hai tập Siksasamuccaya (Giáo Tập Yếu) và Bodhicaryavatara (Bồ Tát Hạnh) chắc chắn tác giả là ngài Santideva, riêng tập Sutrasamuccaya, đa số các học giả đều công nhận tác giả là Ngài Long Thọ (Nagarjuna). Tiểu sử này tôi rút tĩa từ hai tài liệu History of Buddhism in India của Taranatha và La Légende de Santideva trong Indo-Iranian Journal Volume Xvi. Trong tạng luận của Tây Tạng có nói đến bộ Mdo.sde.sna.tshogs.kyi.mdo. btus.pa mà học giả Marcelle Lalou đã chuyển sang Sanskrit là Visvasutrasamuccaya,

tập này ngày nay đã bị mật tích. Theo học giả J.W. Dejong thì có lẽ hai tập này tương tựa nhau nên các sử gia Tây Tạng và luận gia Ấn Độ cùng cho tác giả cu/a Kinh Tập Yếu (Sutrasamuccaya) là Ngài Santideva. Kinh Tập Yếu đã được Hòa Thượng Linh Sơn thượng Huyền hạ Vi dịch từ Hán văn ra Việt Văn năm 1985 với tựa đề là Yếu Nghĩa Phật Pháp.

---o0o---

Quyển Thứ Nhất

Thứ tự Kinh văn số 1636

- Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Quyển thứ 32 thuộc Luận Tập Bộ Toàn từ trang 75 đến trang 144.

- Ngài Pháp Xứng (Santideva- Tịch Thiên) Bồ Tát tạo luận. Tây Thiên dịch kinh.

- Tam Tạng Ngân Thanh Quang Lục Đại Phu, Thí Quang Lục khanh Phổ Minh Từ Giác Tuyên Phạm Đại Sư, Sắc Tử Sa Môn Thần Pháp Hộ cùng với những người khác phụng chiếu dịch.

- Sa Môn Thích Như Điện, Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi bắt đầu từ ngày 16 tháng 11 năm 2004 nhân kỳ nhập thất lần thứ hai tại đây.

Tập Bồ Thí Học

(Danaparita Prathamah Paricchrdah)

---o0o---

Phẩm Thứ Nhất - Phần Thứ Nhất

Con nghe địa ngục quá đau thương

Lửa dữ vây quanh khổ nan lường

Tâm xưa chưa hề được tịch tĩnh

Nay thích nghe nhiều , gần Pháp Vương

Nghe rồi, tội ác được lìa xa

Ăn năn tội lỗi đã tạo ra

Bao nhiêu phước thiện con chưa nhận

Trong ấy ít nhiều bị xóa nhòa

Niềm vui Bồ Tát thật cao vời

Pháp Bình đẳng, chỉ Phật rõ thôi

Pháp báu khó lường, hiếm có ấy

Ai nghe con nói xin vui cười

Chủ Thành Tựu , Ba cõi đều đến

Thiên Long Bát Bộ cùng quyên thuộc

Hoặc sanh khát ngưỡng khởi tâm từ

Hoan hỷ nhận ghi lời an lạc

Như Lai, Chánh pháp và Phật Tử

Khéo vào cõi Phật mà sanh thân

Nay con chú giải lời Phật dạy

Hân hoan, kính lễ dạ chí thành

Xưa nay con chưa chú giải nhiều

Giảng, nói biện tài chẳng bao nhiêu

Cũng chưa lợi lạc cho ai cả

Chỉ chọn tâm mình, làm bạn yêu!!

Nhưng lòng luôn vui pháp Như Lai

Nuôi lớn căn lành ngày qua ngày

Tỉ như con thấy trong văn pháp

Nghĩa chưa rốt ráo, xin tỏ bày.

Luận rằng:

Muốn biết rõ ý nghĩa bậc Đại Sĩ Trượng Phu (Như Lai), chỉ trong khoảng một sát na, mà có đầy đủ những điều khó được, nếu không đặt tư duy vào cảnh giới an lạc, thì Chánh Hạnh Đẳng Giác không sao hiện hữu. Như Kinh Hoa Nghiêm (Gandavyuha-Sutra) có chép:

“Khi Đồng Tử Thiện Tài gặp Bà La Môn Thắng Nhiệt, liền nghĩ rằng: “Được thân người là khó; Thoát hiểm nạn là khó; Khỏi bị nạn là khó; Trong khoảng một sát na mà đầy đủ thanh tịnh là khó; Gặp thời Phật xuất thế là khó; Các căn đầy đủ là khó; Được nghe Phật pháp là khó; Được gặp người lành là khó; Được gặp Thiện Tri Thức chân thật là khó; Thọ trì giáo lý chân chánh như thật nghĩa là khó; Được chánh mệnh là khó”.

Luận rằng:

Nếu ai có Chánh Hạnh Chánh Biến Tri và nếu Đại Sĩ (hành giả) nào thường quán chiếu như vậy, với họ, ta nghĩ rằng, đã thoát ra khỏi sự sợ hãi khổ đau, chẳng đắm nhiễm thân này, xem thân này chẳng có gì là thù diệu!!. Với loài hữu tình, phải giữ gìn giới hạnh trọn vẹn, mới trừ được tận gốc rễ thống khổ. Ngoài ra, còn phải gieo trồng hạt nhân Bồ Đề, thực hành hạnh Diệu Lạc hy hữu, phát tâm kiên cố, đừng hủy hoại tín căn.

Kinh Bảo Quang Minh Đà La Ni (Ratnolka-Dhalani) có kệ rằng:

Tin thuận chư Phật và Phật pháp.

Cũng tin Hành đạo của Phật Tử.

Tin vào Vô Thượng Đại Bồ Đề

Từ đó, Bồ Tát bèn phát tâm
Tin là mẹ của công đức đầu
Nuôi lớn hầu hết các căn lành
Đẹp bỏ lưới nghi, khô suối ái.
Tin hay hiển lộ hạnh an nhẫn.
Tin chẳng nhiễm ô tâm thanh tịnh .
Trừ tâm ngã mạn sanh cung kính.
Tin như tay sạch giữ Nhân lành.
Bảy Thánh tài, chẳng gì hơn được.
Tin tạo tất cả niềm hỷ xả.
Nhờ Tin hoan hỷ vào Phật pháp.
Tin thường sanh ra công đức, trí.
Thông hiểu tất cả lời Phật dạy
Ánh sáng niềm tin thật tuyệt vời
Như gốc phiền não, nước tẩy trừ
Lực Tín kiên cố chẳng thể hoại.
Tín công đức Phật chỉ một thôi
Tín vẫn tương ưng, phi tương ưng
Lìa xa nhiễm trước , trong thoáng dưng
Tín giúp vượt qua bao ma cảnh

Đường đạo trang nghiêm hiện rõ ràng
Tín chẳng hủy hoại giống công đức.
Thường xuyên tăng trưởng mầm Bồ Đề.
Từ Tín mở ra cửa trí tuệ,
Bậc Giác hiện thân khắp mười phương.
Ai thường kính tín ngôi Phật Bảo
Những kẻ không học, thiếu giới...xa
Khi đã cách ly kẻ ấy rồi
Công đức của Phật mãi ngợi ca
Ai thường kính tín ngôi Pháp Bảo,
Được nghe Phật Pháp chẳng chán lia.
Khi đã nghe Pháp không chán lia,
Với Pháp, tin hiểu khó nghĩ bàn
Ai thường kính tín ngôi Tăng Bảo.
Trong chúng thanh tịnh, không thối lui
Không thối lui trước chúng thanh tịnh
Lực Tín vững vàng không lay động.
Ai có tín lực không lay động,
Được các căn lành lợi sáng trong
Liền được xa lìa các bạn ác.

Ai đã xa lìa các bạn ác,
Được thiện hữu đem Pháp nhiếp thọ.
Thiện hữu đem Pháp nhiếp thọ rồi,
Thường siêng tu tập những điều lành.
Siêng năng tu tập điều lành rồi,
Tất nhiên thành tựu nhân lực lớn
Tín giải của họ thật tuyệt vời.
Tín giải của họ đã tuyệt vời,
Liên được chư Phật thường hộ niệm.
Đã được chư Phật thường hộ niệm,
Tức liền phát khởi tâm Bồ Đề,
Khi đã phát khởi tâm Bồ Đề,
Nương công đức Phật mà tu tập.
Nương công đức Phật tu tập rồi
Liên được sanh vào nhà Như Lai.
Đã được sanh vào nhà Như Lai,
Không còn : chấp trước, không chấp trước
Vớ trước, vô trước giải thoát rồi
Niềm tin thanh tịnh, tâm sâu rộng
Được tín thanh tịnh, tâm sâu rộng,

Đạt đến cao thượng, không gì hơn.

Đạt đến cao thượng, thù thắng rồi,

Ba La Mật diệu vợi thường thực hiện

Ba La Mật diệu vợi thực hiện rồi

Liên được liễu ngộ Pháp Đại Thừa.

Khi đã liễu ngộ Pháp Đại Thừa.

Liên biết như pháp cúng dường Phật.

Nếu biết như pháp cúng dường Phật,

Liên được Niệm Phật tâm chẳng động.

Được Niệm Phật tâm chẳng động rồi,

Thường hay quán Phật chẳng thể bàn.

Thường quán Phật chẳng thể bàn rồi,

Với Phật vô sanh, vô sở trụ.

Phật vô sanh vô sở trụ rồi,

Tức biết pháp này chẳng thể diệt.

Luận rằng:

Công đức của kẻ sơ phát tín căn đó nhiều vô lượng . Chỉ xin lược mà thôi. Lại nữa, với các đời sống (sanh thân) của những loại hữu tình khác v.v...thật khó tin hiểu Pháp như thế. Ai tâm đã thuần thanh tịnh gieo trồng hạt giống phước đức, thì năng lực niềm tin đó là tư lương để chúng sanh thọ nhận phước báo, an lạc, vi diệu, cao vợi, trong mười cõi Phật với thời gian kiếp nhiều như số vi trần. Đối với Pháp như thế mà sanh tin, hiểu. Như Thập Pháp Kinh (Dasadharmasūtra) có kệ rằng:

Tin là xe tối thắng

Vận chuyển về Chánh giác.

Cho nên các niềm tin

Bậc trí phải thân cận

Ai không có tín căn

Chẳng gặp được Chánh pháp.

Ví như hạt giống lép,

Không sao sanh mầm nụ.

Lại nữa Kinh Đại Thiện Dụ nói rằng: “Lúc bấy giờ, Đức Như Lai bảo Ngài A Nan rằng: - Với Pháp Tín, ông liễu tri như thế và nên phụng hành”.

Luận rằng :

Ai có Tín trong khoảng sát na, sẽ được tín căn kiên cố, liền được tâm Bồ Đề kiên cố, có thể thọ hưởng tất cả phước báu. Như Kinh Sư Tử Vương Sở Vấn (Simha-Pariprccha) nói rằng: “Lúc bấy giờ Thái Tử Hạ Nu (Simsima Rajakaumarema Phagavan Prstah) bạch Phật rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Làm sao có thể làm cho chúng sanh ở nơi nơi xứ xứ thường được vui thích lãnh thọ các pháp?

Phật bảo:

- Muốn giải thoát cho chúng sanh, thường khiêm tốn, cung kính , phát tâm Bồ Đề. Ấy gọi là thường được vui thích lãnh thọ các pháp”.

Lại nữa Kinh Hoa Nghiêm chép rằng: “Thiện nam tử (Kulaputra) tâm Bồ Đề giống như hạt mầm, có thể sanh tất cả Phật pháp. Tâm Bồ Đề giống như ruộng tốt có thể làm cho chúng sanh trưởng dưỡng trong pháp thanh tịnh. Giống như đại địa, tất cả thế gian nương nhờ trú ở. Tâm Bồ Đề như cha lành dạy dỗ hướng dẫn các Bồ Tát ; Như Tỳ Sa Môn (Vaisravara) có thể xoá hết các bần cùng khổ cực ; Như Ngọc Ma Ni thành tựu các điều lợi lạc. Bồ Đề

Tâm giống như Hiền Nhạc (Bhadraghata) làm cho đầy đủ tất cả việc lành khó cầu được vậy; Như cái chày Độc Cổ, có thể phá vỡ tận cùng phiền não oan trái; Giống như chánh pháp có thể đoạn trừ tận những tác ý của tâm; Giống kiếm bén có thể chặt đứt tất cả ngọn ngành phiền não vậy. Bồ Đề tâm giống như búa bén, có thể chặt bỏ tất cả những thân cây khổ não; Giống như bình trượng (cây trượng của lính) có thể đề phòng các nạn dữ; Giống như cây móc có thể kéo chúng sanh ra khỏi biển khổ luân hồi; Giống như bánh xe gió có thể xua tan những đám mây đen, những sương mù trên cỏ. Bồ Đề tâm giống như Tòng Lâm (Uddana) chứa nhóm tất cả những hạnh nguyện của Bồ Tát; Như Tháp Miếu của Phật, là nơi mà tất cả thế gian Trời, người, Atula v.v... đều tôn kính. Nay Thiện nam tử! Bồ Đề tâm thành tựu vô lượng công đức thù thắng như thế!”

Luận rằng:

Vì sao lại biết các loài chúng sanh khác cũng phát tâm Bồ Đề? Trên đây chỉ mới trích dẫn những lời Phật thoại, chưa có một Kinh nào minh chứng. Như Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh (Vimalakirti-Nirveda) chép rằng: “Thân kiến (cái nhìn về thân này) khởi lên tuy lớn như núi Tu Di, cũng có thể phát khởi tâm đại Bồ Đề sanh trong Phật pháp”. Như Bảo Hiệp Kinh (Ratnakaranda-Sutra) chép rằng: Bồ Tát của các loài khác nghĩ như vậy: Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng giống như trứng chim Ca Lăng Tần Già, dù chưa nở nhưng có thể tạo ra âm thanh vi diệu. Nay Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát cũng như thế! Tuy chưa đoạn trừ ngã kiến, ra khỏi ba cõi, khỏi vô minh hoặc, mà có thể nói lên những lời nói vi diệu của chư Phật, nên gọi là âm thanh: không, vô tướng, vô nguyện, giải thoát v.v...”

Lại nữa Tỳ Thuyết Chư Pháp Kinh (Sarvadharmapravrtti-Nirveda) chép rằng: “Lúc bấy giờ Bồ Tát Thắng Huệ (Jamati) tại thành Địa Kham nhập Niết Bàn, liền được tái sanh ngay trong thành ấy. Người ở đó lấy sự tín, giải tánh Không mà đối trị vậy”. Lại nữa Nhập Định Bất Nhập Định Ấn Kinh (Niyatawara Mudra Sutra) nói rằng: Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: Vì sao gọi hành Bồ Tát như xe dê? Như có người muốn qua khỏi các thế giới nhiều như số bụi trần trong năm cõi Phật, người này cỡi xe dê lên đường đi tới. Đi được khá xa, khoảng trăm Do Thiên Na (Do Tuần) gặp một trận cuồng phong. Vì thế mà thối lui đến tám vạn Do Thiên Na. Sau đó người này ở thế giới đó, lại lên xe dê hỏi rằng cho đến bất khả thuyết, bất khả thuyết kiếp có thể vượt qua được một thế giới chăng?

Văn Thù Sư Lợi đáp rằng:

- Không thể Bạch Thế Tôn!

Phật bảo:

- Nếu bậc Đại Thừa, phát Bồ đề tâm rồi, chẳng nên thọ trì, đọc tụng giáo pháp của Thanh Văn Thừa, ở chung với các bậc Thanh Văn, tu tập Pháp Thanh Văn Thừa, tự trong thâm tâm không giảng dạy Thừa ấy cho người khác, thậm chí đã ngộ giải được trí tuệ rồi, nhưng vì duyên này đối với đạo Vô Thượng, tức liền bị thối thất. Bồ Tát này, với những gì tâm Bồ Đề đã được, huệ căn, huệ nhãn; những thứ đó đều bị phá hoại. Nay Văn Thù Sư Lợi! Ta nói đây là hành Bồ Tát như xe dê.”

Luận rằng:

Nếu Bồ Tát vui thích Pháp Đại Thừa, tin hiểu và giải rõ về tánh Không, thành tựu viên mãn về Tín, Giải và Hạnh, thì dung lượng lời dạy không ra ngoài các việc của Bồ Tát thấy như thế về Tín, Giải và Hạnh. Như Kinh Bảo Vân (Ratnamegha) chép rằng:

Nhờ tích chứa vô số pháp môn tổng trì Tam Ma Địa: thần thông, du hí, giải thoát, trí tuệ và minh giải, nên được bình đẳng vượt lên tất cả quả báo ác hạnh phàm phu ngu muội, thậm chí những quả báo không có lợi dưỡng sau này. Ở trong cõi đời khoảng thời gian một Câu Ti Kiếp (một trăm vạn) được thọ dụng những đồ vật mà tâm chẳng hề tham đắm, chẳng phân biệt, như hoa sen hiển lộ đầy đủ vẻ trang nghiêm. Lại ở trong khoảng thời gian vô lượng trăm ngàn Câu Ti Na Du Đa kiếp, được an trú nơi Pháp Đại Thừa, thấu đạt thắng nghĩa, không bị tổn giảm tư lương Phước Đức và Trí Tuệ. Với họ, xa lìa những gì tu tập trăm ngàn tương ưng trước, để Pháp Môn Công Hạnh tất cả đều được đầy đủ”.

Luận rằng:

Thế nào là liễu nghĩa? Nghĩa là bậc sơ phát tâm Bồ Đề nói trụ ở địa này. Kẻ bất liễu nghĩa chỉ có chút phần tiêu tướng (tướng rõ ràng), không còn nghi hoặc. Lời Phật dạy sánh theo Pháp môn: Tín, Giải và Hạnh, tạo thành ngôn ngữ và ý nghĩa. Trong đây, chỉ sơ lược về Tín, Giải và Hạnh vậy. Lại nữa Như Lai Bí Mật Kinh (Taghagaguhya-Sutra) chép rằng: Lúc bấy giờ vua A Xà Thế bạch Phật rằng:

-Kính bạch Đức Thế Tôn! Làm sao để phát Tâm Bồ Đề?

Phật bảo:

-Này Đại Vương! Chẳng thối thâm tâm.

Vua hỏi:

-Bạch Thế Tôn! Làm sao chẳng thối thâm tâm?

Phật bảo:

-Này Đại Vương! Thường phát khởi Đại Bi.

Vua hỏi:

-Bạch Thế Tôn! Làm sao phát khởi Đại Bi?

Phật bảo:

-Này Đại Vương! Đối với chúng sanh chẳng khởi tâm xa lìa.

Vua hỏi:

-Bạch Thế Tôn! Làm sao với chúng sanh chẳng khởi tâm xa lìa?

Phật bảo:

-Này Đại Vương! Nếu chẳng đắm trước, có niềm vui sẽ chẳng xa lìa.

Luận rằng:

Ở đây, Bồ Đề Tâm là khuyến phát Đại Bi; nghĩa là hoan hỷ, kính ái vậy. Nếu chẳng tương ưng với giáo pháp của Như Lai là kẻ chưa được xuất ly. Ai với tâm Bồ Đề thấy (chúng sanh) mà còn quở chán, người ấy chưa gọi là phát tâm Bồ Đề. Như Kinh Thập Pháp nói:

Này Thiện nam tử! Khi các vị Bồ Tát tự thể tánh phát tâm Bồ Đề liền được gặp Như Lai và các bậc Thanh Văn giáo hóa, khuyến phát A Nậu Đa La

Tam Miệu Tam Bồ Đề Tâm (Tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Đây gọi là tướng trạng hỷ lạc đầu tiên về phát tâm Bồ Đề.

Nếu nghe Bồ Đề và phát tâm Bồ Đề, liền phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây gọi là tướng trạng thứ hai về hỷ lạc phát tâm Bồ Đề.

Nếu chẳng quay lại, chẳng cầu thấy được tâm đại bi của hai loại trụ này, tiếp tục phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây gọi là tướng trạng thứ ba về hỷ lạc phát tâm Bồ Đề.

Nếu thấy các tướng của Như Lai viên mãn, liền sanh ái kính. Đây gọi là tướng trạng thứ tư phát tâm Bồ Đề.

Luận rằng:

Bồ Đề Tâm có hai loại. Một là nguyện Bồ Đề Tâm, hai là trụ Bồ Đề Tâm. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: Này Thiện nam tử! có chúng sanh ở trong cõi chúng sanh mà nguyện chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm khó được; Có chúng sanh trụ vào A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm khó được.

Luận rằng:

Một là nguyện chứng quả Phật; Hai là nguyện trụ tái sanh. Lại như Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Surangama-Sutra) chép rằng: Nhân vì một Đức Phật nào đó mà phát tâm Bồ Đề; sao lại chỉ cần làm chút ít thiện căn? Như Kinh Hiền Kiếp (Bhadrakalpika-Sutra) chép rằng: Xưa kia khi Đức Tinh Túc Vương Như Lai đối trước Thí Âm Như Lai, phát tâm Bồ Đề lần đầu, chỉ là một người chần cừ dâng lá Đam Bộ La cúng dường Phật. Đức Vô Lượng Danh Xưng Như Lai đối trước Điện Quang Như Lai, phát tâm Bồ Đề lần đầu, chỉ là người dệt áo dâng lên cúng dường Phật tâm y tốt đẹp. Diệm Quang Như Lai đối trước Vô Lượng Quang Như Lai, phát tâm Bồ Đề lần đầu, trong thành ấp nọ, chỉ lấy cỏ cây làm đuốc cúng dường Phật. Năng Thắng Như Lai đối với Kiên Cố Bộ Như Lai, phát tâm Bồ Đề lần đầu, lúc ấy chỉ dâng cây tăm xỉa răng lên cúng dường Phật. Công Đức Tràng Như Lai đối trước Diệu Cát Tường Xưng Như Lai, phát tâm Bồ Đề lần đầu, lúc ấy chỉ là người thầy thuốc dâng cúng cho Phật một trái Ambala (trái xoài).

Luận rằng:

Người sơ phát tâm Bồ Đề chưa thể viên mãn muôn hạnh, nhưng điều nhằm chán và yếm ly này có thể (giúp họ) ra khỏi luân hồi, đạt được vô lượng an lạc. Như Kinh Từ Thị Giải Thoát (Maitreyavimoksa) chép rằng: Đây Thiện nam tử! Giống như có một vật báu gọi là Kim Cang có thể đoạn trừ bản cùng khổ sở. Đây Thiện nam tử! cũng giống như thế, tâm và trí nhưt thiết có thể đoạn trừ tất cả sự khổ não trong luân hồi.

Luận rằng:

Điều cần nên biết là chỉ có phát tâm Bồ Đề mới gần quả vị giải thoát. Như Thiện Giác Kinh (Rayavavadaka-Sutra) chép rằng: Phật bảo:

-Đây Đại Vương! Nếu Ngài cho rằng trong vô số việc làm, không sao làm hết . Còn ta trong tất cả pháp hành, ta thực hành tất cả. Trong mọi nơi, mang lợi đến tất cả mọi nơi . Nghĩa là học bồ thí Ba La Mật Đa v.v... cho đến học Bát Nhã Ba La Mật Đa. Đây Đại Vương! Cho nên , đối với Tam Miệu Tam Bồ Đề, Ngài cũng phải như thế; ưa thích phát khởi niềm tin thanh tịnh, tâm nguyện tạo lợi lạc cho người, trong từng cử chỉ đi, đứng, nằm , ngồi. Lúc thức giấc, khi uống ăn, luôn luôn tùy niệm mà phát tâm một cách trọn vẹn ; quán tưởng chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác cùng các loài chúng sanh khác v.v... tích chứa bao nhiêu căn lành trong quá khứ, hiện tại và tương lai...vừa đầy lượng vừa hoà hợp, cho nên được tùy hỷ, mà sự tùy hỷ đó hiện tiền nơi mình; cho đến khắp cả hư không giới, khắp cả cảnh giới Niết bàn cũng tràn đầy tùy hỷ. Ngay cả, tùy hỷ khắp tất cả chư Phật, chư Bồ Tát, Duyên Giác, Chúng Thanh Văn để cúng dường . Rồi bình đẳng hồi hướng đến khắp tất cả chúng sanh, cho đến làm cho tất cả chúng sanh được tất cả trí biết. Tất cả đều viên mãn trong thiện pháp của chư Phật. Mỗi ngày ba lần hướng đến A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Này Đại Vương! Với chánh hạnh như thế. Ngài được gọi là Vua; chẳng tốn giảm đến ngôi vị cao quý, mà cầu hạnh Bồ Đề cũng được viên mãn. Nên gọi là phước báo.

Này Đại Vương! khi ấy, Ngài nhờ phát tâm Bồ Đề, nhờ căn lành nghiệp báo qua vô lượng vô số kiếp, có thể sanh lên cõi trời. Ở cõi Trời, có thể làm Thiên Đế Thích . Hoặc sanh về cõi người, có thể làm vua trong đời.

Này Đại Vương! Chỉ một lần phát tâm Bồ Đề năng lực thiện căn còn không có biệt nghiệp, biết đã viên mãn hoặc chưa viên mãn .

Phật bảo: Đặc biệt, này Đại Vương! chỉ một lần phát tâm Bồ Đề mà cứu độ tất cả chúng sanh, giải thoát tất cả chúng sanh, mang lại sự an ổn cho tất cả chúng sanh. Cuối cùng, khiến tất cả chúng sanh đến Niết Bàn vậy, được vô lượng vô số căn lành.

Này Đại Vương! Sao nói là trong nhiều loại công việc có thể làm hết mọi việc ư!!?

Luận rằng:

Hành tướng của Tâm Bồ Đề, như các Kinh đã nói, là sự duyên khởi trong quá khứ và trong hiện tại. Như thế, với Bồ Đề tâm nguyện, phải nhập vào địa nào Bồ Tát mới đắc giới?

Hữu bộ cho rằng: Địa thứ chín. Hư Không Tạng Kinh (Akasagarbha-Sutra) chép rằng: “Tiếng khen và lợi dưỡng là gốc tội lỗi”. Thập Địa Kinh (Dasabhumika-Sutra) chép: “Gọi là chúng Sơ Địa thì đối với lợi dưỡng không còn chút gì luyến lưu và mong đợi. Nếu có chúng sanh nào đến gặp mình còn phai cấp thí cho gấp bội nữa”.

Luận rằng:

Như đã nói, Bồ Tát vào địa vị Cực Hỷ (Hoan Hỷ Địa) chứng được Thiện Trụ và Bất Động tương ưng, cũng nói rằng, sanh vào nhà Như Lai, nhất định hướng đến thành tựu Chánh Đẳng Chánh Giác. Hư Không Tạng Kinh nói: “Thanh Văn Thừa thì không được như vậy, chỉ trừ khi vui thích Đại Thừa thôi”. Như Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn (Ugrapariprccha) chép rằng: Những Xan Tật (Phiền Nã) gọi đúng là Phược (sự trói buộc), khi tu học rốt ráo biểu hiện đã thoát khỏi “Phược” này gọi là đạt đến Cực Hỷ Địa, lìa xa ngã tướng; Ngã chấp chẳng sanh khởi nữa.

Thế nhưng, tại sao lại chấp vào tất cả các pháp tu, như cho rằng bố thí đầu, mắt v.v...?

Luận rằng:

Cứ như thế lần lượt kinh qua, khi vào Địa này rồi thì xả bỏ những biểu hiện của học xứ trước. Bồ Tát Biến Luận trong khi đề tương ứng với sự tu tập; hoặc dừng lại không cho thối lui, hoặc không nhảy vượt. Các vị Bồ Tát chưa có thể hành trì phải biết có hai loại này biến hiện khắp học xứ. Một

loại học xứ, mà không thể học cho đến thành tựu tác dụng. Dù chẳng thể tu tập nhưng cũng không tội lỗi.

Kinh Vô Tận Ý (Akasayamati-Sutra) chép rằng: Khi thực hành sự bố thí rộng rãi, dẫu xa rời giới luật thanh tịnh mà chẳng phải là lười biếng. Bởi vì trước đây chưa từng nói, cũng chẳng tích tập việc làm, như dùng thế lực để thân cận vậy. Lại nữa Kinh Thập Địa nói rằng: Phạm giới tà hạnh mà bị ô nhiễm hoặc nặng hoặc nhẹ bởi do niềm vui của tâm Bồ Đề vậy. Này Xá Lợi Tử! Bồ Tát nào giảng về Biệt Giải Thoát Giới (Budhisattva-Prapimoksa), thành tựu bốn pháp, Bồ Tát ấy đối với sự tu tập chứng được chơn thật ngữ. Này Xá Lợi Tử! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nào phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vui thích, tinh tấn, cần cầu pháp lành, tham dự nghị luận, kiên trì cấm giới, tu tập vẹn toàn pháp học của Bồ Tát. Nhờ được gần gũi với người ấy, có học giới như thế, nếu lỡ trái phạm, qua mặt, hủy báng Thầy Tổ, liền bị xấu hổ, tâm sợ hãi khởi lên, tức thì được tôn trọng thương mến và thành tựu trọn vẹn giới pháp bình đẳng như thế.

Đối với giới học của chư Phật, Như Lai hiện tiền, Bồ Tát này ưa thích Chánh Hạnh, nên được truyền trao riêng biệt. Người ấy chẳng cần thiện hữu tri thức giúp, có thể hướng trước chư Phật, Bồ Tát trong hiện tại, chuyên tâm niệm Phật hay quán tưởng, tùy theo năng lực mà xưng dương tán thán và kiên trì giữ gìn giới hạnh. Không bao giờ khinh chê tất cả chư Phật, Bồ Tát, các cõi trời, người v.v... trong mười phương.”

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ (Saddharma-Smartyupasthana-Sutra) chép rằng: “Do kém suy tư, lại hay ganh tị, không biết bố thí, chết đọa vào loài ngựa quý. Dạy người nhưng chính mình không chịu bố thí, chết đọa vào địa ngục; hưởng gì vì viên mãn vô thượng Bồ Đề mà hứa bố thí, khỏi phải đọa vào bất cứ loài nào trên thế gian”.

Như Kinh Pháp Tập (Dharmasangiti-Sutra) chép rằng: Này Thiện nam tử! Bồ Tát phải nên trọng Thật Đế. Vì sao vậy? Này Thiện nam tử! Vì tích tập Thật Đế gọi là Pháp Tập. Thiện nam tử! Vì sao gọi là Thật Đế? Vì Bồ Tát phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, có thể xả bỏ thân mệnh nhưng chẳng bỏ tâm này và chẳng lìa bỏ chúng sanh; nên gọi là Bồ Tát Thật Đế. Nếu Bồ Tát nào phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề rồi, sau đó xả bỏ tâm này, lìa bỏ chúng sanh, thì Bồ Tát ấy đại vọng ngữ. Xấu hổ vô cùng!

Lại nữa trong Kinh Hải Ý Bồ Tát Sở Vấn Tịnh Ấn Pháp Môn (Sagaramati-Sutra) Phật dạy rằng: Này Hải Ý! Như trong thế gian, Vua, và các quan muốn đến tất cả các thành ấp nơi nhân dân tụ tập để bố thí hoặc thức uống, hoặc đồ ăn, nhưng không bày ra. Họ đã dối gạt dân chúng ở đó chẳng cho một chút thức ăn uống nào cả! Những lời phẫn nộ mắng chửi to tiếng từ đó phát ra. Phật bảo: Này Hải Ý! Bồ Tát ấy cũng giống như thế. Với chúng sanh chưa độ thì phải độ, mà chẳng dùng lời nói mẫn tiệp lợi lạc để khiến họ tu; thậm chí chẳng khuyên tu đa văn, tích chứa các pháp Thiện Bồ Đề Phần. Bồ Tát ấy là kẻ đang dối gạt trời, người, như Phật đã nói ở trước, bị chư Thánh quở trách. Với bậc Trí, Đại Trí, Vô Thượng Thắng Trí, thật khó có thể đạt được. Cho nên cần phải biết. Bồ Tát chẳng nên dùng lời dối trá với tất cả trời, người trong thế gian. Lại nữa Hải Ý! Hoặc có người đến khuyên thỉnh thuyết pháp, giải nghĩa để được lợi ích, thì Bồ Tát ấy tùy thuận mà thuyết, thậm chí xả bỏ thân này tu Bồ Tát hạnh, chẳng dối gạt tất cả chúng sanh. Phải nên biết như vậy!

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận hết quyển thứ nhất.

---o0o---

Quyển Thứ Hai

(Bắt đầu dịch từ ngày 16 tháng 11 năm 2004
nhân kỳ nhập thất lần thứ hai).

Tập Bồ Thí Học
(Danaparita Prathamah Paricchrdah)

Phẩm Thứ Nhất - Phần Thứ Hai

Luận rằng:

Nên biết tự mình nỗ lực tu tập, tùy theo hành tướng, với con đường thiện cũng nên hộ trì. Như Kinh Địa Tạng Thập Luận (Kasitigarbha-Sutra) chép rằng: “Con đường mười thiện nghiệp mà Phật đã chứng quả ấy, nếu như chẳng chân thật hộ trì con đường thiện nghiệp, đến lúc mệnh chung mà tự xưng rằng: “Ta tu hạnh Đại Thừa, chân thật, ta cầu quả vị A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Thì nên biết người này là kẻ dối trá! thật là đại

vọng ngữ! Đối với trước chư Phật, Thế Tôn trong mười phương thế giới, đối gạt thế gian, giảng về Không, Chấp Đoạn, nông công ngu si. Sau khi thân hoại mạng chung, đọa vào ác thú”.

Luận rằng:

Sau khi thân hoại mệnh chung, có thể trong chốc lát, nói về sự tích chứa những việc lành và nên tu tập và tạo Phước. Như Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang (Phaisrjyaguru-Vaiduraaprapha-Sutra) chép rằng: “Nếu thấy đại tâm của chúng sanh như nghe Bồ Tát khó hành khổ hạnh và diệu thắng trí; cho đến hiểu sâu, phát đại dũng mãnh để gánh vác thay thế cho chúng sanh, chịu các khổ sở đều lễ bái cúng dường. Nói về tội cùng tùy hỷ theo phước, nên khuyên thỉnh chư Phật trụ thế thuyết pháp, cho đến hồi hướng Bồ Đề, vì thiện tri thức mà khuyên thỉnh thuyết pháp, nên biết rằng đây gọi là kẻ chỉ đường.

Như Kinh Văn Thù Sư Lợi Trang Nghiêm Phật Sát Công Đức (Manjusri-Buddhakasetragunavyuha Lamkara-Sutra) chép rằng: “Thế Tôn! Diệu Cát Tường này xưa kia có bản hạnh nhân duyên, phát tâm Bồ Đề, như pháp mà nói cho mọi người, để được ra khỏi ranh giới luân hồi, mang lại lợi ích cho chúng sanh. Với họ, ta tôn trọng sự phát tâm Bồ Đề này, hiện tại khuyên thỉnh để cho thế gian thoát khỏi sự bần cùng khổ sở, tâm phần nộ, tâm sân hận, tâm tham lam tật đố. Khi ta chứng Bồ Đề, tất cả điều ấy chẳng còn hiện khởi, thường tu phạm hạnh, thoát khỏi các tội lỗi ham muốn. Ở nơi Phật tùy theo giới học thanh tịnh, vui thích tôn trọng đối với Đại Bồ Đề, sau đó chẳng bị bệnh chấp thủ, chấp ngã. Đối với chúng sanh, một tướng chẳng khác, lúc ấy mười phương thế giới đều chưa nghe tên ta, vô lượng bất tư nghì quốc độ, hết thấy đều nghiêm tịnh. Do thân ngữ ý nghiệp thanh tịnh. Nơi các việc làm lại cũng đều thanh tịnh. Lại nữa tất cả lúc kiên trì tịnh giới, cho đến tận cùng của sanh tử chẳng có việc ác”.

Lại nữa Kinh A Xà Như Lai Bản Nguyên Thọ Ký (Aksobhya Prani Dhananuy Dana-Sutra) chép rằng: A Xà Như Lai thuở xưa lúc làm Bồ Tát bèn nói như thế này: Nếu ta đời đời kiếp kiếp chẳng xuất gia, tức là đối gạt tất cả Chư Phật Như Lai. Nay Xá Lợi Phất! Như thế Bồ Tát, đối với A Xà Như Lai lại cũng nên theo học. Lại nữa Xá Lợi Tử! Chư Đại Bồ Tát đời đời xuất gia, hoặc khi các Đức Như Lai xuất thế, hoặc chẳng xuất thế, cuối cùng đều xả bỏ gia đình để xuất gia, lại cũng học như thế. Vì sao vậy? Xá Lợi Tử! Nếu có Bồ Tát xả tục xuất gia là việc làm tối thượng, cho đến nam nữ

quyển thuộc chẳng sanh ái nhiễm, như lúc Ta ở đời, không tạo một điều lỗi nào”.

Luận rằng:

Như trên đã nói về việc cản trở. Nếu nói thì giới tội tướng cũng giống như vậy. Cho đến tội tướng cùng các việc tương tự hãy nên tự thí xả riêng ở mỗi nơi hành tướng, lại chẳng không tội. Ở nơi hành tướng riêng biệt kia rồi chẳng nhiếp thọ, mà Bồ Tát, nơi các chúng sanh ở vị lai, tất cả đều làm cho được giải thoát; tất cả điều lạc làm cho được tăng trưởng. Hoặc thân ngữ ý chẳng cần tinh tấn, phương tiện thuận thực. Ở nơi nhân duyên hợp thành chẳng vui khuyến hoá. Hoặc nơi diệt rồi chẳng cần tìm cầu. Đa phần phiền não, thiếu phần phiền não chẳng khởi lên đối trị. Nơi nghĩa lớn và nghĩa nhỏ hoặc chẳng có nghĩa, chẳng sanh tổn hại. Sát na đều bỏ, nói lời ấy là tội, lại nói không tội. Nghĩa là tự lực có thể ở nơi cảnh giới và sự việc đều ở quả báo. Hoặc chấp nơi biểu tướng thể tánh là tội, hoặc tự lực hai cảnh giới tương ưng tội vốn chẳng có; Cũng nói là tội để sánh với tướng giải thoát. Đây là Bồ Tát học nơi bình đẳng thân, quảng đại vô lượng kiếp về sau mà nói. Lại nữa lược nói Bồ Tát đây có hai loại tội: tự thành như thế đủ với tương ưng và chẳng tương ưng, có thể làm hay chẳng thể làm cả hai đều chẳng thể lia bỏ, đều có tội. Nghĩa là lời nói cứu cánh siêu xuất khỏi sự suy nghĩ như Vô Bộc Chiên Đà La cùng giải nghĩa là tội. Kia lại tại sao Kinh Thâm Tâm Giáo Huấn (Adhya Ayasamco Dana-Sutra) nói: Như Từ Thị nhân ở trong bốn loại biện tài tức là lời nói của chư Phật. Thế nào là bốn:

Một là rộng nói nghĩa, chẳng có nghĩa. Hai là trích nói điều này là chánh pháp, kia chẳng phải chánh pháp. Ba là phá tan phiền não, chẳng tăng trưởng phiền não. Bốn là vui thích đạt công đức đến Niết Bàn và chẳng vui thấy công đức trong Luân Hồi. Đây gọi là bốn loại. Điều quan trọng Đức Từ Thị nhân đây mà nói bốn loại biện tài? Nghĩa là người thiện nam, thiện nữ có lòng tin, phát sanh Phật tướng, phát luận nghị tướng, nghe pháp lành. Vì sao thế? Nghĩa là Bồ Tát Từ Thị khéo nói lời nói của chư Phật. Nếu đối với biện tài của Từ Thị mà sanh tâm phỉ báng, cho là không phải lời nói của chư Phật, chẳng tôn trọng, thì kẻ ác kia tức phỉ báng biện tài của chư Phật. Hủy báng pháp lành tức là chiêu cảm quả báo nghiệp xấu, hấn đọa vào ác thú.

Luận rằng:

Lại nữa tu tập thiện xảo phát sanh ái lạc. Trong việc làm này tập học tối thắng tác dụng, nên tu học, sẽ có quả lớn. Như Kinh Tịch Tĩnh Quyết Định

thần Biến (Prasantaviniscayapratihara-Sutra) chép rằng: “Lại nữa Văn Thù Sư Lợi! Nếu Bồ Tát nơi hằng hà sa số chư Phật, mỗi chư Phật đó có hằng hà sa số quốc độ, dùng Ngọc Ma Ni bố thí một cách tự tại trong hằng hà sa số kiếp, thì chư Bồ Tát đó đối với Pháp tướng đó mà nghe, rồi một lòng suy nghĩ nương theo tu học. Văn Thù Sư Lợi! So với kẻ vô học trước có phước báu, nếu chưa bố thí thì niềm vui muốn học ở nơi địa của Bồ Tát, phước này nhiều hơn”.

Luận rằng:

Bồ Tát chỉ thấy công đức ấy chưa nói đến việc tu tập trên đã nói. “Văn Thù Sư Lợi! Giả sử giáo hoá Tam Thiên đại thiên thế giới vi trần chúng sanh, mỗi mỗi chúng sanh được vua Diêm Phù tán thán thọ trì đọc tụng những âm thanh như Pháp mà tu hành theo kinh đại thừa, thì mỗi ngày đêm cắt thịt tay chân cho đến mệnh chung, một lòng phụng hành. Văn Thù Sư Lợi! Do nhân duyên Bồ Tát bố thí với tâm không khiếm nhược, chẳng sợ, chẳng hãi, rớt ráo một lòng phát lòng tin tưởng gần gũi, chẳng hối chẳng nghi lại chẳng phân biệt. Ở nơi đây, Chánh Pháp tối thượng nhiếp thọ tương ưng, vui đọc tụng như thế mà tu hành. Văn Thù Sư Lợi! Đây chính là tâm của Bồ Tát đồng mãnh vậy. Nghĩa là bố thí đồng mãnh, trì giới đồng mãnh, tinh tấn đồng mãnh, thiền định đồng mãnh, trí tuệ đồng mãnh, tất cả tam ma địa đồng mãnh. Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát làm cho mọi nơi người ác chẳng sanh sân tâm, hiểm tâm, lại chẳng quên mất. Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát như thế Thích Phạm Vương cũng chẳng lay động được”.

Luận rằng:

Nay đã đến lúc một lòng học hỏi quả báo lớn kia. Như trong Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội (Candrapradipa-Sutra) có kệ rằng:

“Nếu hằng hà sa nhiều ức kiếp

Cúng dường trăm ức na do Phật

Với tâm tịnh tín cúng cơm ngon

Và cúng dầu đèn cùng phan lọng

Khi chánh pháp đến thời Mạt Pháp

Lúc Phật pháp sắp hoại diệt ấy

Mỗi ngày mỗi đêm học thực hành

So với phước báo , không gì hơn “.

Luận rằng:

Cho nên phải một lòng siêng tu như trong kinh Phật nói về Bồ Tát Học Nghĩa. Như Kinh Bảo Vân chép rằng: “ Này Thiện nam tử! Bồ Tát nơi Bồ Tát học kiên trì tịnh giới. Tầm, Tứ như vậy! Nếu chẳng phải Bồ Tát đối với giới biệt giải thoát làm sao có thể đắc thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác? Lại nữa chẳng phải nơi Kinh Pháp Đại Thừa của Như Lai, làm sao dạy cho các Bồ Tát về các việc làm, huân tập cho các Bồ Tát học. Ta như thế mà quảng đại tu tập”.

Luận rằng:

Chúng ta chẳng biết nơi giảng thuyết rộng này Bồ Tát đã chế tác phải biết dừng nghĩ việc ác. Thế nào chẳng có lý do ở nơi tu tập mà chẳng mất đi. Thế nào là nơi tu tập? Nghĩa là nếu dùng trong ba đời thanh tịnh làm bao việc thanh tịnh, hộ trì chúng sanh, làm sao thanh tịnh ấy tăng trưởng. Bồ Tát lãnh thọ giới ấy rồi, nếu Bồ Tát trụ nơi tu tập nói về tội tướng.

Như trong Kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát chép rằng: “Con đường nhiếp thọ của Bồ Tát với tất cả chúng sanh làm cho diệt hết tất cả các khổ thú. Con đường của Bồ Tát nhiếp thọ an trụ nhiều vô số. Duy chỉ một sự phát tâm an ổn và tâm thân cận, đối với Bồ Tát phát tâm này phải nên biết nơi chúng sanh một lòng hướng về nhiếp thọ nhiều loại trụ xứ”. Như Luật Văn Thù Sư Lợi Thanh Tịnh chép: “Lúc bấy giờ Văn Thù Sư Lợi nói lời tịch tĩnh với Thiên Tử. Bồ Tát đầy đủ năm vô gián thì xa rời quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác . Thế nào là năm? Bồ Tát thâm sâu tác ý cầu vô thượng đạo, phát tâm chẳng rơi vào nơi chốn của Thanh Văn, Duyên Giác. Đây là sơ vô gián phát tâm, từ bỏ tất cả sở hữu, tâm keo kiệt mà chẳng cộng trụ. Đây là vô gián thứ hai. Ta nên cứu độ tất cả chúng sanh, chẳng khởi tâm xấu hổ thối lui. Đây là vô gián thứ ba. Rõ biết tất cả pháp chẳng không, chẳng có, không sanh, không diệt. Ở chỗ chẳng rơi vào thấy nghe. Đây là vô gián thứ tư. Nơi các pháp biết hoà hợp cùng tướng, như thế phát tâm vô sở trụ. Do vô sở trụ nơi tất cả trí tất chẳng sở đắc. Đây là vô gián thứ năm!”

Luận rằng:

Thân được thọ dụng phước báu chẳng đoạn dứt là ở nơi xả hộ làm cho sự thanh tịnh tăng trưởng như trong Du Già Quán Tưởng đã chép: "Sự xả bỏ tức là nhiếp phục tội lỗi. Trong quán tưởng, xa lìa tham lam. Đó là công đức của quán xả". Như trong Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội Sở Thuyết có kê

rằng:
"Thân ấy chẳng chắc thường

Kẻ ngu say đắm luôn

Chẳng biết trong thọ mệnh

Sát na như huyễn mộng

Tạo ra các nghiệp ác

Tội báo thường bám theo

Nhân ấy là vô minh

Chết đọa vào ác đạo "

Lại như Vô Lượng Đà La Ni Kinh (Anantamukha-Nirharadharani) chép rằng: "Vì sao mà chúng sanh bị cái nhân đấu tranh? Vì do sự chấp trước về tài lợi làm căn bản, nên phải thí xả. Nếu lìa tham ái, tức được Đà La Ni này".

Lại nữa Kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát chép rằng: "Lại nữa Xả Lợi Tử! Bồ Tát ở nơi tất cả pháp cực vi tế chẳng sanh nhớ nghĩ đến kia. Tại sao? Vì sợ chấp trước vậy".

Kinh Tội Thượng Thọ Sở Vấn (Ugradatta-Pariprccha) chép rằng: "Nghĩa là nếu kẻ bố thí chẳng có tâm tham tiếc keo kiệt; kẻ chấp trước hay thường chấp giữ. Lại nữa kẻ bố thí diệt hết tham ái còn kẻ chấp trước thì tăng trưởng tham ái. Kẻ bố thí chẳng có tính toán còn người chấp trước có tính toán. Kẻ bố thí chẳng sợ hãi còn người chấp trước hay sợ hãi. Kẻ bố thí ở đạo Bồ Đề còn kẻ chấp trước ở nơi cảnh giới của ma. Kẻ bố thí hay niệm tưởng vô tận còn kẻ chấp trước hay niệm tưởng có tận. Kẻ bố thí được các diệu lạc còn kẻ chấp trước thường hay bị bức bách. Kẻ bố thí hay xả ly phiền

não còn kẻ chấp trước hay tăng trưởng phiền não. Lại nữa kẻ bố thí thường được giàu có sang trọng còn kẻ chấp trước thường hay nghèo hèn. Kẻ bố thí có sự nghiệp lành còn kẻ chấp trước có bọn xấu dò la. Kẻ bố thí được chư Phật xưng tán còn kẻ chấp trước được kẻ ngu xưng tụng. Cho đến kẻ bố thí sanh con chẳng khởi sự vui đấm; chẳng như chúng sanh mà khởi tâm lân mẫn, nên nơi tự tâm có ba loại. Thế nào là ba? Một là Bồ Tát ứng hợp con đường Bồ Đề chánh giác tương ưng, chẳng ứng hợp với việc tà. Hai là Bồ Tát đối với đạo Bồ Đề khởi tâm bình đẳng, chẳng có tâm cao ngạo. Ba là Bồ tát đối với đạo Bồ Đề có vô số chủng chủng hạnh, chẳng phải chẳng có chủng chủng hạnh nào. Đây là ba loại tự tâm”.

Luận rằng:

Có nghĩa là nơi tự thân khi sanh con khởi tư tưởng không thân thiện với bạn hữu, nên chẳng có bạn lành kết thân. Nếu vì lợi ích tùy theo lời Phật dạy mà học hỏi chiêm nghiệm thêm thì nơi tự thân khi sanh con, chẳng sanh đấm nhiễm vui thú. Chẳng phải như chúng sanh mà khởi sự lân mẫn. Nên biết như thế mà phát tâm Bồ Đề, cứ như vậy mà phát khởi từ ái như ta với con mình; tức ta nơi chúng sanh lại cũng tùy thuận mà phát sanh từ ái. Quán sát sâu xa như thế giác ngộ và hiểu rõ con của ta chẳng khác với tất cả chúng sanh, nghĩa là tất cả chúng sanh đều là con của ta vậy. Tự mình cho chúng sanh hoặc kẻ khác, cho đến cư sĩ tại gia . Bồ Tát đối với tài lợi chẳng nhiếp thọ chúng sanh và cũng chẳng nên đấm trước. Chẳng phải pháp xuất ly, lại chẳng nên ái lạc tùy thuận nhiễm dục. Lại nữa, tại gia Bồ tát nếu có kẻ đến xin ăn, tùy theo hoàn cảnh mà phát tâm đồng mãnh để bố thí cho họ. Lại nữa nên nghĩ rằng: Tài lợi này của ta nếu xả hay chẳng xả, cuối cùng cũng cũng sẽ tiêu hủy, miễn làm sao nơi xả thọ mà được vô dục. Nghĩa là ngã và ngã sở (Cái ta và cái thuộc về ta) được cứu cánh nhẵn. Ở nơi xả bỏ vật kia, lìa thai tạng khổ. Tâm trụ nơi chánh niệm , hoan hỷ nơi ái lạc, chẳng sanh niệm chuyên đổi.

Lại nữa hay xả như thế, nghĩa là vật xả cùng thức ăn kia nên biết có bốn loại tướng. Những gì là bốn? - Nghĩa là chẳng yếu hèn, chẳng chịu thuận thực thiện căn, tạo tất cả các nghiệp trước. Nơi Đại Thừa tâm chẳng tự tại thấy có chấp thủ và buông xả vậy. Lại nữa nếu những gì của ta và thuộc về ta như lực dẫn tự tại, chính ta và người lành khác chẳng khởi hối tiếc, cứ như thế mà tu tập, siêng năng, tinh tấn, đầy đủ nơi tất cả chúng sanh, khó tìm cầu vậy. Như thế tại gia Bồ tát đối với việc xin ăn kia, nên tưởng nghĩ như vậy; ngược lại, kẻ xin ăn càng tăng thêm sự mát mát, thì Bồ Tát nên dùng lời nói lành để an ủi phủ dụ. Lại nữa kẻ xin ăn chẳng biết suy nghĩ Bồ Tát lại chẳng

khởi tâm keo kiệt. Đây là điều chẳng có tội. Điều này Đức Thế Tôn đã dạy những Bồ Tát sơ cơ. Như trong Bồ Tát Biệt Giải Thoát chép rằng:”Này Xá Lợi Tử! Bồ Tát chẳng nên có bốn pháp. Thế nào là bốn? Một là Bồ Tát chẳng phải chẳng có tín tâm. Hai là Bồ Tát không có xan tham. Ba là Bồ Tát không có hai lưỡi đố kỵ. Bốn là Bồ Tát không có tâm giải đãi. Nghĩa là ta chẳng thể thành quả vị Vô Thượng Bồ Đề . Này Xá Lợi Tử! Nếu ta có bốn pháp ấy mà kẻ trí nơi đây biết rõ liền dùng tà mệnh yếm cầu phi pháp, nhiễm pháp sâu nặng trong đời về tài vật, thì điều thứ nhất tham ăn của tín thí. Lại nữa Xá Lợi Tử! Bồ Tát có tâm xả thí đồng mãnh như thế cho đến đầu , mắt ,tay, chân , từng phần thân thể của nam nữ quyến thuộc có tâm vui thích say đắm nhà cửa, quốc ấp, tất cả sở hữu, hẳn nhiên nên xả bỏ”.

Lại như Kinh Na La Diên Sở Vấn (Narayana-Parprccha) chép rằng: “ Nếu đối với tài bảo phát tâm xả như thế, nên biết với tài lợi chẳng sanh thủ trước, rồi xả bỏ mà chưa biết khởi lên, hoặc đối với sự nhiếp thọ chẳng khởi tâm xả. Nghĩa là chẳng nhiếp thọ lại thường chấp trước. Hoặc tùy theo kẻ ăn uống nhiếp thọ ý nghĩa mà khát sanh sự hiểu biết vậy. Đối với quyến thuộc lại chẳng chấp trước. Tội thượng tôn sùng lại chẳng chấp trước. Thọ dụng trân bảo lại chẳng chấp trước. Thế mà Bồ Tát đối với tài lợi chẳng khởi tâm xả, cho đến những phần nhỏ nhất nhất mà còn chấp trước. Lại nữa Thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát cũng nên phát tâm, nghĩa là từng phần thân thể của mình còn nên thí xả cho các chúng sanh, hà huống sở hữu những nột tài vật riêng. Lại nữa nếu đối với chúng sanh mà xả thí tất cả được như thế. Nghĩa là có kẻ đến khát thực xin ta cho tay, chân, thì liền cho tay, cho chân, xin mắt cho mắt. Cho đến da thịt máu huyết cả thân phần mình, tùy mỗi mỗi mà cho.”

Thế nào gọi là ngoại tài đầy đủ?

Nghĩa là nếu trong nhà kho có đồ vật như vàng, bạc, trân bảo đẹp đẽ trang nghiêm, xe voi, xe ngựa, quốc thổ cung điện, thành ấp tụ lạc cho đến nhân dân, kẻ làm việc sĩ phu nam nữ quyến thuộc. Nếu chúng sanh sở hữu những vật sở hữu, ta sẽ cho họ mà chẳng sanh phiền não, cũng chẳng hối tiếc. Chẳng mong quả báo hoặc muốn nịnh hót giả dối. Lại nữa ta đối với kẻ thí này tùy thuận với tất cả chúng sanh vậy. Thương chúng sanh , làm lợi lạc tất cả chúng sanh. Nhiếp thọ chúng sanh như ta nhiếp thọ biết pháp như thế được Bồ Đề, là điều quan trọng. Này Thiện nam tử! Giống như cây thuốc, rễ, thân , cành, lá hoa quả vỏ cây, toàn thể từng phần tùy theo kẻ lấy chẳng phân biệt. Lại nữa chỉ làm sao cho chúng sanh thoát khỏi bệnh khổ là được. Lại chẳng phân biệt tánh thượng trung hạ. Này Thiện nam tử! Đại Bồ Tát lại

cũng như vậy; nên biết bốn loại lớn của thân sanh ra cây thuốc , mà ở nơi kia có thể làm lợi lạc cho chúng sanh. Xin tay cho tay, xin chân cho chân. Tùy theo đó lấy như cây thuốc đã nói trên kia chẳng sanh tâm phân biệt”.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận hết quyển hai

---o0o---

Quyển Thứ Ba

Thứ tự Kinh văn số 1636.
bắt đầu dịch từ ngày 17 tháng 11 năm 2004
nhân kỳ nhập thất lần thứ hai.

Tập Bồ Thí Học

(Danaparita Prathamah Paricchrdah)

Phẩm Thứ Nhất - Phần Thứ Ba

Như Phật đã nói trong Kinh Vô Tận Ý Rằng: “Bồ Tát phải quán tự thân nơi chúng sanh nên làm những gì? Nghĩa là bốn đại, đất, nước, lửa, gió đều có nhiều loại, nhiều cửa tạo nên những quyển thuộc của chúng . Nhiều loại khí giới cùng nhiều loại thọ dụng. Tùy theo chúng sanh làm hoặc tất cả hoặc từng phần. Cho nên thân này của ta do tứ đại tập hợp cũng như vậy. Có rất nhiều cửa, nhiều chỗ tạo tác với nhiều loại lệ thuộc, nhiều khí cụ, nhiều loại thọ dụng. Ở nơi chúng sanh làm chỗ nương tựa to lớn như thế mà quan sát làm lợi ích chúng sanh. Có thân là có khổ, chẳng sanh mệt nhọc”.

Luận rằng:

Bồ phước thọ dụng. Như Kinh Kim Cang Tràng (Vajradhvaja-Sutra) nói rằng: “Bồ Tát dùng nhiều loại bố thí khắp mười phương vô lượng kẻ bần cùng khốn khổ, mà kẻ thọ thí, tin nơi việc làm của Bồ Tát, nghe nơi âm thanh của Bồ Tát và duyên vào lời nói của Bồ Tát. Tất cả đều đến để Bồ Tát bố thí như trước đã thệ nguyện. Do nghe tâm sở nguyện của Bồ Tát nói rằng tất cả sự xả thí, ý hoan hỷ chẳng buồn, làm cho tâm của kẻ xin được đầy đủ. Tùy theo kẻ đến mà phát tâm sám hối tạ lỗi”. Như có kệ rằng:

Ta nên đón họ thí.

Người biết khó thể được.

Họ từ phương xa lại.

Chẳng có khổ nhọc sao?

Như thế nơi kẻ xin kia cúi đầu lễ kính sám tạ và vui vẻ. Tắm rửa thân thể bày chỗ ngồi, rồi như thế liền cho tất cả. Hoặc xe trân quý; hoặc trong Diêm Phủ Đền các đồ quý của nữ nhân đầy đủ. Hoặc cho xe vàng có người hộ vệ cùng các người nữ thanh tịnh đầy đủ. Hoặc xe bằng lưu ly tối thượng đẹp đẽ, có ca vịnh âm nhạc ca xướng đầy đủ. Hoặc xe trang hoàng ở bốn mặt hiện ra bốn người nữ, cầm những đồ trang sức đẹp khó sánh cũng đầy đủ như trước đã nói. Hoặc xe chung hoa chất lên đó các đồ quý dùng voi trắng kéo, voi được trang sức lông lẫy. Những vật này gọi là bảo luân tướng và xa tướng. Lại nữa bên trên đó có để những toà quý hình sư tử cho đến thiết lập những bảo cái che bên trên, trang nghiêm đẹp đẽ vây bọc chung quanh. Bốn bên đều có tràng phan và đốt các loại hương, tỏa những mùi thơm ngát. Rải các loại hoa quý đẹp đẽ trang nghiêm khắp nơi. Lại nữa bên trên ấy còn có trăm ngàn kỹ nữ múa hát, cùng với kẻ kia hòa hợp tốt đẹp, nhịp nhàng chẳng loạn, cho đến các mùi hương cũng biến khắp hòa hợp. Duy chỉ do nghe mùi hương này mà ý vui đệ nhất, làm cho nam nữ kia đều hòa thích ứng. Lại như nói, vì các chúng sanh mà bỏ thân này, vâng lời chư Phật mà nhiếp thọ cho. Hoặc bỏ ngôi vị Chuyển Luân Vương, quốc thành cung điện, tất cả đều đẹp đẽ trang nghiêm. Như vậy xả bỏ những quyền thuộc nam nữ, vợ con nhà cửa dân chúng này, cho đến toàn thể hoặc một phần ta cũng đều thí cho. Như thế đồ ăn uống, mùi vị mà Bồ Tát cũng xả bỏ những thức ăn ngon, đắng, chua, lạt...biến thành những loại mềm nhuyễn đều thích ứng cho thân tâm an ổn sức lực. Cho đến các nơi khác cùng những tật bệnh, đều làm cho được an lạc. Như thế đèn được đốt sáng, bột hương, trầm hương, hoa, lọng, y phục, sàng toà, hương án, phòng xá, chỗ nằm, bệnh duyên, y dược, mà Bồ Tát tùy theo đây để cung cấp. Cho đến nói rộng ra nhiều loại khí cụ khác, nghĩa là vô lượng vô số vàng bạc đồng kẽm theo đầy đủ các loại trân bảo, đem dâng cúng lên đức Thế Tôn khởi tâm bất khả tư nghì tôn trọng tin hiểu rõ. Hoặc thí Bồ Tát thiện tri thức cùng với việc phát tâm hy hữu. Hoặc thí chỗ ở cho Phật, dạy tất cả Thánh chúng Thanh Văn, Duyên Giác, chúng sanh phát tâm thanh tịnh. Hoặc thí cho cha mẹ cùng A Xà Lê cho đến các bậc sư trưởng, phát khởi tâm tôn trọng thân cận thừa sự cầu học. Hoặc

thí cho kẻ bần cùng khốn khổ. Đối với chúng sanh có tâm vô ngại nhĩn, phát lòng từ mẫn. Điều quan yếu, nếu Bồ Tát vui thí xe cộ voi ngựa cao lớn để cưỡi, sáu ngà đầy đủ, mặt mũi thanh tịnh đẹp đẽ như màu hoa sen. Trên thân được trang sức bởi những dây màu vàng, cùng nhiều loại đồ quý báu khác nhau. Trên ngà được bao bởi những màu vàng quý giá đi hàng ngàn Do tuần để quan sát mà không mỏi mệt. Nếu thí xe ngựa, đi theo bốn phương từng bước bình thân đoan chánh. Thân được an ổn bình yên, từ việc uống ăn đầy đủ như trang nghiêm ở cõi trời. Thí trăm ngàn thứ như thế hoặc bố thí trang trọng, đến các thiện tri thức cha mẹ thầy tổ cho đến những kẻ bần cùng khốn khổ; cho đến tất cả thế gian đều có thể nhận lãnh của thí này. Tâm không keo kiệt lại chẳng chấp trước, đại bi đại xả, thân tâm của Bồ Tát thanh tịnh, phát vô lượng công đức như thế. Cho đến Bồ tát hoặc bố thí giường tòa, nghĩa là chỗ ngồi của vua chúa bằng lưu ly, trang sức những của báu như ngồi trên tòa sư tử. Những sợi dây vàng chỗ chỗ được thông xuống, mềm nhuyễn bao bọc chung quanh vô cùng nghiêm túc. Xông lên các mùi hương báu. Dùng Đại Châu Ma Ni để kiến tạo những tràng phan cao vợi. Vô lượng trăm ngàn kiếp, Na Do Tha đồ quý báu dùng để trang sức. Nơi những võng quý ấy, mỗi mỗi võng đều có treo linh báu, hương thơm của gió làm dao động phát ra những âm thanh hòa nhã. Hoặc thí những chỗ ngồi cao ngất, vô số lọng bao che trùm cả đại địa. Tất cả Quốc Vương, Đại Tự Tại Vương ngồi nơi ấy để làm lễ quán đảnh. Cùng với chỗ ngồi ấy được vô ngại luân, ra lệnh cho các tiểu Vương tùy theo sắc lệnh phụng hành. Như thế cho đến Bồ Tát thí những đại bảo cái lại cũng dùng những của quý báu để trang sức. Nào dây treo chuông báu, lưới báu sà xuống quá tay. Lại nữa ở chung quanh được trang trí bằng lưu ly bảo, Mạc Ni v.v...được kết thành những lâu các tuyệt đẹp. Lại nữa ở nơi những võng lưới ấy phát ra những âm thanh vi diệu hiếm có từ cõi trời, thanh tịnh hòa nhã trang nghiêm với những đèn quý; số trăm ngàn như thế được kết hợp thành. Lại nữa chung quanh được vây bọc vô số mùi hương thơm như chiên đàn trầm thủy cùng với trăm ngàn vô số các thứ hương vi diệu như thế. Lại có những bảo cái đẹp đẽ như Diêm Phù Đàn màu sắc vàng tụ lại. Lại ở nơi vô lượng trăm ngàn kiếp na do tha được phát trang sức mà thành. Như thế có vô lượng trăm ngàn Cu Thi Na Do Tha bảo cái, mà tâm bố thí ấy, những người kia lại xin đến ở trước mặt, tùy theo đó mà cung cấp, bố thí chân thật.

Sau khi chư Phật diệt độ dùng trang nghiêm tháp miếu. Hoặc thí cầu pháp Bồ Tát cùng thiện tri thức cho hiện sanh Bồ Tát pháp sư. Hoặc cha mẹ, Tăng Bảo cung phụng lời dạy của Phật cho đến tất cả có thể thọ thí. Tất cả ở đây hồi hướng đến những thiện căn. Như ở đây tối sơ có những việc lành đều nên thân cận. Phát những lời nguyện như thế, nói những căn lành này.

Ở nơi thế gian thường được chỗ ăn ở. Nơi pháp thanh tịnh thường được chánh tự tại. Nếu các chúng sanh ở nơi căn lành này thì quả báo của địa ngục đều được trừ diệt. Súc sanh Diêm Ma Na Giới tức các cảnh khổ tự lại. Như thế đều hồi hướng thiện căn đến nơi kia. Ở nơi ta thiện căn lại cũng được như vậy. Phòng xá chỗ ở nguyện cùng với tất cả chúng sanh hết các khổ tự hợp, gặp được những sự cứu giúp.

Nguyện cùng với tất cả chúng sanh thoát khỏi những phiền não, gặp được chỗ nương tựa. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh lia khỏi những chỗ sợ hãi. Nếu đi và lúc đến nguyện cùng với tất cả chúng sanh đều đến với tất cả nơi. Nếu lúc đối hướng nguyện cùng với tất cả chúng sanh được cứu cánh nhân. Khi thấy ánh sáng nguyện cùng với tất cả chúng sanh được trí tuệ chẳng tối. Gặp được ánh sáng chói lòa, nguyện cùng với tất cả chúng sanh phá trừ vô minh u ám. Lúc gặp được đèn đuốc, nguyện cùng với tất cả chúng sanh được cứu cánh thanh tịnh ở yên. Gặp khi mạnh mẽ nguyện cùng với tất cả chúng sanh ở nơi bất tư nghi pháp thâm nhập vào chánh lý. Khi gặp dừng tướng, nguyện cùng với tất cả chúng sanh được vô ngại trí che chở. Cho đến lời nói chẳng hư dối, ý nguyện sâu xa hồi hướng đến cảnh giới mà tâm hồi hướng đến như tâm hoan hỷ hồi hướng. Tâm cực hoan hỷ hồi hướng, tâm nhu nhuyễn hồi hướng, tâm đại bi hồi hướng, tâm ái lạc hồi hướng, tâm nhiếp thọ hồi hướng, tâm thủ hộ hồi hướng, tâm an ổn hồi hướng. Cứ như thế hồi hướng. Lại nữa ta cùng với thiện căn này nguyện cùng với tất cả chúng sanh được thành tựu vào chỗ thanh tịnh. Được thành tựu sanh vào chỗ thanh tịnh, được thành tựu có phước tướng thân đoan nghiêm thanh tịnh, được thành tựu chẳng tổn hại, được thành tựu bố thí lớn, được thành tựu tâm lâu dài, được thành tựu chẳng thất niệm, được thành tựu thông đạt huệ giải, được thành tựu vô lượng giác ngộ và được thành tựu thân nghiệp, ý nghiệp tất cả công đức đoan nghiêm viên mãn.

Lại nữa vô lượng căn lành cùng với tất cả chúng sanh cúng dường chư Phật. Do sự cúng dường này mà được vô tổn giảm. Ở nơi Phật Thế Tôn, hồi cải những tội ác, gần gũi Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, nghe nói pháp, nghe rồi lìa những nghi hoặc. Như thế nghe, thọ trì mà liên tục đầy đủ chánh hạnh. Do sự cúng dường Như Lai nên được thành tựu sự nghiệp. Tâm siêng tu tập, không có những tội ác. Lại ở nơi ta trồng được căn lành này rồi, cứu cánh được khỏi những bản cùng, ở nơi bảy thánh tài đều được đầy đủ. Theo chư Phật để học, để được thắng thiện căn, làm cho có thể thành tựu to lớn việc tín giải và nhập vào tất cả trí tri. Ở nơi các thế gian làm con mắt vô ngại. Thân đầy đủ tướng trang nghiêm thanh tịnh nhiếp thọ tất cả công đức. Lời nói trang nghiêm cho nên thành tựu tất cả các căn. Mười lực

làm cho tâm phân biệt chỗ tích chứa. Ở nơi dạo chơi dừng nghỉ đi đứng không nơi nào mà chẳng đầy đủ. Lại nữa chư Như Lai thành tựu những nơi diệu lạc. Nguyên với tất cả chúng sanh lại được điều như vậy, như trong nghi quỹ của sáu mươi việc hồi hướng đã nói. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh rộng được chỗ hiểu biết ăn uống . Chẳng nên ăn với tâm hiểu biết khắp cùng, quyết định chẳng chọn lựa, chẳng ăn vui, chẳng ăn thịt. Cho đến chẳng sanh ái dục. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh như mây giáng mưa được pháp thuần một vị. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh được các thượng vị. Đối với pháp tối cao, vui đến sung hỷ. Tất cả Phật Pháp cực thiện tư duy, chẳng sanh chấp tướng . Nghĩa là chẳng phá hoại các thừa như Tối Thượng Thừa, Tối Thắng Thừa, Viễn Tập Thừa, Đại Lực Thừa v.v...nguyên cùng với tất cả chúng sanh vui thấy chư Phật được chẳng đầy đủ . Nguyên cùng với tất cả chúng sanh thấy thiện tri thức được vô gián đoạn. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh thấy vô độc dược. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh tiêu trừ phiền não. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh thấy mặt trời thanh tịnh. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh phá tan màu đen, tùy theo đó mà nói. Như thế thân tướng chiếu rọi, tự tánh cùng với chúng sanh, thấy tánh quang minh, chẳng thấy nào hại, toàn là tịch diệt. Hiền thiện ái lạc hy vọng cực hỷ đều tề nghệ nơi Phật. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh đầy đủ giới hương ở nơi Bồ Tát Ba La Mật Đa giới mà chẳng hủy báng. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh huân tu bố thí, xả bỏ tất cả. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh huân tu nhẫn nhục, được tâm bất động. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh huân tu tinh tấn phá trừ giải đãi. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh huân tu tĩnh lự (thiền định) nương vào hiện tại Phật tiền mà được Tam Ma Địa.

Nguyên cùng với tất cả chúng sanh huân tu Bồ Tát hồi hướng . Nguyên cùng với tất cả chúng sanh huân tu tất cả pháp lành, giải thoát những pháp bất thiện. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh rộng được những đồ của chư Thiên. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh khởi đại trí hạnh, rộng những đồ của bậc thánh. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh ở nơi tâm Bồ Đề huân tập những loại sanh khác được những đồ diệu lạc. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh lìa khỏi luân hồi, hành khổ, được đầy đủ tư lương an ổn. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh được ở nơi thanh tịnh Phật quốc độ, chứng được các pháp. Nghĩa là công đức trụ, tương ưng trụ; rộng khắp chẳng động tối thượng như Thập Trụ. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh được gần gũi Phật để đi cùng. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh được vô lượng ánh sáng chiếu khắp Phật Pháp . Nguyên cùng với tất cả chúng sanh được ánh sáng vô ngại, mà mỗi ánh sáng có thể chiếu các pháp giới. Nguyên cùng với tất cả chúng sanh được thân an lạc giống như thân của Như Lai.

Nguyện cùng với tất cả chúng sanh giống như Dược Vương cứu cánh có thể riêng biệt lý luận. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh giống như cây thuốc, được chẳng tổn hại. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh như Thầy thuốc giỏi trong đời diệt trừ tất cả các bệnh, được tất cả trí đến nơi an lạc. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh vì đời làm thuốc hay như tâm sâu dày này để cứu chữa thọ mệnh hoà hợp. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh trừ được những bệnh não. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh được thân nhiều thể lực. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh được giống như núi Luân Vi. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh được vô hạn lượng khí cho đến hư không giới rộng khắp niệm căn, thể và xuất thế gian tất cả lời nói đều phô nhiếp, lưu giữ, không thể quên mất. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh được tịnh khí lành, liễu ngộ ba đời chư Phật, phân biệt thanh tịnh chẳng có chấp trước. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh ở nơi lòng mong muốn được tất cả nơi nơi thực hành trên đất Phật. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh, ở nơi tất cả chúng sanh được tâm vô tổn hại.

Nguyện cùng với tất cả chúng sanh trong mỗi sát na tâm đều duyên vào các pháp giới để nghinh tiếp tất cả thế giới chẳng mệt chẳng nhọc. Do chẳng mệt nhọc nên được thần thông luân. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh được diệu lạc hạnh, cùng với chư vị Bồ Tát nghinh tiếp đi đến đạo tràng. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh ở nơi thiện tri thức và vô lượng căn lành được tâm chẳng xa rời. Tri ân báo ân tùy theo đó thường gìn giữ. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh cùng thiện tri thức đều được lợi lạc. . Nguyện cùng với tất cả chúng sanh thâm tâm hoan hỷ, chỉ nhiếp thọ việc lành cùng thiện tri thức an lạc, cùng ở theo đó mà tu tập phước lành. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh ở nơi thiện tri thức đều được nghiệp báo với căn lành thanh tịnh cùng một đại nguyện. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh trụ nơi hạnh nguyện Đại Thừa vĩnh viễn xa lìa chỗ u ám. Ở nơi tất cả trí được vô cùng tận. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh sâu trồng thiện căn vì các đức Như Lai mà giữ gìn. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh thường hay hộ trì trí đức, giải thoát thế gian tất cả những nhiễm hoặc. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh đầy đủ pháp thanh tịnh chẳng khởi tán loạn. Đối với Phật pháp được hạnh bất hoại. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh được thập lực che chở cho tất cả. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh được tâm sâu lắng cứu cánh hiểu biết. Nguyện cùng với tất cả chúng sanh ngồi nơi tòa Sư Tử được thần thông Phật. Đối với tất cả thế gian như thế mà quan sát. Lại trong Kinh Hư Không Tạng chép rằng: “Nay vốn tích chứa thiện căn, pháp trí thiện xảo không có gì mà không cùng với các chúng sanh nương vào để ở”.

Luận rằng:

Xả bỏ những thọ dụng trong quá khứ và vị lai . Như Kinh Vô Tận Ý nói: “Nếu thiện tâm, tâm sở pháp, niệm niệm đều hồi hướng đến Bồ Đề, đều là thiện xảo. Nếu vị lai thiện căn quyết định Bồ Đề thì hiện tiền ở nơi các sự nghiệp đều khởi thiện tâm. Tất cả đều dùng để hồi hướng đến A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.

Luận rằng:

Như thế tâm, tâm sở pháp tu tập, tín giải đầy đủ tất cả xả thí. Lại tâm sở hạnh cùng với thân phương tiện xả bỏ những nghiệp thọ. Ở đây nói nghiệp thọ tức là giải thoát những căn bản khổ của tam hữu (ba cõi), ở trong đó vô lượng A Tăng Kỳ Kiếp tạo tác nhiều loại; nên làm cho ở đời và xuất thế gian có vô lượng niệm vui, mà ở nơi thân tự nhiên như ý thọ dụng. Ta nên lấy tài lợi cứu chúng sanh đến nơi bờ bên kia. Bồ Tát đối với đạo Bồ Đề, bố thí như trong Kinh Bảo Vân đã nói.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận hết quyển ba

---o0o---

Quyển Thứ Tư

- Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Thứ Tự Kinh văn số 1636. Quyển thứ 32 thuộc Luận tập bộ toàn từ trang 75 đến trang 144.
- Ngài Pháp Xứng (Santideva-Tịch Thiên) Bồ Tát tạo luận. Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng Ngân Thanh Quang Lục Đại Phu, Thi Quang Lục Khanh Phổ Minh Từ Giác Tuyên Phạm Đại Sư, Sắc Tử Sa Môn Thần Pháp Hộ cùng với những người khác phụng chiếu dịch.
- Sa Môn Thích Như Điện , Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi, bắt đầu dịch từ ngày 17 tháng 11 năm 2004 nhân kỳ nhập thất lần thứ hai tại đây.

Hộ Trì Chánh Pháp Giới

(Silaparamitajam Saddharma-Parigraho

Nama Dvitiyah Paricchedah)

Phẩm Thứ Hai - Phần Thứ Nhất

Luận rằng:

Người này đối với thân tuy đã xả; nhưng sao gọi là Hộ? Nghĩa là nếu tự thọ dụng những thí nơi chúng sanh, tại sao gọi là thọ dụng mà gọi là thí? Nếu không thọ dụng lại chẳng thủ hộ; cho nên hộ là hộ tự thân và thọ dụng là vì lợi ích chúng sanh.

Kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát chép rằng: “Này Xá Lợi Tử! Nên biết hộ trì người khác tức là hộ trì chính mình. Này Xá Lợi Tử! Những hành tướng như thế, nếu Bồ Tát thành tựu sự hộ trì người khác, giả sử phải bị mất mạng, đối với ta, nghiệp này tất chẳng sao!”.

Lại nữa trong Kinh Vô Ý Thọ Sở Vấn (Veradatta-Tariprecha) chép rằng: “Cùng giống như xe lớn chở thật nặng. Chỉ có người trí mới hiểu pháp này”. Kinh Vô Tận Ý cũng nói như thế. “Vì hộ trì các chúng sanh mà giả cho thân này có khổ sở, cũng chẳng sanh mệt nhọc; huống gì lại xả bỏ thiện tri thức sao?”

Cho nên Kinh Hoa Nghiêm chép rằng: “Này Thiện nam tử! Bồ Tát do nhờ Thiện tri thức giữ gìn mà chẳng rơi vào nơi cõi ác. Nhờ thiện tri thức đầy đủ siêu việt các Bồ Tát học xứ. Nhờ thiện tri thức dạy dỗ chỉ bày mà ra khỏi thế gian. Nhờ thiện tri thức mà được gần gũi Bồ Tát, chẳng quên mất chánh hạnh. Nhờ thiện tri thức mà được nhiếp thọ Bồ Tát tất cả hy hữu chánh hạnh vậy. Nhờ thiện tri thức nương vào nơi con đường chánh giác trừ nghiệp chướng hoặc ra khỏi thành sanh tử để đến nơi thanh tịnh. Này Thiện nam tử! do vậy thân cận thừa sự kẻ thiện tri thức nên như thế mà làm. Nghĩa là tâm như đất chứa đựng tất cả mà không mệt nhọc. Tâm như Kim Cang, chí nguyện chẳng thể hư hoại. Tâm như Luân Vi Sơn, dầu gặp những việc khổ cùng, không lay động được. Tâm như kẻ nô bộc tùy theo các việc làm mà chẳng thối thác. Tâm như người làm thuê phải rửa những đồ dơ ứ, lia sự kiêu mạn. Tâm như xe lớn vận chuyển đồ nặng đến nơi xa chẳng bị hư hoại. Tâm như ngựa tốt chẳng bạo ác. Tâm như chiếc thuyền tới lui chẳng mệt. Tâm như người con hiếu thảo đối với các thân nhân đều có hình dung thuận ý. Lại nữa Thiện nam tử! Nên nơi tự thân mà khởi tướng bệnh khổ, nơi thiện tri thức mà khởi tướng thầy thuốc giỏi. Tùy theo sự dạy dỗ làm cho tưởng nhớ đến thuốc hay. Hay tu chánh hạnh trừ được những bệnh tướng.

Lại nữa Thiện nam tử! Nên đối với tự thân tướng làm chuyện sợ hãi. Ở nơi thiện tri thức tướng làm dũng kiện. Tùy theo sự dạy dỗ tướng làm binh khí. Tu theo chánh hành tướng việc phá oán”.

Lại nữa Giải Thoát Quán Ưu Bà Di Kinh (Vacanopasi-kavimoksa) chép rằng:” Nay Thiện nam tử! Bồ Tát đối với thiện tri thức tùy theo sự dạy dỗ làm cho mong muốn cúng dường chư Phật Thế Tôn. Bồ Tát đối với thiện tri thức chẳng nói sai nghịch, được gần tất cả trí, đối với thiện tri thức nói lời chẳng gây gổ. Được gần gũi thiện tri thức chẳng lia tác ý. Hiện tại được lợi ích. Lại nữa như Thiện Tài dùng tràng phan nghinh đón Tỳ Kheo, đầu mặt lễ chân, đi nhiều bên phải trăm ngàn lần rồi đứng về một bên. Lúc ấy Kiên Cố Tràng Tỳ Kheo quan sát lễ kính, rồi thành thật quan sát, lại cũng phải lễ bái. Như thế tư duy xem xét xong rồi hỏi từ đâu đến mà làm tướng này. Ở hiện tại công đức làm lợi ích, cần niệm kiên cố vô lượng hạnh nguyện. Chẳng bỏ ý niệm hy vọng thấy tướng cùng giữ gìn âm thanh, cho đến làm lễ rồi lui. Như việc nghinh tiếp thiện tri thức này, thấy tất cả trí đều buồn mà rơi lệ. Rồi đến nơi Tỳ Kheo Hải Vân làm lễ mà lui”.

Lại nữa Kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát chép rằng:” Nay Xá Lợi Tử! Bồ Tát vui với thiện pháp, muốn những trần bảo của thế gian chẳng phải chẳng xả thí, mà thân thừa sự chẳng phải chẳng cung kính, để cung cấp cho đồ sứ cho đến lời nói cũng chẳng phải chẳng mạnh mẽ. Đối với Hoà Thượng A Xà Lê phải sanh tâm tôn trọng. Cho chí vì sao thế? Vì đoạn trừ những dây triền phược để cầu pháp như thị. Vì đoạn trừ bệnh sanh tử ưu bi khổ não để cầu pháp như thị. Phát tâm chân thật như thế để diệt trừ tận cùng những khốn khổ của chúng sanh, để cầu pháp như thị. Phát tâm như thuốc thang để làm an lạc cho tất cả chúng sanh, cầu pháp như thị”.

Trong Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn nói rằng: “Lại nữa trưởng giả! Hoặc ở nơi Bồ Tát mà nghe một cho đến bốn câu kệ, thọ trì đọc tụng vì người khác diễn nói. Cho đến Tích Tập Bồ Tát bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí tuệ tướng. Kia nơi pháp A Xà Lê nên sanh tâm tôn trọng. Cho đến gọi tên câu văn mà nói kệ tán thán. Nếu trong một kiếp ở nơi A Xà Lê gần gũi phụng thờ, thường hành chánh đạo. Tất cả tài lợi thọ dụng cúng dường trưởng giả. Ở nơi A Xà Lê tôn trọng thường vẫn chưa đầy đủ”.

Luận rằng:

Sao lại phải tôn trọng nơi pháp? Kinh Bát Thiên Tụng Bát Nhã Ba La Mật Đa (Prajnaparamita-astahasrika) chép rằng:”Nay thiện nam tử! Người ở

nơi thiện tri thức tôn trọng ái lạc. Lúc ấy Thường Tham Bồ tát (Sadapraudita bohhisatva) Ma Ha Tát những hình tướng như thế tôn trọng tác ý. Đoạn vào một thành. Khi vào trong thành rồi ta vì đó cúng dường pháp vô thượng Bồ Tát Ma Ha Tát, liền tự bán thân theo đó lấy ngay. Rồi đó ta ở nơi đêm dài vì muốn nhân duyên thọ thân sanh tử, lưu chuyển vào các nơi vô lượng vô biên, chỉ vì pháp để làm lợi lạc chúng sanh. Lúc Bồ Tát Thường Tham cao xưng rằng: Nghe đây! Ai bán người này! Ai bán người này! Nói lời quan trọng ấy rồi ma Ba Tuần liền từ chỗ ngồi đứng dậy làm cho các Bà La Môn trưởng giả chẳng nghe được âm thanh này. Muốn tự bán thân mà chẳng thể được. Hẵn một lần đến rồi tất cả chẳng nghe, liền tự buồn khóc rồi xưng lên lời nói:

Kinh thay! Ở nơi tài lợi đây sao khó gặp được như thế. Ta tự bán thân mà chẳng thể được.

Thời lúc ấy có vị vua cõi trời tên là Lạc Ca La (Sakra) làm thân Phạm Chí đến trước Thường Tham Bồ Tát bạch rằng:

Này Thiện nam tử! Ngài vì sao ở đây mà bi lụy khóc lóc ưu não vậy?

Thường Tham Bồ Tát đáp rằng:

Này Phạm Chí ! Ta nay vui thiện pháp muốn vì pháp mà cúng dường nên tự bán thân này mà chẳng ai mua.

Lúc bấy giờ Phạm Chí nói với Thường Tham Bồ Tát rằng:

Tôi không phải là người, nên chẳng cần nhận bố thí của ông, chỉ cần máu huyết và xương tủy thôi. Ông có bán không?

Lúc bấy giờ Thường Tham Bồ Tát tự nghĩ. Thật là tốt lành với ta, thật viên mãn. Định biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là phương tiện thiện xảo. Thân ta đây bán được, tâm ngại gì máu huyết xương tủy. Tâm liền phát nguyện đồng mãn. Với tâm lành phân biệt, với tâm thật hoan hỷ đoạn nói với Phạm Chí rằng:

Đây thân này xin tùy ý.

Sau đó Thường Tham Bồ Tát rút dao cắt vào vai bên phải, để máu phun ra rồi lấy thịt trên vai, sau đó lấy xương ra luôn. Lúc ấy có trưởng giả nữ ở trên lầu cao thấy việc này liền đến trước Thường Tham Bồ Tát mà nói rằng:

Tại sao Ngài mà hành hạ thân mình vậy?

Khi đồng nữ nghe đến việc cúng dường rồi mới hỏi:

Này Thiện nam tử! Việc kia có công đức lợi lành gì?

Này đồng nữ! Kẻ thiện nam này vì ta mà nói Bát Nhã Ba La Mật Đa phương tiện thiện xảo như thế để học. Việc học như vậy là vì chúng sanh làm cho họ trở về. Đây là điều quan trọng.

Lại nữa! Đồng nữ thưa với Thường Tham Bồ Tát rằng:

Này Thiện nam tử! Ở nơi A Xà Lê vì câu pháp rộng rãi như thế. Đây là mỗi mỗi nghĩa của pháp. Ở nơi hằng hà sa số kiếp hay xả bỏ thân này, vì câu pháp rộng rãi như thế.

Này Thiện nam tử! Ta nay đầy đủ vàng bạc, ma ni châu bảo, lưu ly v.v...cho đến người đối với Bồ Tát Pháp Thượng (Dharmodgata bodhisatva) rộng làm thiện lợi.

Lúc ấy đồng nữ cùng với năm trăm quyến thuộc đến trước Bồ Tát Pháp Thượng. Lúc bấy giờ Bồ Tát Ma Ha Tát Pháp Thượng từ toà ngồi đứng dậy nghinh tiếp vào chỗ ở rồi trong bảy năm như thế nhập Diệu Tam Ma Địa, mà Thường Tham Bồ Tát lại trong bảy năm ấy chẳng muốn tìm cầu, chẳng muốn hỏi han, chẳng muốn tìm đến để hại, chẳng đấm trước mũi vị mà thường hay nhớ nghĩ đến Pháp Thượng Bồ Tát khi nào ra khỏi Tam Muội? Như thế đến trước pháp toà rồi, nơi thuyết pháp tận các chỗ ở, rải các loài hoa trên quý. Lúc ấy trưởng giả nữ cùng với hiện tiền năm trăm quyến thuộc ở nơi Thường Tham Bồ Tát dừng lại suy nghĩ lại học như thế. Lúc ấy trên hư không có tiếng bảo Thường Tham Bồ Tát rằng:

Đây là Pháp Thượng Bồ Tát sau bảy ngày ra khỏi đại định đến thành nghinh tiếp tùy nghi thuyết pháp.

Lúc ấy Thường Tham Bồ Tát nghe tiếng kia rồi sanh tâm rất hỷ lạc và ý thật thông suốt, quét đất sạch sẽ. Lúc bấy giờ trưởng giả nữ cùng với năm trăm

quyến thuộc ở trước pháp tòa biết được bảy loại trang sức là thiện xảo (giả); lại nữa Thường Tham Bồ Tát nơi đất kia đã quét dọn sạch sẽ khắp nơi cần nước mà chẳng thể được. Mà ở nơi kia có ma Ba Tuần tên gọi Âm Tướng làm cho nước mất đi, khiến cho Bồ Tát sanh tâm khổ não, thối thất ý đạo, tăng trưởng việc chẳng lành.

Lúc bấy giờ Thường Tham Bồ Tát biết ma Ba Tuần rồi, liền cắt thân, huyết phun trên đất. Vì sao thế? Vì ở nơi đất có nhiều bụi bặm vậy. Ở nơi thân Pháp Thượng Bồ Tát hoặc bụi ô nhiễm làm pháp ấy phá thân này chẳng tiếc gì. Và lại ta từ xưa đến nay vì muốn nhân duyên qua lại chẳng kể luân hồi sanh tử, chẳng tướng, vì pháp mà xả bỏ thân mệnh này. Suy nghĩ như thế rồi, liền cầm dao bén cắt thân này ra huyết lai láng phun ra trên đất, các nữ quyến thuộc lại biết được như thế, ma Ba Tuần tất cả đều chẳng thể làm đặng.

Cho nên trong Kinh Đại Thừa Tứ Pháp (Catur-dharmaka-Sutra) chép rằng: Phật bảo các thầy Tỷ Kheo các Bồ Tát dầu cho hủy hoại hình thể cho đến gặp nhân duyên mất mạng, rốt cuộc chẳng thể bỏ rời thiện tri thức.

Hộ Trì Chánh Pháp Giới

(Silaparamitajam Saddharma-Parigraho

Nama Dvitiyah Paricchedah)

Phẩm Thứ Hai, Phần Hai

Luận rằng:

Đối với những Kinh Điển chẳng rời bỏ thiện tri thức như giữ gìn thân mạng này. Đối với các kinh điển mỗi tích-tắc đều hướng về niềm vui học của Bồ Tát. Đối với kinh, tập hợp những hạnh của Bồ Tát. Đối với học của Bồ Tát, nên lựa lời của họ thật rõ ràng, cho nên không rơi vào chỗ tội lỗi. Đối với chỗ vô trí, chẳng ái lạc. Xem những kinh điển ấy thường hay tôn trọng vui theo. Người xem kinh điển chẳng xả bỏ các thiện tri thức, mà hay nói hộ trì tất cả chánh pháp. Như Kinh Hải Ý nói rằng: “Dầu cho thiện nam tử chẳng thể nói bằng văn tự lời nói; đối với pháp vô sanh chẳng thể nói được. Nếu ở cửa tổng trì mà dùng văn tự ngôn ngữ để giải rõ về lời nói này, thì đây có tên hộ trì chánh pháp”.

Lại nữa Thiện nam tử! Có vị pháp sư cứ như vậy lâu xa trải qua sâu rộng như lời dạy mà tu hành. Nếu có người đối với vị pháp sư này gần gũi cung kính tôn trọng phụng thờ để hộ trì: Đồ uống, thức ăn, y phục, chỗ ngồi nằm, thuốc thang chữa bệnh đủ loại để cúng thí, giúp đỡ những đồ tốt và hộ trì những lời nói. Bỏ bỏ những sự phi báng ở chỗ che khuất. Đây có tên là hộ trì chánh pháp.

Lại nữa Thiện nam tử! Với họ, chẳng tranh tụng có thể thắng mà không pháp nào để nói được. Người và pháp không chỗ nào để chấp đây gọi tên là hộ trì chánh pháp.

Lại nữa Thiện nam tử! Đối với các chúng sanh trong trí tuệ giải thoát chẳng sanh tổn giảm; chẳng vì tâm tài lợi mà làm việc pháp thí cho kia. Đây có tên là hộ trì chánh pháp.

Lại nữa Thiện nam tử! Hoặc nhân lúc nghe pháp, hoặc nhân lúc thuyết pháp cho đến bước đi mỗi một bước ra vào trong mỗi hơi thở mà chuyên giữ gìn. Đây gọi là hộ trì chánh pháp. Đây là điều quan trọng.

Này Thiện nam tử! Nếu tâm phóng nơi cảnh của màu sắc mà chẳng phan duyên (Alambana-Tâm không tự khởi lên). Duy chỉ tánh ở một cảnh mà điều phục dừng nghĩ, đây gọi là hộ trì chánh pháp.

Lại nữa Thiện nam tử! Nếu pháp này là pháp có thể thay đổi, pháp không chỗ chấp trước, đây có tên là hộ trì chánh pháp.

Luận rằng:

Vị pháp sư nói về sự thân cận thiện tri thức cùng tương xả bỏ thiện tri thức. Nếu chẳng hộ trì chánh pháp, đây chẳng được bảo hộ, đây chẳng được thanh tịnh, đây chẳng được tăng trưởng. Tức chẳng phải Bồ Tát quyết định sự việc nơi đây để hộ trì chánh pháp. Kinh Sư Tử Hống Thắng Man (Srimalasinhanada-Sutra) chép rằng: "Phật bảo Bồ Tát có hằng hà sa số vô lượng hạnh nguyện. Tất cả đều nhập vào trong một đại nguyện. Đó là hộ trì chánh pháp. Kẻ hộ trì chánh pháp có một cảnh giới rộng lớn mà kinh cùng nói:

Giống như người đại lực sĩ chỉ bị va chạm vào thân một tí, thì thân không bị tổn hại. Phật bảo:

Thắng Man! Hộ trì chánh pháp một ít lại cũng như thế, làm cho ma Ba Tuần bị sầu khổ lớn. Ta chẳng thấy thêm một thiện pháp nào có thể làm cho ác ma sanh sự ưu não như thế. Ngoại trừ kẻ có một ít hộ trì chánh pháp.

Lại nói rằng giống như núi chúa Tu Di vững chắc đặc thù, so với những núi khác tối cao hơn cả. Phật bảo Thắng Man! Cũng như thế kẻ theo đại thừa xả bỏ thân mệnh tài sản nhiếp giữ lấy thân để hộ trì chánh pháp hơn hẳn kẻ Đại Thừa chẳng xả bỏ thân mạng tài vật để giữ gìn chánh pháp vậy.

Như Kinh Hải Ý có kệ rằng:

Ai hộ trì chánh pháp Như Lai,

Bởi do cung kính mà nhiếp thọ

Chư Thiên, Long Vương, Khẩn Na La,

Phước đức trí huệ đều dung nhiếp.

Cho đến những kẻ hộ trì chánh pháp của Như Lai, sanh ở nơi nào chẳng quá một lần sanh, thấy được điều vi diệu tôn quý đó. Khi thấy rồi tức được tâm thanh tịnh. Kẻ hộ trì chánh pháp của Như Lai cỏ được túc mệnh to lớn ; Ở nơi pháp của ta mà xuất gia làm lợi lạc vô số. Hãy thành tựu những hạnh tu hành chân thực, chân tịnh.

Lại nói rằng: Kẻ hộ trì chánh pháp của Như Lai được Đại Tổng Trì cho đến thiện lợi. Dầu cho trăm kiếp chẳng nghe được, do sức biện tài mà được vô ngại. Kẻ hộ trì chánh pháp của Như Lai cho đến trời Thích, Phạm, trời Hộ Thế cùng người lại được làm chuyển luân vương, tất cả đều ngộ được Bồ Đề an lạc và an ổn. Kẻ hộ trì chánh pháp của Như Lai đầy đủ ba mươi hai tướng thù thắng, thân trí trang nghiêm hỉ lạc. Tùy theo chỗ thấy , không được đầy đủ, kẻ hộ trì chánh pháp của Như Lai mà chẳng xả bỏ tâm Bồ Đề , hành Ba La Mật chẳng tổn giảm. Lại hay nhiếp thọ tất cả những thiện pháp.

---o0o---

Ứng Hộ Pháp Sư

(Dharmabhamakadiraksa)

Trtiyah Paricchedah)

---o0o---

Phẩm Thứ Ba

Luận rằng:

Về phương tiện phòng hộ, có ba loại, đó là phòng hộ thân mạng và lời nói để được lìa các nạn, hộ trì chánh pháp; phòng hộ tư duy, chẳng làm cho người bị tổn hại; lìa xa các nạn. Như Kinh Hư Không Tạng (Gaganaganja-Sutra) chép: Vì sự hộ trì chánh pháp các Bồ Tát cùng có kệ rằng:

Ồi thượng Lương Túc Tôn

Sau khi đã diệt độ.

Hoặc sanh tâm đồng mãnh,

Chẳng tự tiếc thân mệnh,

Hộ trì pháp của Phật,

Xả bỏ những lợi dưỡng,

Lìa xa các quyền thuộc

Để chứng các Phật trí,

Chẳng rời bỏ chánh pháp.

Bị mạ lị hủy báng

Bị lời ác mắng nhiếc

Vì hộ trì chánh pháp,

Ta đều xin nhẫn chịu.

Bị đâm chọc khinh rẻ;

Phỉ báng , không xưng tán.

Vì hộ trì chánh pháp

Tất cả đều nên nhẫn.

Lại nữa nói chung ở đời mặt pháp, vì chúng sanh ta giữ gìn chánh Pháp. Như trong đời, ác tỳ kheo có thể lực lớn, đối với kinh điển vi diệu chẳng thèm nghe, chẳng đọc tụng, cho mình làm Thầy rồi, chấp vào ý mình cho những việc khác là chỗ sai. Đối với giáo lý thậm thâm, thuận với quả giải thoát như chánh pháp thì tâm kẻ ấy lại phân biệt chẳng vui.

Thậm chí phải lấy lòng từ khiến chúng sanh chẳng ở nơi pháp, vì đó mà khởi tâm bi mẫn, được giữ gìn qua kinh này. Hoặc thấy kẻ hủy báng giới pháp như tham trước lợi dưỡng, ta dùng tâm lân mẫn, phương tiện làm cho kẻ kia thí xả. Hoặc thấy kẻ ác tâm hủy báng chánh pháp , ta sẽ dùng tâm từ bi nhẫn nhục, chánh kiến làm cho họ hoan hỷ, như ra sức ngăn người kia , để họ nói những lời thiện . Hoặc không nói để họ tự an trụ , sau đó dùng bốn nhiếp pháp để hoán chuyển họ, chỉ bày tội lỗi để họ khai ngộ; Hoặc xa lánh nơi ồn ào, đến trú n ơi cảnh giới tịch tịnh như Tự Tại Lộc Vương, ít muốn ,biết đủ. Như kệ nói rằng:

“Nếu vào nơi làng xóm,

Tâm nhu hòa chánh trực,

Ai đến xin cầu pháp,

Vì pháp mầu mà nói

Xa lìa các chỗ xấu

An nhàn, vui tịch tịnh.

Do biết thiện lợi này

Thường rộng vui nơi pháp.
Hoặc những kẻ sai đường,
Mỗi mỗi đều hiện trước
Trụ vào pháp an lạc,
Phải nên tự quán sát.
Ta làm kẻ chỉ đường,
Chẳng nhiễm Pháp thế gian
Hủy báng và Xung tán
Bất động như Tu Di.
Những Tỳ Kheo phá giới
Càng tăng trưởng hủy báng
Ta càng thêm nhẫn nhục
Chẳng có chút hờn giận.
Lại nữa những pháp này
Ta nói chẳng chủ thể.
Riêng ở nơi chánh pháp,
Không sanh tưởng oán thù,
Giả tạo tướng Sa Môn
Ta thật chẳng có đức
Sa Môn Ôn Đàn Na (Tứ pháp ẩn)

Trải qua sự phi báng;
Ngang qua tai hoặc mũi
Thấy việc vui chẳng làm.
Nghe Ôn Đàn Na này,
Chánh pháp bị hủy báng.
Vị lai các Tỳ Kheo
Kẻ hộ trì chánh pháp
Giữ lại những khó khăn,
Chẳng cho nghe pháp được.
Hoặc vì vua hay chấp
Trừng phạt nơi mọi người.
Ta nguyện theo uy Phật,
Đều nghe được pháp này.
Tương lai ở đời ác,
Buồn khổ nơi thân mệnh;
Nên hộ trì chánh pháp,
Khiến chúng sanh lợi lạc”.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa (Saddharmapundarika) chép rằng: Nên vào hành xứ và thân cận xứ . Thường xa lìa Quốc Vương, Thái tử, đại thần, các quan; những kẻ hung hiểm, Chiên Đà La, ngoại đạo, Phạm Chí. Chẳng nên thân cận kẻ tăng thượng mạn, tham đắm Tiểu Thừa, tam tạng học giả, phá giới Tỳ Kheo, danh tự La Hán cho đến Tỳ Kheo Ni ưa giỡn, các Ưu Bà Di tất cả đều chớ thân cận. Nếu những người này có ý tốt để đến nơi Bồ Tát, để nghe

Phật Pháp, tâm Bồ Tát chẳng sợ hãi, chẳng hoài nghi mà vì đó thuyết pháp. Đối với người phụ nữ goá chồng cho đến kẻ bất nam đều chớ thân cận. Cho đến kẻ hàng thịt, người buôn bán nữ sắc, những người như thế đều chớ nên gần gũi. Kẻ tướng mạo hung hiểm, kẻ múa ca, dâm nữ tất chẳng nên gần gũi. Chẳng nên ở chỗ đơn độc vì người nữ thuyết pháp. Khi thuyết pháp không được giống cười”.

Luận rằng:

Lại nói các nạn là ma sự. Như trong Kinh Bát Nhã (Prajnaparamita) chép rằng: “Khi Ma Ba Tuần nương nơi Cửu Trụ Bồ Tát thừa, tu tập Bát Nhã Ba La Mật Đa đạt được đại thế lực. Nay A Nan! Khi Bồ Tát Ma Ha Tát tu tập Bát Nhã Ba La Mật Đa, thì ác ma đến chỗ Bồ Tát làm cho ý bị nhiễu loạn, hiện ra các sự sợ hãi như là hoá thành sấm sét, hóa lửa cháy mười phương thế giới, để cho Bồ Tát khiếp sợ đến rụng lông, mà trong chốc lát bèn thối tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Lại nữa, khuyên người chép kinh cho đến đọc tụng; thì người này chẳng chịu bỏ lợi dưỡng, rời chỗ ngồi mà đi, vừa buông lung, vừa cười giống lớn tiếng. Cho nên việc chép kinh, đọc tụng kia trở thành bị ma sự.

Như vào thành ấp, làng xóm, tìm Hòa Thượng, A Xà Lê, phụ mẫu, trí thức...tạo phe đảng thân thế, thì khởi tâm chiếm đoạt y phục tài vật.

Nếu có Pháp sư thuyết pháp muốn hiểu rõ Ba La Mật Đa thậm thâm vi diệu, khuyên chép kinh cho đến đọc tụng, thì người nghe pháp lại sanh lòng mỏi khiến cho Pháp sư điên đảo muốn đến nơi khác để nghe kinh khác.

Lại nữa vị Pháp sư thuyết pháp muốn giảng cao rộng thì người nghe pháp lại mong cầu ít ỏi; hoặc Pháp sư thuyết pháp muốn nói giản lược thì người nghe Pháp lại muốn nhiều hơn, như thế tất cả đều là ma sự.

Lại nữa Kinh Hư Không Tạng chép rằng: “Cho đến làm việc vui nơi mười nghiệp bất thiện mà bỏ các pháp lành, như thế tất cả đều là ma sự”

Kinh Hải Ý chép rằng: “Thế Tôn! Lại nữa, Bồ Tát ở nơi A La Nhã (Aranja-Vô Tránh Thanh) vui với cảnh tịch tịnh làm nơi dừng nghỉ. Tuy lìa tục xuất gia thiếu dục tri túc, mà niềm vui vi diệu là chẳng cầu Đa Văn, lại chẳng hoá độ chúng sanh. Đối với pháp Phật, chẳng ưa thích nghe. Trong chỗ nghe ấy, hay sanh nghi hoặc, dẫu thường gần gũi, nhưng chẳng chịu nêu lên câu

hỏi. Việc thiện đơn sơ cũng chẳng mong cầu; mà dẫu ở chỗ nhàn hạ, lại ưa thích cảnh ồn náo, cho nên phiền não tạo thành nhanh như khảm móng tay. Rời chỗ ngồi đứng dậy, chẳng tự biết mình, chẳng sửa đổi con đường tai hại, chẳng quán chiếu Pháp môn, chẳng làm tự lợi, lợi tha. Bạch Thế Tôn đây là Bồ Tát ở A Lan Nhã với ma sự thứ bảy.

Điều quan trọng đức Thế Tôn đã nói về sự gần gũi những ác tri thức và thiện tri thức tương chằng khác, nhưng có thể đoạn mất tứ nhiếp, cắt đứt về tu phước nghiệp, cắt đứt sự hộ trì chánh pháp, chỉ tu trí huệ hẹp hòi thiếu dục tri túc. Khi chỉ dạy hàng Thanh Văn, Duyên Giác, nếu Bồ Tát lia hạnh đại thừa, thì Bồ Tát có tính toán, vui với sự tính toán đó, chỉ tu trí tuệ hẹp hòi như đã nói. Đối với Bồ Đề, Bồ Tát dẫu đồng mãnh tinh tấn chẳng giải đãi cho đến mãn tám kiếp, chứng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề nhưng chẳng phải quả Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát đồng mãnh tinh tấn, đối với sự chấp trước, nhất định chẳng có, chỉ chỗ tịch tĩnh mới được quả này. Bạch Thế Tôn! Đây có tên gọi là Bồ Tát thiện tri thức thể, tướng thuộc về ma sự thứ mười. Nếu người đối với Bồ Tát Thừa, bị ma dẫn dắt chế ngự, dẫu nương theo pháp kia tu hành, ưa thích tu tập, nhưng bị ma theo chuyên thân cần nên việc tu yếu kém, làm việc thấp hèn và bị hôn mê. Cho đến chẳng có sự hiểu biết giống như con dê câm. Đây là ma sự thứ mười một”.

Luận rằng:

Chẳng học như thế Bồ Tát đồng mãnh tinh tấn, đối với tất cả thời gian tu tập nhưng chẳng tập được. Kinh Bảo Vân chép rằng:”Nghĩa là các Bồ Tát ở nơi những oai nghi tiền, dừng, phát hạnh tinh tấn. Nếu thân khổ, tâm chẳng giải đãi mệt mỏi, đây gọi là Bồ Tát Cứu Cánh Tinh Tấn. Tại sao nơi tinh tấn này lại sanh giải đãi mệt nhọc? Hay chẳng phải lúc tu hành cực nhọc, hay sanh yếu đuối, thường chưa thành thực tín hiểu khó hành hạnh khổ hạnh. Lại hay thí thân thể thịt da chính mình, đúng lúc chẳng đúng lúc, duy trì sự thọ bố thí của chúng sanh. Do đây mà Bồ Tát nơi chúng sanh, sanh ra giải đãi mệt mỏi. Liên lúc ấy tồn khí tích chứa làm hạt nhân của quả vị lớn nơi tâm Bồ Đề.”

Lại nữa như Kinh Hư Không Tạng chép rằng: “Chẳng phải lúc cố cầu mà làm ma sự, nghĩa là chẳng phải lúc nơi thân xao lãng khởi lên, tâm xả như thế. Như trước chẳng tu tập lại chẳng bố thí ít nhiều. Chấp nơi suy nghĩ ngu si tự hại; Sai lạc tâm thuần thực Bồ Đề Tâm. Cho nên xả bỏ thân này cũng

như bỏ da thịt. Nên giữ gìn những điều lành như việc thiện của cây thuốc, dùng gốc cây để thí cho trường hợp khác. Nên giữ gìn điều lành này lại như gốc cây thuốc chánh giác”.

Luận rằng:

Nơi ma sự bình đẳng là khó, như Kinh Bảo Vân chép: Phật bảo: “Thiện nam tử! Vì sao lìa nơi ma sự làm được việc chẳng thể hủy hoại điều lành! Nghĩa là Bồ Tát ở tất cả mỗi lúc, mỗi nơi nên trước tiên xa lìa các ác tri thức, lại chẳng đối đầu. Nghinh tiếp kia nói ngôn ngữ thế tục, gần gũi lợi dưỡng cúng dường cung kính. Nhiều loại tất cả lúc, nơi, tất cả đều xa lìa như thế. Lại nữa nếu phiền não vi tế có thể làm chướng hại con đường Bồ Đề, thì ở tất cả lúc, nơi lại cũng nên xa lìa. Hiểu rõ như thế để mà đối trị. Kinh cũng nói về tướng của ác tri thức, nghĩa là kẻ hủy báng chánh giới. Đây là ác tri thức, phải nên xa lìa. Đây là kẻ hủy báng chánh kiến, chánh hạnh, chánh mệnh. Ta đều nên xa lìa. Kẻ vui nơi náo nhiệt, nhiều giải đãi, đắm trước nơi sanh tử, chìm ngụp nơi cửa Bồ Đề, vui theo quyến thuộc cư sĩ, phải nên xa lìa những người ác tri thức như thế. Thiện nam tử! Tuy vui xa lìa người ác tri thức mà chẳng làm cho kia khởi lên tâm ác và ý tổn hại, nên giữ tâm như thế. Lại nữa! Thế Tôn nói: Nơi cảnh giới chúng sanh phá hoại làm thay đổi sự tập hợp, điều ấy phải nên xa lìa”.

Luận rằng:

Đánh mất Bồ Đề Tâm là khó. Cho nên Kinh Bảo Tích (Ratnakuta) chép rằng: “Lại nữa Ca Diếp! Bồ Tát có bốn pháp mất tâm Bồ Đề. Thế nào là bốn?”

Một là đối với A Xà Lê và Sư Trưởng mà chẳng tôn trọng ; ngược lại sanh gắt gỏng.

Hai là với kẻ chẳng nghi hỏi làm cho kia nghi ngờ.

Ba là nơi Đại Thừa mà chẳng xưng tán lại sanh tâm mạn nhục.

Bốn là cùng với người có tâm hạnh siểm trá làm việc không chánh trực.

Lại nữa Ca Diếp ! Bồ Tát thành tựu được bốn pháp là nơi sanh ra được các việc chẳng rời tâm Bồ Đề, cho đến ngồi nơi giác ngộ liên tục hiện ra trước. Thế nào là bốn?

Một là nhân duyên gặp phải kẻ mệnh bạc , chẳng vọng ngữ thân cận cười đùa.

Hai là cùng với người từ công việc mà tâm hạnh chân chánh lia những sự đối trá.

Ba là Bồ Tát thường nghĩ đến việc luận nghị, tùy khắp bốn phương mà xung tán nơi này.

Bốn là hóa độ chúng sanh, cho đến chẳng còn sót thừa. Tất cả đều đầy đủ làm cho chúng quả A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Phật bảo: Này Ca Diếp! Đây là bốn loại mà trong Kinh Sư Tử Vương Sở Vấn có bài kệ:

Nếu người tu bố thí

Và không tổn hại ai

Xa lia các tật bệnh,

Được chư Phật gia hộ

Như Thái Tử Tinh Hạ

Luôn luôn lòng nhớ nghĩ

Đến những việc bố thí,

Lại đời đời kiếp kiếp

Thậm chí trong mộng, ngủ

Chẳng bỏ tâm Bồ Đề,

Mà còn được giác ngộ.

Kinh kia nói rằng: “Nếu ở nơi hành xứ, hoặc làng, mạc, thành ấp lại chẳng xả bỏ tâm này, giáo hoá làm cho kia giác ngộ”.

Kinh Văn Thù Trang Nghiêm Phật Sát Công Đức chép rằng: “Bồ Tát thành tựu bốn pháp chẳng mất bốn nguyện, cho đến được lìa khinh mạn, tham, sân, tật đố. Hoặc thấy kẻ kia an ổn giàu có vui tươi thì mới khỏi lo”.

Luận rằng:

Như thế tâm Bồ Đề lộ hiển khai phát chẳng mất mát hư dối, như Kinh Bảo Tích chép rằng:”Tất cả uy nghi đến, dùng đều là sự nghiệp của tâm Bồ Đề. Tâm này do tâm Bồ Đề quá khứ mà có được vậy”.

Lại nữa Kinh Nguyệt Đẳng Tam Muội có kệ rằng:

Ai có nhiều nghi hoặc

Nên thọ lời ta dạy.

Nhờ được thâm tâm này

Nghi ấy sẽ xa rời.

Luận rằng:

Chẳng gạn lọc sâu dày là khó. Nên xa lìa kẻ này. Như Kinh Bảo Vân chép rằng: “Bồ Tát phát tâm như thế, mà ta siêng năng, khiếp nhược, hạ liệt, giải đãi tu tập Bồ Đề cho chính mình là khó, như thế nơi vô lượng trăm ngàn kiếp tích tập; như lửa cháy trên đầu mới chứng được Bồ Đề. Ta làm cho thí xả như thế nhiều hơn. Bồ Tát phát lời như thế nào?

Ba đời Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác tinh tấn tu hành mới được đặng giác. Như thế cho đến chẳng thể chẳng dài lâu mà hiện thành chánh giác được. Ta lại trong nhiều kiếp giữ gìn phan duyên, vì các chúng sanh mà tích tập tinh tấn để chứng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.

Luận rằng:

Lại nói thêm về việc khó này. Như Kinh Bảo Tích chép rằng: ”Chúng sanh ở chỗ chưa thành thực mà gieo thiện xảo thì Bồ Tát không thật. Ở nơi chẳng phải pháp khí ấy chúng sanh lộ rõ pháp thâm diệu quảng đại của chư Phật. Đây là Bồ Tát lầm lẫn. Ở nơi tín hiểu sâu rộng chúng sanh biểu hiện thấp kém. Đây là Bồ Tát lầm lạc”.

Luận rằng:

Chẳng tín giải là khó. Như Kinh Hộ Quốc (Rastrapala-Sutra) chép rằng: “Nghĩa là đối với Phật, Pháp, Tăng bảo chẳng sanh tín giải. Lại cũng chẳng tin sự học hỏi giải thích về nhiều hạnh. Lại chẳng tin sự giải thích về tội phước v.v... trụ vào chỗ tội lỗi. Do đây khi người này chết, sanh trong cõi người, lại nhận quả báo ngu si. Sau đó thọ thân nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh rất khổ”.

Luận rằng:

Vì lìa khỏi điều này. Trong Kinh Bảo Tích chép: “Nếu có người ở nơi pháp sâu xa chẳng tin hiểu, sanh tâm hủy báng, Như Lai như thế mà chứng biết. Lại nói: Nếu ta chẳng thể hiểu rõ, tuy ở nơi vô lượng chư Phật, mà Bồ Đề nhiều loại tin hiểu Như Lai đã vì những chúng sanh này nói chánh pháp”.

Luận rằng:

Nên biết bỏ việc làm lành là khó. Cho nên trong Bồ Tát Biệt Giải Thoát chép rằng: “Đối với hành pháp Tỳ Kheo, làm việc cúng dường Phật. Nghe rồi gần gũi diệu pháp mà tiếp tục”.

Luận rằng:

Nói về việc Doanh Sự. Như Kinh Bảo Tích (Ratnarasai-Sutra) chép rằng: “Phật bảo Tỳ Kheo Doanh sự ở trong chúng Tỳ Kheo, phải hộ trì giữ gìn tâm. Nếu Tỳ Kheo thanh tịnh ưa ngồi chỗ yên lặng tịch tĩnh, thì Doanh Sự Tỳ Kheo phải luôn luôn không được sai biểu. Khi A Lan Nhã Tỳ Kheo vào trong chúng để học, mới có thể sai biểu. Tỳ Kheo Doanh Sự phải làm việc thay thế cho Tỳ Kheo kia. Hoặc biệt thỉnh riêng Tỳ Kheo làm việc thay thế cho A Lan Nhã Tỳ Kheo kia. Hoặc có Tỳ Kheo đi khát thực, Tỳ Kheo Doanh Sự kia nên cung cấp những đồ ăn tốt. Lại nữa Ca Diếp! Nếu có Tỳ Kheo được lìa ách nạn. Tỳ Kheo Doanh Sự tùy theo đó cung cấp tất cả những việc cần cung cấp, như thức uống, đồ ăn, y phục, chỗ ở, thuốc men.

Nếu Tỳ Kheo lia chỗ nguy nan dù ở chỗ nào, ở nơi nào thì chẳng nên cao tiếng mà Doanh Sự Tỳ Kheo kia phải đối với Tỳ Kheo mà ngồi, nằm, gài gũ để phòng hộ chăm sóc. Tùy theo niềm vui thuận diệu mà cung cấp đồ ăn thức uống tốt đẹp.

Lại nữa! Nếu có Đa Văn Tỳ Kheo thì nên thân cận bảo hộ. Nếu có Tỳ Kheo thuyết pháp, nên vì pháp đó mà đến ngồi nghe. Nơi pháp hội ấy hoặc luận nghị đều phải thanh tịnh. Cho đến ba lần xướng lên lành thay (Thiện Tai). Nói lời trọng yếu như thế rồi chẳng nên đối với vật sở hữu mà khởi lên tư tưởng tự lợi, tỏ ít sự hiểu biết để hứa với người kia mà chẳng nên tự mình lấy dùng, cho đến vật hiện tiền Tăng, vật tứ phương Tăng cho đến chùa nhóm. Hoặc vật của tháp Phật lại hay chứa nhóm, nên khéo phòng ngừa việc khuynh loát như thế. Nếu vật tứ phương Tăng cùng với vật của hiện tiền tăng có điều nghi ngại, doanh sự tỳ kheo kia nên bạch với chúng để nói rõ. Đây là sự lợi dưỡng của hiện tiền tăng và tứ phương tăng; nên đồng ý làm việc bố thí như ở nơi tháp Phật. Nên cầu kẻ thí để cùng làm việc đó, điều này Phật đã dạy vậy.

Lại nữa Ca Diếp! Nếu vật ở tháp Phật nhiều thì Doanh Sự Tỳ Kheo kia chẳng nên phân chia cho hiện tiền Tăng và tứ phương Tăng. Vì sao thế? Vì đồ vật dẫu cho một phần mười ở nơi tháp Phật tất cả là đồ tịnh tín, sao có thể lấy nhiều được! chư Thiên, loài người sanh ý tưởng nơi tháp Phật. Huống nữa những đồ trang quý đều là những của báu vậy. Nếu lấy y áo nơi tháp Phật, nơi Như Lai đã chế ra để đừng làm cho mưa gió thổi bay mất, chẳng nên dễ dãi với y quý này. Y của Như Lai nơi tháp chẳng người nào có thể đem làm việc buôn bán được. Lại nữa Phật chẳng cho phép.

Phật bảo này Ca Diếp! Nếu Doanh Sự Tỳ Kheo kia có ác tâm đối với kẻ tri giới mà ra tay cung cấp phải tự do sai bảo, thì nghiệp chẳng lành sẽ khiến cho đọa vào địa ngục. Nếu sanh được làm người ở đời, thì đi ở đợ để tìm cầu sự ăn mặc, bị sự sai sử, hủy nhục cùng đả phá. Điều quan trọng ấy, hoặc do nơi Tỳ Kheo liền tạo ra việc làm mới, gây sợ hãi, hình phạt sai sử không đúng lúc thì Doanh Sự Tỳ Kheo này làm việc chẳng lành nên đọa vào địa ngục, gọi là Đa Đinh, bị ngàn mũi kim châm vào thân, đốt cháy mãnh liệt tạo thành đóm lửa. Lại nữa nói tổng quát ở trên lưới bị kéo ra dài trăm do tuần trên lưới gài nhiều cây đinh nóng như lửa dữ. thật khó nhẫn được.

Phật bảo: Này Ca Diếp! Lại nữa Doanh Sự Tỳ Kheo kia hoặc đến hoặc đi, được lợi dưỡng của Tăng mà chứa nhóm cầm giữ; hoặc đúng lúc hoặc chẳng đúng lúc, cùng đến sự khôn khổ cho đến chẳng cùng thì Doanh Sự Tỳ Kheo

này đã chẳng trồng căn lành. Khi chết đọa vào ngục quỷ gọi là Thực Phần Hoàn (viên phân). Có đại lực quỷ mang đến. Đầu tiên chẳng được gắp, sau đó viên phân kia treo ra trước mắt. Chịu đói khát khổ sở trải qua trăm ngàn năm, ăn uống không được. Chẳng có một chút gì ăn được, là do những hành động hiểm ác mà thành phân dơ uế vậy.

Lại nữa Kinh Tăng Hộ Duyên Khởi (Samgharak-Stavadana-Divyavadana) lại nói về cái khó này. Phật bảo Tăng Hộ Tỳ Kheo rằng: “Như người đã thấy thật chẳng phải là bức tường mà là ở địa ngục hình người. Thời Phật Ca Diếp, có người xuất gia, phi pháp làm việc ô nhiễm trên tường ở trong phòng ngủ của Tăng phường. Do nghiệp báo này mà thọ quả khổ làm bức tường bằng thịt chịu khổ. Bị lửa đốt cháy cho đến bây giờ chẳng dừng nghỉ. Lại như người biết, chẳng phải là cây cột. Đó là địa ngục hình người. Vì như trước đây phi lý làm ô uế cây trụ cột trong phòng ngủ của Tăng phường, cho nên phải thọ làm thân cây bằng thịt, chịu khổ cho đến bây giờ vẫn chưa dứt. Lại nữa như người đã thấy chẳng phải cây lá hoa quả mà là địa ngục người, như trước dùng phung phí cây lá hoa quả ở nơi Tăng phường chỉ riêng mình thọ dụng trước tiên hoặc cùng người bạch y (người cư sĩ) thọ dụng. Nên kết quả thành cây thịt chịu khổ cho đến bây giờ chưa ngừng nghỉ. Lại nữa như người đã thấy thật chẳng phải dây trói buộc. Đây là địa ngục người, như trước phi lý ở nơi Tăng phường trói chặt. Riêng mình trước tiên thọ dụng hoặc cùng người bạch y. Cho nên phải thọ thân làm dây thịt chịu khổ cho đến bây giờ vẫn chưa dừng nghỉ. Lại nữa, như người thấy thật chẳng phải là sự trói buộc. Đây là địa ngục người. Thời Phật Ca Diếp, lúc làm Sa Di với tâm cuồng hận chấp vào sợi dây trói buộc, cho nên khi khách Tỳ Kheo đến, thì vị Sa Di kia thấy liền đứng cản. Khách Tỳ Kheo nói rằng: Ở trong chúng đây có đồ uống không? Với tâm hồng hách kia trả lời là có. Người chẳng thấy sự chấp trước trói buộc để muốn cầu sự uống nước kia là chưa thể được. Lúc bấy giờ khách Tỳ Kheo kia đến rồi yên lặng, chẳng được gì, xấu hổ rồi bỏ đi. Do đây mà thọ nghiệp quả báo chịu khổ làm dây trói buộc thịt, như trước chẳng dừng nghỉ.

Lại nữa như người đã thấy, thật chẳng phải cái chày để giã, đây là địa ngục người. Thời Phật Ca Diếp có Tỳ Kheo tích tụ đồ vật ở một nơi, rồi có một Sa Di mang ấn ký đến. Vị ấy tức là một A La Hán. Có vị Tỳ Kheo nói với Sa Di rằng: Nên dùng cái chày để giã. Lời nói của vị Thầy ngăn trở trong chốc lát. Ta có một ít việc ta làm. Sau đó vị giả đồ tâm phát ra lời sân si với Sa Di và nói: Nếu ta mà được cái chày giã kia thì người sẽ bị quét nát như thế, huống nữa cái chày này. Lúc bấy giờ ông Sa Di biết được sự ác độc của người kia nói lời mạ lị. Tôi sẽ nói báo ấy, làm cho kia thêm sân hận. Rồi

mặc nhiên yên ở; sau đó sân si mạ li lại không ít. Thỉnh kia đến để nói lời hối hận vì Thượng Tọa Đại Đức còn phiền não.

Kia nói: Người đã biết trong pháp luật của Phật Ca Diếp này xuất gia làm Sa Di; còn ta làm Thượng Tọa. Tỳ Kheo nói với Sa Di như thế. Chúng ta đều là người xuất gia. Sao không đoạn trừ tất cả phiền não, giải thoát tất cả kiết sử? Nói ra lời ác như thế, liền đổi lại nói pháp hối tội. Đây gọi là tùy theo hướng của nghiệp mà tiêu hủy. Lúc bấy giờ Thượng Tọa Tỳ Kheo chẳng đổi mặt để nói, sân hận chẳng hối lỗi. Do nghiệp báo này mà làm cây chày bằng thịt thọt khổ chẳng dứt. Lại nữa như người thấy thật chẳng phải là cái ổ khoá. Có vị Tỳ Kheo đến khóa lại chẳng dùng được. Sa Di đáp rằng cản trở chỗ ngồi chốc lát với vị Tỳ Kheo bị bệnh; vì kia mà mang thuốc nóng đến. Vị Tỳ Kheo này chẳng vui mà nói với ác tâm, bẻ khóa rồi đi, nên thọt nghiệp bằng ổ khóa thịt chịu khổ đến bây giờ vẫn chưa dứt. Lại nữa như người đã thấy: Ở giữa nếu cắt lia sự liên lạc thì đây là người ở địa ngục. Do đây vị Tỳ Kheo trụ trì ham tích chứa lợi dưỡng đổi đồ vật của chúng tăng; mùa đông mùa mưa xen trái nhau. Do nghiệp báo này mà thọt khổ chẳng dứt.

---o0o---

Phẩm Không Thứ Tư - Phần Thứ Nhất

Luận rằng: Lại nữa, Kinh nói những nghĩa quan trọng khác. Như Kinh Hu Không Tạng chép rằng: “ Phật bảo Di Lặc Bồ Tát xem xét vua Sát Đế Lợi có năm tội căn bản. Nếu ai phạm điều này bị tiêu diệt tất cả hạt giống lành, cho đến đọa vào ác đạo ở nơi xứ kia. Là xa tất cả chư Thiên loài người và niềm vui”.

Thế nào là năm? Đây Thiện nam tử! Nghĩa là vua Sát Đế Lợi đã lấy đồ vật trong tháp Phật và vật của tứ phương Tăng, tự làm rồi bảo kia. Đây có tên là đệ nhất căn bản tội.

Nếu hủy báng pháp Thanh Văn Thừa, pháp Duyên Giác Thừa, pháp Đại Thừa bị chìm đắm khó khăn. Đây có tên là đệ nhị căn bản tội.

Nếu nương vào pháp của ta mà xuất gia, cạo tóc, mặc áo cà sa. Đối với việc học lại không chịu học; đối với giới pháp lại phá giới. Rồi cởi áo cà sa hoàn tục, hoặc đánh người bị tù tội; hoặc giết người. Đây có tên là đệ tam căn bản tội.

Giết hại cha mẹ, giết A La Hán, phá hoà hợp Tăng. Có ác tâm làm thân Phật chảy máu. Chỉ phạm một mà thôi là phạm vào việc ngũ vô gián. Đây có tên là đệ tứ căn bản tội.

Nếu hủy báng cho rằng không nhân quả, chẳng tin đời sau, hoặc tự làm mười điều bất thiện nghiệp; hoặc bảo người làm; dẫu mình không làm, bảo người khác làm mười điều bất thiện nghiệp; Đây có tên là đệ ngũ căn bản tội.

Cho đến nói lược, nếu ưa phá hoại đất nước làng xóm nhà cửa của dân chúng. Đây là những việc căn bản đã nói qua.

Lại nữa Thiện nam tử, Thiện nữ nhen! Đối với bậc sơ hạnh nơi Đại Thừa có tám căn bản tội. Với bậc sơ hạnh Đại Thừa, tội căn bản là làm việc đâm thọc. Hủy diệt tất cả hạt giống lành, hướng đến con đường ác, đọa vào căn bản tội và xa niềm vui trời, người và Đại Thừa. Bị luân hồi lâu dài xa lìa thiện tri thức. Thế nào là tám? Những chúng sanh nhân đời trước làm việc ác, sanh vào nơi hiểm nạn ngũ trược ác thế, ít căn lành để gần gũi thiện tri thức, được nghe kinh điển đại thừa thâm diệu. Người này có trí cạm cọt liền phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề mà Sơ Hạnh Bồ Tát nghe nói về pháp không của kinh điển sâu xa, như thế nghe rồi thọ trì đọc tụng. Rồi kẻ thiếu trí kia như thật được khai thị, xảo diệu văn nghĩa, rộng đến những cảnh giới khác. Kẻ ngu phu sanh ra nghe nói như thế, tâm sanh sợ hãi. Tâm sợ hãi rồi liền thối thất tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Phát tâm Thanh Văn Thừa nên đây có tên là Sơ Hạnh Bồ Tát đệ nhất căn bản tội.

Này Thiện nam tử! Phạm tội này rồi thiêu rụi tất cả hạt giống lành, hướng đến con đường ác, đọa lạc vào tội căn bản, xa lìa trời người ưa thích Đại Thừa, hủy báng Bồ Đề Tâm. Cho nên Bồ Tát đối với chúng hữu tình kia, có tâm chí nguyện sâu xa với chúng sanh, nên trước biết rồi, như tâm ấy mà làm. Tùy theo xa gần mà thuyết pháp, giống như dần dần đi vào biển lớn. Đây là điều quan trọng. Lại nữa Sơ Hạnh Bồ Tát phát lời như thế này: Người chẳng thể tu tập hạnh sáu Ba La Mật, lại chẳng thể được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Người nên mau phát tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Người có thể xa rời sự sanh tử như trước đây đã nói. Đây là Sơ Hạnh Bồ Tát đệ nhị căn bản tội.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển bốn

---o0o---

Quyền Thứ Năm

Thứ tự Kinh văn số 1636.

Bắt đầu dịch từ ngày 19 tháng 11 năm 2004
Nhân kỳ nhập thất lần thứ hai.

Phẩm Không Thứ Tư - Phần Thứ Hai

Lại nữa Sơ hành Bồ Tát nghĩ như thế này:

- Người kiên trì làm sao để giữ gìn Giới Pháp và luật nghi để mau phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đọc tụng kinh điển Đại Thừa nếu thân ngữ ý còn chứa phiền não, nghiệp báo bất thiện đều được thanh tịnh.
- Như trước đây đã nói. Đây có tên là Sơ Hành Bồ Tát đệ tam căn bản tội.

Lại nữa Sơ Hành Bồ Tát nghĩ như thế này:

- Này Thiện nam tử! Như có thể xa rời sự nghe và thọ trì đọc tụng pháp Thanh Văn thừa, lại chẳng vì kia mà nói pháp Thanh Văn thừa. Chẳng được quả báo lớn, chẳng thể vĩnh viễn đoạn trừ phiền não. Nên tin vào kinh điển Đại Thừa, nghe hiểu thọ trì tụng đọc vì người khác mà nói kinh pháp Đại Thừa này. Có làm cho hối cải tất cả tội báo ở những đường ác, sớm được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề vậy.

Như người kia đã nói chấp vào thấy nghe đều là có tội. Đây có tên là Sơ Hành Bồ Tát đệ tứ căn bản tội.

Lại nữa Sơ hành Bồ Tát có hai loại ngôn ngữ như thường thấy trong kinh điển Đại Thừa. Vì lợi dưỡng mà rộng xưng tán thọ trì đọc tụng. Nghe nghĩa lý này rồi vẫn vì người mà nói, liền nói rằng:

- Ta là kẻ tu theo Đại Thừa, thấy kia được lợi mà hủy hoại sự đồ kỵ.

Lại nữa, kẻ ấy được toàn phần hoặc từng phần, liền sanh lòng hủy báng lăng mạ khinh nhờn. Sự tật đố ấy là tự cao về thân này, liền nghĩ rằng mình được

pháp hơn người. Ở nơi pháp Đại Thừa được nhiều điều lợi lạc, người này do tài lợi, vậy sẽ gặp đại trọng tội, hướng đến con đường ác, sa vào căn bản tội. Cũng giống như có người muốn vào trong biển lớn để sửa chữa thuyền bè. Mới đến được bờ biển, thuyền đã tan nát làm mất thân mệnh. Đây là Sơ Hành Bồ Tát Ma Ha Tát lại cũng như thế. Muốn vào nơi biển Đại Thừa, mà nhân duyên đại vọng ngữ và tật đố, phi báng niềm tin vào chiếc thuyền và đoạn trừ huệ mạng trí tuệ. Đây là Sơ Hành Bồ Tát non kém ngu muội cùng với các tiểu Bồ Tát, sự tật đố làm nên đại trọng tội. Đây có tên là đệ ngũ căn bản tội.

Lại nữa Thiện nam tử! Trong đời vị lai sẽ có người tại gia xuất gia Sơ Hành Bồ Tát ở nơi nghĩ không, sâu thuộc kinh điển Tam Muội Tổng Trì, cùng với sự nhẫn nhục trang nghiêm nơi các địa. Người Thiện, Sa Môn cùng Bồ Tát thực hành ở kinh điển Đại Thừa; thọ trì đọc tụng rộng vì người mà nói, rồi tự cho pháp này mình đã chứng. Do lòng bi mẫn, ta sẽ nói cho người, hãy nên tu tập. Người lại cũng sẽ chứng được pháp thậm thâm như ta đã chứng biết. Người kia không thật tin, tuy thường đọc tụng giáo pháp thậm thâm này, ta vì kia mà nói, ở nơi pháp thậm thâm chưa thật chứng. Chỉ cầu lợi dưỡng mà vọng cho là ta đã chứng pháp ba đời của chư Phật. Bồ Tát Thánh Nhơn cũng chẳng có ai hơn. Đây sẽ mắc đại trọng tội, tức là kẻ dối trá trời người. Ngay cả Thanh Văn thừa cũng chưa thể được, hà huống vào hạnh nguyện cao cả Đại Thừa và đạt A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ư? Giả như có người sống nơi hoang dã, ở dưới cây đại thụ khát nước, tìm cầu đồ ăn uống, mà cây ấy thật có đầy đủ tất cả sắc hương mỹ vị. Rồi tự mình bỏ độc dược vào gốc cây. Sau đó ăn trúng quả độc nên đã mất mạng. Ta nói người này lại cũng như thế. Ở nơi khó được mà được làm thân người, nương vào thiện tri thức, gặp pháp Đại Thừa, tham trước lợi dưỡng. Sự giả dối của mình là cái bia đạo đức để quấy rối người khác. Những hành tướng như thế mắc đại trọng tội. Do đại trọng tội này mà quyết định sanh vào đường ác. Người này bị tất cả hàng Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Phệ Xá, Thủ Đà La cùng kẻ trí đều ruồng bỏ. Tất cả đều chẳng hề thân cận. Nay Thiện nam tử! Đây gọi là Bồ Tát đệ lục căn bản tội.

Lại nữa Thiện nam tử! Trong đời vị lai vua Sát Đế Lợi có quốc sư là Chiên Đà La ngu xuẩn, tự cho là sáng suốt hiểu biết nên khởi lên kiêu mạn thọ dụng những tài vật lớn và huênh hoang. Dù bố thí để làm phước nhưng nương vào sự bố thí đó để tăng trưởng lòng ngã mạn. Đến thân cận với vua Sát Đế Lợi để khiến cho nhiều Sa Môn bị mất thế. Nương vào thế lực của vua dùng nhiều điều phi lý để hạch tội. Hoặc bức bách, hoặc tịch thu đồ vật của tháp Phật, hoặc vật của tứ phương Tăng, hoặc vật của hiện tiền Tăng,

làm cho các vị Tỳ Kheo bị chuyển đổi đi. Còn các Chiên Đà La thì lại đến ở gần nơi vua. Như thế cả hai loại đều là trọng tội. Này Thiện nam tử! Đây có tên là Sơ Hành Bồ Tát đệ thất căn bản tội.

Lại nữa có vua Sát Đế Lợi cùng với Sa Môn Chiên Đà La lập ra những qui chế khi pháp mà cho là pháp, còn cho pháp là phi pháp. Bỏ rơi các khế kinh và Tỳ Nại Da (Vinaya-giới luật) chẳng nương vào thời cơ để nói và nói rộng ra. Xả bỏ con mắt đại bi nơi Bát Nhã Ba La Mật Đa học xứ, phương tiện thiện xảo học xứ, cho đến những khế kinh nói về những học xứ. Xả bỏ những hành tướng như thế, rồi những pháp mà vị Tỳ Kheo ấy trước tiên tu tập sanh ra nhiều loạn. Sự nhiễu loạn ấy đã làm tổn hại đến trí huệ thân mệnh. Tức thời liền bỏ pháp tu chỉ và quán, thích làm việc phi pháp để được nhiều lợi.

Lúc bấy giờ vị Tỳ Kheo kia chẳng chế phục được những kết quả của phiên não. Hơn nữa, các Tỳ Kheo khác lại có tâm hủy báng hời hợt của vị Tỳ Kheo kia, vì đã đánh mất nhiều về sự thực hành giới. Thật chẳng phải Sa Môn mà tự cho là Sa Môn. Thật chẳng phải phạm hạnh mà tự nói là phạm hạnh. Thuyết pháp nghi ngờ như tiếng dội trong vỏ ốc, mục đích là làm cho vua và đại thần cung kính cúng dường; hướng về nhà bạch y để nói những pháp hành, không đúng tư cách của một Tỳ Kheo. Làm cho vua đại thần lập ra quy chế để kết nạp pháp hành của vị Tỳ Kheo kia, tự vui để thọ dụng đồ vật riêng. Như thế cả hai loại lún sâu trọng tội.

Vì sao vậy? Tỳ Kheo thiên định là ruộng phước lành, là chỗ nương tựa vào phước nghiệp cho mọi người, là cầu Tam Muội Tổng Trì, là khí phách kham nhẫn ở các địa. Giữ gìn những lợi khí làm ánh quang minh cho đời. Mở bày con đường chân chánh nơi các địa, có nghiệp phiên não, khiến cho chúng sanh nương vào con đường Niết Bàn. Này Thiện nam tử! Đây là Sơ Hành Bồ Tát đệ bát căn bản tội.

Luận rằng:

Như kia lại dẫn dụ nơi khế kinh rằng: “ Nếu chư Bồ Tát nghe tên của Hư Không Tạng Bồ Tát rồi không nghi ngờ, hay muốn thấy, sợ đọa vào đường ác nên sám hối trọng tội căn bản kia. Đến trước Hư Không Tạng Bồ Tát xưng tán người này cung kính lễ bái. Này Thiện nam tử! Như phước lực ở nơi người trước; hoặc thấy chính tự thân; hoặc thấy thân Phạm Vương cho đến hoặc hiện thân đồng nam đồng nữ thấy, làm cho Sơ Hành Bồ Tát rời chỗ ngồi đứng dậy. Rồi những tội phạm đều sám hối. Lại vì diễn thuyết những

hạnh nguyện sâu sắc cùng phương tiện hay khéo của Đại Thừa, cho đến trụ nơi Bất Thoái Địa. Nói tổng quát chẳng bày ra trước mắt của Sơ Hành Bồ Tát kia. Ở Đông phương có A Lô Noa Thiên Tử trụ ngôi thiên tử, rồi đốt hương khuyến thỉnh nói lời rằng:

- Nay A Lô Noa Thiên ! Có đại từ bi đầy đủ uy đức, chiếu khắp cõi Diêm Phù Đề, thương xót che chở bảo hộ. Từ phương xa liền khuyến thỉnh Hư Không Tạng Bồ Tát nói lời thương xót giác ngộ cho ta, mà trong giấc mộng phương tiện hiển thị những quả báo phạm tội. Chấp nhận sự sám hối của ta được vào trí huệ phương tiện của bậc Thánh Nhơn.

Khi A Lô Noa Thiên xuất hiện nơi cõi Diêm Phù Đề cùng với Hư Không Tạng Bồ Tát đồng đến. Bằng hình tướng thật giống như trong mộng hiển ra đứng trước. Sám hối trọng tội với thiên tử ở nơi tướng ấy; nghĩa là dùng đại trí phương tiện tri kiến phương; thiện xảo trí phương tiện. Sơ Hành Bồ Tát nơi các Tam Muội kia mà gọi là chẳng mất Bồ Đề Tâm, nương vào định kiên cố Đại Thừa để an trụ.

Luận rằng:

Hoặc kinh như trước nói dùng chơn ngôn để khuyến thỉnh các uy nghi. Lại nói rằng: “Không tịch sâu thẳm như rừng vắng. Ở nơi đó đốt Trầm thủy hương, Già La hương, Kiên Hắc hương v.v..., xông khắp mười phương cõi rồi năm vóc kính lễ. Chắp tay tụng chơn ngôn rằng:

Đản ninh tha tô một lý, xá tô một lý, xá ca lỗ ni, yết tả la, tả la vĩ tả la, tán tả la ca lỗ ni, yết ni lỗ, yết mưu la vĩ ngoặt đà, lý ma, tả ni lật lỗ, nặc ma đa ca, lỗ ni yết tiên đa, ma ni bố, la yết ca, lỗ ni yết tác lý phược, bà di tác tha, ba giã a, nguy giã, đà lý tác phổ, hiện tác phổ, hiện lỗ đệ vĩ, vi yết hiện, bàn lý, sắc chí, vĩ vi yết hiện, bố la giã ca, lỗ vị yết bố, la la diễn đồ ma ma, xá tác lý phược, bát thâm tả a luân, yết ngoặt đệ tác phược hạ.

(Tadyatha sumrsa sumrsa carunica caratu caratu vicara sancara karunika murara murara vegadhari namucane phuyajata karunika cintamani puraya karunika sarvasam me sthapaya ajnadhari sphugu sphugu rativivekagu drstivivekagu puraya karunika purayantu mamasam sarvatha casokagati svaha)

Như uy nghi đã nói ở trước. Tất cả các bệnh khổ; tất cả những sợ hãi, tất cả những sự khổ hại. Tất cả đều được tiêu diệt. Mọi sự mong cầu đều được thành tựu.

Luận rằng:

Nếu Sát Đế Lợi cùng các Bồ Tát dầu cho tội gì lại hơn kia, hoặc người trì giới. Sao lại nói tội? Sao lại mất mát? – nghĩa là nơi kẻ trì giới và kẻ mất mát khởi lên nhiều sự đả phá, chấp danh và tự thấy về mình. Do đây mà dần dà sanh sợ hãi, diệt các tội vậy. Nếu nơi tánh tội gốc này mà trừ được khổ căn bản rất ráo chẳng tạo, thì ở nơi tâm Bồ Đề giới là chỗ rất cần thiết, liên tục tư duy quán sát như thật. Cho nên Kinh Phương Tiện Thiện Xảo (Upayakausalya-Sutra) nói về căn bản tội như sau:

“Này Thiện nam tử! Bồ Tát nơi học giới biệt giải thoát, Thức Xoa Ma Na trăm ngàn kiếp, duy chỉ ăn rau quả, giải thoát tất cả chúng sanh khỏi chịu những lời nói ác. Nếu có Thanh Văn, Bích Chi Phật cùng tương ưng tác ý, thì đây gọi là Bồ Tát căn bản trọng tội.

Này Thiện nam tử! Kẻ mắc căn bản trọng tội này cũng giống như Thanh Văn hữu dư y Niết Bàn mà chẳng hay biết.

Này Thiện nam tử! Nói về tội căn bản là nơi Thanh Văn, Duyên Giác tác ý, chẳng lìa khỏi, cũng lại như vậy. Ở Phật địa Niết Bàn mà chẳng rõ biết”.

Luận rằng:

Những trọng tội do chấp ngã mà có. Ôm giữ điều lạc là nghĩa thế nào? Nhiếp luận (Samgrahakarika) giải thích rằng:

“Có hai tội: Phá hoại vật của Tam Bảo dầu nhỏ như hạt cải và phỉ báng chánh pháp. Như đức Mâu Ni đã nói;

Kẻ phá giới Tỳ Kheo dầu mặc y phục Cà Sa; nhưng chẳng nghe theo xuất gia, cũng giống như người trong ngục tạo tội ngũ vô gián. Hoặc chấp vào tà kiến; hoặc phá hoại làng xóm.

Đây có tên là căn bản tội, như đức Thế Tôn đã nói.

Lại ưa nói về tánh Không; nhưng thật sự vô tri vô giác. Ở nơi trí của Phật, mà chẳng tu đường chánh giác, rời bỏ biệt giải thoát, lòng muốn cầu vào quả Đại Thừa. Lại làm cho những người có học chẳng đoạn trừ được tham chấp, vui hưởng về trước người chấp xưng dương cái công đức riêng của mình. Do tạo cái sáng riêng của mình nơi người, nhằm mục đích được lợi dưỡng. Hoặc lại nói điều tà vọng: Ta đã được hạnh nhãn sâu xa; hoặc lạm kẻ Sa Môn; lấy vật của Tam Bảo. Tất cả đều do chấp thủ tự kỷ vậy. Lại rời bỏ Sa Ma Tha (Chi) hoặc hành pháp Tỳ Kheo mà ưa thích hưởng thụ. Đây có tên là căn bản tội. Vì nguyên nhân đó đọa vào đại địa ngục.

Lại nữa Hư Không Tạng Bồ Tát trước Phật tuyên nói việc sám hối trong mộng xả bỏ tâm Bồ Đề có kệ rằng:

“Nếu có người đến xin

Tham tiếc chẳng bỏ thí

Do tham sanh phần nô

Đánh đập các chúng sanh

Kẻ nhất tâm thanh tịnh

Lại không được cung kính,

Vì theo tâm nhiễm kia

Mà phi báng chánh pháp”.

Kinh Địa Tạng chép rằng: “Phật bảo Đại Phạm! Nếu nương vào giáo pháp của ta để xuất gia mà phạm giới ác hạnh, bên trong hủ bại như đồ dơ uế, thật chẳng phải Sa Môn, thật chẳng phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, thường bị nhiều phiền não hơn thua, bại hoại che giấu.

Như thế các Tỳ Kheo ấy chỉ phá cấm giới và làm những việc ác. Hãy vì tất cả trời, rồng, người v.v... chỉ rõ những việc làm phước đức. Cho nên thiện tri thức này chẳng phải là pháp khí. Cạo tóc, mặc áo Cà Sa, mà đối với vô lượng chúng sanh trông các căn lành, vì đó khai đạo. Nhân việc gàn gù này mà sanh vào chỗ lành, hiển bày chánh đạo. Do vậy nếu nương giáo pháp của ta để xuất gia, kẻ giữ giới, kẻ hủy báng giới;

Ta từng chẳng nghe lời Chuyển Luân Thánh Vương mà nương vào thế tục. Vì chánh pháp, tự đánh đập thân này như ngục tốt tra khảo, trói buộc thân này cho đến chết. Huống nữa là làm điều phi pháp như Tỳ Kheo phá giới này thì tuy nương theo pháp của ta, nhưng như thầy ma. Lại nói người ấy như trâu bò, nào có khác gì; cũng giống như ngựa lác.

Lại nói: Nếu nương vào giáo pháp của ta mà xuất gia, chuyện có chuyện không chẳng bị nã hại. Tức là phạm vào việc hủy báng ba đời chư Phật, chưa qua khỏi sự thiêu đốt thiện căn, đọa vào vô gián địa ngục”.

Kinh cũng chép rằng: “Mặc áo Cà Sa hình tướng giải thoát, đây là sự kiến lập của Như Lai. Lúc bấy giờ lại có vô lượng trăm ngàn Thanh Văn cùng chúng Bồ Tát nghe Phật nói rồi, đều ăn năn những tội lỗi trước đã tạo nghiệp chướng. Như nói:

- Kính bạch đức Thế Tôn: Con từ xưa đối với vô lượng lời dạy của đức Như Lai và đệ tử Phật là công cụ, chẳng phải công cụ, thường hay có nhiều phần hận, mạ lị hủy nhục, đủ loại phi báng. Tạo tội nghiệp chướng đọa vào ba đường ác, kham chịu thọ nhận nhiều loại khổ sở. Đó là điều quan trọng, kính bạch đức Thế Tôn! Những nghiệp chướng như thế tất cả nay con xin sám hối. Hoặc nói rằng: Kính bạch đức Thế Tôn! Con nhớ từ xưa đến nay, nơi lời dạy của Thanh Văn và đệ tử Phật là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí; làm sợ hãi tăng thêm lời ác, mắng nhiếc cùng gây gộc.

Lại cũng nói rằng:

- Với đệ tử Phật xâm nhập y bát, đoạt lấy thọ dụng.

Lại cũng nói rằng:

- Bắt người xuất gia hoàn tục, sai bảo làm việc phi lý.

Lại cũng nói rằng:

Đệ tử Phật là pháp khí, chẳng phải pháp khí; có tội hay chẳng có tội; bị trói buộc trong ngục tù; là nghiệp chướng rơi trong nhiều kiếp bị rơi vào con đường ác; thọ nhận chịu đựng nhiều nỗi khổ khó khăn.

Lại bạch rằng:

Kính bạch đức Thế Tôn! Với những tội nghiệp chướng này tất cả nay con xin sám hối và chẳng dám tạo nữa.

Kính mong đức Thế Tôn thương xót chấp nhận cho, cứu vớt cho chúng con về những tội báo lớn này”.

Kinh Chướng Ngại Xuất Gia (Pravrajyantaraya-Sutra) lại chép: “Nhu người thành tựu bốn đại pháp xá, ở chỗ sanh thật là khó khăn, như sanh ra mù, ngu, câm; hoặc Chiên Đà La ưa thích hủy báng, chẳng có vui chân thật. Thường làm nô bộc (kẻ ở), hoặc làm người nữ bán trầu cau v.v...bị quả báo làm lạc đà, heo, chó, cho đến rắn độc. Thế nào là bốn? Người đại xá vì ở quá khứ các đời chư Phật đã làm tăng lên thế lực lớn; đã làm cho các chúng sanh phát tâm xuất ly; tâm xuất gia; tâm Thánh đạo, mà đã tạo nên chướng ngại, đây là điều thứ nhất.

Lại nữa tham đắm tài lợi, tham con cái chẳng tin nghiệp báo. Nghĩa là lời nói, vui cười tự tại đối với sự giàu có; nam nữ mê thiếp dẫu muốn xuất gia, gây nên trở ngại, đây là việc thứ hai.

Ngoài ra hai loại khác là: Hủy báng chánh pháp và làm hại đến Sa Môn, Bà La Môn”.

Luận rằng:

Mười nghiệp bất thiện là khó; có khổ báo rất lớn. Như Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói về tội báo của việc sát sanh. Ở đây chỉ lược nói địa ngục.

“Lại nữa có con chim tên là Hỏa Đảnh Hạnh. Trong lửa chẳng bị thiêu, thấy người ở địa ngục, thật là vui mừng. Đầu tiên mổ đầu người, sau đó uống máu huyết. Lại có con chim tên là Độc Lôu Hành, ở trong lửa thật nóng ăn não, mỡ, tủy. Lại có con chim tên Thực Thiệt, chuyên ăn lưỡi của tội nhơn, ăn rồi thì lưỡi mọc trở lại lưỡi mềm mại như lá hoa sen, nghĩa là theo sự tùy tưởng sanh ra. Lại có các loài chim Bạt Xĩ (ăn những cái răng); Cháp Yết Hầu (nắm giữ cái cổ), Thực Mao (ăn lông); Thực Phế (ăn phổi); Thực Sanh Tạng (ăn ruột); Thực Cốt (ăn xương); Thực Ôn Mật (ăn mật) phá xương cốt để uống tủy.

Lại nữa có chim Đỉnh Khổng, lưỡi nhọn như kim, chỉ toàn uống huyết. Lại cũng có những con chim Cốt Trung Trụ (ở trong xương);Phạt Qua (nơi móng tay) có con thì ăn mạch máu, có con ăn tóc; có con chỉ ăn gốc tóc.

Như thế, nơi A Tỳ địa ngục, ba ngàn do tuần có những Dạ Xoa ác làm chim bay qua, bay lại, trong trăm ngàn năm rồi lại tái sanh nữa, thọ khổ vô cùng”.

Kinh ấy cũng nói: “Tất cả những lưới khổ đó vây chặt chung quanh. Lại có địa ngục tên là Đọa Hiểm Ngạn (rơi vào nơi bờ hiểm nguy). Những tội thú nơi đó mong kêu cứu với chung quanh bốn bề; nhưng mười phương bị lửa bao vây, cô độc chẳng có bạn hữu. Chỉ có oan báo, gây nghiệp là trói chặt thường theo thói, nghĩa là làm cho thú nơi đó nhập vào đại địa ngục. Lại nữa những thú đã đọa vào những nơi hiểm nạn rồi, khi bỏ chân xuống bị lửa vây đốt chung quanh, khi giở chân lên bị sanh trở lại, đến đi qua lại nhiều lần thọ những cực hình thống khổ. Như thế thật là hoảng sợ, tất cả đầu mắt tay chân đều bị cắt ra từng phần. Rồi bị thiêu đốt, mà ở trong cuộc đời thật khó có. Gọi là đọa vào chỗ hiểm nạn, lại cũng nói là đọa xứ. Gió nghiệp bay lên đến với ba ngàn Du Thiên Na (Do Tuần). Sau đó đọa vào địa ngục rồi bị chim Kênh Kênh tranh nhau ăn thịt cho đến nghiệp gió kia nổi lên, rồi bị đọa trở lại như cũ, trải qua trăm ngàn năm thọ những khổ hình như thế”.

Lại kinh ấy cũng chép rằng: “Còn có đọa xứ tên là Thiết Thiết Luân. Có ngàn trục xe như thế đốt cháy thật mạnh. Ngay cả, vật cứng như Kim Cang cũng không thể hoại được, mà bánh xe ấy nghiền nơi thân tội nơn. Rồi thân tan nát tất cả đều bị thiêu đốt. Dùng chân ở nơi đó để đi như bị kim chích, như vào núi lửa có nhiều trùng đốt, ăn thịt tội nơn kia, ăn rồi lại sanh trở lại. Trải qua nhiều lần thọ khổ cực hình như thế, sanh rồi bị ăn thịt, ăn thịt rồi sanh trở lại. Thịt của thân thật khổ không kể xiết. Do ý ưa tạo nghiệp sát sanh mà nhận quả như vậy”.

Luận rằng:

Chẳng cùng với quả báo, ta nay sẽ nói về nghiệp làm ác kia. Ở nơi địa ngục có những dụng cụ như bánh xe bằng lửa quay, thành Càn Thát Bà giống như nai hiền. Do nghiệp si ác thấy có vật quý, y phục đồ dùng nhiều loại khác nhau, là do nghiệp si vậy. Ở nơi thiêu đốt những vật kia là do nghiệp của mình đã tạo ra Diêm Ma La Tốt cầm đao kiếm ghênh tiếp đến chỗ thành bằng sắt rồi sát hại tội nơn thiêu cháy tất cả tứ chi, tuy chỉ có xương còn lại. Đều do từ vô thủy đến nay chẳng xả tài vật mà thọ khổ báo này.

Luận rằng:

Nay ta sẽ nói về người tạo tội dâm dục tà hạnh. Nơi khổ trước đã giảm, liền được thoát khỏi. Ác nghiệp quay lại tăng lên như lửa lớn tụ lại. Lại đọa vào

nơi ác tà kiến. Do nghiệp đã tạo, do thấy người nữ , như trước kia đã thấy. Khi đã thấy rồi, như từ vô thủy đến nay lửa tham phát khởi, liền vội chạy đến người nữ. Do nghiệp mình đã tạo, mọi thứ đều thành sắt, phanh thây ra từng phần mà ăn thịt. Đến chẳng còn phần nhỏ như hạt cải, ăn rồi liền sanh trở lại. Sanh rồi lại bị ăn thịt. Người như thế bị lửa tham vây đốt, thọ chịu nhiều cực hình thống khổ. Như thế lửa dục thiêu đốt người nữ kia chẳng nhớ sự khổ nào. Người nữ trở thành sắt , cứng như Kim Cang, thân hoá lửa như đồng cháy rồi nắm lấy tội như ném thân vào cát. Toàn thân thể bị đốt cháy tan hoại. Khi tan rã rồi lại sanh ra nữa như trước đã nói. Ở đây lược nói kệ rằng:

Nữ sắc - tội căn bản

Hủy hoại bao phước lợi.

Ai đắm nhiễm nữ sắc.

Sao vui niềm vui lớn.

Đời này và đời sau,

Với người nữ một lần

Xa lìa được nữ sắc,

Thân an ổn vui vẻ.

Luận rằng:

Nay nói về nghiệp vọng ngữ. Như kẻ có thể lực lớn trị tội phạm nhưn bằng cách trói cột, lấy dao rạch miệng, lấy kim đâm vào lưỡi. Quả báo của vọng ngữ cũng như thế. Vì nghiệp xấu này mà lưỡi bị kéo ra năm trăm Du Thiện Na (Do Tuần), ở trên đó người cai ngục liền bỏ bị sắt cháy đỏ lên trên . Vì nghiệp đã tạo, nên có trăm ngàn hòn sắt, đốt cháy hừng hực; Có những con bò to béo mạnh khoẻ kéo cày qua lại trên lưỡi, máu huyết tuôn chảy không ngừng. Cày xong lưỡi lại hoàn như cũ. Đặc biệt, lưỡi này hoàn lại như cũ, còn mềm mại như tướng lưỡi của Trời, rồi tạo ra âm thanh khóc lóc, thọ nhiều khổ não, trải qua vô lượng trăm ngàn năm khó lìa khó nhả. Người ở địa ngục kia, khi lưỡi vào trong miệng thì sanh hoảng hốt. Đây là tướng trạng của việc ác nơi nơi đã rõ. Đọa vào chỗ lửa mạnh bị nung cháy, mà

lưỡi đao buốt hy vọng kêu cầu; nhưng lại bị người hành hình, tay cầm đao gây làm việc ma để đánh đập tội nhơn từ đầu đến chân, rã tan như hạt bụi.

Luận rằng:

Quả báo lương thiệt cũng giống như vọng ngữ đã nói. Lưỡi kéo ra ba trăm Du Thiện Na bị ngục tốt mang dao nóng đến để cắt lưỡi này. Có chó và chó sói đến ăn thịt. Thọ nhận cực hình đau khổ dấu hiệu khóc lóc. Lưỡi bị cắt rồi sanh trở lại như trước đã nói.

Luận rằng:

Quả báo của sự ác khẩu bây giờ sẽ nói tới. Ngục tốt trói buộc tội nhơn kia, dùng dao xẻo miệng rồi lấy lưỡi ra cắt. Do vậy đói khát cầu việc ăn uống, khiến tự ăn lưỡi của mình rồi uống máu của mình. Đây là nghiệp lực xấu vậy. Cắt lưỡi rồi lại sanh trở lại. Tội nhân cúi gập mình xuống đất thốt ra lời kêu cứu. Tròng mắt dao động thọ nhiều cực hình thống khổ. Ngục tốt lại dạy bảo: Do tự người làm có ai thay thế được. Nói như vậy rồi, từ lưỡi phóng ra chiếc cung rắn chắc, bắn bằng lời nói độc có tên bằng lửa. Người nói ác khẩu bị quả báo là như vậy.

Luận rằng:

Nói về quả báo của sự ỷ ngữ. Kẻ thọ hình bị ngục tốt cầm dao xẻo miệng, đổ nước đồng sôi vào miệng, dùng lửa thiêu đốt cổ họng, thiêu tâm can, đốt ruột, sau cùng thiêu lục phủ ngũ tạng. Thiêu tạng phủ rồi, từ dưới vọt ra.

Lúc bấy giờ ngục tốt nói kệ rằng:

Trước sau chẳng quen biết,

Vô nghĩa chẳng tương ưng

Đừng kêu rêu quyền thuộc

Quả đến thì phải nhận
Vì không chịu tụng kinh

Không nói lời chân thật

Vì vậy, chịu lưỡi này

Thịt và lưỡi không khác.

Luận rằng:

Bây giờ nói về quả báo xan tham. Người đọa vào địa ngục bởi do tạo nghiệp xan tham, vọng thấy đầy cả trân bảo mà mình đang giữ gìn. Người ở địa ngục do vô thí đến nay vì nghiệp ác si mê, nghĩa là nói riêng tham lam bất thiện, ưa làm nhiều chuyện lỗi lầm mà quả khởi lên sân hận ở địa ngục. Như thế rồi, vì ưa tham đắm nên tay cầm đao bén để đoạt của người. Người ở địa ngục lại cũng cầm đao với tướng mạo ác chiến. Cho đến ăn ngay cả thịt của chính mình hết sạch, chẳng còn thừa! Duy chỉ còn chừa xương rồi thốt ra những lời kêu cứu. Đây lược nói kệ rằng:

Thấy người khác giàu có

Mình bèn nghĩ chiếm đoạt

Quả tham, sân độc hại

Bây giờ phải thọ nhận.

Luận rằng:

Quả sân si là do nghiệp sân vậy. Như bị sư tử, rắn, cạp hiện ra trước mặt. Người này sợ hãi, bỏ chạy trốn tránh, nhưng không làm sao trốn thoát bất thiện nghiệp này, nên người ấy bị bắt, trước tiên bị ăn cái đầu rồi đến hai cánh tay. Bị rắn phun ra chất độc, rồi tranh nhau ăn. Bị cạp nhai gặm hai chân. Rồi bị đốt cháy, bị người cai ngục xé thân ra và còn nhiều điều khác nữa.

Luận rằng:

Tà kiến có vô lượng quả báo. Chỉ nói lược thôi, trong địa ngục có những trận mưa dao kiếm. Giọt nước mưa cứng như Kim Cang, như đá gây nên sự tàn phá vô cùng nguy hiểm. Lại có mười một nơi lửa tụ lại nghĩa là lửa đốt khát từ trong miệng mà ra, chung quanh bị thiêu đốt.

Luận rằng:

Đây nói những dục căn bản là rất khó, mà muốn ăn năn tội lỗi. Lại như trong kinh chép:” Có đại địa ngục tên là Hỏa Úng (lửa nung). Vì nghiệp gì mà chúng sanh đọa nơi khổ kia? – Vì chẳng phải Sa Môn mà tự xưng là Sa Môn. Hoặc nghe người nữ ca múa thâm tâm tác ý chẳng thể giải hết. Do nghe ca múa, ưa thích tham đắm đến nổi xuất tinh bất tịnh. Đặc biệt là kẻ bị đọa nơi địa ngục mưa nhiệt bằng bi tròn kia, tứ chi bị nát như bụi. Mưa lửa ấy nung đốt để nhớ về mình đã làm những dục tà hạnh trước đây. Cũng có địa ngục tên là Bát Nột Ma, nghĩa là do nhớ nghĩ mộng寐 trong ham muốn. Người đọa vào địa ngục lửa đốt thiêu này bị ngục tốt dùng gậy bằng sắt đánh đập như mưa. Ngoài ra, cũng do khi tu phạm hạnh lại hồi hướng nguyện sanh trong giới Thiên Nữ, bèn đọa trong địa ngục tên Đạt Đạt Nột Ma có giới hạn, còn gọi là Hoặc Hà. Thân bị nung nóng bằng lửa như nấu nước đồng làm cho thân bốc cháy, lông tóc như cỏ, thịt da như bùn, xương tủy lại như đá, mỡ làm mỡ cho cá. Trong địa ngục trải qua vô lượng thời gian. Lại nữa tà dục như hai người phá hoại chánh hạnh có nhiều tướng hình khác nhau.

Như trong kinh ấy chép:”Kẻ phá chánh hạnh ở nơi sông mê, có nhiều tiếng chuông vang lên vừa dứt thì do nghiệp ác ngày xưa sanh ra ưa thích, rồi vào trong sông ấy, tức là sự ưu khổ bị trôi chạt”.

Lại nữa nói rằng tà dục sanh ra quả báo cực ác, nghĩa là tội đọa ở trong bàng sanh. Ở địa ngục lại có trâu, nai v.v...hoàn sắt nóng vây hãm tạo thành những hình ảnh bất thiện.

Đối với cảnh giới súc sanh kẻ tâm dục đầy dẫy trong lòng đốt cháy, trải qua trăm ngàn năm cho đến nhiều hơn nữa. Lại nữa, tà dục bức bách hãm hại tinh giới Tỳ Kheo Ni hủy hoại chánh hạnh đọa vào đại địa ngục, rộng như trên nói. Lại nữa tà hạnh là hành dục phi đạo đức, tự thiêu cháy mình còn phương hại thô bạo đến kẻ khác. Hoặc do gần gũi, hoặc xưng Thầy dạy mà phá hoại chánh hạnh đọa vào đại địa ngục, chịu vô lượng cực khổ trải qua như trước đã nói.

Trong Kinh Thất Trùng Hợp Tập (Saptamaithuna-samyukta-Sutra) chép rằng:”Có một Bà La Môn đến với một vị đồng phạm hạnh nói rằng: Ta biết anh cùng tôi tuy cách nhà, hai căn hòa hợp. Hoặc nhà cửa quen thuộc gần gũi, qua lại tới lui mà khởi ái nhiễm. Người Bà La Môn này nói phạm hạnh hòa hợp nhưng không phải pháp hòa hợp, vẫn tu phạm hạnh mà chẳng thanh tịnh. Như thế nhà cửa, hoặc cùng vui chơi cười giỡn hay tâm ý vui nhiễm trước dù nói phạm hạnh mà chẳng thanh tịnh. Đây là nhà cửa, ưa vui thụ

hường đầy đủ, ca múa để nghe, gần hai bên vách mà khởi vui ái nhiễm. Đây có tên là hoà hợp. Như thế vui say ngũ dục rồi quán sát đó mà sanh ái nhiễm. Rồi cuộc, người phạm hạnh nguyện sanh về thiên xứ. Đây có tên là hợp nhưng không phải là pháp hoà hợp”.

Luận rằng:

Nếu niệm nghĩ về cảnh giới như thế là khó. Như Kinh Ha Dục (Kamapavadaka-Sutra) chép rằng:

“Phật bảo:- Này Tỳ Kheo! Hãy sợ con đường khô mà đoạn lia tâm dục. Hãy thật sợ hãi như đứng trước cây nạn. Đây là hai con đường đầy hiểm ác mà kẻ bất thiện kia gần gũi nơi con đường ấy. Những người chánh hạnh nên sớm xa lia. Các người chớ nên suy nghĩ như thế dầu có một ít dục vọng nhiễm ô”.

Đức Thế Tôn nói điều này là nhiều khổ và nhiều nạn cùng nhiều tội lỗi. Bị sự hủy báng và lăng mạ. Phật bảo các vị Tỳ Kheo:

- Lại nữa kẻ dục như người bệnh hủi trong đó chứa những độc dơ. Như móc câu, tài lợi làm gốc các tội. Dục như nằm mơ trên giường, là pháp hư vọng, là chết, là không, là vô thường, là biến diệt...mà kẻ ngu phu làm sao có thể đấm trước nơi niềm vui ái nhiễm này được! Thậm chí như nai bị trói chặt, như cá bị mắc lưới, như sâu bị đốt cháy, như khỉ bị cột vào trụ phân. Như Bà La Môn ôm chặt vào các giới kiến. Dục như thế chỉ nói tóm lược.

Kẻ tìm cầu dục lạc cũng giống như một bầy thú hoang đi trong đêm dài bị sa vào miệng Sư Tử chẳng biết giới răn, chui vào miệng Sư Tử chết không biết bao mà kẻ. Cho đến như con dã trùng cũng sa hàng trăm con vào miệng rắn, chẳng biết kẻ sao cho hết. Lại như trong đêm tối lâu dài kia, việc gần gũi tham dục như kẻ đạo tặc cầm dây tự thắt cổ mình, chẳng thể kẻ sao cho xiết, như xâm nhập vào trong làng ấp để sát hại dân chúng, bị lộ, cầm dây thắt cổ, không biết bao nhiêu mà kẻ xiết. Thọ nhiều cực hình đau đớn đến máu ra lai láng, như nước bốn biển vẫn còn ít hơn. Điều quan trọng là dù cho thân này bị nhiều sự hủy báng, xương cốt da thịt chất thành đồng, lông, trùng vô số phải ăn nhiều chất dơ uế đầy dẫy. Lại thân này có nhiều thứ bệnh khổ, nghĩa là mắt bệnh, tai bệnh, cho đến trĩ lậu v.v...như kinh đã nói. Lại nữa thân này là khổ, là não, vì sự già nua bứt bách mà làm khổ thân. Chẳng mạnh chẳng khoẻ, tóc bạc mặt nhăn; các căn đều rã rời khổ lụy mệt nhọc, thế nên vĩnh

viễn xa lia pháp như thế. Cho đến thân này hôi hám đáng ghét, chẳng nên thân cận. Đó là điều đáng suy nghĩ.

Phật bảo:

Này các Tỳ Kheo! Vì sao đôi với dục lại sanh ra tham ái: Vì cột chặt sự tham đắm ấy vào. Nếu sau khi ta diệt độ chánh pháp muốn diệt, thì các người đôi với kẻ tham dục và sân hận chớ nên gần gũi. Sẽ bị đọa vào ác thú làm sao có thể chờ đợi già chết để thọ lãnh lời dạy dỗ, hối lỗi của ta.

Phật bảo: Hãy dừng! Hãy dừng! Các Tỳ Kheo nên đoạn lia tâm dục. Nghĩa là chẳng phải thời mà ham dục, không nương vào pháp để cầu.

Lại nữa Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn chép rằng: “Nên biết xa lia dục tà hạnh ngay cả với vợ mình gần gũi để biết đủ vui. Nếu đôi với người thân quen mà sanh ái nhiễm, thì chẳng vui chút nào. Hãy dừng lại ý dục. Đó chỉ là một sự khổ não. Hãy nhẫn chịu dục cùng với sự tác ý. Nếu nổi dục tìm cầu, thì hãy tùy theo đó mà quán bất tịnh. Người gần gũi với kẻ dục nên biết nhiễm ý ấy được bảo bọc, xa lia sự trói cột chặt. Dừng cho khởi tham dục. Nơi thân vô thường hãy tưởng về bất tịnh. Hãy như thế nhớ nghĩ như ta đã làm. Hãy phân biệt, đây chớ có rơi vào chỗ dục, hướng con đường ác chẳng nên làm theo”.

Kinh cũng lại chép rằng:”Bồ Tát nơi quyền thuộc của mình nên khởi ba điều tưởng. Thế nào là ba? Nghĩa là cùng vui vẻ với chẳng cùng đời khác. Tuy đồng ăn uống mà nghiệp báo chẳng cùng lãnh thọ. Tuy cùng vui vẻ nhưng chẳng cùng khổ não. Cho đến điều này lại có ba loại. Nghĩa là Phá Giới tưởng, Phá Định tưởng, Phá Huệ tưởng. Cũng có ba loại khác. Đó là Tặc tưởng, Oán tưởng và Địa ngục tưởng”.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển năm

---o0o---

Quyển Thứ Sáu

Thứ tự Kinh văn số 1636

Bắt đầu dịch từ ngày 20 tháng 11 năm 2004
Nhân kỳ nhập thất lần thứ hai

Phẩm Không Thứ Tư - Phần Thứ Ba

Lại như Kinh Nguyệt Thượng Đồng Nữ Sở Vấn
(Candrottaradarikaparipeccha) chép rằng: “Lúc bấy giờ Nguyệt Thượng
Đồng Nữ thấy nhiều người muốn đến gần gũi; liền ở giữa hư không cao lớn
như cây Đa La, vì những người này mà nói kệ rằng:

Người quán thân của ta,

Màu sắc vàng lung linh

Chẳng có tâm dục nhiễm

Chỉ toàn được thanh tịnh

Muốn sanh vào cảnh giới,

Như nhà lửa đốt sạch.

Nhẫn, điều phục sáu căn,

Tịnh tu các phạm hạnh

Khi nhìn thấy người nữ,

Tưởng họ là mẹ hay chị.

Sau được thân đoan chánh,

Người khác thường vui thấy.

Nơi chân lông của ta,

Mùi thơm tỏa khắp nơi.

Chẳng từ tâm tham nhiễm,

Huân tu những quả lành.
Gốc tâm tham chẳng sanh,
Vô dục sao sanh dục.
Đức Mâu Ni chứng minh,
Nhu thật chẳng hư cuồng.
Ngươi xưa là cha ta;
Hoặc ta là mẹ ngươi.
Lần lượt làm cha mẹ,
Tình nào sanh nhiễm dục.
Ta lại chẳng hại ngươi,
Sao lại hại ta được;
Thù , bạn ai giết đây.
Tình nào sanh nhiễm dục.
Đoan chánh chẳng tham lam.
Tham không sanh đường lành.
Tham chẳng lia nhân khổ.
Nên tất cả phải bỏ.
Lại nữa nhân tham dục,
Đọa vào ba đường ác,
Dạ Xoa Tỳ Xá Xà,

Cùng chúng A Tu La,
Quý Cưu Bàn Trà thầy...
Tất cả do tham dục.
Hoặc đui mù câm điếc,
Tự thân bị tật bệnh
Việc lành dữ trong đời.
Đều do từ tham dục.
Hoặc được Chuyển Luân Vương;
Hoặc Đế Thích Thiên Chủ
Phạm Vương, Đại Tự Tại;
Đều rộng tu phạm hạnh.
Như voi, ngựa , bò , cạp.
Lạc đà, và heo, chó v.v...
Bản tánh rất hung hăng
Nên thường hay nhiễm dục.
Sát Lợi và Vương thân;
Hoặc tín sĩ, trưởng giả.
Giàu có hoặc quyền quý,
Đều rộng tu phạm hạnh.
Nếu bị vây khốn ngặt;

Nước lửa cùng nạn khổ,

Hoặc bỏ mắt , bỏ tai;

Lại cắt chân, cắt tay.

Cho đến làm kẻ ở,

Đều do thân dục nhiễm.

Lại nữa Kinh Tử Vương Sở Vấn (Udayanavatsarajy-pariprecha) đã nói ý nghĩa bài kệ về dục thế này:

Nếu nói người nhiễm dục

Như ruồi trông thấy máu.

lại như heo cùng chó,

Ăn thịt hôi bất tịnh.

Vô trí vui nữ nhơn,

Vội gáp cũng như thế,

Kẻ ngu chẳng rõ biết.

Lưỡi làm hại ô uế.

Như si mê người nữ,

Đầy đủ các hắc ám,

Sanh ở cảnh giới ma,

Chết đọa nơi đường ác.

Lại như loài côn trùng,

Do đắm trước mùi vị

Liên sanh tưởng vui thích.

Giống như vẽ cái bình

Bên ngoài thật đẹp đẽ.

Lại như gió thổi qua

Tốc tung các dơ bẩn.

Sau sa đọa vào đó.

Cùng vui chơi bất tịnh.

Thân như tiết vật hôi,

Kẻ ngu lấy làm đẹp,

Thân này chỉ cốt xương,

Da thịt được bao bọc.

Chỉ sanh có một mặt

Giống như ung nhọt lớn.

Lại như lỗ chân lông.

Nơi nơi đều đầy trùng.

Giống như đồ bất tịnh,

Thân này cũng như vậy;

Bụng như một bao lớn,

Trong chứa toàn đồ dơ.

Đầu xương cùng màng mỡ,

Máu huyết bị nhiễm ô
Có tám vạn loại trùng,
Bu quanh nơi thân này.
Rơi vào vòng đui tối,
Đều do ngu chẳng thấy.
Lại từ nơi cửu khiêu (9 lỗ bài tiết),
Chảy ra đồ bất tịnh.
Hoặc là thấy nghe nói,
Kẻ ngu sanh chấp thủ,
Tất cả nơi dơ uế;
Do vui chẳng rõ biết,
Mũi dãi lấy để ăn,
Vì ở cảnh giới ngu.
Hoặc nhiều nơi chảy nước,
Dơ uế thật đáng nhòm,
Vui gì chẳng biết dơ,
Như ruồi nhện thế ư.
Ở nơi pháp hạ liệt,
Kẻ tham dục hèn nhất,
Tạo nên những ác nghiệp.

Chết rơi vào đường ác,
Đọa vô gián địa ngục,
Thọ các khổ não lớn.
Phật nói các người nữ,
Xấu nhất trong các xấu (xú trung cực xú ác).
Cho nên ở hợp chung,
Phá lia tướng hạ liệt.
Lại nếu khởi chấp trước,
Chi kẻ ngu cạnh tranh,
Tạo ác nghiệp thế này;
Nên bị quả như thế.

Kinh cũng chép rằng: “Những hành tướng như thế theo tìm về chỗ khổ. Tự đem thân mạng của mình giam kín vào chỗ nhiễm chẳng xả ly. Cho đến nương vào họa tham cùng sự ăn uống. Bị người nữ hàng phục dẫn dắt, cho nên vào chỗ mê hoặc. Giống như trẻ nhỏ nô dịch tự do người sai biểu. Do nơi người nữ tham vui tạo thành, tất nhiên chẳng thể tu bố thí, trì giới cùng những việc lành. Lại nữa do những người nữ ác làm mà lụy, yêu sách đòi hỏi cột chặt. Do tâm chấp thủ tất đều nhận phục. Như mời người nữ đến nhà, khởi tâm dục lang soái để quán xem dung mạo. Do dục là nhân duyên, tự nhiên mà chuyển đổi”.

Phật bảo:

-Này Đại Vương! Kẻ ham muốn ái dục là chẳng thanh tịnh, là thật xấu ác. Những hạnh của thế gian thường hay bỏ rơi.

Cho nên có kệ rằng:
Tập hợp nơi người nữ,

Thấy làm cùng tùy hỷ.
Nghe rồi ý thêm vui,
Kẻ kia chẳng rời khỏi,
Gần gũi các khổ dục,
Đây mới thật là giặc.
Do nghe pháp này rồi ,
Khéo nói cùng si mê,
Tâm này theo người nữ ,
Không khác chuột cùng mèo,
Hoặc nghe Phật đã nói,
Dần dần được tỉnh ngộ
Sau đó đối với tham
Như uống độc La La.
Lại như heo thấy phân,
Phát sanh nơi ái dục.
Dành được trong chốc lát,
Chuyên sanh lại sợ hãi.
Mê đắm những người ngu,
Lìa xa lời Phật dạy.
Gần gũi ước muốn thấp,

Chết rơi vào đường ác.
Vui chìm nơi dục muốn,
Hủy giới phá tịnh hạnh.
Tạo ra bất tịnh nghiệp,
Đọa vào các đường ác.
Đối với các chánh pháp,
Rõ biết các cảnh dục,
Chẳng sanh tâm buông lung.
Thường sanh nơi cõi trời,
Đạo vô thượng Bồ Đề,
Đây chẳng phải có được.
Nếu nghe pháp này rồi,
Giây lát được Chánh Huệ,
Gặp pháp môn xuất gia,
Xa rời những ham muốn.

Luận rằng:

Điều này nói thật là khó, Như trong Kinh Tịch Tĩnh Quyết Định Thần Biến chép rằng: “Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi:

- Giả sử có người ở cõi Diêm Phù Đề trong loài hữu tình, đời đời với tài vật; khi mạng căn hoại. Nay Văn Thù Sư Lợi! Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ như ấy nơi Bồ Tát mà đoạn lia tất cả tâm lành, tức rơi vào chốn bàng sanh. Nơi chấp giữ lại cũng giống như nơi đọa lạc kia. Vì đoạn mất căn lành; nên phải trải qua A Tăng kỳ kiếp.

Vì sao vậy? - Vì kẻ đoạn căn lành tức là đoạn mất sự xuất thế của Phật.

Phật bảo:

-Văn Thù Sư Lợi! Lại nữa những chúng sanh kia ở nơi Bồ Tát khởi tâm keo kiệt, thì đây là nhân duyên nên biết, tức là rơi ba loại sợ hãi. Thế nào là ba? - Nghĩa là rơi vào địa ngục sợ hãi; rồi sanh sợ hãi đui mù và sợ hãi khó khăn nơi biên địa.

Kinh chép rằng: “Nếu được làm người, lời nói chẳng thành thật mà hay ưa thích phi báng, ác khẩu, sân nhuế nhiều nã mọi người. Về sau lại chính thân này mệnh chung rồi đọa vào địa ngục, sanh ra sáu căn không đầy đủ, thọ các khổ nã. Luân chuyển trong năm trăm do tuần, làm những côn trùng nhỏ ăn thịt. Như rắn có cả năm ngàn cái đầu, là do sự hủy báng vậy. Mỗi mỗi đầu kia có năm trăm cái lưỡi. Ở mỗi cái lưỡi, thè ra năm trăm hòn sắt nóng. Đây là tội của ngữ nghiệp vậy. Lửa mạnh tụ lại nung chảy trên đó.

Lại nữa nếu khởi lên tâm chẳng thuần thực lao đến nã hại Bồ Tát người này ở nơi đường súc sanh thường làm việc khó ấy. Đọa vào nơi địa ngục, trải qua trăm ngàn Na Do Tha kiếp. Nơi đó chết rồi làm rắn độc lớn, tham ác, đáng ghét. Đói khát rồi tạo nên những ác nghiệp đối với những chúng sanh khác. Giả sử có được ăn uống đi nữa cũng chẳng đủ no. Sau khi chết rồi, giả sử có sanh làm người lại sanh làm người mù, chẳng có trí tuệ, tâm ác độc chẳng dừng nghỉ. Lời nói ác hủy báng chẳng kính Thánh Hiền. Khi người ấy chết rồi lại đọa vào đường ác, trải qua ngàn vạn năm, khi sanh ra chẳng thấy Phật”.

Kinh nói rằng: “Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đối với Bồ Tát cho tới phát tâm thanh tịnh trong sáng, hoặc tâm ấy dễ dãi, cho đến nhiều kiếp nơi đại địa ngục như kẻ bị nung đốt kia. Nay Văn Thù Sư Lợi! Nghiệp của Bồ Tát này tức chẳng thể đọa, duy trừ sự hủy báng. Là Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi! giống như Kim Cang Ma Ni Châu, chẳng có gỗ đá nào có thể phá hoại được. Nay Văn Thù Sư Lợi! Nghiệp của Bồ Tát này lại cũng như thế, tất nhiên chẳng thể đọa được, duy trừ sự phi báng Bồ Tát”.

Kinh Tín Lực Tài Nhập Ân (Sraddhabala-dharavatarmudra Sutra) có chép rằng: Phật bảo Văn Thù Sư Lợi : Nếu lại có người ở mười phương thế giới và chúng sanh cùng khởi lên sự trói buộc của sân si, thì đọa vào nơi hắc ám. Nay Văn Thù Sư Lợi! Nếu ở nơi Bồ Tát xa ở trước, chỗ khuất vắng mà khởi

lên tâm tham sân si, thì tội hơn trước gấp a tăng kỳ kiếp số. Nay Văn Thù Sư Lợi! Lại nữa nếu có người ở cõi Diêm Phù Đề tất cả tài vật bị cướp mất. Nếu nơi Bồ Tát, lại sanh tâm mạ nhục, tội này hơn trước gấp a tăng kỳ kiếp số”.

Kinh cũng chép rằng: “Phật bảo Văn Thù Sư Lợi : Giả sử có người ở nơi hằng hà sa số tháp miếu của chư Phật, đều hủy báng. Nếu nơi tín giải Đại Thừa Bồ Tát Ma Ha Tát khởi lên tâm tham sân si; còn tăng sự mạ nhục; hoặc tăng thêm sự hủy báng, tội ấy quá hơn trước gấp a tăng kỳ số. Vì sao vậy? – Vì các Bồ Tát này sanh ra chư Phật Thế Tôn, từ chư Phật có những tháp miếu, sanh ra những lợi lạc cho chư Thiên. Nếu khinh báng chư Bồ Tát tức là khinh mạn chư Như Lai vậy. Nếu có kẻ cung kính chư Bồ Tát, tức là cung kính chư Như Lai. Kẻ muốn cầu tối thượng cúng dường, thì nên cúng dường chư Bồ Tát, tức như cúng dường chư Như Lai vậy”.

Luận rằng:

Về việc phước báu của sự cúng dường này, Như Kinh Tịch Tĩnh Quyết Định Thần Biến chép rằng: “Nếu có người hộ pháp và người thuyết pháp, tức là xa lìa tất cả con đường ác. Rộng cùng trời Đế Thích, vua Phạm Thế, Dạ Ma, Đâu Suất, Tự Tại Thiên v.v.. sau khi sanh làm người được làm vua Chuyển Luân Vương, Trưởng Giả, Cư Sĩ. Đầy đủ tài bảo, niệm huệ tương xứng, an ổn chẳng sợ”.

Luận rằng:

Thế nào là Bồ Tát đối với Bồ Tát khởi lên tâm ác? – Nghĩa là các loài dị sanh khác. Lại như trong Kinh Tín Lực Tài Nhập Ân chép rằng: Văn Thù Sư Lợi ! Giả sử có người nơi thế giới vi trần chúng sanh, mỗi ngày ăn uống trăm mùi vị ở cõi trời và mặc y phục ở cõi trời và bố thí hằng hà sa kiếp như thế. Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhen! Thành tựu thập thiện cúng dường như vậy: kẻ nói Thanh Văn, kẻ nói Bích Chi Phật; kẻ nói Đại Thừa. Người trụ nơi giới đức của Đại Thừa tương ứng với niềm vui biện tài, cùng với kẻ vô trí hí luận kia mà vì mưu toan nghe thọ để cúng dường, cho đến khi tội hết. Phật bảo: Nay Thiện nam tử! giống như có người ở buổi sáng trong ngày nơi cõi Diêm Phù Đề đem các đồ trân quý cúng thí cho đệ tử của Phật. Giữa ngày và cuối ngày lại cũng làm như thế. Đây cả trăm ngàn năm bố thí như thế, thì người kia được phước đức có nhiều chăng?

Bạch đức Thế Tôn rất nhiều. Người này phước đức vô lượng vô số, mà phước đức chẳng thể tính đếm được, duy trừ đức Như Lai mới có thể hiểu hết được.

Phật bảo này Thiện nam tử! Nếu có vua lành Sát Đế Lợi như đã nói ở trước, liệu vua có được phước nhiều không? - Như thế nói lược phước báu hơn trước vô lượng a tăng kỳ số.

Phật bảo: Ở đời sau năm trăm năm hộ thế bằng pháp nhãn, khéo hộ mình và người, cho đến hộ trì người khác. Thường hay làm đệ tử nơi lời dạy của ta. Là pháp khí chẳng phải pháp khí, cắt tóc, mặc áo Cà Sa, đều nên khéo hộ, chớ sanh nã hại. Cho đến ở đất nước này hay quốc độ kia, tất cả được giàu có, diệt trừ hết tội cấu. Chư Thiên, chư Tiên tăng ích giữ gìn đời sống lâu dài, tự mình và người khác phiền não lại đều mất hết. Trụ ở con đường Chánh Giác Lục Ba La Mật lia các tội ác. Nơi biển luân hồi chẳng chìm đắm lâu dài, thường lia bạn ác, gần gũi thiện tri thức. Cùng với chư Phật, đại Bồ Tát vui nơi nước Phật. Chẳng bao lâu sẽ được quả A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Lúc ấy trong chúng, tất cả nghiệp đạo một Ưu Bà Tắc, nơi mỗi ngày hay cúng thí thức ăn, đồ uống nơi đệ tử Phật như thế, quá hơn phước báu gấp a tăng kỳ số. Lại nữa Văn Thù Sư Lợi! Nếu nơi các thế giới vi trần số thành tựu mười thiện nghiệp cùng các Ưu Bà Tắc, ngày ngày trăm mùi vị cõi trời, đồ ăn thức uống cùng y phục của chư Thiên, ở nơi hằng hà sa kiếp số như thế mà bố thí. Nếu lại có người nơi một Tỳ Kheo trong mỗi ngày có thể cúng thí đồ ăn thức uống, nhiều hơn phước báu gấp a tăng kỳ số.

Như Kinh Nhập Định Bất Định Ấn chép rằng: “Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: Giả sử mười phương các thế giới các loài hữu tình, tất cả bị thiêu chột một mắt trong mẫn một kiếp. Lại có Thiện nam tử, Thiện nữ như nơi hữu tình khởi tâm bi mẫn, làm cho mắt kia bình phục trở lại trong đủ một kiếp. Văn Thù Sư Lợi! Nếu lại có người có lòng tin Đại Thừa nơi Bồ Tát, mà đem tâm thanh tịnh để qua lại chiêm nghiệm, phước báu này hơn trước gấp vô lượng a tăng kỳ số. Nay Văn Thù Sư Lợi, giả sử có người hay làm cho mười phương các lao ngục bị đóng chặt lại, rồi chúng sanh hết thấy được thoát khỏi. Lại thọ nhận nơi Chuyển Luân Thánh Vương niềm vui kỳ diệu hoặc niềm vui của Phạm Thiên. Nếu lại có người tin rõ nơi Đại Thừa Bồ Tát, dùng tâm thanh tịnh để chiêm ngưỡng tán thán. Phước báu này hơn kia vô lượng a tăng kỳ số”.

Kinh Địa Tạng chép rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu vua Sát Đế Lợi chân thiện; Cư sĩ chân thiện; Tể quan chân thiện; Sa Môn chân thiện, Bà La Môn chân thiện v.v..tự gìn giữ mình, gìn giữ kẻ khác và gìn giữ đời khác. Nơi đệ tử Phật là pháp khí hay chẳng phải pháp khí; cho đến cạo tóc, mặc áo Cà Sa, tất cả nên thủ hộ. Vua trời cùng quyền thuộc của trời cho đến thí chủ, cùng với quyền thuộc tất cả đều từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng: Kính bạch đức Thế Tôn: Nếu trong đời vị lai cho đến sau đó năm trăm năm, có vua Sát Đế Lợi chân thiện; Cư sĩ chân thiện; Tể quan chân thiện, Sa Môn chân thiện, Bà La Môn chân thiện v.v.. như thế gìn giữ chánh pháp hộ trì Tam Bảo, tất cả đều làm pháp hưng thịnh. Đó là điều quan trọng. Nơi đó có quyền thuộc của con; vua Sát Đế Lợi chân thiện; Cư sĩ, Tể quan chân thiện v.v.. mười công việc bảo hộ tăng trưởng. Thế nào là mười? - một là tăng thêm thọ mệnh. Hai là rộng giữ chánh pháp. Ba là thường chẳng bệnh nã. Bốn là quyền thuộc đông đủ. Năm là lúa thóc đầy kho. Sáu là mạng sống chẳng yếu. Bảy là giàu có tự tại. Tám là danh thơm đồn khắp. Chín là bạn lành khắp nơi. Mười là trí huệ đầy đủ. Đây là mười loại rộng khắp như đã nói”.

Luận rằng:

Nên biết quả báo to lớn rộng sâu như người nhập vào thánh địa. Cho nên Kinh Quan Âm (Avalokana-Sutra) chép rằng: “Phát tâm chánh giác tức làm lợi cho tất cả chúng sanh vậy. Nếu chỉ đi nhiều bên phải tháp của Phật, ta nói công đức này cũng rộng lắm. Nay chư Phật tử! Nếu người chẳng thích chư Thiên, xa lìa người lành, cảnh giới địa ngục rộng mở ra như trước đã nói”.

Luận rằng:

Chưa thể ở nơi ấy khai thị, dừng dừng lại nơi phân biệt này. Như trong Kinh Tịnh Chư Nghiệp Chướng (Karamavaranavisuddhi-Sutra) chép rằng: “Phàm nói chướng ngại đều gọi tên là khó. Phật bảo Văn Thù Sư Lợi rằng: Vì sao có tên là chướng ngại? – Vì tham là chướng, sân là chướng, si là chướng. Bồ thí là chướng, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ tất cả đều chướng ngại. Vì sao vậy? – Vì kẻ ngu phu sanh ở đời khác khi làm bồ thí thường hay keo kiệt, chẳng khởi tịnh tín. Do chẳng tịnh tín phát khởi nên làm tổn hại tâm. Do sự tổn hại nên sanh hồi nã, tội đọa vào đại địa ngục. Kẻ giữ giới vì phá giới người, gia tăng sự hủy báng; chẳng làm việc xưng tán; làm cho những người này nghe mất niềm tin, rồi chẳng sanh tịnh tín; Do chẳng tin nên rơi vào đường ác. Kẻ tu nhẫn do nhẫn xác lã, sự nhẫn này

hôn mê làm tâm vẫn đục. Do sự nhẫn hôn mê tạo ra gốc buồng lung, sẽ rơi vào chốn khổ. Kẻ phát tâm tinh tấn liền khởi lên sự ngã mạn, khiến cho các Tỳ Kheo tu hành giải đãi. Chẳng cùng tín thí ăn cơm uống nước đầy đủ, do phát tâm tinh tấn ngã mạn khởi lên; khinh chê người khác như kẻ ngu phu kia và kẻ ở yên nơi thiền định, do nơi tĩnh lự Tam pháp sanh ái lạc. Kẻ kia như ta đã hành tam muội mà tâm của các Tỳ Kheo khi hành bị tán loạn. Do đó nên Phật vì kia nói rộng ra”.

Lại nữa như Kinh Tỳ Chuyền Chư Pháp (Sarva-dharmapravrttriridesa-Sutra) chép: “Dạy bảo cho Bồ Tát trừ nghiệp chướng, sẽ được Bồ Đề. Chỉ dạy oai nghi, sẽ được Bồ Đề. Chỉ dạy uy nghi đạo hạnh sẽ được Bồ Đề. Mà Bồ Tát kia đối với Bồ Tát sanh tư tưởng hạ liệt rồi thân này phát ra sự suy nghĩ cống cao, nghĩa là ít trừ nghiệp chướng vậy. Bồ Tát này đối với Bồ Tát kia hoặc nói lời chỉ bày làm cho nhập vào tư duy tới Phật. Bồ Tát đối với Bồ Tát chớ khởi tâm hủy báng, để kia chẳng xả Bồ Đề vậy. Phật bảo: Này Thiên Tử! Bồ Tát như thế chẳng đoạn mất phần nhỏ thiện căn như Bồ Tát chẳng có hai hạnh. Giả sử kẻ chẳng phát tâm Bồ Đề dưới đến các Bồ Tát lan lợi; trên chẳng khởi sự lãng mạ. Hà huống kẻ phát tâm Bồ Đề. “Nhu Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội (Suramgamasamadhi-Sutra) chép rằng: “Phật bảo Kiên Ý Bồ Tát: Vì sao kẻ chưa phát tâm mà được thọ ký? Nếu được sanh ngũ thú luân hồi; hoặc trời, người, bàng sanh, địa ngục, cảnh giới A Tu La, thì người này các căn mạnh khoẻ tin rộng hiểu nghĩa sâu. Như Lai rõ biết người này, cho đến nếu trong trăm ngàn số Na Do Tha kiếp sẽ phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề; cho đến như thế trải trăm ngàn a tăng kỳ kiếp được quả Bồ Đề. Điều quan trọng Phật bảo: Này Kiên Ý! Gọi Bồ Tát này là tâm Bồ Đề chưa phát sanh mà đã thọ ký. Lúc bấy giờ Tôn Giả Ca Diếp đến trước Phật bạch rằng: Kính bạch đức Thế Tôn: Từ đây về sau nơi mọi chúng sanh sẽ khởi tưởng đến Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì chúng con chẳng có trí tuệ như thế. Thử hỏi làm sao chúng sanh có được sự thành thực của căn lành Bồ Đề, mà chẳng nói là không. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng biết những hành tướng như thế, nếu nơi chúng sanh khởi tưởng sự hạ liệt, tức tự làm tổn thương”.

Phật bảo: Lành thay! Đại Ca Diếp! Khéo nói lời này mà ý nghĩa là đây vậy. Tự tại chánh quán! Ta nơi đó nói pháp như thế này. Đừng nên vọng xưng kẻ xuất gia, người tại gia, nam tử nữ nhơn. Nếu vọng xưng tức tự làm tổn thương vậy. Duy có Như Lai có thể biết được chúng sanh. Này Đại Ca Diếp! Nếu các chúng Thanh Văn và Bồ Tát sẽ nói cho tất cả chúng sanh khởi tưởng đến Thế Tôn.

Luận rằng:

Bồ Tát đối với các chúng sanh sao có ít phần chẳng làm sự hóa độ; chẳng hộ trì thân này? Thấy như thế rồi liền quyết định được Bồ Đề vậy. Đối với Phật tử kia chẳng nên lãng mạ. Nên phải hộ trì như Kinh Diệu Pháp Liên Hoa đã chép: “Hoặc có người tạo chùa bằng đá, Chiên Đàn hoặc Trầm Thủy; cây thường hay gỗ quý, ngói gạch, bùn đất v.v..nếu ở nơi hoang dã mà lấy đất tạo thành chùa thờ Phật; cho đến đồng tử giỡn, nhóm cát làm tháp Phật. Những người như thế đều sẽ thành Phật đạo. Cho đến những kẻ họa tượng Phật với trăm phước tướng trang nghiêm. Tự tạo hoặc bảo người làm; tất cả đều sẽ thành Phật đạo. Cho đến đồng tử giỡn dùng cỏ cây và rơm rạ hoặc bằng lông tay, móng tay mà họa thành tượng Phật. Như thế tất cả những người này đều sẽ thành Phật đạo. Nếu có người ở nơi tháp miếu, tượng quý và tượng vẽ dùng hoa hương, phan lọng với tâm kính thành mà cúng dường. Hoặc bảo người tạo nên âm nhạc, đánh trống thổi tù và, thổi sáo, đàn, tiêu, địch, Tỳ Bà, thanh la...Như thế tạo nên những âm thanh vi diệu, tất cả đều để cúng dường. Hoặc tâm hoan hỷ ca dương tán tụng công đức của Phật cho đến một âm thanh nhỏ. Tất cả cũng đều thành Phật đạo. Nếu có người tâm tán loạn mang một cành hoa đến cúng dường nơi tượng họa, liền thấy vô số Phật. Hoặc có người lễ bái, hoặc lại hay chấp tay; cho đến đưa một tay lên; hoặc một cái cúi đầu nghiêng xuống để cúng dường tượng thì sẽ thấy vô lượng Phật”.

Lại chép rằng:”Nếu người tâm tán loạn vào nơi tháp miếu chỉ một câu xưng Nam Mô Phật. Tất cả sẽ được thành Phật đạo. Ở nơi Phật quá khứ, hiện tại hoặc tại thế hoặc sau khi diệt độ. Nếu nghe được pháp này. Tất cả sẽ được thành Phật đạo”.

Lại nữa, như trong Kinh Đại Bi (Mahakaruna-Sutra) chép rằng:”Phật bảo A Nan: Giống như người câu cá được cá, ở nơi hồ nước lớn đặt cần câu, làm cho cá tìm đến mồi, cá ăn xong bị mắc câu. Vì sao thế? Vì biết rằng cá chỉ ở trong hồ, chẳng ra khỏi hồ. Lại cũng như thế biết rằng cần câu kia là chỗ cột chặt cây ở trên bờ. Lúc bấy giờ người câu cá đến nơi thấy phao động nên biết được cá. liền giật dây câu đưa lên bờ. Như thế tùy theo ý muốn mà thọ dụng. Phật bảo A Nan: Ta nay lại cũng như vậy. Làm cho tất cả chúng sanh ở nơi Phật Thế Tôn tâm sanh tịnh tín trông sâu căn lành; cho đến một tín tâm, mà những chúng sanh kia duy chỉ trừ ác nghiệp bị che khuất; sát na đọa lạc. Nếu Phật Thế Tôn nơi chúng sanh kia dùng trí Bồ Đề để chấp nối dây kia đưa qua khỏi biển luân hồi và an trí chúng sanh qua bờ Niết Bàn”.

Luận rằng:

Tất cả việc làm tưởng nhớ kính lễ Phật; nên biết điều này nơi tâm ý thường hay thư lễ. Nếu kẻ mới phát tâm Bồ Đề dùng thân để kính lễ như Thiện Tài Đồng Tử (Sudhana) đối với Bảo Vân Đại Bồ Tát dùng thân để kính lễ khi mới phát khởi ý đạo. Tất cả việc này đã đầy đủ như Kinh Thâm Tâm Giáo Huấn chép:” Vì các Bồ Tát ở nơi độ sanh mà cung kính lễ bái. Hoặc nói một nơi nào lễ hoặc chẳng lễ chẳng sanh sai biệt. Ở đây sự lễ bái nối chặt vào nhau. Những ai chẳng lễ như thế thì không sanh phước báu. Do chỉ một lễ mà được thấy chư Phật; không có nơi nào được như thế”.

Luận rằng:

Vì Bồ Tát học xứ này; chẳng phải Bồ Tát học xứ này; đều hủy báng chánh pháp, nói điều ấy khó. Cho nên trong Kinh Tập Chư Pháp Phương Quảng (Sarvadharmavaipulya-Samgraha-Sutra) chép rằng: “Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: Vì sao Như Lai chỉ nói một ít phân pháp; hoặc khởi tưởng thanh tịnh hoặc khởi tưởng chẳng thanh tịnh . Đều hủy báng chánh pháp . Kẻ hủy báng chánh pháp kia tức là hủy báng khinh mạn chư Phật, Pháp, Tăng. Lại nói điều này là giải thoát. Đây chẳng phải giải thoát, đều là hủy báng chánh pháp. Ta chẳng riêng nói có pháp phó chúc cho Thanh Văn thừa, phó chúc Duyên Giác thừa, mà phó chúc cho Đại Thừa . Kẻ ngu si ở nơi pháp này của ta, dùng nhiều loại thí để nói pháp Thanh Văn này. Đây là Duyên Giác, đây là Bồ Tát. Do sự khởi tưởng khác nhau mà liền hủy báng chánh pháp. Gọi đây là Bồ Tát học xứ. Đây chẳng phải Bồ Tát học xứ. Kẻ hủy báng chánh pháp gọi đây là Pháp Sư có biện tài; chẳng có biện tài. Lại có tên là hủy báng pháp. Lại nữa nói đây thuyết pháp , đây pháp thuyết, đây là phi pháp. Đều gọi tên là hủy báng pháp. Sao trong quá khứ Phật xuất thế không có tổng trì có thể được. Lại có tên là hủy báng pháp. Nơi vị Pháp Sư lại chẳng tổng trì. Tất cả có tên là hủy báng pháp. Đối với Pháp Sư đã mất đi cái hành. Lại có tên là hủy báng pháp. Nghĩa là vị Pháp Sư nói pháp không đầy đủ biện tài. Đây có tên là hủy báng pháp, dạy dỗ chỉ bày sự buông lung . Đây có tên là hủy báng pháp, dạy bảo chỉ bày uy nghi đạo hạnh. Lại có tên là hủy báng pháp, dạy dỗ bất chánh giới. Lại có tên là hủy báng pháp, khuyết giảm biện tài, lại có tên là hủy báng pháp , ở nơi pháp quang minh mà chẳng rõ biết . Lại có tên hủy báng pháp, khi được mời thỉnh chẳng hiểu rõ chỗ nói. Đây có tên là hủy báng pháp, nơi lời dạy của Như Lai chỉ nghĩ đến văn tự mà chẳng vào được chỗ lý giải. Tất cả đây có tên hủy báng pháp.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ sáu

---o0o---

Quyển Thứ Bảy

Thứ tự Kinh văn số 1636

Bắt đầu dịch từ ngày 23 tháng 11 năm 2004

Nhân kỳ nhập thất lần thứ hai

Phẩm Không Thứ Tư - Phần Thứ Tư

Nghĩa là khế kinh này khác với khế kinh kia. Tất cả có tên là hủy báng pháp. Có nghĩa là Đà Đà (kệ) này khác với Đà Đà kia. Có tên là hủy báng pháp. Làm sao có thể khởi lên một niệm tín giải; hoặc chẳng khởi lên. Đều có tên là hủy báng pháp. Đối với Pháp Sư nói pháp về ý nghĩa và giải thích khác biệt, từ đó thay đổi, có tên là hủy báng pháp. Làm công việc này xa lìa mắt thấy ở nơi sự quán sát, nói cười với lời hí luận. Tất cả có tên là hủy báng pháp. Đây là có thực hành; đây là chẳng thực hành. Tất cả có tên là hủy báng pháp. Nói đây là lời Phật dạy về Tam Muội; nói là giải thoát. Phật kia nói Tam Muội là giải thoát. Đây có tên là hủy báng.

Phật bảo: Văn Thù Sư Lợi! Cho đến có tất cả những sự thay đổi, đều có tên là hủy báng pháp. Nếu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di v.v..đối với Pháp Sư nói về hình tướng như thế này; tư duy như thế này...Tất cả đều là hủy báng chánh pháp.

Kinh chép: “Phật bảo rằng: Nay Thiện nam tử! Nếu sau khi Như Lai diệt độ vì ta mà thuyết pháp. Tùy theo niềm vui cũng như sự tin hiểu vì chúng sanh mà nói. Nơi pháp hội kia: có chúng sanh từ thân thể cho đến lỗ chân lông hoan hỉ sâu bên; hoặc rơi nước mắt bi lụy. Thì nên biết rằng những điều này được chư Phật ẩn khả cho. Kẻ ngu si kia lại nói: Đây là Bồ Tát! Đây chẳng phải là Bồ Tát. Nên biết là Bồ Tát vậy. Do sự nói không đúng về pháp ba Thừa mà nơi ta đã thuyết pháp, do sự ngộ giải ấy, cho nên nơi Bồ Tát đã khởi lên sự nhục mạ. Ta nói người này ở nơi địa ngục, chẳng có thời gian. Vì sao vậy? - Vì nếu Bồ Tát Đối với Pháp Sư khởi lên sự phỉ báng: tức là xa lìa chư Phật; hủy báng chánh pháp cùng các Tỳ Kheo Tăng. Lại nữa do sự khinh mạn các Pháp Sư thuyết pháp nên đã chẳng khởi tâm tôn trọng. Đồng thời cũng có nghĩa là chẳng sanh tôn trọng Như Lai. Đối với Pháp Sư thuyết

pháp chẳng muốn nghe. Có nghĩa là chẳng sanh vui thích đối với Như Lai. Đối với Pháp Sư thuyết pháp chẳng xưng tán, nghĩa là chẳng khởi sự xưng tán nơi Phật Như Lai. Đây tức là xa Phật vậy.

Nếu đối với sơ phát tâm Bồ Tát khởi ý não hại. Phật lại bảo:

- Này Từ Thị! Nếu đối với Lục Ba La Mật của ta. Bồ Tát thành chánh giác; kẻ ngu si vọng nói về Bát Nhã Ba La Mật Đa phải nên biết về Bồ Tát Học Xứ. Thế nào là học Ba La Mật Đa ? - Học Ba La Mật là không đánh mất lời Phật dạy. Này Từ Thị! Ý của người như thế nào? Khi ta làm ông Thước Ca Hộ (Casi) giải cứu mạng cho cạp con mà thí thịt mình là chẳng có trí tuệ ư?

Từ Thị bạch rằng:

- Không phải vậy! Bạch đức Thế Tôn.

Phật bảo:

- Này Từ Thị ! Nếu tu hạnh Bồ Tát; ở nơi Lục Ba La Mật hạnh phải tương ưng; phát tâm Bồ Đề lẹch lạc chẳng thành thực thiện căn ư?

Từ Thị đáp rằng:

Chẳng phải vậy kính bạch đức Thế Tôn.

Phật bảo:”Này A Dật Đa (Ajita. Từ Thị, Di Lặc) người lại ở nơi sáu mươi kiếp huân tập làm hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát Nhã Ba La Mật Đa, tất cả đều huân tập hành trì. Lại nữa kẻ ngu si nói như thế này: Chỉ có một chánh lý là con đường Bồ Đề; cho nên thực hành về tánh không. Đây là chánh lý được bản nhiên thanh tịnh vậy.

Tập Ly Nan Giới Học

(Silaparamitayam anarthavarjanam

pamcamah taricchedah)

Luận rằng:

Nói đơn giản là khó, nên xa lìa. Như Kinh Thâm Tâm Giáo Huấn nói:” Như thế các loại khó nghe rồi sợ hãi. Nghe đây là Sơ Hành Bồ Tát thọ trì điều này. Nói sự lợi ích rồi bạch rằng:

Kính bạch đức Thế Tôn! Con nay đầu tiên ở trước Như Lai mà thọ trì điều này. Bạch Thế Tôn! Con từ xưa đến nay đối với Bồ Tát cùng với hoá nơn đã nói về tội sai trái thật và chẳng thật. Đây là sự ngông cuồng về đức Như Lai Chánh Biến Tri. Bạch đức Thế Tôn! Lại nữa con từ xưa đến nay đối với Bồ Tát và đối với người hiền hủy báng mạ lị; hoặc tại gia hoặc xuất gia, thọ năm niềm vui dục lạc; buông lung tự tại. Thấy thế rồi chẳng sinh tín tâm thanh tịnh làm cho họ sanh tâm xấu hổ. Khởi tâm chẳng tôn trọng, chẳng sanh tưởng nhớ đến Phật, mà vội vã có tâm khổ não về tâm. Biến hoá vào nhà tri thức để thọ lãnh những của bố thí. Thấy như thế rồi, lại chẳng có một niềm vui, lời nói tốt đẹp. Ngày đêm ba thời chẳng quy hướng . Đây là sự ngông cuồng đối với đức Như Lai Chánh Biến Tri. Bạch đức Thế Tôn! Con từ xưa đến nay thọ trì cấm giới. Hoặc có lúc làm vua; ở nơi thân mệnh, tài sản chẳng bố thí xả bỏ. Lại mắng chửi Thanh Văn, Duyên Giác cho đến người hiền, mà cho rằng chỉ có con là cao cả hơn. Hoặc làm như tâm của Chiên Đà La tự cao về bản thân của mình và hạ thấp người khác. Hoặc gặp việc đấu tranh mà chẳng sợ hãi bỏ chạy; qua hơn một do tuần hoặc trăm do tuần. Đây là sự ngông cuồng về đức Như Lai Chánh Biến Tri vậy.

Kính bạch đức Thế Tôn! Con từ xưa đến nay thân thường hay trì giới đầy đủ; hoặc chẳng ở nơi đa văn phân biệt biết về công đức của đầu đà; cho đến việc phát sanh công đức của việc làm mang lại niềm vui nơi thân. Che đậy việc lành và hiển thị việc xấu ác của người. Đây tức là sự ngông cuồng của con đối với đức Như Lai Chánh Biến Tri.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói với đức Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: Này Thiện nam tử, Thiện nữ nơn. nếu muốn thanh tịnh nơi nghiệp chướng, thì nên như Sơ Hành Bồ Tát này mà thọ trì.

Lại nữa như Kinh Tùy Chuyền Chư Pháp chép rằng: “Nếu như Bồ Tát đêm ngày ba thời, đem đầu mặt đánh lễ cung kính: người này nơi sở hạnh ấy lại chớ nên dòm ngó đăm thọc. Giả thử thường thấy đấm trước nơi ngũ dục lạc; lại chẳng nên có tâm nhỏ mọn dòm ngó đánh mắt. Kẻ hành Bồ Đề tu vô lượng công đức thù thắng, lợi ích. Sự thù thắng ấy do đó dần dần con đường tu đạo sẽ tiến đến quả vị Phật. Làm cho kẻ tu hành từng phần cột chặt nơi vô lượng trăm ngàn số Na Do Tha kiếp, nơi chốn địa ngục, bị thiêu đốt như những kẻ khác.”

Kinh chép rằng: “ Này Thiện nam tử! Những hành tướng như thế xa lìa tội nghiệp. tất cả những việc làm của Bồ Tát kia đều chẳng có hai hạnh; nên tin tưởng giải rõ tất cả công việc tu học và phát tâm như thế. Sau đó ta ở nơi tâm kia rõ biết chẳng khó khăn. Việc làm giáo hoá các chúng sanh cứ như thế mà làm. Lại nữa Thiện nam tử! Tự Tại Biến Chiếu Quán Sát Như Lai thuyết pháp như thế; nên chẳng có người nào so sánh với người này cả. Nếu có người nào bảo rằng rõ chỗ ta nói tức là thấy ta. Thiện nam tử! Muốn giữ gìn thân này thì ngay nơi việc làm này chẳng nên nghi hoặc. Như thế chẳng hoại việc lành nơi kẻ khác . Kẻ cầu Phật nên biết ngày đêm đối với pháp mà suy nghĩ giải bày”.

Kinh chép rằng: “ Lúc bấy giờ lại có trăm ngàn chúng sanh thông tuệ từ chỗ ngồi đứng dậy chắp tay cung kính mà bạch Phật rằng: Kính bạch đức Thế Tôn: Con nay ở trước Ngài phát lời nguyện như thế này: Cho đến sự lưu chuyển sanh tử trong dài lâu, chưa được nhần, thường nguyện chẳng bỏ ngôi vị ở nơi vua quan, thành ấp, tụ lạc chỗ ở v.v..cho đến chẳng rời khỏi chỗ của Thương chủ, Sư trưởng, Cư Sĩ, Bà La Môn chủ. Tất cả quyền thuộc giàu có tôn trọng. Cho đến chưa ngừng nghỉ sự nhần nhục. Chúng con ở nơi đó cứ như thế tùy theo đó mà thực hành. Kẻ ngu, ác, thiếu trí tuệ liền đối với Phật thế Tôn dạy dỗ đã chẳng thể tu tập”.

Luận rằng:

Rộng nói sự lìa khỏi việc khó khăn này. Như trong Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội có nói kệ rằng:

Người ngu chẳng cung kính.

Nên biết chẳng có tội.

Mẹ thường hay dạy bảo.

Con nên làm như vậy.

Phàm muốn thuận một chút.

Ta phải thường tôn trọng.

Chẳng nên hay than vãn,

Mệt quá xin hóa độ,
Học hỏi nơi người trên.
Cùng Đại Đức Thế Tôn.
Đảnh lễ thật cung kính;
Vì họ mà kính trọng.
Chớ thấy kia chậm chạp,
Chỉ xem nơi Bồ Đề.
Thường vui khởi tâm từ,
Lại chẳng sanh tổn hại.
Lại nữa nếu châm chọc,
Sân khiến họ sai trái.
Nếu vui nơi nghiệp lành,
Đi sâu vào đường đạo.
Cúi mình trước Tôn Túc,
Như mặt sạch dưới trăng.
Thường yêu mến lời này,
Mạnh trừ được ngã mạn.
Đồ ăn và y phục,
Điều này nên lân mẫn,
Cho kia như tâm này.

Tất cả được điều phục.

Nếu tâm Bồ Đề phát,

Hoặc chẳng sanh tín trọng.

Họ tự muốn giữ gìn.

Sợ rơi vào đường ác,

Thấy chẳng thấy niềm vui.

Tâm sạch do tự loạn.

Tâm phân biệt tự tánh.

Rộng sâu nơi sự nghiệp.

Lại nữa như Kinh Hoa Nghiêm chép rằng: “Lúc bấy giờ đức Từ Thị Bồ Tát quán sát xem Thiện Tài Đồng Tử về công đức của việc phát tâm Bồ Đề, liền nói kệ tán thán rằng:

Nếu thấy các chúng sanh

Già bệnh cùng khổ bách.

Lại lo sanh tử khổ,

Phát đại bi cứu giúp.

Do thấy đời khổ ách,

Lưu chuyển trong năm cõi.

Vì cầu trí vững chắc,

Phá các vòng khổ lụy.

Nếu thấy kẻ tham vui,
Chìm đắm trong khổ sở.
Vì làm chỗ kiên cố.
Giữ gìn chỗ chúng sanh.
Si hại ám thế gian.
Che đường chánh , mắt huệ.
Nhu Đạo Sư đui mù
Chỉ bày nơi an ổn.
Kiếm trí hàng giặc dã.
Giải thoát ba pháp nhãn.
Vì thế gian làm thầy.
Lại được lìa khổ báo.
Hoặc pháp như chủ thuyền
Hay rõ biết đường biên.
Làm thầy cả ba cõi
Đến được bảo sở kia.
Trí tuệ vòng đại nguyện
Nhu mặt trời xuất hiện.
Sáng tỏa cả pháp giới.
Chiếu khắp chốn quần sanh.

Pháp ấy vốn đầy đủ.

Như mặt trăng xuất hiện.

Yên tĩnh sáng thanh tịnh.

Bình đẳng chiếu các cõi.

Lại nơi biển trí kia.

Xuất sanh các pháp Bảo.

Bồ Đề hạnh dần cao.

Ở tâm nhiệm kiên cố.

Phát tâm hoặc Long Vương.

Lên pháp giới hư không.

Mưa cam lồ pháp lành.

Tăng trưởng quả sáng sạch.

Lại nữa đèn pháp kia

Chánh niệm thật kiên cố.

Từ ái sáng không dơ.

Sạch trừ ba độc ám.

Lại Bồ Đề Tâm này.

Giống như yết La La (tạp uế).

Lòng từ bi đóng cửa.

Bát La Kiên phía nam.

Bồ Đề phần dần sanh.

Làm Phật tạng tăng trưởng.

Phước đức tạng cũng thế.

Được trí tạng thanh tịnh.

Lại khai phát huệ tạng.

Như nguyện tạng xuất sanh

Từ bi này phát tán.

Giải thoát chúng sanh vậy.

Thế gian trong trời người.

Tịnh ý thật khó được.

Hy hữu quả trí tuệ.

Trông sâu gốc tốt đẹp.

Mọi việc sẽ tăng dần.

Lại che nơi ba cõi.

Muốn trưởng dưỡng công đức.

Cầu hỏi tất cả pháp.

Đoạn trừ tất cả nghi.

Cầu các thiện tri thức.

Muốn trừ ma phiền não.

Trừ sạch thấy nhiễm ô.

Giải thoát các chúng sanh.

Cầu cho đại trí này.

Muốn tịnh trừ ác thú.

Làm rõ đường trời người.

Mở cửa trí giải thoát.

An trụ đường công đức.

Muốn thoát các đường khổ

Nên đoạn trừ những chướng.

Làm các cõi yên ổn.

Đây chính là Phật tử.”

Luận rằng:

Nơi ý quán sát xa lìa, điều này thật là khó nhưng chẳng khó. Như Kinh Thâm Tâm Giáo Huấn nói về việc xa lìa cái khó này như sau:

“Phật bảo: Này Từ Thị! Đối với Bồ Tát đến chỗ của kẻ hóa nhơn sẽ thành tựu bốn pháp. Sau năm trăm năm chánh pháp diệt, sống chẳng tổn hại và lãng nhục ai, rất an nhiên tự tại. Thế nào là bốn?

Một là quán sát điều đó không có. Hai là đối với Bồ Tát kia và nơi hóa nhơn chẳng nói về chỗ kia ngắn dài. Ba là chẳng hóa độ nơi nhà tri thức; chẳng đến gần gũi. Bốn là chẳng nói ra lời ác. Đây là bốn pháp như trước đã nói. Lại nữa cũng có bốn loại. Thế nào là bốn?

Một là xa lìa nghe sự nhún nhường của chúng sanh. Hai là quyền thuộc chẳng chấp trước. Ba là thường vui sống nơi rừng cây. Bốn là tự thực tập Sa Ma Tha (thiền định). Đây là chỗ tương ưng; nên gọi là bốn pháp”.

Kinh chép rằng: “Phật bảo: Này Từ Thị! Đây là Sơ Hành Bồ Tát rộng vì trí tuệ thế lực tài vật. Xa lìa chẳng phải phần của sự nghe biết lợi dưỡng. Kia

là lợi lạc, Đây là mất mát. Thấy chẳng phải lời nói ích lợi, thấy lời nói thể tục, thể tục ngũ say, thể tục sự nghiệp, thể tục hí luận, nên phải xa lia. Đây là điều mất mát, điều quan trọng.

Phật bảo:

-Này Từ Thị! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát nên quán sát tiếng tăm sự lợi dưỡng phát sanh, sự tham nhiễm sẽ phá hoại chánh niệm. Ở nơi đó được chẳng được, chẳng nên có sự cao thấp. Lại nữa nên quán sát về tiếng thơm và lợi dưỡng; khởi lên sự ngu si mê ám sinh ra nhiều loại xan tham; phát sanh ra sự cuồng loạn, tự lợi cho bản thân. Chẳng xấu chẳng hổ. Là bốn hạt giống thánh; như chư Phật đã nói. Tiếng thơm và lợi dưỡng nên khéo quán sát, khởi lên sự kiêu mạn khinh mạn Thầy Tổ. Thì đây là phần của Ma Ha (ma) một bên hướng về phóng dật phá hoại thiện căn. Như mưa Kim Cang và Tích Lịch Hỏa (lửa sấm sét) . Lại nữa danh lợi làm cho nhà tri thức nhiều loại ái lạc chẳng phải chỗ thẳng hoa, mà lại khởi lên não, mê che mờ trí giác. Hướng về sự ái dục sanh ra sự ưu não gấp bội. Lại nữa kẻ danh lợi kia mất đi bốn niệm xứ; giảm thiểu pháp thanh tịnh làm mất đi tứ chánh cần. Trước sau chỉ do sự lợi dưỡng phá hoại thần thông, xa lia người lành, thân cận kẻ ác tri thức. Nơi quyến thuộc thường hay thích tập hợp. Lại hay xa rời vô lượng thiên định. Đọa vào đại địa ngục Đam Ma La ở trong thai tạng của súc sanh. Nên quán sát về tiếng tăm và lợi dưỡng như trời giữ nước”.

Phật bảo:

-Này Từ Thị! tiếng thơm và lợi dưỡng là những hành tướng như thế đó, Bồ Tát nên như thật mà quán sát. Khi quán sát rồi chẳng còn sợ hãi chẳng có hồi não. Vì sao vậy? - Nơi hành tướng kia chẳng sợ hãi tức được việc chẳng mất. Duy niềm vui nơi Phật pháp thì chẳng gián đoạn. tại gia xuất gia tùy theo đó mà bảo hộ. Hoặc trời hoặc người ở nơi tâm thanh tịnh thì liền chẳng sợ hãi. Giả sử có rơi vào tất cả các đường ác cũng chẳng bức não. Xa lia trú trở; giải thoát khỏi cảnh ma, chẳng động loạn. Những kẻ không chìm đắm là nơi kính ngưỡng . Kẻ ở nơi định học là chỗ thấy niềm vui. Đoạn trừ sự siểm nịnh mà rộng vì sự ngay thẳng. Thấy năm sự dục lạc là sự sai trái. An trụ nơi hạt giống thánh, như thuyết mà tu hành. Các phạm hạnh là chỗ vui thấy . Này Từ Thị! Đây là những hành tướng công đức. Kẻ trí phải nên liễu tri (kẻ trí được rõ biết). Thâm tâm Bồ tát ở nơi thiếu dục. Kẻ thiếu dục tức là người đoạn lia các tiếng tăm và lợi dưỡng.”

Luận rằng:

Bây giờ sẽ nói về lời nói vô ích; xa lìa tham độc ngu si mất mát. Kẻ đối với lời nói vô ích; một lòng được quyết định rõ, như tìm điều vui. Những lời nói vô ích, mà yêu thích để làm. Đây là điều mất mát. Chẳng tu uy nghi cùng vi tế hạnh. Nếu nói lời vô ích, ái lạc chẳng khác nào lao ngục kiên cố trong đời. Cho nên đây nói là tùy thuận xung ngu muội. Nếu nghe Tỳ Kheo nói chẳng như lý. Sanh ái lạc nơi mình, mà thường tìm cầu. Tức liền tăng trưởng sự mất mát như thế. Cho nên nói xả bỏ chẳng như lý; thường biết pháp lạc. Đến khi lâm chung, tự bỏ ngàn thân, cầu đạo Bồ Đề nghe pháp chẳng sợ. Giả sử nếu thật mệt nhọc, do nghe pháp này. Tất cả lúc nơi đều được xa lìa lời nói chẳng như lý và lời nói chẳng ái lạc. Đối với pháp tối thượng vui sanh khó tưởng được. Trải qua vô lượng kiếp ở nơi núi rừng; nên biết công đức kia lợi ích chớ cầu việc ngăn nhỏ. Ở nơi tối thượng thù thắng của cái ngã thì chớ chấp tâm này. Đây là sự ngã mạn làm căn bản của những việc phóng dật (buông lung) ở đây kẻ hạ liệt Tỳ Kheo lại chẳng nhục mạ; dạy dỗ dần dần như thế; không phải chỉ một lần sanh mà chứng được Bồ Đề vậy.

Luận rằng:

Lời nói thế tục. Ta sẽ nói đây; kia nghe hôn mê vui khởi, tranh tụng, rộng chẳng tôn trọng. Do lời nói mất đi chánh niệm và chẳng có sự hiểu biết chân chánh. Đây là sự mất mát. Do nói nhiều khía cạnh, đề cao danh tánh mình, lại xa sự suy nghĩ nội tại. Nếu thân khổ, tâm chẳng được nhẹ nhàng. Thì đây là điều mất mát. Do lời nói ngu muội tự tâm sanh ra mờ ám, hoang tưởng suy nghĩ về chánh pháp. Xa lìa Tỳ Bát Xá Na (quán) và Xa Ma Tha (chỉ). Đây là sự mất mát. Do lời nói nơi công đức tài, thường khởi lên ái lạc. Rộng chẳng tôn trọng, nơi chẳng kiên cố với kẻ trí tuệ hẹp hòi. Thì đây là sự mất mát. Do nói lời giảm thớt, mà biết rằng chư Thiên chẳng cung kính, chẳng sanh ái lạc. Đây là điều mất mát. Do lời nói nơi kẻ trí cùng với quyền thuộc mà thân mạng hiện chẳng có ý nghĩa lợi lạc. Đây là điều mất mát. Do lời nói của những kẻ ngu phu kia; mạng sống lo lắng khi kết liễu thì: Ta làm sao có thể làm được những sự khổ như thế giảm bớt. Nên biết chẳng nên ngộ giải. Đây là điều mất mát. Do lời nói không có căn cứ, chẳng có tính quyết định, chẳng sanh thật trí. Đây là điều mất mát. Do lời nói như người làm công việc kỹ nghệ ở nơi hí trường; riêng nói công lao của mình để được; giảm mất mà biết. Đây là điều mất mát. Do lời nói xa rời với bảy thánh tài; làm cho sanh ra siểm nịnh ngông cuồng, khuynh đảo được kẻ khác. Đây là sự mất mát. Do lời nói kia suy nghĩ không chín chắn, yếu kém, mà chẳng tự biết hành động căn bản đó vô thể. Đây là điều mất mát. Cho

đến chẳng nói như thật, ta vui tối thượng. Đây là một câu nói có ý nghĩa lâu dài suy nghĩ. Do chưa hiểu rõ nên hỏi ta về niềm vui được vô lượng câu, nghĩa. Giống như cây mía vỏ cứng kia trong lại có chất ngọt. Người ăn vỏ này lại chẳng được mùi ngọt của mía. Cho nên rộng nói như vỏ cây mía. Chỉ có kẻ vui nơi thần biến, riêng trích nghĩa lý; thì cũng giống như mùi vị của cây mía. Thường chẳng làm mê mẩn được.

Luận rằng:

Nói về sự đắm trước ngũ ngũ. Như có kệ rằng:

Nếu ưa thích ngũ ngũ

Tạo nên sự thấy này

Thấy kia, có nghi ngờ;

Lưới si thêm tăng trưởng.

Nếu ham ưa ngũ ngũ

Trí tuệ bị yếu đuối,

Luôn luôn bị hiểu lầm.

Thường hay bị tổn hại

Nếu kẻ ưa ngũ ngũ,

Dễ rơi vào vô trí.

Ví như giữa rừng sâu;

Chẳng gặp một ai cả.

Nếu ưa đắm ngũ ngũ.

Vui ấy là phi pháp.

Tâm lạnh không tăng trưởng

Sao vui pháp nhiều được
Nếu ưa đắm ngủ nghỉ,
Dẫu muốn gặp pháp lành,
Nhưng phá hoại công đức.
Biến vào chỗ tối tăm.
Nếu ưa đắm ngủ nghỉ,
Trói buộc không biện tài
thường sanh tâm buông lung
Trói buộc thân mệt mỏi.
Nếu vui nơi ngủ nghỉ
Ta biết giải đãi rồi.
Kẻ kia cần siêng năng
Hủy báng sự tinh tấn
Cho đến trừ khổ ám
Tức lìa tội căn bản,
Gần gũi chỗ thắng diệu.
Được chư Phật tán thán

Luận rằng:

Bây giờ sẽ nói về sự nghiệp của thế tục. Như kinh có kệ rằng:

“Nếu lời Thầy là ác
Chẳng phải sự giáo huấn
Nếu hủy phạm giới đức
Niềm vui bị tổn giảm
Tư duy về thế tục,
Thường thời nên nhẫn biết.
Chẳng tu các thiện định,
Niềm vui bị tổn giảm
Do có nhiều tham lam,
Trói buộc vào mùi vị,
Hạ liệt chẳng dừng chân.
Niềm vui bị mất mát
Nơi kia vui nhiều hơn
Vì trừ được khổ não
Như kẻ đi đường bộ
Niềm vui bị mất mát
Tâm này suốt ngày đêm
Chẳng vui nơi công đức
Ăn, mặc, lợi sức mạnh

Đánh mất cả niềm vui

Chẳng tương ưng lời nói

Chỉ thuận bất tương ưng

Hỏi chỗ làm thế tục

Niềm vui bị mất mát

Đó là điều thiết yếu.

Lúc bấy giờ Từ Thị Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật rằng:

-Kính bạch đức Thế Tôn: Bồ Tát ít trí tuệ, do xả bỏ pháp tối thượng rồi, làm giảm mất trí tuệ nên tạo chỗ thấp kém.

Phật bảo:

-Này Từ Thị! Như thế như thế đó.

Như người đã nói:

-Bồ Tát mà có trí tuệ ít là do xả bỏ pháp tối thượng này, làm việc thấp kém.

Phật bảo:

-Này Từ Thị! Lại nữa Bồ Tát kia đối với giáo pháp của Như Lai liền sau khi xuất gia: Chẳng có thiền định; chánh đoạn; chánh cần, chẳng có đa văn, lại chẳng có mong cầu.

Phật bảo:

-Này Từ Thị! Ở đây lại quan sát thiền định, chánh đoạn, biết lời dạy của Như Lai, biết tướng hữu vi, Tam Ma Tư Đa là chỗ tương ưng. Chớ nên buôn bán thương vụ nghề nghiệp với kẻ bạch y. Quan sát việc này chẳng giống đạo lý; nên biết Bồ Tát phát khởi ái lạc; luân hồi sanh tử vậy. Cho nên kinh doanh nghiệp vụ với thế tục là tạo tác rời xa với Phật pháp.

Phật bảo:

-Này Từ Thị! Kẻ làm việc kinh doanh kia là Bồ Tát; giả sử tu tạo tháp miếu bằng bảy loại báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới, thì ta ở nơi kia lại chẳng sanh cung kính tôn trọng tán thán. Cho đến mãi Diêm Phù Đề tất cả đều là những Bồ Tát kinh doanh. Mà chẳng do nơi kinh điển đọc tụng; như pháp tu hành mà Bồ Tát khởi lên sự vâng làm đó. Nếu cả Diêm Phù Đề sánh với sự đọc tụng mà Bồ Tát như thế tu hành; chẳng giống như những vị Bồ Tát ở yên thừa sự tu hành. Vì sao thế? Đây là việc khó. Vì là huệ nghiệp; ở nơi ba đời là tối thắng hơn cả. Tối cực cao cả, chẳng có gì hơn được.

Phật bảo:

-Này Từ Thị! Cho nên Bồ Tát nên cần siêng năng là nghĩa tương ưng vậy. Cho nên phải tu trí tuệ.

Luận rằng:

Về thế tục hí luận ta nay sẽ nói. Việc làm hí luận này thường là chẳng đúng. Tạo ra sự khó khăn, nghĩa là chẳng thể xa rời tám nạn khác. Lại chẳng được sát na đầy đủ thù thắng cho đến kẻ trí hiểu rõ cũng lìa xa sự hí luận. Việc làm hí luận này xa rời là khó khăn. Cho nên tất cả đều chẳng cùng ở, vui làm chửa nhóm, vợ con nô tỳ, tội ác quá hơn trăm do tuần. Nơi kẻ hí luận dầu cho ở đánh Tu Di cũng chẳng nên thân cận. Lại cũng chẳng cùng chung công đức xuất gia chỉ vì tài lợi. Kẻ cầu tiền tài, tâm ác khởi lên sự đấu tranh. Chớ có ruộng nương; chớ có kinh doanh buôn bán. Nếu cầu tài lợi tức là hí luận. Chớ có nam nữ, phu thê, bằng hữu, quyến thuộc, kẻ nô bộc, từ việc giàu có mà khởi lên sự đấu tranh. Còn người xuất gia khi nhận áo Cà Sa rồi; nên tin thuận theo sự tịch tịnh; cho đến thật thanh tịnh. Lại phải quán sự tịch tịnh này hơn sự tịch tịnh kia. Lìa sự hí luận này khởi lên tâm nhẫn như thế. Phải nên xa lìa kẻ hí luận. Giống như rắn độc ẩn núp nơi tâm ác. Sau đó rơi vào địa ngục, súc sanh, cõi ngạ quỷ. Cho nên tinh tấn khởi lên sự nhẫn chịu như thế, cho đến được thừa này rồi; ở nơi nghiệp chướng diệt sanh thanh tịnh; chẳng trừ phá được ma lực oán. Những kẻ trí khởi lên sự nhẫn nhục như thế.

Luận rằng:

Lược nói về việc lìa bỏ những việc khó.

Phật bảo:

-Này Từ Thị! Cho nên Bồ Tát thừa này nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn, sau năm trăm năm chánh pháp mất đi, làm cho chẳng nghĩ sự khó khăn mà được kiết tường. Thoát khỏi những nghiệp chướng, tận trừ những tội dục. Phải biết chớ nên vui tập hợp nơi A Lan Nhã (chỗ thanh tịnh vắng vẻ); nên ở nơi rừng hoang dã mà tu hành. Còn chúng sanh thì nên xa lìa. Khi hiểu rồi chẳng cầu cạnh nơi kẻ kia. Mặc nhiên tin vui nơi hạnh Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Cho nên Kinh Bảo Vân lại nói rằng: Khi đi khát thực cũng phải trừ ra nơi hiểm ác. Nghĩa là nhà có chó dữ; nhà có người mới sinh, đều thuộc về thể tánh phạm giới. Đối với loài súc sanh thường lìa sự tổn hại, hà huống là người nam người nữ; đồng nam đồng nữ mà khởi lên sự yếm tặc kia. Tất cả mọi lúc mọi nơi đều nên xa lìa.

Luận rằng:

Nếu thấy những loại người làm ác như thế nổi sân si chẳng nên qua lại xem xét để lìa được tội lỗi. Lại cho rằng lìa việc ấy khó khăn, thì làm sao đắc quả được. Lìa không đạt kết quả sự lợi lạc này cũng thành nghĩa lợi lạc kia. Cho nên phải biết mà xa lìa đạt không quả lợi lạc vậy.

Như Kinh Nguyệt Đăng chép rằng: “Thân giới là ý nghĩa, nghĩa đen như hộ trì chân tay, làm cho chẳng bị hư vọng khuấy động”.

Lại nữa Kinh Thập Pháp chép rằng: “Chân tay khuấy động rồi loạn đến đi khó khăn. Đây là nói về thân nghiệp quan trọng”.

Luận rằng:

Như Bồ Tát vì lợi nơi kia, như đã nói rõ mà chẳng phân biệt về nghiệp lực ấy.

Kinh Pháp Tập chép rằng: “Phật bảo:

-Các Bồ Tát nơi thân khẩu ý nghiệp, tất cả vì sự lợi lạc chúng sanh mà khởi lên Đại Bi, tăng trưởng an ổn cho chúng sanh, làm cho chúng sanh thân ý an nhiên. Điều này phải suy nghĩ sâu xa như vậy. Tùy theo sự tu hành thế nào mà hành việc bình đẳng, làm cho tất cả chúng sanh được an ổn, an lạc. Đây là điều quan trọng, nghĩa là Bồ Tát rõ biết quán mười hai xứ như không có làng xóm. Đây là nơi chẳng xả bỏ niềm vui”.

Đại Thừa Bồ Tát Học Luận

Hết quyển bảy

---o0o---

Quyển Thứ Tám

Thứ tự Kinh văn số 1636

Bắt đầu dịch từ ngày 23 tháng 11 năm 2004

Nhân kỳ nhập thất lần thứ hai.

Phẩm Tập Ly Nan Giới Học

Phẩm Thứ Năm

Lại nữa như trong Kinh Hư Không Tạng chép rằng: “Giống như nghe bên trong tiếng lỗ chân lông. Bồ Tát lại cũng như thế, nếu tâm có chỗ trống rỗng tức ma liền ngự trị. Cho nên Bồ Tát thường làm cho tâm không trống rỗng. Nếu tâm không trống rỗng, tức các tướng viên mãn. Tánh không cũng viên mãn”.

Luận rằng:

Huông nữa người có tướng viên mãn, tức thực hành Bồ Đề, lại chẳng xả bỏ sự tu tập quán về tánh không. Rộng như Kinh Bảo Kế (Ratnacuda Sutra) chép. “Lại như Kinh Vô Tận Ý (Aksayamati Sutra) nói, nghĩa là muốn phát khởi đoạn trừ việc ác, bất thiện pháp thì khuyên kia nên trừ tâm tán loạn. Nơi Tam Ma Địa tức là việc làm đối trị vậy. Nói đây là Tam Ma Địa phân cho đến có tên là xấu ác và bất thiện pháp”.

---o0o---

Phẩm Hộ Thân

(Atmabhavaraksa

Sastah Paricchedah)

Phẩm Thứ Sáu - Phần Thứ Nhất

Luận rằng:

Ở đây nói về việc xa lìa quả hư vô. Được thành tựu như thế nào? - Thường điều này thành tựu bởi chánh niệm, tức được xa lìa quả hư vô vậy. Cho nên chẳng phải Như Lai đã dạy: Giữ gìn quả báo, tôn trọng chánh niệm. Đối với tất cả thân chẳng động đến tự tánh. An trụ nơi chánh niệm, lợi ích các chúng sanh. Tùy theo các sở hạnh, kiên cố chánh niệm. Xem các bậc trí ưa làm, chẳng động chánh niệm; chẳng sợ thời gian phân chia. Thân thuộc thể chế; đối với thân giải thoát, chánh niệm. Đối với bốn oai nghi, đạo phong kiểm soát chánh niệm. Đối với oai nghi an định, bình tĩnh chánh niệm, giữ gìn chẳng loạn, đều đầy đủ lực chánh niệm. Khi phát tiếng cười, khiến người nghe sân hận cho rằng cao ngạo. Tay chân dung mạo đoan chánh, thuần thực chánh niệm. Nếu nghe nói cho đến biết về âm thanh kia; chẳng cao chẳng thấp một lời chánh niệm. Kẻ học cùng hành chớ bỏ nơi chốn; làm cho kia sợ hãi mà sanh tôn thất. Tự tâm sợ kính, làm cho kia tịnh tín. Giữ gìn chánh niệm tâm như voi say nơi Xa Ma Tha (chỉ) thường hay chế ngự. Đây là chánh niệm, hay quan sát để thường thấy tâm này. Ấy là chánh niệm. Đối với chỗ giàu có, xa lìa mọi việc. Như đã nói niệm là một lòng giữ gìn. Đây là chánh niệm. Kẻ thành tựu những niệm như thế nói là xa lìa quả hư vô vậy. Lại đối với niệm này được rất quý tôn trọng. Sự tôn trọng ấy là tất cả sự quán sát hiện tiền về khinh mạn; đó là đối trị với sự tôn sùng. Biết điều này rồi ở đây rộng nói về bình đẳng.

Thế nào là bình đẳng? Như Kinh Vô Tận Ý chép:” kẻ tu chỉ quán - thế nào là Xa Ma Tha vô tận? Nếu tâm chẳng loạn. Nghĩa là tịch tĩnh gần gũi viên mật yên lặng, hộ trì căn tánh, chẳng cống cao; chẳng dao chẳng động; lần đi sâu căn mật. Chẳng sanh chẳng làm; duy chỉ một tánh cảnh. Độc xứ nhàn tịnh, xa lìa chỗ tụ tập huyên não. Tâm xa lìa sự vui, tâm chẳng động loạn. Ý vui nơi không tịch; lại chẳng tìm cầu đến việc ác. Cho đến giữ gìn con đường của oai nghi. Lúc biết thì biết rõ và biết dừng đúng lúc. Để dưỡng thành và để đầy đủ”.

Luận rằng:

Thế nào là tôn trọng bình đẳng mà chẳng thể sanh trí như thật? - Nghĩa là quá khứ Đức Mâu Ni đã nói: Nếu ở Tam Ma Tư Đa; tức như thật trí. Như Kinh Pháp Tập chép:

“Từ đó dừng tâm đến chỗ thấy như thật. Kẻ thấy như thật là Bồ Tát đối với chúng sanh chuyển thành tâm Đại Bi. Ta được như thế ở cửa Tam Ma Địa. Đối với tất cả pháp đều thấy như thật, sẽ vì thành tựu biện tài nơi tất cả chúng sanh. Do Đại Bi huân tu tăng thượng giới, định, tuệ học đều viên mãn. Chứng thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Cho nên ta nơi tịnh giới lần ở chẳng động, được chẳng giải đãi mệt mỏi.”

Luận rằng:

Sa Ma Tha ở nơi mình và người tôn quý bình đẳng. Siêu việt vô lượng tội khổ. Được trí thế gian và xuất thế gian, vô lượng giàu có an lạc ta sẽ chỉ mong khuyến tấn tu tập. Mang lửa vào nhà. Hy vọng cầu cho lấy nước rửa cho sạch, được cực quý tôn trọng. Những đệ tử có học! Hãy nên ở hình tướng chánh niệm như vậy. Kẻ gần gũi chánh niệm, tức liền xa rời quả hư cấu lợi dưỡng. Nếu xa rời quả hư cấu lợi dưỡng, tức kẻ ấy thật khó sanh. Cho nên muốn hộ thân này, phải thường chuyên cần nhớ nghĩ đến việc thường căn bản.

Kinh Tỏi Thượng Thọ Sở Vấn chép: “Tại gia Bồ Tát hỏi rằng đối với hạt gạo, lúa và rượu cùng chỗ phóng dật chẳng nên ưu đả. Tức chẳng say mê lại chẳng đả chìm. Chẳng dao chẳng động, lại không mất chánh niệm. Cuồng loạn cống cao và mạ lị lời ác v.v... do gần gũi chánh niệm mà biết được điều chánh vậy”.

Kinh cũng chép: “Xuất gia Bồ Tát chánh niệm, chánh trí thì chẳng tán loạn”.

Lại nữa Kinh Bảo Kế chép rằng: “Nếu kẻ chánh niệm thì tất cả những phiền não chẳng phát sanh. Như kẻ chánh niệm nên tất cả ma sự đều chẳng có thể hại được. Nếu kẻ chánh niệm thì tà đạo, ác đạo; tất cả chẳng thể rơi vào. Nếu kẻ chánh niệm như người giữ gìn cửa ngõ, tất cả tâm bất thiện, tâm sở pháp, tất cả đều chẳng thể vào. Đây nói về kẻ chánh niệm chánh trí vậy”.

Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa chép: Đi liền biết việc mình đi, đứng liền biết việc mình đứng; ngồi liền biết việc mình ngồi; nằm liền biết việc mình nằm. Như thế đối với thân này gọi là chánh tri. Cho đến được chẳng khác vượt qua việc chánh tri hành kia. Nghĩa là có thể quán sát việc chẳng thể quán sát. Đắp y mang bình bát; hoặc uống hoặc ăn; hoặc ngủ hoặc thức, cho đến cùng với việc giải đãi mệt mỏi, lấy, bỏ phải chế phục. Tới lui ngồi đứng, hoặc làm thính, mỗi mỗi đều an trụ tu hành nơi chánh tri.

Luận rằng:

Giới định tương thành. Như Kinh Nguyệt Đẳng Tam Muội chép: “Công năng của giới thanh tịnh không nhiễm, mau được đăng trì. Do nhập vào định tương hợp với giới; Lại cũng vào như thế. Cho nên do giới mà chánh niệm chánh tri, được Tam Ma Địa, do Tam Ma Địa mà nhất tâm được tịnh giới”.

Kinh lại chép :”Công năng thiên định được trụ chỗ vô hạnh; lại chẳng phải chỗ vô hạnh. Việc làm tương ưng là thế. Xa rời cảnh giới; chẳng có cảnh giới vậy. Chẳng khởi tạp nhiễm, giữ gìn đúng, giữ như thế thành tựu biện tài bí mật vậy”.

Luận rằng:

Do tâm này được thành tựu biện tài tu tập mà giới định là hai loại hỗ tương tăng trưởng với nhau. Điều này nơi Bồ Tát học, làm lợi lạc chúng sanh. Nghĩa là lấy tâm thành thực làm căn bản. Cho nên Kinh Bảo Vân chép: “Biết mọi pháp đều nương vào tâm. Tâm làm kẻ dẫn đường hoá thành duyên nơi các pháp . Lại nữa, đối với thế gian tất cả do tâm quyết định, mà chỗ tâm duyên vào thì chẳng thấy. Phía kia làm cho nghiệp thanh tịnh. Nếu thanh tịnh rồi tức tâm không lưu chuyển. Tâm không lưu chuyển, tức tâm như ánh sáng; hoặc như đóm lửa phát ra. Như thế tướng của tâm này biến đổi có thể quán sát, được ở nơi chánh niệm thì tâm chẳng biến duyên. Tức tâm được tự tại, tâm tự tại rồi nơi các pháp cũng được tự tại”.

Lại nữa trong Kinh Pháp Tập chép: “Nếu có pháp thì pháp không có nơi chốn, lại chẳng có chia phân, tức là tâm này. Để tôn trọng pháp; gọi tên là pháp nên ta tự tâm khiêm kính. Kiến lập rất cực thù thắng nên biết mà phát khởi tâm lành này nhiếp thọ. Vì sao thế? Vì đối với tâm có được công đức nhiều cũng chẳng có công đức nào vậy. Bồ Tát đối với hai loại tâm này, chỉ cầu thành tựu biện tài công đức, mà chẳng tạo hơn để nói tâm này là pháp

tôn quý. Chỗ tôn quý pháp đó, tức là Bồ Đề vậy. Bạch đức Thế Tôn: Con đối với pháp khai diễn thành tựu sự an ổn như thế trong chánh pháp”.

Lại nữa Kinh Hoa Nghiêm chép:” Đối với tự tâm kiến lập tất cả Bồ Tát hạnh. Tự tâm kiến lập độ thoát tất cả chúng sanh vậy. Lại nữa thiện nam tử! Ta ở nơi tự tâm an trụ như thế. Nên biết rằng tự tâm đầy đủ mọi thiện căn. Nên biết rằng nơi tự tâm mà giữ gìn thanh tịnh Pháp Vân Địa vậy. Nên đối với tự tâm phát kiên cố vô chướng ngại vậy”.

Lại nữa như Thiện Tài khuyên tu tinh tấn muốn thấy Ma Da phu nhân bằng thần thông nơi thần túc, gọi tên là Bảo Nhân. Rộng vì giáo huấn rồi nói lời rằng: Thiện nam tử hãy nên giữ gìn nơi tâm của mình, nghĩa là đừng ưa đắm sanh tử của cảnh giới luân hồi. Hãy nên trang nghiêm nơi bức thành của tâm mình, nghĩa là phải chuyên chú cầu thỉnh thập lực của Như Lai. Phải nên thanh tịnh giữ gìn bờ thành của tâm, nghĩa là phải hoàn toàn đoạn trừ những xan tham tật đố siểm nịnh ngông cuồng. Phải nên tăng trưởng bờ thành của tâm, nghĩa là tăng trưởng đại tinh tấn hạnh, cầu nhưt thiết trí. Nên phòng hộ bức thành của tâm, nghĩa là phải rời xa vòng ma nghiệt; tất cả phiền não ma và các ác tri thức. Phải nên rộng rãi với bờ thành của tâm, nghĩa là lòng từ bi phổ cập đến tất cả thế gian. Phải nên che chở bờ thành của tâm, nghĩa là rộng vì pháp lớn làm tàn che đối trị lại tất cả các bất thiện pháp. Phải nên mật hộ bờ thành của tâm, nghĩa là cùng với thế gian trong ngoài không được lệnh xâm nhập vào. Phải nên nghiêm túc ở bờ thành của tâm này. nghĩa là muốn trừ bỏ đi những bất thiện pháp.

Lại nữa này Thiện nam tử! Đối với Bồ Tát được bờ thành của tâm thanh tịnh tu hành như thế, tức có thể chứa nhóm tất cả thiện căn. Vì sao vậy? –Vì do Bồ Tát thanh tịnh tu hành nơi bờ thành của tâm vậy, tức chẳng có chướng ngại, nghĩa là chẳng ở nơi hiện tiền; hoặc thấy Phật nương vào sự nghe pháp vậy”.

Luận rằng:

Cho nên ở nơi Bồ Tát học này; nơi tâm sở hành được tâm bất động. Chẳng bị động nơi ngoại cảnh, chẳng khởi vọng niệm bất chánh tri. Nghĩa là nơi Tam Ma Bộc Đa tâm này động loạn. Hoặc nơi cảnh lại có phan duyên. Nếu được chánh niệm chánh tri; tức ngoại cảnh chẳng thể chuyển được tức Tâm kia tự tại vậy. Chẳng có một phan duyên cho đến mong tâm an trụ như trước đã nói. Công dụng thật rộng rãi; làm lợi ích giải thoát chúng sanh vậy. Được tu tịnh tín như thế; lợi lạc tất cả chỗ. Hy vọng được thắm nhuần chẳng

ngăn, chẳng ngại, dạy dỗ phước lành này, chẳng từ bỏ chúng sanh, nghĩa là không xa rời chúng sanh.

Đây là Bồ Tát tu hành. Như Kinh Phát Tập chép: “Vui thấy Bồ Tát bạch Phật rằng: Kính bạch đức Thế Tôn: Bồ Tát làm như thế. Chúng sanh thấy đầy đủ, sanh tâm hỷ lạc. Vì sao vậy? thế Tôn - Bồ Tát cũng chẳng làm, duy chỉ hoá độ chúng sanh thôi. Nên Phật dạy đây có tên là Bồ Tát Phát Tập “

Luận rằng:

Như thế lại tạo ra sai trái? Nghĩa là khinh báng chư Phật và khinh thế gian. Đọa vào địa ngục như tro nóng che khuất. Lửa thiêu đốt sân hận; chớ có khinh mạn như trước đã nói nhiều lần. Tạo ra quả báo như Kinh Bảo Vân chép: “Khinh mạn giới cấm chẳng sanh tịnh tín. Một lòng xa rời tất cả những chúng sanh. Lại nữa như kia nói: Thế nào là Bồ Tát học xứ? Cho đến làm Bồ Tát bất hạnh phi xứ. Chẳng có phi thời; biết đúng lúc; biết phương pháp. Nếu chẳng phải như vậy tức làm cho chúng sanh chẳng khởi tịnh tín, hà hưởng hộ trì chúng sanh. Cho đến uy nghi của thân ta hành đạo cầu lợi ích Bồ Đề, được đầy đủ viên mãn hỷ lạc điều nhu, đối với hiện tiền tập hợp chẳng có chấp trước nhiều”.

Lại nữa Kinh Phát Tập chép rằng: “Nếu hộ trì giới cấm tức hộ trì chúng sanh nên sợ phía kia, nghĩa là nơi phòng ốc của người nữ chớ nên cùng ở. Kẻ hộ trì thế gian chớ nên dễ dãi. Lại nữa nếu thọ dụng đất nước; đại tiện tiểu tiện; chỗ ngủ nghỉ; nơi bất tịnh...tất cả nên thí theo tâm lợi ích. Hộ trì trời người chớ nên dễ dãi”.

Như trong Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ chép: “Bồ Tát thường chẳng dùng đồ ăn ít để bố thí cho người. Nếu kẻ nào bố thí sơ sài như thế đọa vào nơi quỷ đói”.

Lại nữa trong Kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát chép:”Nên hướng đến thanh tịnh. Trước người, chẳng nên dùng tăm xỉa răng, cũng chẳng nên đứng trước người để mũi dãi chảy ra. Như thế đối với sự tôn trọng phải tỏ ra biết xấu hổ. Các tướng thấy đó đều chẳng phải phạm hạnh”.

Kinh Cứu Cánh chép: “Kẻ phạm hạnh là: Thấy ý nghĩa rồi sợ phạm trọng tội. Lại nữa như nói chẳng nên lớn tiếng, lại chẳng có nguyên tắc”.

Như Phạm Thiên Sở Vấn (Prahmapariprccha) chép: “Nên biết Bồ Tát giống như cô dâu mới”. Lại nữa, như kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát chép: “Xa rời người thế gian chẳng tạo niềm vui, cho đến chẳng thỏa mãn đồ ăn, mùi vị, âm thanh, không ngồi chỗ chẳng có đường qua lại”.

Luận rằng:

Như thế tự nên xa rời. Người thấy nghe rồi chẳng vui bảo hộ. Lại nữa như thế chẳng vui xả bỏ, chẳng vui nói làm. Lại chẳng khó nhớ nghĩ tùy theo nơi giải đáp mà đối với nghĩa có thể thấy.

Lại Kinh Hải Ý chép:

“Chẳng nói tiếng yếu đuối,

Không nói tiếng mạn đã,

Chẳng nói lời nóng nảy.

Chẳng nói lời không thật.

Chẳng nói lời tham tiếc.

Chẳng nói lời hạ liệt.

Chẳng nói lời che dấu.

Chẳng nói lời sân hại.

Không nói lời động loạn.

Chẳng nói lời giễu cợt.

Chẳng đấu tranh giáp mặt”.

Lại Kinh Như Lai Bí Mật chép: “Này Thiện nam tử! Bồ Tát không nói lời ái trước; lời si loạn; lời nhiễm ô; lời khiếm khuyết; lời tự cho mình cao cả; lời ly gián kẻ khác; lời tự tán thán công năng của mình; lời phá hoại công đức của người; lời chẳng cứu giúp; lời tăng thượng mạn”.

Kinh Thập Địa (Dasaphumaka-Sutra) cũng chép rằng:”Khi phát ngôn, nên nói niềm vui của gia quyến mình, không nên nói lời phá hoại quyến thuộc của kẻ khác. Nói lời nhẹ nhàng nhu nhuyễn, vui hòa thích hợp. Sự dịu dàng, dễ thương, dễ nghe và khoái cảm. Trong tâm luôn luôn vui vẻ chẳng khoa trương. Khi nghe hiểu chẳng phải chẳng nương vào nhau. Nhiều người yêu mến, nhiều người hoan hỉ. Bình đẳng xung tán, lợi ích an lạc tất cả chúng sanh như quyến thuộc của mình và người ý vui hơn hở. Diệt tham sân si tất cả phiền não, Hành tướng như thế khi phát ra lời nói cho đến khi đối diện trước người nên nói lời vui, để trừ tổn hại vậy”.

Như Kinh Hư Không Tạng chép:”Vì tôn trọng lời nói chân thật, phải nghiên cứu suy nghĩ, vì người khác bỏ chỗ che dấu, nên vì niềm vui mà nhiếp thọ như thế”.

Kinh Phát Tập chép:” Phật bảo Hư Không Tạng Bồ Tát rằng: Bồ Tát chẳng lấy lời nói làm cho người khác khởi sân hận. Chẳng dùng lời nói làm cho người khác khởi phiền não. Chẳng đem lời nói làm cho kẻ khác chẳng có sự hiểu biết. Chẳng dùng lời nói làm cho kẻ khác vô ích. Chẳng lấy lời nói khiến cho vô minh sanh khởi. Chẳng lấy lời nói làm cho tâm của chúng sanh không hoan hỉ vui vẻ. Bồ Tát chẳng nói những lời như thế.

Lại nữa Kinh Hải Ý chép: “Lược nói ở kia chẳng sanh niềm vui. Lại có một pháp nhiếp thọ Đại Thừa. Nghĩa không khoa trương, thường hay quan sát. Đối với chúng sanh, tùy theo đó bảo hộ giữ gìn”.

Luận rằng:

Sự hộ thân chẳng làm nào hại kẻ khác. Như thế người khác cũng chẳng nào hại ta. Ở đây luận rộng về việc tích tập của Bồ Tát làm lợi ích. Nên biết thường giữ gìn ý này, nghĩa là an tịnh bất động, tôn trọng ái lạc. Xấu hổ vì sợ hãi nơi tịch tĩnh. Một lòng thân cận chúng sanh mà thường tự tại. Lòng tin thanh tịnh. Nếu có thay đổi hoặc biến hóa nên giữ như ý này. Kẻ giữ gìn thân sao không có hai loại: Thuốc thang và Y phục, nghĩa là vì phòng bệnh nên thường thọ dụng thuốc men.

Như Kinh Bảo Vân chép: “Cho đến kẻ đi khát thực, phải chia ra làm bốn phần. Một là chia cho kẻ đồng phạm hạnh. Hai là cho những người bần khổ. Ba là ngạ quỷ súc sanh. Bốn là phần cho mình ăn. Khi ăn uống chớ nên khởi tâm ham thích, chẳng cầu nhiều, cho đến lợi dưỡng riêng tư cho bản thân mình được khỏe về hình tướng, như vấn đề ăn uống, không nên giải đãi,

mê mê, đừng quá trọng nơi thân. Vì sao vậy? Kẻ giải đãi đã dượt thì niềm vui đối với việc lành sẽ phân tán sau đó. Hoặc làm cho thân này mập ra ưa ngủ. Kẻ đi khát thực biết điều này nên phải chia đều phần khát thực được ra như thế”.

Kinh Bảo Tích chép:”Nếu Tỳ Kheo vào nơi thành ấp tụ lạc khát thực; nên như pháp trang nghiêm mà đi khát thực. Vì sao vậy? – Nghĩa là thấy việc dễ yêu hoặc dễ ghét, không nên khởi ý phân biệt sai đúng. Như thế việc đáng yêu hoặc chẳng đáng yêu, nghe mùi vị, xúc pháp, hoàn toàn chớ nên khởi lên ý phân biệt sai đúng mà nên nhiếp thọ các căn đừng cho tán loạn. Hãy quán xem tìm ra pháp trước; chẳng xả bỏ tác ý. Chẳng nên giữ tâm tính toán khi đi khát thực. Nếu được đồ ăn uống chẳng sanh đắm trước vui nhiễm. Nếu chẳng được chẳng khởi tâm sân hận. Chỉ đi đến mười nhà, nếu quá mười nhà mà không được thức ăn, chẳng sanh ưu não, nên phát tâm như thế. Những bậc Trưởng Giả, Bà La Môn thường hay bận rộn đem cúng thí đồ ăn cho ta; cho đến chưa từng để ý thức ăn nước uống; huống nữa là cúng thí đồ ăn cho ta. Như thế kẻ đi khát thực chẳng sanh ưu não. Lại nữa khi khát thực thấy các chúng sanh; hoặc nam hoặc nữ, hoặc đồng nam đồng nữ cho đến súc sanh cũng nên khởi tâm từ bi. Nếu những chúng sanh thấy ta mà bố thí cho ta bữa ăn, thì tất cả sẽ sanh thiên. Như được thức ăn ngon, dở, ăn xong quán chiếu khắp tứ phương. Những người trong thành ấp tụ lạc bản cùng này, ta sẽ thí cho phần đồ ăn này. Khi thấy người nghèo, lúc đi khát thực phải chia bớt cho họ. Nếu chẳng thấy kẻ bản cùng, lại phát tâm này: Ta đã chân thật quán sát triệt để các nơi để xem chúng sanh. Nơi đồ khát thực của ta có những đồ ngon nguyện sẽ cho bớt. Khi đi trì bình khát thực xong rồi, trở về nơi A Lan Nhã. Sau đó phải rửa chân tay, thực hành nghi thức đầy đủ của bậc Sa-môn, ngồi kiết già thế liêu hoa mà ăn uống. Khi ăn phải nên nghĩ rằng: Thân này do trùng độc có tám vạn cửa ra vào. Được thức ăn này để được an ổn. Ta thấy bữa ăn này quý cho những loài trùng kia. Ta được Bồ Đề lại nhờ phương pháp hóa độ này. Nếu chẳng đầy đủ, nên phát tâm như vậy: Nếu ăn còn thiếu, giúp cho thân thêm nhẹ nhàng, tức trừ được những sự tiện nghi, đoạn được những việc ác, thân tâm nhẹ nhàng ít buồn ngủ. Cho đến việc khát thực; nếu được nhiều thì phần đồ ăn kia chia ra theo pháp xả. Việc khát thực nên phát tâm như thế này: Loài chim bay, bò ngựa cũng đều muốn ăn uống, ta sẽ thí cho chúng. Lại nữa Tỳ Kheo khát thực không nên sanh tâm tham đắm mùi vị. Cho đến Chiên Đà La, Đồng Tử cũng nên tịnh thân tâm chẳng nên bội thực. Vì sao vậy? – Vì miếng ăn dầu ngon đi nữa, khi ăn xong, tất cả đều trở thành xú uế bất tịnh. Cho nên ta chẳng cầu ăn ngon là vậy. Cho đến chẳng khởi tâm như muốn người nam cúng đồ ăn; chứ chẳng phải người nữ cúng. Hoặc là muốn người nữ bố thí đồ ăn, chẳng

muốn người nam cúng thí v.v... Đồng nam đồng nữ cùng giống như nhau. Chẳng phân biệt đây là thức ăn ngon, kia là thức ăn dở. Nếu vào trong làng xóm đến với nhà giàu, chẳng có phân biệt cung kính; hoặc chẳng được cung kính; Hoặc người nam, người nữ; đồng nam đồng nữ mang nhiều thứ ngon lạ cũng chẳng tham cầu, để được ăn uống. Không nên khởi lên tất cả điều tác ý bất thiện như thế.

Chúng sanh đắm trước nơi mùi vị, tạo ra ác nghiệp rồi, đọa vào địa ngục, hưởng gì kẻ tri túc là người chẳng tham đắm nơi mùi vị. Bỏ ngon nhận dở, lưỡi kia vui đủ. Nếu tiết chế sự ăn, khi mệnh chung, sanh lên cõi trời cõi người, vào con đường lành, hưởng thức ăn ngon ở cõi trời, cõi người.

Này Ca Diếp! Như thế kẻ khát thực Tỳ Kheo, lia được sự say đắm mùi vị điều phục được tâm này. Giả sử chỉ được khoai đậu cũng chẳng ưu não. Vì sao vậy? Vì cầu Thánh Đạo, vui nơi thân mệnh sống còn. Cho nên việc ăn cũng là điều cần thiết.

Phật bảo này Ca Diếp! Tỳ Kheo đi khát thực gặp lúc trời đổ mưa lớn, mây vần vũ chẳng nên khát thực. Phải suy tư giáo pháp trang nghiêm, lấy lòng từ làm thức ăn. Nên nghĩ như thế hoặc hai đêm, ba đêm muốn đoạn thực (nhịn ăn). Nên ý tưởng chúng sanh nơi Diêm Ma La Giới, đọa vào ngạ quỷ là do làm việc ác cả trăm năm vì sự muốn ăn uống mà ít ngủ, thường chẳng chịu đựng được. Còn ta bây giờ an trụ vào pháp thâm sâu, chẳng nên phát khởi thân tâm ti tiện. Huống nữa khuyến phát tu hành thánh đạo. Ta bây giờ nên kham nhẫn sự đói khát như thế. Nói một cách tổng quát là người tại gia đã tạo món ăn thanh tịnh, còn mình ngồi chỗ ngồi mà nói pháp quan trọng. Cho đến việc tạo thức ăn thanh tịnh, khi thọ món ăn rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Này Ca Diếp! Tỳ Kheo khát thực chẳng nên tự diễn nói lời siểm nịnh. Sao gọi là siểm nịnh? - Nếu nói với người cúng dường về sự ngon dở của thức ăn, hoặc là chẳng đủ, cầu thêm để mang về cho chúng cùng ăn. Hoặc kẻ ăn thiếu đói khát. Nếu có những hành tướng như thế, đây gọi là siểm nịnh. Các Tỳ Kheo đi khát thực phải nên xả bỏ. Thế nào là chân thật? - Nghĩa là ăn cho cạn bát dù ngon hay dở cho đến tịnh và bất tịnh, đều nên ăn, không phiền hà. Chỉ dùng tâm để tịnh hóa điều phục thức ăn. Nhờ Thánh Đạo được thân mệnh này để linh hoạt khi đi khát thực.

Như Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn chép: “Nếu khát thực nơi nhà người quen nên giữ nơi mình và kia vì lợi ích đầy đủ, tùy theo chỗ quen biết vậy. Sự khát thực Bồ Tát nghĩ: Đây chẳng phải là việc hộ thân, mà nên xem như y phục, thức ăn và thuốc thang”.

Kinh Nhập Lăng Già (Lankavatara-Sutra) chép:” Đoạn thực về thịt cá có nghĩa rằng: Như nói Bồ Tát tu đại từ vậy. Tất cả thịt đều chẳng được dùng. Rồi lược nói kệ rằng:

Xem thịt chỗ đem đến.

Máu hôi đồ bất tịnh.

Tu hành kẻ thanh tịnh.

Nên xa lìa ăn thịt.

Tất cả thịt và hành.

Lại chẳng được uống rượu.

Tôi thơm lại cũng thế.

Người tu thường xa lìa.

Ngồi trên cỏ kiết tường.

Xa lìa chỗ chứa dầu.

Lỗ hỏng nơi chúng sanh.

Là nơi thường sợ hãi.

Vì lợi mà sát hại.

Kinh doanh buôn bán thịt.

Mắc hai loại tội nghiệp.

Chết đọa vào địa ngục.

Đây chỉ nói tóm lược.

Xú ác thật đáng ghê.

Thường sanh việc điên đảo.

Hoặc đọa Chiên Đà La.

Săn bắn, mổ giết thịt.

Sanh nơi La Sát Nữ.

Ăn thịt các chủng loại.

Mèo chồn cùng Dạ Xoa.

Kẻ này sanh nơi kia.

Luận rằng:

Nếu biết bỏ ăn thịt để thành tựu sự lợi ích lớn; nói điều này chẳng sai. Tỳ Kheo ở cõi Diêm Phù Đề đến thời hoại diệt, nên nói lời Tam Ma Địa, thường làm cho chúng sanh đoạn trừ việc sát hại. Lại được Tam Ma Địa; tu đại từ bi; chẳng có mất mạng vậy.

Kinh Bảo Vân chép:”Nên biết không ăn thịt động vật là phát sanh sự lợi ích cho chúng sanh. Cùng thấy trong Luật Tạng có ba loại tịnh nhục, nhưng cuối cùng đều phải một lòng xả bỏ. Được tâm thanh tịnh thấy việc ấy như đoạn trừ ngã mạn. Vui tu làm phước, dần dần chỉ bảo cho kia xa lìa việc ăn thịt”.

Lại nữa như Kinh Nhập Lăng Già chép: “Vì kẻ có học đọc tụng giải thuyết; dần đến gần gũi nương tựa, quyền biến nơi câu văn. Người tu hành hệ thuộc vào ba loại. Ta vì họ mà nói để đoạn trừ đi, đoạn trừ tánh ưa gần gũi việc sát hại. Luôn nói về việc thọ dụng thuốc men của người bệnh và nhân duyên cho thuốc men”.

Như Luật Thanh Văn Tỳ Nại Da (Sravakavinaya) chép: “Cho đến ta vì sự lợi ích phạm hạnh tạo thức ăn bằng y bát để trị liệu thân; hướng là để cứu khổ

tất cả chúng sanh. Do vậy Bồ Tát thấy khó được nơi thân. Trong khoảng sát na rộng gieo trồng phước này. Đức Thế Tôn thấy sự lợi ích như thế mà tự nói là y được. Nên đối với kẻ tu hành phải thấy đây hơn kia vậy”.

Kinh Bảo Vân nói: “Nếu bỏ được tam tịnh nhục, có thể là đúng hoặc chẳng đúng. Hành tướng như thế là trụ vào thân mệnh. Đừng chấp vào việc ăn. Do vậy nên dùng cây dầu; nước trái cây, để tạo sự đối trị với tâm mà chẳng nên ăn thịt. Nếu có Bồ Tát bị bệnh nặng thì mới có thể ăn, như tật bệnh ấy có thể làm mất mạng sống. Chớ nên tạo ra việc ác, đoạn lia phần thiện căn kia. Chẳng khởi nghi hoặc, đoạn trừ tâm này như việc áo quần thuốc thang”.

Trong Kinh Tối Thượng Thọ Sớ Vân chép:”Khi thọ dụng về y áo để mặc, Sa-môn phải như thế nào? – Nghĩa là phải sanh tâm xấu hổ. Y phục nhằm để che thân, chẳng nên hở bày thân thể. Khi thể gian trời người, A Tu La v.v..nơi tháp của Phật đều nên tưởng nhớ. Nên biết như thế mà giữ gìn nơi tháp Phật. Nếu không đối trị tham nhiễm làm thay đổi cho thanh tịnh, tức tăng trưởng phiền não; hủy áo Cà Sa, được mất ở đây là việc chẳng nên tùy tiện sự ưa thích trong khi tu hành trang nghiêm. Đối với việc làm thiện ấy mà ngược lại trở thành nên việc xấu ác. Y áo Cà Sa chỉ để cầu Thánh Đạo; nên biết mà đối trị vậy. Trong mọi sát na, thân phải thọ trì”.

Như Kinh Bảo Tích chép: “Nguyên nhân của sự việc là Phật bảo Ca Diếp : Nếu muốn trang nghiêm thân mà chẳng nghiêm mật giữ gìn , làm mất đi công đức của Sa-môn. Pháp ấy chính là áo Cà Sa, nhằm duy trì thân mà tâm chẳng niệm tôn trọng. Lại nữa Ca Diếp! Đây thuộc về sắc tướng, danh tướng Sa-môn làm nhân duyên vậy. Như thế sẽ rơi vào địa ngục. Nay Ca Diếp! Đối với sắc tướng của Sa-môn cũng tương tự như thế. Đối với địa ngục, lấy sắc y vây quanh người, trùm lên đến đầu, bao bọc chung quanh rất nóng. Cho nên tất cả những đồ thọ dụng, đều trở thành ngọn lửa cực mạnh đốt cháy thân. Kia nói về sắc tướng của Sa-môn sẽ thọ khổ như thế”.

Lại nữa Kinh Bảo Vân chép rằng: “Nếu Bồ Tát thân có tật bệnh, thân thể yếu đuối, chẳng ở nơi tăng phường, thì nên bày tỏ bằng cách phát tâm như thế này, nghĩa là nương công đức của Phật Như Lai, ở riêng ra để đối trị phiền não. Ta cũng làm như ở trong tăng phường đoạn trừ các phiền não; nơi tăng phường thì không khởi lên vui tham đắm, lại chẳng phải thỉnh cầu. Giả sử được cho như thế, tùy theo đó mà nhận lấy, nên biết đó cũng chẳng phải làm đầy đủ vì ta”.

Kinh lại cũng chép: “Ngay cả chỗ nằm cũng nên vừa đủ đôi chân và lưng phía mặt nằm xuống, pháp phục phủ lên trên bằng chánh niệm chánh tri . Khởi niệm lên sự tưởng nhớ đến sự sáng suốt, chẳng đắm trước ưa thích ngủ nghỉ. Cũng chẳng đắm trước nơi sườn cùng tay chân làm niềm vui. Cho đến nơi bốn việc an trụ phải theo dõi hơi thở. tất cả những sự thọ dụng đều vì lợi ích cho chúng sanh mà làm, nếu ta đắm say vào sự thọ dụng đó, tức sanh ra sự mỏi mệt hư đốn”.

Như Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội chép:” Được thức ăn mùi vị ngon ngọt, tức đồ ăn chẳng tương đương với việc giải thoát, nghĩa là được đồ ăn ngon rồi, bị trói buộc, như những người nằm không đúng phép”.

Lại như Kinh Bảo Tích chép: “Đức Thế Tôn nói về việc thọ dụng của tín thí. Lúc bấy giờ trong chúng có vị Tỳ Kheo khởi nạn lúc đó khi nghe pháp luật xong liền khóc lóc mà nói rằng:

-Kính bạch Đức Thế Tôn! Con nay thà chết chớ chẳng đắc quả, lại chẳng thọ dụng một bữa ăn của tín thí.

Phật bảo:

-Lành thay! Lành thay Thiện nam tử! Lời nói thanh tịnh như thế thuộc về hình tướng , sự xấu hổ về việc làm xấu cùng lo sợ thuộc về tội thế gian.

Phật bảo:

-Này Ca Diếp! Ta biết tín thí có hai loại; gọi là giải thoát. Thế nào là hai?

-Nếu ly ác Tỳ Kheo ngược lại với Tỳ Kheo. Học hỏi nơi ta và thấy chư hành vô thường . Lãnh nạp sự thọ là khổ. Tin hiểu các pháp là vô ngã cầu Niết Bàn tịch tịnh. Giả sử ăn của tín thí sánh như núi Tu Di, thì ở chỗ thí kia rất ráo đều thanh tịnh. Nếu thọ đồ vật của thí chủ cùng đồ ăn của tín thí mà rõ ràng, được đại phước báo. Vì sao vậy? Vì các bậc ở trên sự tham lam keo kiệt làm cho tạo ra phước vậy. Đây là từ tâm Tam Ma Bồ Đề (tâm từ thiên định).

Lại nữa này Ca Diếp! Nếu Tỳ Kheo thọ của thí chủ về việc thí y phục và đồ ăn uống rồi, suy nghĩ để vào trong vô lượng Tam Ma Địa, làm cho thí chủ kia chỗ tạo phước ấy được quả báo, lại cũng được vô lượng.

Này Ca Diếp! Giả sử trong tam thiên đại thiên thế giới giống như nước trong đại hải ; kẻ tu phước này lại cũng chẳng có chỗ cùng tận.”
Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ tám
---o0o---

Quyển Thứ Chín

Thứ tự Kinh văn số 1636

Bắt đầu dịch từ ngày 24 tháng 11 năm 2004
Nhân kỳ nhập thất lần thứ hai.

Phẩm Hộ Thân

Phẩm Thứ Sáu - Phần Thứ Hai

Như thế kẻ đi khát thực, đối với việc bỏ thí khởi lên ba loại ý niệm. Nghĩa là thường cho thân này là chỗ tụ tập của vi trùng. Vì thành tựu lợi ích tất cả chúng sanh mà nhiếp thọ chánh pháp. Lại như đức Như Lai dạy về các việc làm, tất đều phải chánh niệm. Đầu tiên là nghe chơn ngôn; nghe rồi phải giữ gìn. Nên trước đó đọc chú Đề Lý Tam Muội Da (Trisamayaraja). Nói sự lợi ích của chú Mạn Noa La. Bây giờ nói chú rằng:

Na Ma Tác Lý Phục, Một Đà Nẫm, Đề Tác Đỏa Nam Ích Vi Lô Nặc, Vi Lô Nặc Ma Ha, Phục Nhĩ Lý, Tát Đa Bà, Lô Đệ Bà, Lô Đệ Đản Lô, Dĩ Đản Lô, Dĩ Vĩ Đà Mạt Đế Tam Học , Nặc Nhĩ Đa Lô Mạt Đệ Tát Đà, Ngật Lý Đản Lam Tác Phục Hạ. (Namah Sarvabuddha Bodhysattvanam Om Viraji Viraji Mahacakraviraji Sata Sata Sarata Sarata Trapi Trapi Vidhamani Sabhajani Sambhajani Taramati Siddha Agre Tram Svaha).

Tụng chú này được nhập vào tất cả Mạn Đà La hoặc niệm Như Lai tâm chú tám ngàn biến, thì tất cả thế gian và xuất thế gian tối thượng Mạn Đà La cũng đều có thể nhập được, Lại nói chơn ngôn rằng:

Nam Mô Tát Đế Lý Giả Đế Ly Ca Nam Đản Đà Nga Đa, Nam Tát Lý Phục, Đản Lô, Bát Lô Đệ Yết Đa, Phục Bát Đệ, Đạt Lý Ma Đa, Vị Lăng Na, A Tam Ma Tam Ma Tam Ma Tam Mãn Đa Đô, Nan Hằng Đa Phục

Bát Đệ, Xá Tát Nhĩ Yết Lô Yết Lô Tam Ma, Lô Tam Ma, Lô Noa Vĩ Tri Đa Lô, Ngã Một Đà Đạt Lý Ma, Đệ Tát Lô Tát Lô Tát Ma Vị La, Yết Bà Yết Bà Đản Lô, Dã Hằng Lô, Dã Nga Nga Na Ma Ha, Phục Lô Các Xoa Ni Nhập Phục, La Nhập Phục, La Na Bà, Tri Lý Tát Phục Ha.

(Namastraiyabdhikanam Tathagatanam
Savartrapratihatavaptidharmatapalinam Om Asamasama Samantato
Nantanavaptisasani, Hara Smara Smarana Vigataragabuddhadharmate, Sara Sara Samabala, Hasa Hasa, Traya Traya Gagana Mahacalaraksana, Jvala Jvalana Sagare Svaha).

Đây nên biết tất cả thân Như Lai, thân tôi tôn trọng. Chẳng có loại nào trên đây đối với kẻ sơ cơ cả. Đối với Phật, chúng sanh tu tập nhiều bao nhiêu Ma Vương cũng khởi lên những sự ác hại bấy nhiêu. Nên biết đây là việc tôi thượng phải bảo hộ, nghĩa là hoặc cầm nơi tay; hoặc nơi than đốt, hoặc hạt cải; hoặc ở nước trong v.v...tùy ý thấy rồi mới làm việc kết răn.

Lại nữa, những kẻ tật bệnh dùng chơn ngôn để gia trì vào thuốc uống làm cho bệnh bình phục. Hoặc nơi rừng sâu lấy hoa Kiết Tô Ma để cúng dường tháp miếu trước hình tượng, kinh điển chánh pháp, an bài. Quán về nhân duyên giữa Phật và Bồ Tát; tâm được lợi ích an lạc đến tất cả chúng sanh. Đây là bệnh tật mà tất nhiên các Dược Xoa đều bảo trì, nên nói là giải thoát.

Lại nữa trước tiên nên niệm tu Phổ Hiền hạnh pháp (Bhadracarividhi. Cf. Bhadracaripranidhanaraja) theo thể thức như sau: Nghi thức này thực biến đổi. Nghĩa là dùng Đê Lý Tam Muội Da này, giả sử không bị ướt, lại được thanh tịnh; hoặc kẻ ăn cá thịt thấy đều chẳng mất mát, cho kẻ có ấn chú này. Tất cả chẳng thể được ăn; chẳng sai bốn nguyện vậy. Lại chẳng với kia đồng chỗ cùng ngồi; lại chẳng bị đuổi đi. Nơi tín giải hạnh học này chẳng có chỗ để khuynh đảo, lại chớ nghi hoặc. Nếu đầu tiên phá giới, thì điều này cũng thành tựu. Kẻ có trí người vô trí, quyết định tất cả đều thành. Lại nói như kia: Nếu Bồ Đề tâm kiên cố được ý chuyên chú; nên lìa sự nghi hoặc này. Cứu cánh sẽ được thành tựu.

Luận rằng:

Kẻ Bồ Đề Tâm kiên cố là người nhất định nói sự lợi ích của những chúng sanh khác. Làm cho tâm chẳng thoái chuyển với kẻ chưa nhập vào địa nào. Nói như thế là muốn được giữ gìn ánh sáng đầu tiên vào nơi tối tăm, vì đây mà chiếu soi vậy. Nếu lại muốn hy vọng kêu cầu được thành tựu, nên gọi

thế nào là phước sâu? Vui về sự thành tựu ấy duy chỉ trừ tâm lười biếng. Sau đó vào Thánh Địa chứa nhóm vô lượng phước đức. Lìa con đường ác chẳng vì lún sâu vào chỗ đắm trước. Trước nói kẻ được mất; hoặc không có chơn ngôn niệm tụng. Chẳng biết chữ nghĩa thêm bớt, đây là điều chẳng mất. Giả sử có sự tăng giảm, sai biệt quên sót từng phần. Tất cả đều chẳng hề mất mát. Hà hưởng tin nơi Bồ Đề tâm xả bỏ tư lợi, tạo nên vô lượng sự chuyển đổi. Quyết định được thấy chư Phật và chư Bồ Tát, thấy được thành tựu. Hoặc Chấp Kim Cang chơn ngôn, tạo nên cho người hộ trì và chơn ngôn viết rằng:

“Na Ma Tát Đề Lý, Giả Thế Vĩ Ca, Nam Hằng Đà, Nga Đa, Nam Tát Lý Phước, Phước Nặc Lô, Đạt Lô Ba, Tán Nô Tán Nô Mật La Mật La Phước Nại Lô, Phước Nại Lô, Phiến Đa Na, Phiến Đa Na, Tầng La Tầng La Phước Lô Phước Lô Ma, Lô Noa Ma, Lô Noa Phước Nặc Lô, Nại La Tả Tát Phổ, Ngật La Kiên Đa Hộ Ha Lô Tam Mãn Đa Phước Nặc Lý, Ni Nhập Phước, La Nhập Phước, La Na Mật Tốt Đồ, A Nguyên Lô, Nga Lô, Xá Tát Na, Nam Lô Noa Lô Noa Hồ La Tầng La Tát Phát, Ngõa Phước Tô Rô, Đồ Di Tát Phước Ha”.

(Namastraiyabdhikanam Tathagatanam Sarvavajradharanam Candala Candala, Cala Cala, Vajra Vajra, Santana Santana, Phalana Phalana, Cara Cara, Marana Marana, Vajradalakata, Lalitasikhara Samantavajrini, Jvala Jvala, Namostu Te Agrograsasananam Rana Rana Ham Phula Sphata Vajrottame Svaha).

Tụng chú này trong khoảng tích-tắc với kẻ tạo tội chướng, Tần Na Tần Na Dạ Ca (Cinajaka = Quỷ Thần) liền đều tiêu tán. Chư Thiên Long tất cả đều ăn uống, y phục, chỗ nằm đều thành tâm cúng dường. Cho đến gia trì vào nước thanh tịnh, hoặc tùy ý thấy nghe mà làm việc hộ trì. Lại mọi chỗ tụng chú này thì bất động Tôn Minh Vương cũng có tâm chú chơn ngôn như sau:

“Nam mô Tam Mãn Đa , Phước Nặc Lô, Ba Đản Lô, Ngật A Mạc, Khư Tán Nô Ma Ha, Lô Sắc Noa, Tát Phổ Ngõa, Dả Ngưu Đản Lô Ngõa Ha Ni, Ấn Mật Băng Nại Nhĩ Đế Nhu, Ma Khương Nhĩ Tát Phước Ha”.

(Namah Samantavajranam Trata, Amogha Candamaharosana sphataya hum, phramaya phramaya hum, trata hum, mam, palam dade te jomalini svaha)

Như khi bắt đầu ăn, tụng chơn ngôn này đến mười bảy biến, sau đó mới ăn uống thì chư Phật Dược Vương và Bồ Tát chúng, tùy theo chỗ niệm mà làm tiêu trừ các chất độc. Chơn ngôn ấy rằng:

“Đản Mật Đa, Ý Khương Mật Đê Đệ Khương Mật Đê Ý Khương Đê Khương Mật Đê Nõa Nhĩ Nõa Phục Lê Duệ Đản Lý Kế, Đản Lý Yết Lô Ni Ma Ma Lý Nhĩ, Ma Lý Ma, Lô Ni Yết Tất Di, Lý Yết Tất Di, Lô Mục Ngật Đê, A Khứ Di A Khứ Na Khứ Di Y Khan Y Lê Duệ A Ha, Dĩ Duệ A Phan, Ý Duệ Vĩ Đê Tất Vĩ, Đa Đôn Ni A Na Nõa Lô Sát Tất Phục Ha”.

(Tadjatha, ilimitte tilimitte, ilitilimitte, dumbe, duhse, duhsaliye, dumbaliye, takke tarkkarane, marmme, marmarane, kasmire, kasmiramukte, aghane, aghanaghane, ilimiliye, akahapye, apapye svete, svetatunde, ananurakase svaha).

Lại nữa nếu nghe thần chú này, trong bảy năm chẳng bị rắn độc làm hại đến thân. Giả sử có bị rắn cắn, đầu bị phá bảy phần như hoa Lan Hương. Nếu trì chú này cho đến rốt ráo chẳng bị rắn độc cắn và chẳng hại thân. Câu chơn ngôn này trước rắn chớ nên đọc. Vì sao vậy? Vì rắn sẽ bị chết. Chơn ngôn viết rằng:

“Đản Ninh Đà Y La Khước La, Tả Cô, Phục Cô, Cô Ni, Cô Ni, Đê Nhĩ Cô Lô Nõa, Nhĩ Cô Lô Ni Đê Bồ, Nõa Bồ, Ni Đê Bồ Lỗ Noa. Bồ Lỗ Ni Đê Phổ, Sắc Lô Tư Phổ Sắc Đỉnh, Noa Lô Tư Na San Lô Tư Na, San Sắc Đỉnh Noa, Ban Tư Tất Lý Ba, Ban Tư Tất Lý Ba, Sắc Đỉnh Noa, Ban Tư Yết Thiết Tra Khương Vĩ Thử Thức, Đê Thức, Đa Phục Đa Khang Yết La Lý Yết La Lý Đản Ni Đản Ni Đản Nê Đản Nê Đa, Ni Đa, Ni Đa Ni Mặt La Mặt La Tất, Phổ Sát Tất Phổ, Sát Phát Sát Phát, Sát Tất Phục Ha, Y Đề Tư Mô Xoa Vô Cữu, Ngô Khan, Vĩ Ninh, Diệm La Tốt Đa, Điều Nại, Yết Lý Da Diệm, Tất Lý Phục, Phổ Đa Ta Ma San Nhĩ Tất Lý Kiềm, Đản Đa, A Na Tha Đa, Phổ Đảm Tất Phu A Vĩ Bát Lê, Đảm A Vĩ Bát Lý Giả, Tất Đảm, Y Nại Vĩ Sa Ma Vĩ Sam Bà Phục Đồ Lại Na, Lãm Sáng Lê Đồ Năng Kiền Sát Lô, Lãm Sáng Lưu Đồ A Ngật Nhĩ, Sáng Tan Đồ Nặc Lam Sáng Tan Đồ Tất Đảm Phùng Sáng, Tan Đồ Cô Sát Giả Sáng Tan Đồ Phổ Minh Sáng Tan đồ Phiến Cam Sáng tan Đồ Tất Phục Ha”.

(Tadyatha, illa, cilla, cakko, bakko, koda kodoti, nikuruda nikurudeti, poda podeti moda, modeti, puruda purudeti, phataraha phutatanda rahe, naga rahe, nagatatanda rahe, sarpa rahe, sarpatatandarahe, chala visasate, sitacattale,

halale, halale tandi tandi, tada tada, tadi tadi, mala mala, sphuta sphuta, phutu phutu, svaha.

Iti hi phiksavo jangulyam vidyayam udahrtayam sarvabhutasamagate sarvam tathavitathananyathabhutam satyamaviparitamaviparyastam, idam visamavisam bhavatu, dataram, gacchatu, damstraram gacchatu, agnim gacchatu jalam gacchatu, sthalam gacchatu, stambham gacchatu, kudyam gacchatu, bhumim samkramatu, santim gacchatu svaha).

Lại nữa nếu vì giặc giã (trộm cướp) xâm hại. Nên tụng Ma lợi Chi (Ma ri ci). Chon ngôn viết rằng:

Đản Ninh Đà, A Lý Ca, Ma Đài Ma Lý Ca, Ma Đài Lược Phục Na, Ma Đài Ân Ma Lý Đà, Na Ma Đài Bát Thế Chỉ La Dọa Ô Đản Ba, Thế Chỉ Lô Xoa La Nặc Đô, Chỉ Lô Dạ Lô, Nặc Đô, Chỉ Lăng, Dọa Tô, Lô Đô, Chỉ Dinh Dọa Tinh Ha Đô, Chi Dinh Dọa Dương, Yết Lô Đô, Chi Dinh Dọa Na Sáng Đô, , Chi Dinh Dọa Tác Lý Ba Đô, Chỉ Dinh Dọa Tác Lý Phục Đô, Chi Dinh Dọa Dinh Dọa Mưu, Tác Lý Phục, Bà Duệ Tỳ Dục, Tác Lý Vũ, Ba Nại Lô Mỗi, Ba Tát Lý Ngô, Phán Dã, Tế Tỳ Dục, Tát Phục Ha. Ân Phục Đệ Khương Phục Đệ Khương Tát Lý Phục, Nạp Sắc Ngõa, Nam Ngật Lãm , Đỉnh Mãn Đà, Chỉ Tát Phục Ha, Nam Mô Lô Đẳng Na, Dạ, Dã Na Ma, Ma Lý, Tải Chỉ Phục Đa, Dị Ma Lý Sai Chỉ Phục Đa, Dã Ngật Lý, Nại Đạm Ma, Phục Lý Đa, Duệ Xoa Nhị Đản Ninh Đà Phục Đa Khương, Phục Nại, Khương Phục Lô, Khương Phục Lô, Ha Mục Khế Tát Lý Phục, Nạp Sắc Ngõa. Nam Mãn Đà Mục Lu Tát Phục Ha”.

(Tadyatha, parakramasi, udayamasi, vairamasi, arkamasi, markamasi, vanamasi, antarddhanamasi, pathe me raksa, utpathe me raksa janato me raksa, cairato me raksa, rajato me raksa, simhato me raksa vyaghrato me raksa, nagato m e raksa, sarpato me raksa, sarvato me raksa, raksa raksa, mam sarvasattvamsca sarvaphayebhyah, sarvopaye sopasargebhvah svaha. Um vaeili umvadili sarvadustanam granthim vandami svaha.

Namo ratnatrayaya, namo maricyai devatayai, maricya detaya detaya hridayamavartayisyami. Tadyatha battali, badali, badali, barali, vara hamukhi, sarvadustanam nivaraya, bandha mukham svaha).

Do niệm Minh chú này, xuất sanh vô lượng đại đức oai quang. Lại nữa năm mươi bảy chữ sau đây thuộc về trong mật Tạng Bảo Trì chơn ngôn (Vidyadharapitaka), nhằm bảo hộ và lợi lạc khỏi sự sợ hãi. Chơn ngôn viết rằng:

“Đản Ninh Đa, Yết Đê, Mạt Đê, Na Đê, Cô Na Đê, Sắc Chỉ Đà, Lộ Chi Đà, Lô Chi Ô Rô Mạc, Đê Rô Rô, Mạc Đê Đồ Rô, Tư Khan Chi, Khan Tát Lý Phục, Nhi Giả, Nỗ Ba Nại Nga Na Năm, Tát Lý Phục, Tam Ma Tam Một Đà, Điện Tát Điện Đô Di Mãn Đản Lô, Bát Nại, Tát Phục Ha”.

(Tad yatha atte batte natte ku natte take thake tharake uru mati ruru mati tu ru hi li mi li sarvajno dupadagga na mo sabba samma sam buddhanam me manta padad svaha).

Luận rằng:

Sự hộ thân như thuốc thang, y phục để làm lợi ích chúng sanh. Trước đã làm như thế, nghĩa là ở nơi vui say đắm trước thọ dụng; khởi lên tội nhiễm ô. Do đây mà Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh đều xả bỏ. Lại nữa nếu chẳng mong vật thí, thì đồ riêng tư của mình lúc bấy giờ chẳng nên vui đắm; tức chỉ có việc ăn uống mà đã khởi lên sự nhiễm ô. Chỉ có chẳng nhớ nghĩ đến sự ăn uống, đối với chúng sanh, hay chẳng ưa thích. Nghĩa là nơi sự ăn uống đó làm cho người ta nhớ đến vật nợ, không bị tội nhiễm ô. Tuy nhiên nếu lợi riêng mình là đầy cả tội. Nơi giới biệt giải thoát thuộc Ba La Di tội. Lại nữa, nói về sự thọ dụng ở nơi kia lấy mỗi một chúng sanh làm đích. Mỗi một chúng sanh làm chuẩn là hộ thân khiến cho chẳng bị nguy hại mất mát. Chẳng phải như kẻ tời tở thường hay đối với một ông chủ để kiếm tiền sanh sống, bị sai sử. Vật riêng của mình, tức là vật của người.

Như Kinh Phát Tập chép rằng:”Bồ Tát cũng giống như thay thế cho đứa trẻ ở vườn. Vì tất cả chúng sanh tùy theo đó mà làm việc”.

Luận rằng:

Chẳng luận nơi một người chủ, mà kia vì lợi tha. Giả sử nếu người đầy tớ trai bị bệnh não mà ông chủ chưa mở lời trước tiên, hoặc cho ăn như thế có được chăng? - Bồ Tát như thế làm các việc gần gũi chẳng biết việc này. Nếu tâm biết rõ việc thanh tịnh như thế, nên rộng bỏ việc làm kia, ở lý chớ nên nghi hoặc. Tất cả đều nên xả bỏ hết. Như trước Phật đã nói chỉ dùng đó

để cấp cứu bảo hộ mà thôi. Đây là việc hộ thân; vì lợi ích chúng sanh, nên nói như vậy, phải hiểu rõ nghĩa này. Như chân lý đã mở bày, khi xử dụng đừng quên lời.

---o0o---

Hộ Thọ Dụng Phước

(Bhogapunyaraksa Sap Tamah Paricchedah)

---o0o---

Phẩm Thứ Bảy - Phần Thứ Nhất

Luận rằng:

Như thế sự hộ thân nên biết như đã giải thích. Hộ trì kẻ thọ dụng: thứ đến bây giờ sẽ nói thọ dụng phước, lại phát khởi việc thiện để tu hành. Ở đây, dùng trí để quán sát những học xứ, để hộ trì kẻ thọ dụng, thật chẳng lấy làm khó.

Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn chép:”Kẻ nơi học xứ này là nơi bình đẳng, thấy việc thiện mà làm. Kẻ tu làm việc thiện, xa quán thật rõ sự thí xả của việc thọ dụng kia”.

Luận rằng:

Sa Ma Tha (Chi) để về sau, mà ở lý giải hiểu rõ là chỗ nói được về sự thành tựu này. Cho nên tiết chế sự thọ dụng, mà đây là sự thành tựu chân thật. Tự nhiên việc thọ dụng rộng khắp. Sự tổn hoại có thể dứt bỏ không cần đề cập.

Lại nữa Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn chép: “Vợ con nô bộc, kẻ làm việc nhà, là những người được thọ dụng chánh đáng. Hoặc chính mình hoặc người khác khi nghe phần giác ngộ thì dứt trừ chỗ làm. Nên xả bỏ hay chẳng xả bỏ sự việc kia. Nơi lợi ích chúng sanh thật có thể xưng tán vô lượng, và nơi Bồ Tát xưng tán vô lượng là việc làm tối thiện. Đoạn trừ chỗ làm này, có thể xả hay chẳng thể xả, việc làm vẫn thành tựu. Ở đây có điều nghi, Bồ Tát biệt giải thoát lại cũng làm và nói thế.

Lại nữa Xá Lợi Tử! Nếu xuất gia Bồ Tát cầu Bồ Đề phần nên biết nói về sự bố thí. Thế nào là thí? - Nghĩa là sắc thí cho đến pháp thí. Vì cái khác là pháp thí.

Xá Lợi Tử! Nếu tại gia Bồ Tát ở nơi hằng hà sa số cõi Phật dùng đầy đủ bảy món báu để bố thí cho Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Xá Lợi Tử! Nếu xuất gia Bồ Tát nơi một cho đến bốn câu kệ, như thế mà tu hành. Cho đến vì kẻ khác mà diễn nói, thì phước này hơn kia. Lại nữa Xá Lợi Tử! Há chừ Như Lai với kẻ xuất gia nói về vô tài thí, là điều quan yếu ư. Nay Xá Lợi Tử! Nếu có thức ăn đầy trong bình bát cùng những vật dư thừa nên đem chia cho kẻ đồng phạm hạnh. Nếu kia lại đến cầu xin y hoặc bát mà như Phật đã nói có ba loại y tùy theo đó mà cho. Lại nữa nếu thiếu một trong ba y cho đến duy chỉ một y hay chỗ ở của người phạm hạnh thanh tịnh, thì điều này chẳng nên xả. Vì sao thế? Cuối cùng Như Lai chẳng nói bố thí ba y này vậy. Xá Lợi Tử! Bồ Tát với ba y lúc người xin mà cho kia mặc nhiên đối với Thầy Tổ không thiếu sự gần gũi. Nay Xá Lợi Tử! Xuất gia Bồ Tát duy chỉ nên vì Pháp mà thân cận vậy. Kẻ cầu mong, nên biết mà nhiếp thọ. Chỉ một chúng sanh chưa được, không lợi ích bằng nhiều chúng sanh nhóm họp lại. Cho nên Bồ Tát trong chúng sanh dùng tâm tâm để tu tập. Nếu giảm mất sự lợi lớn thì đoạn diệt việc tốt này. Như thế nên nói bị sát na xa lìa việc lợi lớn là vậy, cho đến thí xả hoặc chẳng thí xả”.

Lại như Kinh Hải Ý nói: “Kẻ Đại Thừa đoạn nhiều tài lợi như ta định nói: Bồ Tát như thế thành tựu biện tài. Do đó mà hội nhập vào,” giống như Kinh Tối Thượng Thọ Sỡ Vấn đã chép.

Luận rằng:

Nếu nói vì kẻ khác mà tu hành tạo tác nên xả bỏ việc này như Kinh Duy Ma Cật chép rằng:

Hỏi:

-Duy Ma Cật! nếu sợ sinh tử thì nương vào chỗ nào?

Đáp rằng:

-Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát sợ sinh tử nên nương vào công đức lực của Như Lai.

Hỏi:

-Kẻ mang vào công đức lực của Như Lai sẽ trụ ở đâu?

Đáp:

-Muốn nương vào công đức lực của Như Lai nên nương vào tất cả chúng sanh để trụ.

Lại hỏi rằng:

-Nếu nương vào tất cả chúng sanh để trụ lại trụ vào chỗ nào?

Đáp:

-Nên trụ vào chỗ giải thoát tất cả chúng sanh vậy.”

Lại như Kinh Pháp Tập chép:

“Thương Chủ Bồ Tát bạch rằng: Bạch Đức Thế Tôn: Nếu Bồ Tát vui say nơi Bồ Đề điều đầu tiên với tất cả chúng sanh chẳng vì mình cho đến Thế Tôn, thì đây gọi là Pháp Tập”

Luận rằng:

“Bỏ cái này tức thành tự lợi

Hỏi:

-Sự giảm mất lợi ích chúng sanh là thế nào?

-Nghĩa là làm mất sự sợ hãi chẳng làm cho chúng sanh có nhiệm vụ nặng hơn. Do sự giảm mất này mà chẳng quan sát thấy được lợi ích. Chỉ ở thế gian tu hành làm tự lợi.

-Như vậy thì sự sai biệt như thế nào?

-Nếu Bồ Tát chẳng bỏ cái đức riêng để thành cái thiện chung ; hoặc sợ vào đường ác thọ chịu khổ não, đây là hai loại, nghĩa là khổ mà ta sẽ thọ , nên chẳng xả lìa”.

Như Kinh nói: Bao tội báo sâu rộng”.

Kinh Bảo Tích Phật nói:

“Này Ca Diếp! Có bốn loại pháp, có tên tương tự với Bồ Tát. Nghĩa là tự lợi cầu an mà chẳng tế độ khổ não cho chúng sanh”.

Lại nữa Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn lần lượt nói về tội báo chép rằng:”Nếu hỏi về vô ngã chấp, tức là Bồ Tát học xứ”.

Lại như Kinh Pháp Tập chép:”Giống như Huệ Mạng Tu Bồ Đề nói chẳng chỗ để phát ra lời nói của Bồ Tát”.

-Này Thiện nam tử! Bồ Tát sẽ trụ vào đâu?

Đáp:

-Vì chúng sanh chẳng bỏ chánh hạnh.

Hỏi:

-Thế nào là vì chúng sanh chẳng lìa chánh hạnh?

Đáp:

-Nghĩa là chẳng bỏ đại từ đại bi.

Tu Bồ Đề nói:

-Thế nào là Bồ Tát đại từ?

Đáp:

-Đem cả thân mệnh và phước báo căn bản bố thí cho tất cả chúng sanh; nhưng chẳng cầu đền đáp.

Lại hỏi:

-Thế nào là Bồ Tát đại bi?

Đáp:

-Nếu Bồ Tát vui nơi Bồ Đề ; tôi sợ là với tất cả chúng sanh mà chẳng chấp lấy sự chứng cho riêng mình”.

Kinh cũng lại chép: “Điều này tất cả Bồ Tát học xứ lấy đại bi làm căn bản. Cuối cùng Thế Tôn muốn chư Bồ Tát chẳng rời sự lợi tha được gọi là Bồ Tát với thiên định, phi cứu cánh, trong đó, ta quán sự bố thí như biển phước rộng lớn là sự lợi ích rộng lớn. Chẳng phải nhất định một hướng sai biệt của sự sanh diệt”.

Lại như Kinh Quyết Định Tịch Tĩnh Thần Biến chép:”Xưa kia có vị vua thấy có một vị Tỳ Kheo đã ngàn năm Nhập Diệt Tận Định. Đây là duyên vậy. Có những Tỳ Kheo đọc tụng Kinh điển cầu hạnh Bồ Tát; tôn trọng Pháp, muốn thọ dụng đồ ăn của tín thí. Phát tâm như thế này: Ta vì cầu pháp mà căn lành này vì pháp xả thí. Một trăm đồng tiền lẻ mà vui chấp, như trước đã lần lượt nói điều ấy không mất đi. Hoặc nói cho đầy đủ là giúp đỡ kẻ thọ dụng phước báu”.

Luận rằng:

Lại nữa rộng vì tự lợi quả báo giữ gìn thanh tịnh. Như Kinh Na La Diên Sở Vấn chép:”Kẻ giữ giới chẳng luận Quốc Vương; chẳng luận chư Thiên; chẳng luận Lạc Ca La; chẳng luận kẻ thọ dụng; chẳng luận kẻ vui giàu; chẳng luận về hình sắc, chẳng luận về nguyên nhân của hiện sắc, chẳng luận về lời nói đẹp. Cho đến kẻ giữ gìn giới không sợ hãi địa ngục. Như thế chẳng sợ hãi súc sanh và cảnh giới A Tu La; Điều quan trọng với kẻ giữ giới là: Tuy không do nơi Phật nhãn, cho đến kẻ giữ gìn giới đức; làm lợi lạc tất cả chúng sanh, là nghĩa tương ưng vậy. Bồ Tát giới uẩn có hành tướng như thế; được đầy đủ mười pháp chẳng giảm mất. Thế nào là mười?

Nghĩa là được Chuyển Luân Thánh Vương mà chẳng giảm mất - Cầu Phật Bồ Đề mà chẳng tạp loạn được Thước Ca La (Cakravada = bền chắc) chẳng giảm mất - Nguyên thủy chư Phật được vô chướng ngại – Như thế vì Phạm Thiên Vương lại chẳng giảm mất – Nghe pháp Thanh Văn chẳng vào chỗ đọa, cho đến nghe đọc tụng kinh pháp, đầy đủ các hạnh Bồ Tát đều chẳng mất – Nơi các thiện pháp chẳng đoạn mất sự biện tài; cầu vào sâu thiên định chẳng mất – Cho đến như thế trụ nơi giới uẩn đại Bồ Tát, thường vì tất cả

chúng sanh mà kính lễ, nghĩa là Trời Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà v.v...cúng dường cung kính , ca tụng xưng tán. - Lại vì các Long Vương , A Tu La v.v...mà thường tôn trọng. Mỗi mỗi Bà La Môn, Trưởng Giả, Cư Sĩ v.v.. đều thân cận. Cho đến kẻ trí thường hay tán thưởng khát ngưỡng. Vì Phật hỏi han; hoặc trời hoặc người; tất cả chúng sanh đều lân mẫn. Cho đến chẳng làm bốn hạnh, duy trừ việc hóa độ chúng sanh. Thế nào là bốn? Đó là chẳng hành vô tướng hạnh; lại chẳng hành nơi không có nước Phật; lại chẳng hành sanh ra nhà tà kiến, cùng đọa vào con đường ác.

Luận rằng:

Như trước đã xả phiền não lực kia và sự kiêu mạn . Giữ gìn phước báo, lại hay bố thí. Rồi nơi phước này tự chẳng cầu quả báo. Muốn giữ gìn, duy chỉ vì việc lợi tha. Sao chẳng sanh sự hối cải. Như Kinh Tội Thượng Thọ Sở Vấn chép: “ Nếu đã bố thí tâm này, giả sử chẳng sanh hối quá mà đuổi theo kẻ ác kia; lo hoặc chẳng lo đều có tên là hối tiếc việc đã qua. Sự giảm mất phước báu làm cho tội càng tăng trưởng. Nếu chẳng đối trước Phật phát lồ sám hối tội che dấu, thì việc thiện kia thuộc về tánh tội. Lại nữa đối với tội đó nào hại việc làm hối quá. Do đây mà vô tội được phước hỷ rộng rãi”.

Kẻ làm lợi ích chúng sanh chẳng phải là tâm tài lợi mà là tâm phát lồ (sám hối).

Như Kinh Bảo Vân chép: “Giống như Dược Vương tự tán thán cái đức ấy, chẳng làm sai trái. Lại nói muốn bảo hộ kẻ phước đức, khi nghe đến việc lợi dưỡng Bồ Tát thường xa rời sự cao mạn đó mà vì pháp thanh tịnh nên xả bỏ sự ngu si mê ám”.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển chín

---o0o---

Quyển Thứ Mười

Thứ tự Kinh văn số 1636

Bắt đầu dịch từ ngày 25 tháng 11 năm 2004

Nhân kỳ nhập thất lần thứ hai tại đây.

Phẩm Hộ - Thọ Dụng Phước

(Bhogapunyarksa Sap Tamah Paricchedah)

Phẩm Thứ Bảy - Phần Thứ Hai

Kinh Bảo Tích chép rằng: “Phật bảo này Ca Diếp! Nếu Bồ Tát đầy đủ bốn pháp như thế, tức chưa sanh thiện pháp làm cho diệt. Thiện pháp sanh rồi lại chẳng tăng trưởng. Thế nào là bốn? – nghĩa là đối với thế gian tham đắm, quá mạn; nói lời xảo trá, đả trước lợi dưỡng; Thuộc mê mông lạc quan ít tán dương Bồ Tát. Đối với việc chưa nói chưa nghe của khế kinh mà đã sanh hủy báng”.

Lại nữa Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvastivadin) chép rằng: “Nhu thế, tóc, lông, móng tay, tháp cho đến những phần của thân thể, thấy rồi sinh lòng tin thanh tịnh phát tâm cung kính, Đại Đức Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni này, từ mặt đất, đi quá tám vạn bốn ngàn Do tuần đến Kim Luân Tế tăng, Tỳ Kheo có gặp được trăm ngàn lần Chuyển Luân Thánh Vương thọ dụng phước báu. Cho đến vị Ưu Ba Ly hướng đến trước Như Lai chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu Phật nói Tỳ Kheo này có căn lành như thế rất lớn. Bạch Thế Tôn! Vì sao lại có căn lành mà Ngài đã nói điều này thường có thể tan hoại?”

Phật bảo: Này Ưu Ba Ly! Nghĩa là nhân với sự động loạn này mà tùy theo kia thấy, như kẻ phạm hạnh gần gũi phạm hạnh. Này Ưu Ba Ly! Do đối với thiện căn chẳng rộng rãi nên người đối với việc này thường có thể bị hoại diệt. Này Ưu Ba Ly! Cho nên phải học. Lại nữa nếu tích chứa cỏ rác nơi chỗ đốt, tâm có thể không hoại; huống là thân thức kia”.

Kinh Văn Thù Thân Biến (Manjusri-Vikridita-Sutra) chép rằng:” Đối với kẻ hại kia, trong trăm kiếp tích tu điều thiện này; có giảm thấp gọi là đối hại”.

Kinh Hoa Nghiêm chép:”Khổ cứu chúng sanh là cái đức cao cả làm nhân duyên cho thân ban đêm như trước đã nói”

Luận rằng:

Ngay lúc đó cùng nhau hủy báng; tăng sự bất thiện căn bản, giảm thọ số lượng vô cùng, sắc lực an ổn tất cả đều giảm thiểu. Chẳng còn một phần ít nào cho thấy sự lợi ích cả. Tuy nói truy cầu danh tướng lợi dưỡng để làm việc cao ngạo.

Như Kinh Bảo Tích chép: “Phật bảo: Này Thiện nam tử! Bồ Tát được của quý dồn lại như núi Tu Di rồi lấy đem cho người ta; hoặc được tiền bạc, lại lấy cho kia. Vì sao vậy – Vì họ suy nghĩ như thế này, do chúng sanh tham lam tật đố hay tranh dành vật chất giữa mình và người . Do nhân duyên đó nên bị chìm đắm trong biển sanh tử. Ta muốn giúp cho người trong đêm dài đó được lợi ích an lạc, cho nên thọ của thí mà cuối cùng chẳng cho rằng việc ấy gọi là có. Lại cũng chẳng khởi tâm tham trước, duy chỉ vì sự cúng dường Phật, Pháp, Tăng, sau đem bố thí tiếp cho tất cả chúng sanh, như kẻ bần khổ được đời sống linh hoạt. Lại làm cho kẻ thí sanh nhiều hoan hỷ, giống như nói, được của thí không kiêu mạn . Người ấy lại cũng nói: Giả sử có người đến bố thí nhân duyên, ca tụng xưng tán; người này chẳng sanh cao hứng; cũng chẳng kiêu mạn. Lại nữa nếu đối với ta, mà ca tụng xưng tán khởi lên tức là diệt mất tức thì không còn dài lâu. Giả sử tái diễn ba lần ở nhiều nơi khác ca tụng xưng tán , thì phải nên hiểu như thế nào? Nghĩa là các pháp vô thường , vô trụ, vô lực, khiến cho tâm thấp hèn kia chớ sanh công cao; chớ có kiêu mạn. Như thế Bồ Tát đối với danh thơm , lợi dưỡng , ca tụng, xưng tán v.v.. tất cả đều trụ nơi chánh niệm”.

Kinh cũng chép:”Giống như người Chiên Đà La du hành trong thế gian, có ý hạ tiện được lìa kiêu mạn. Tùy theo chỗ ở rồi sanh ra nhớ nghĩ việc đi xin ăn”.

Lại như Kinh chép: “Này Thiện nam tử! Một là Bồ Tát nếu xả tục xuất gia,, vì các thân quyến, bạn hữu ở chỗ xả bỏ. Cũng giống như tử thi, mà với nhân duyên này thôi thúc điều phục sự ngã mạn. Hai là hủy hoại hình hài, mặc y hoại sắc, thân hình khác tục. Đây là nhân duyên để thôi thúc điều phục sự ngã mạn. Ba là cạo tóc, tay mang bình bát. Ở chỗ người thân hoặc chẳng thân du hành khát thực. Đây là nhân duyên thôi thúc điều phục sự ngã mạn. Bốn là như người Chiên Đà La ti tiện dụng tâm đi du hành khát thực. Đây là nhân duyên thôi thúc điều phục sự ngã mạn. Năm là do khát thực mà được toại ý được sanh thành vì kia mà trói buộc. Đây là nguyên nhân thôi thúc điều phục sự ngã mạn. Sáu là tuy vì kia hủy báng, vì sự khát thực mà lại thọ của thí kia. Đây là nhân duyên thôi thúc điều phục sự ngã mạn. Bảy là tôn

trọng công hiền A Xà Lê, mà đây là nhân duyên thôi thúc sự ngã mạn. Tám là đi đứng uy nghi , an tường bình tĩnh; làm cho kẻ phạm hạnh thấy rồi hoan hỷ. Đây là nhân duyên điều phục thôi thúc sự ngã mạn. Chín là nơi Phật, người chưa được nguyện sẽ được. Đây là nhân duyên thôi thúc điều phục sự ngã mạn. Mười là khởi tâm sân hận loài hữu tình; lại có nhiều việc nhẫn nhục. Đây là nhân duyên thôi thúc điều phục sự ngã mạn”.

Lại nữa Kinh Hải Ý chép rằng: “Nếu Bồ Tát được thân thanh tịnh; đầy đủ trang nghiêm tay chân mềm mại; thù diệu, khả ái thành thực phước ái sanh ra nơi thân. Các căn không giảm; thân hình tròn đầy; mà đối với hình tướng đẹp dễ đó lại chẳng làm say mê người. Chẳng phải vì thân trang nghiêm mà mong niềm vui nơi xúc chạm. Nếu chúng sanh có mỗi mỗi sắc tướng khác nhau mà Bồ Tát lúc ấy vì cầu pháp, nên khiêm hạ cung kính”.

Kinh lại chép rằng:”Giống như ở biển cả dưới đất sâu; nơi mà tất cả sông ngòi và những khe rạch đều chảy vào. Bạch Thế Tôn! Bồ Tát kính trọng Thầy Tổ tâm chẳng cao ngạo cũng lại như thế. Tất cả pháp môn sâu xa và những việc lành vi tế ở nơi nhĩ căn này mà mau được thâm nhập . Bạch Thế Tôn, Bồ Tát nên an trụ nơi chánh niệm như thế. Nếu công cao ngã mạn chẳng tôn trọng sư trưởng; lại chẳng lễ bái cung kính, thì phải biết Bồ Tát đây bị ma dắt dẫn chế ngự”.

Lại nữa như Phẩm Xuất Thế Gian (Lokottaratarivarta) chép: “Hoặc bảo này Phật Tử! có mười loại ma sự. Thế nào là mười?”

Một là đối với Hòa Thượng, A Xà Lê, Cha Mẹ, Sa-môn, Bà La Môn ở nơi chánh hạnh hướng về chánh đạo mà chẳng khởi niệm tôn trọng, đây là ma sự.

Hai là đối với Pháp Sư thuyết pháp thù thắng , với pháp Đại Thừa thậm thâm, sự liễu đạt con đường Niết Bàn, với kẻ kinh tông tri vương, với sự tịch tĩnh; chẳng khởi niệm tôn trọng, chẳng chịu khéo nghe, đây là ma sự.

Thứ ba đối với chúng hội nghe thuyết pháp , đối với Pháp Sư chẳng hoan hỷ tán thán lời hay đẹp; huống nữa khởi lòng tin tưởng thanh tịnh, đây là ma sự.

Bốn là khởi lên sự ngã mạn, cố chấp nơi mình, lẳng nhục người khác; Sự hiểu biết với tâm hẹp hòi, ngăn cản, không chỗ tham khảo, đây là ma sự.

Năm là khởi tâm ngã mạn, tự mình chẳng chịu nghe lời A La Hán và Bồ Đề Già La (chúng sanh), nhằm che đậy cái đức cao quý của họ và cho rằng chẳng như mình; Việc đáng xưng tán chẳng xưng tán, đây là ma sự.

Sáu là dù rõ biết đây là pháp, đây là luật, đây đúng là lời Phật dạy, pháp này vì người khiêm nhường mà diễn nói pháp khiêm nhường, nhưng lại hủy báng chánh pháp, lại thọ trì riêng, đây là ma sự.

Bảy là tự cầu chỗ ngồi cao, nghĩa là cho rằng hành đạo chẳng nên gần gũi kẻ chấp sự. Mà người kia tu phạm hạnh lâu, là bậc đại đức kỳ cựu, lại chẳng khởi sự thừa nhận cung nghinh, đây là ma sự.

Tám là dung mạo chẳng ôn hòa có nhiều tật xấu. Lời nói cực thô với tâm ti tiện quá ác, đây là ma sự.

Chín là tăng thượng mạn ưa nghe điều hí luận, chẳng gần bậc có đức, chẳng sanh cung kính. Lại chẳng thưa hỏi ai là người lành, ai là kẻ chẳng lành. Ai là kẻ nên làm. Ai là kẻ chẳng đáng làm. Lại nữa chỗ nào làm nơi đêm tối mà được an lạc lợi ích. Lại nữa chỗ nào làm trong đêm tối mà chẳng được an lạc lợi ích. Suy ám cùng kiêu mạn giữ chỗ bất minh mà cho là đúng. Đây là ma sự.

Mười là do ngã mạn che khuất, giả sử có Phật ra đời lại cũng xa lìa. Đánh mất thiện căn chẳng khởi niệm tốt. Nói điều chẳng đáng nói, lại hay khởi lên sự đấu tranh, nghĩa là pháp hành này phản lại, rơi vào chỗ tà ác. Đối với Bồ Đề Tâm, căn lực thánh tài chẳng thể được. Trong trăm ngàn kiếp thường chẳng gặp Phật. Huống lại nghe pháp. Đây là mười loại ma sự. Phật bảo: “Này Phật Tử! Bồ Tát xả bỏ mười loại ma sự này được mười loại sự nghiệp trí tuệ”.

Luận rằng:

Ở đây sự nghiệp của trí tuệ là nói việc hóa độ tất cả chúng sanh.

Kinh Hộ Quốc chép rằng: “Người kia đọa vào tội kéo xe ở nơi biên địa, sanh ở nơi bần cùng. Dui mù câm điếc, chẳng có uy đức, gần gũi người ngu, chấp trước ngã mạn”.

Lại như Kinh Phát Tập chép: “Nghĩa là các Bồ Tát muốn giữ lấy Phật địa; tức lấy chúng sanh làm Phật địa. Do đây mà được Phật pháp. Chẳng hoại

chánh hạnh. Nghĩa là những thiện hạnh và ác hạnh chẳng nương vào nơi chúng sanh mà chuyển hóa. Do vậy kẻ ác hạnh nương vào tội ác mà khởi lên. Còn kẻ thiện hạnh thì nương vào loài người và chư Thiên”.

Kinh Bảo Quang Minh Đà La Ni (Ratnolkadharane) chép rằng: ”Phật bảo: Này Phật Tử! Bồ Tát sơ phát tâm trước tiên đối với tất cả chúng sanh mà phát ra mười loại tâm. Thế nào là mười? Đó là tâm lợi ích, tâm an lạc, tâm lân mẫn, tâm nhuần trạch, tâm ái lạc, tâm nhiếp thủ, tâm thủ hộ, tâm bình đẳng, tâm giáo hoá, tâm xưng tán. Đó là mười loại phát tâm để vào năng lực tin và hiểu”.

Kinh Tài Ấn chép: “Ta đã được tất cả chúng sanh làm đệ tử; lại làm cho họ đối với tất cả chúng sanh độ làm đệ tử nữa, để được an ổn. Điều quan trọng là trước tiên ta ở nơi đó cung kính lễ bái; rồi giáo hóa cho tất cả chúng sanh cũng ở nơi đó cung kính lễ bái.

Lại như Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết chép rằng: “Nếu vui nói thế gian thanh tịnh chẳng có khó khăn, tùy theo nơi giáo hóa điều phục tất cả loài hữu tình sanh về thế giới thanh tịnh của chư Phật”.

Luận rằng:

Nếu rửa chân ngồi nơi chỗ ngồi suy nghĩ; nên làm việc ái lạc tôn trọng ra sao.

Cho nên Kinh Hoa Nghiêm chép:”Lúc bấy giờ có một vị Vua tên là Pháp Âm Cái. Ở trước đại chúng ngồi trên tòa Sư Tử; có nhiều người lúc ấy đứng chấp tay ở phía trước rồi cung kính tác lễ vị Vua.

Lúc ấy vua Pháp Âm Cái, thấy các vị đến xin ăn, sanh tâm hoan hỷ rất là bi mẫn. Giả sử trong ba ngàn thế giới đều làm Chuyển Luân Vương trải qua vô số kiếp; lại được niềm vui thắng diệu hơn trước đã nói. Cho đến Tịnh Cư Thiên Vương nơi vô số kiếp, hành pháp môn tịch tĩnh giải thoát; lại nhiều hơn trước đã nói.

Này Thiện nam tử! Nếu có người tuy thực hành lòng yêu thương muốn cho cha mẹ huynh đệ tử muội bằng hữu, nam nữ vợ con, thì nên xa rời lâu dài. Sau đó ở nơi hoang dã tu tịnh tự nhiên trực ngộ. Rồi tự hỏi việc sanh yêu thương , quán sát chiêm nghiệm chẳng có che giấu.

Này Thiện nam tử! Vua Pháp Âm Cái này lại cũng như thế. Khi thấy ai đến xin, thì thật vui vẻ. Tâm sanh hỷ lạc, phát khởi tối thượng tâm hy hữu. Cho đến nơi những vị đi xin ấy tưởng như con; tưởng như cha mẹ; tưởng là chỗ sanh ra phước điền; tưởng là thiện tri thức; tưởng là lực kiên cố; tưởng là thật khó được; tưởng là việc khó làm có thể làm; tưởng là chỗ làm nhiều; tưởng là chỗ tối thượng thành tựu biện tài; tưởng là chỗ gần gũi đạo Bồ Đề; tưởng là chỗ giáo huấn của A Xà Lê. Như thế những kẻ đến biết tánh của chúng sanh là chỗ thừa sự. Bình đẳng vô ngại xả bỏ tất cả. Ngay cả bỏ xác thân này như chỗ mong muốn. Lại nữa tìm chỗ thanh tịnh trang nghiêm đẹp đẽ; xả bỏ tư lợi ấy là niềm vui”.

Luận rằng:

Cho đến người chủ hoặc kẻ tịnh tín, chờ đợi từ xa lại sẽ thanh tịnh. Chỉ vẽ cho đầy đủ sự lợi lạc. Nên như thế mà nghỉ ngơi. Hướng đến thân của Tỳ Kheo có tật bệnh. Ngày xưa đức Phật Thế Tôn cũng thường làm việc ấy.

Như Luật Tỳ Kheo Tạp Tụng (Bhiksuprakirnaka) chép rằng: “Phật bảo: Này Phật Tử! người chớ nên đối với Tỳ Kheo đang bị bệnh, lơ là và bỏ mặc, mà chính ta đối với Tỳ Kheo đó, còn tôn trọng, giúp đỡ mọi việc, như mang y đến cho Tỳ Kheo bị bệnh này, thậm chí tắm rửa.

Nghe thế A Nan bạch Phật rằng:

-Kính bạch đức Thế Tôn! Như Lai đừng nên tắm rửa Tỳ Kheo bị bệnh và giặt y áo che chỗ bất tịnh. Việc ấy để cho con làm.

Phật bảo A Nan! Người nên giặt y cho vị Tỳ Kheo bệnh này. Còn Như Lai sẽ đích thân và tự tay chăm sóc tắm rửa cho ông ấy.

Lúc bấy giờ Ngài Tuệ Mệnh A Nan Đà giặt y cho vị Tỳ Kheo bệnh kia. Còn Như Lai đích thân lấy nước, tự tay tắm rửa cho vị thầy bệnh.

Lúc bấy giờ Ngài Tuệ Mệnh A Nan Đà nói với thầy Tỳ Kheo bệnh rằng: Lành thay! Ông ngồi dậy, tôi chờ ông ngoài này. Thầy Tỳ Kheo ấy ra ngoài, Như Lai đích thân, tự tay mình tắm rửa cho Thầy Tỳ Kheo bệnh ấy và nói với A Nan bài kệ rằng:

Người nên làm nhiều việc

Hoan hỷ để cứu độ
Đừng vì chút ưu khổ
Mà xa lìa chúng sanh
Nếu người tín tịnh thanh
Thành tựu ruộng phước lành
Mà ở trong thế gian
Chẳng rời bỏ chúng sanh
Ý kiên cố tu hành
Chỉ thuần là nước sữa
Tôn kính lời chư Thiên
Thường cung kính bậc trên
Giống như vợ mới cưới
Làm việc chẳng chấp nhất
Độ chúng sanh vô tận
Giải thoát rất rộng sâu
Nếu hiện tiền tôn trọng
Cao chót vót ước mong
Ngay nơi tóc chúng sanh
Một lòng lại chẳng động
Nếu đọa ngục A Tỳ

Bây giờ tạo mãi đi
Rộng vì đó giải thoát
Việc lành tu thành đạt
Tự ngã làm chủ tể
Ta thật chẳng có được
Đối với kẻ tạo ác
Chẳng bao giờ khinh mạn
Các căn đều hỷ lạc
Khổ ấy vào phiền não
Do hỷ, căn thanh tịnh
Hóa độ rộng thênh thang
Chúng sanh nếu có khổ
Xem thân như lửa cháy
Tâm dục khởi hãy hừng
Dùng phương tiện lân mẫn
Thương kẻ tạo tội khổ
Vì thế cầu giải khổ
Nếu khổ cũng phải nhẫn
Như tội mà sám hối
Giả sử như Thế Tôn

Đầu đến chân đều hoại
Từ bỏ hết thế gian
Tiếp nối đức Như Lai
Phụng sự các chúng sanh
Lân mẫn chẳng nghi hoặc
Thấy và làm như thế
Do đâu chẳng tôn kính
Ta gần gũi Như Lai
Chí thành nơi tự lợi
Vì trừ khổ thế gian
Cho nên trì tịnh giới
Như có người sức mạnh
Đập phá chúng tu hành
Chúng sanh thấy như thế
Chẳng muốn làm người này
Lại nếu có người mạnh
Mỗi mỗi như sức vua
Không uy đức nào bằng
Sao có thể chinh phạt
Giả sử gặp bạo chúa

Trị quan ngục tốt kia
Có lòng thương, sức mạnh
Phổ độ nơi quần sanh
Giận vì lý do gì
Cũng giống như ngục khổ
Nếu nào bức chúng sanh
Tạo ra phải thọ lấy
Vui thay chỗ bồ thí
Há dễ được chánh giác
Nếu thuần thực chúng sanh
Bồ thí lại cũng thọ
Người sau sẽ thành Phật
Cứu độ hết chúng sanh
Vì sao chẳng quán tưởng
Hiện tiền xưng tán Phật
Nguy nguy thân thanh tịnh
Tuổi thọ thật lâu dài
Chịu được nhẫn sanh tử
Chuyển Luân Vương vui vẻ
Nếu tâm từ cúng dường

Gọi là đại chúng sanh

Phật phước báu thanh tịnh

Vì Phật có tướng này.

Luận rằng:

Tu quán từ tâm như Kinh Nguyệt Đăng chép:”Cho đến cúng dường vô lượng vô số trăm ngàn vạn ức bất khả xưng lượng (Ca La Tần Bà La) và chư Phật quốc độ. Sự cúng dường như thế chẳng bằng một niệm từ bi. Như thế lần lượt cúng kính cúng dường, thường được xa lìa sự cống cao , như giáo pháp đã tuyên dương”.

Luận rằng:

Người nhất tâm được giải thích như trong Kinh Bảo Vân chép: “Này Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát chẳng như lý? – Vì Bồ Tát gặp nơi nhàn tịnh, ở chỗ không tạp loạn, phát tâm như thế. Ta do tiếp xúc chỗ nhàn tịnh, chỗ chẳng tạp loạn vậy. Tuy ta thuận theo pháp của Như Lai, còn người và các Sa Môn, Bà La Môn đều ở nơi tạp loạn. Ở trong vòng luân hồi bị đắm nhiễm vào nhiều nơi, chẳng thể thuận theo pháp luật của Như Lai. Cho nên Bồ Tát được việc không như lý mà tạo tác”.

Kinh lại cũng chép: “Lúc Bồ Tát khởi tinh tấn; đối với hạnh tinh tấn, chẳng xa lìa lời dạy sai lầm; nghĩa là chẳng tự mình tạo nên cái đức của mình; lại chẳng lạng nhục người khác, cho nên gọi là Thiện Huệ phát sanh. Do đối với tự thể tu tập, cầu sám hối. Như thế Bồ Tát được khiêm hạ tinh tấn”.

Luận rằng:

Trên đây là lược nói về sự hộ thọ dụng phước báu. nếu người hướng đến Bồ Đề, như Kinh Vô Tận Ý chép:”Phật bảo này Xá Lợi Tử! Nếu có người ít căn lành hồi hướng đến Bồ Đề; có đến ngôi nơi đạo tràng Bồ Đề, cuối cùng không tan mất. Giống như một giọt nước rơi vào trong biển cả, ở trong kiếp biên tế, chung quy vẫn không tan hoại”.

Thanh Tịnh

(Papasodhanam Astamah Paricchedah).

---o0o---

Phẩm Thứ Tám - Phần Thứ Nhất

Luận rằng:

Nói về việc hộ thân có ba loại thanh tịnh. Nay sẽ nói ý nghĩa này. Thế nào là thân thọ dụng thanh tịnh đầy đủ an ổn? - Nếu người nào ở nơi thân hiện thanh tịnh về sự ăn uống, thành thực Chánh Đẳng Bồ Đề; như Kinh Bí Mật Đại Thừa (Tathagataguhyas-Sutra) chép rằng: “Lại nữa Bồ Tát ở trong thành ấp lớn, rộng rãi, có đầy đủ trăm ngàn vô số chúng sanh. Đại Bồ Tát hiện ra tướng chết ở cõi bàng sanh trong thân chúng sanh, cho đến việc ăn thịt, mà khi mạng chung vẫn được sanh thiên giới vào cảnh giới lành. Đây là nhân duyên mãi cho đến khi vào cảnh Niết Bàn. Vì nguyện của Bồ Tát trước đây thanh tịnh cho nên suốt thời gian dài hoàn thành hạnh nguyện Bồ Tát luôn luôn mang lại lợi lạc cho chúng sanh, thậm chí cho đến khi lâm chung cũng có thể xả bỏ thân này làm thịt cho chúng sanh thọ hưởng. Đây là nhân duyên được sanh thiên giới; cho đến rốt khi được vào được Niết Bàn. Nếu thành tựu việc trì giới; thành tựu việc tư duy; thành tựu sự kêu cầu; hạnh nguyện trước đây được đầy đủ như thế”.

Kinh cũng chép: “Vì mang lại an lạc cho chúng sanh cho nên Ngài hiện lên pháp thân sáng rõ; trí tuệ tịch tịnh, giống như đời sống của vị thầy thuốc tập trung các thuốc hay, khéo hòa hợp thành tướng người nữ rất thù diệu đoan chánh, đi đứng, ngồi, nằm đều đoan trang, ai thấy cũng vui. Có các Quốc Vương, Vương tử, Đại thần, Quan trưởng, Trưởng giả, Cư sĩ, đến chỗ Y Vương mà thỉnh cầu cầu cho mạng. Lúc ấy, lấy viên thuốc linh diệu tướng người nữ đó mà cho mang đi. Do sự cho mang đi này mà tất cả đều được khinh an chẳng còn bệnh não nữa”.

Phật bảo Tịch Huệ! Và lại người xem đây là đời sống của Y Vương, sâu trồng những thuốc hay để trừ bệnh cho thế gian; mà trừ Y sư ra chẳng có ai có trí như thế. Nay Tịch Huệ! Sự hiện ra ánh sáng pháp thân của Bồ Tát cũng như thế. Cho đến nam tử nữ nơn, đồng nam đồng nữ đối với các chúng sanh, vì tham sân si thay đổi mà thân này bốc cháy. Nếu ở trong khoảng khảy móng tay mà tất cả phiền não xa lìa sự đốt cháy, thì thân này được nhẹ nhàng. Cho nên Bồ Tát nguyện trước thật được thanh tịnh vậy.

Luận rằng:

Ý nghĩa thanh tịnh của thân đây giống như cỏ bị che mà chẳng thấy; mầm Bồ Đề bị phiền não che khuất, lại chẳng tăng trưởng duyên; Nếu không đối trị bằng sự tư duy và kêu cầu, làm sao có thể giải thoát và làm cho kẻ kia được tăng trưởng. Người cùng thể gian nhất tâm như thế; tội nghiệp thanh tịnh tức là thần khí thanh tịnh gọi là chánh giác. Lại nữa kẻ tội, được thanh tịnh.

Như Kinh Tứ Pháp chép:”Phật bảo này Từ Thị! Nếu Bồ tát Ma Ha Tát thành tựu bốn pháp; trước tiên phải diệt tội đã tạo chứa trong lâu đài. Thế nào là bốn?

Nghĩa là sám hối những tội lỗi, đối trị những việc làm; đừng bỏ những việc làm và nương tựa sức mạnh vào việc hối lỗi những việc làm kia. Đối với những việc làm bất thiện nghiệp đa phần được cải hối. Hai là việc làm đối trị, khi tạo bất thiện nghiệp rồi sẽ trở thành thiện nghiệp. Phải lấy sự lợi ích mà đối đãi với nhau. Ba là đừng lại những việc làm do đọa tụng những cấm giới chẳng hủy phạm. Bốn là nương vào sức mạnh của việc làm, nghĩa là quy y Phật, Pháp, Tăng Bảo, lại chẳng bỏ mất tâm Bồ Đề. Do đây có thể nương tựa vào một lực lớn, quyết định diệt trừ tội kia.

Phật bảo này Từ Thị! Đây là Đại Bồ Tát thành tựu bốn pháp diệt trừ những tội đầu tiên đã tạo ra trong lâu đài.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ mười

---o0o---

Quyển Thứ Mười Một

Thứ tự Kinh văn số 1636

Bắt đầu dịch từ ngày 26 tháng 11 năm 2004

Nhân kỳ nhập thất lần thứ hai.

Thanh Tịnh

(Papasodhanam Astamah Paricchedah).

Phẩm Thứ Tám - Phần Thứ Hai

Luận rằng:

Lại nên biết nói về những việc làm hồi lỗi. Như Kinh Kim Quang Minh (Suvaranaprasottama-Sutra) có kệ nói rằng:

Thập phương trụ thế

Lưỡng túc Thế Tôn

Vì tâm bi mẫn

Chúng biết cho con

Nếu con trước tạo

Bao tội nghiệp dày

Trước thập lực này

Sám hối từ nay

Lúc chưa biết Phật

Chưa biết mẹ cha

Ngay cả thiện ác

Con tạo tội tây

Tự ý chửi tộc

Và cậy tài sản

Buông lung ngày tháng

Con tạo tội này

Tâm lời nói thây

Tạo ác nghiệp thay

Mà chẳng thể thấy

Con tạo tội này

Do ngu làm ác

Phiền não che tâm

Chẳng trí tuệ nhân

Gần ác tri thức

Vui chơi đắm say

Hoặc nơi ưu si

Tiền lại chẳng đủ

Con tạo tội này

Tham cùng siểm trá

Sanh ra keo kiệt

Chẳng gần Thánh Nhơn

Con tạo tội này

Gốc đục sanh sợ

Ở trong quá khứ

Chẳng được tự tại

Con tạo tội này

Gốc đục si oán

Động đến tâm này

Đói khát quần bách

Con tạo tội này

Ăn uống y phục

Do chi ba loại

Tạo thành nhiệt não

Con tạo tội này

Thân ngữ ý nghiệp

Ba loại tạo ác

Hình tướng như thế

Con đều sám hối

Như nơi Phật pháp

Cùng chúng Thanh Văn

Chẳng khởi tôn trọng

Con tất sám hối

ở nơi Duyên Giác

Cùng với Bồ Tát

Chẳng sanh cung kính

Con đều sám hối

Hoặc kẻ có đức

Pháp Sư thuyết pháp

Chẳng đón nghinh tiếp

Con đều sám hối

Do kinh chánh pháp

Mà thường vô trí

Chẳng kính cha mẹ

Con đều sám hối.

Mười phương ba đời Phật

Quán sát hộ niệm con

Tâm chớ thương vô duyên

Ai nhận con sám hối

Con ở nơi trăm kiếp

Trước đã tạo tội ác

Tâm thường hay ưu sầu

Nguyện mong được tiêu sạch

Tâm lại hay yếu đuối

Sợ những điều tội lỗi

Ở nơi bốn oai nghi

Chưa từng được an lạc

Chư Phật đều đại bi

Trừ những khổ thế gian

Làm nên nguyện nhiếp thọ

Giải thoát những sợ lo

Con xưa tạo các tội

Trước Như Lai sám hối

Nơi Phật nước đại bi

Tẩy rửa phiền não dơ

Lại như tội ác này

Tất cả đều sám hối

Nếu đã gây tội rồi

Tất chẳng thể che dấu

Nếu nghiệp chưa làm đến

Tất cả chẳng tạo lại

Ở thân nghiệp ba loại

Nơi ngữ nghiệp có bốn

Cùng ý nghiệp ba độc

Tất cả đều sám hối

Luận rằng:

Bồ Tát ở chỗ tội phạm, muốn biết nặng nhẹ. Như Kinh Ưu Ba Ly Sở Vấn (Upali-pariprccha) chép rằng: “Đối với căn bản tội mà nói, vậy thế nào là trọng? Phật bảo: Này Ưu Ba Ly! Đối với Đại Thừa Bồ Tát; như phạm hằng hà sa số tội tham cùng tội sân, nên đối với Bồ Tát Thừa vì đó mà có so sánh hai tội này. Sân thuộc về trọng tội. Vì sao vậy? Này Ưu Ba Ly! Kẻ khởi sân

hận là lia bỏ chúng sanh, mà kẻ khởi sự tham lam là yêu mến bảo hộ chúng sanh. Nay Ưu Ba Ly, nếu yêu mến bảo hộ chúng sanh, tức chẳng tạo phiền não. Đối với Bồ Tát chẳng có hoạnh tai lo lắng. Cho nên nay Ưu Ba Ly! Nếu có kẻ phạm vào tội tham thế nào đi nữa đều gọi là vô tội. Điều này nghĩa là sao? Sự yêu mến bảo hộ chúng sanh là thêm điều tốt đẹp hơn trước, cho nên ta nói chỗ sâu xa có lòng từ bi lân mẫn. Phật bảo nay Ưu Ba Ly! Bồ Tát nếu chẳng có phương tiện thiện xảo tức là sợ phạm vào tội tham. Nếu Bồ Tát có phương tiện thiện xảo tức sợ phạm vào tội sân; mà chẳng sợ phạm vào việc yêu thương tham đắm khác. Vì sao vậy? Kẻ có phương tiện thiện xảo là đầy đủ bi và trí hai loại, nên chẳng xả lia chúng sanh. Nếu xả lia chúng sanh, chỉ có một trí tuệ hiểu rõ về sự khổ không, hoặc chỉ có lòng bi mẫn. Chẳng phải thời gian lâu dài làm cho năng lực phiền não được tiêu diệt giảm dứt”.

Như Kinh Phương Tiện Thiện Xảo chép: “Nay Thiện nam tử! Giống như kẻ đang giữ ánh sáng, làm cho họ bị trói buộc ở năm nơi, mà nơi chơn ngôn Vua đến cầu pháp, liền có thể qua khỏi. Do thần lực sáng sủa của chơn ngôn, mà tất cả có thể đoạn trừ những pháp bị trói chặt. Nay Thiện nam tử! Làm Bồ Tát phương tiện thiện xảo thọ năm dục lạc lại cũng như thế, mà ở nơi chỗ làm chẳng loạn chánh hạnh, nghĩa là nếu ở trí lực thì biến tất cả thành trí tâm. Thanh tịnh những dục lạc sẽ sanh vào cõi Phạm Thế (Trời)”.

Luận rằng:

Ý nghĩa của sân si là gì? Nghĩa là tội lớn của căn bản tánh. Do đây nói rộng ra chẳng sanh phương tiện bi mẫn. Kẻ làm việc giận dữ thật chẳng lợi ích. Gọi là sự mất mát, mà chấp nhận kia tức là trưởng dưỡng phiền não; giảm mất lòng bi mẫn, đây là điều mất mát. Người đoạn gốc như thế sau đây có thể thấy rõ. Nếu Bồ Tát đối với chúng sanh mà mất tâm bi mẫn, tức thời đối với chúng sanh đó giảm mất sự lợi ích lớn lao tương tục. Cho nên phẩm Thánh Đế (Aryasatyaka parivarta) chép rằng: “Nên biết như cha thấy con mà khởi lòng bi mẫn, nghĩa là nếu lia bỏ thế gian, bỏ sự lợi lạc bi mẫn, tức sẽ xa lia những bậc trí. Lại nữa chư Bồ Tát siêng ham muốn làm giảm thiểu những lợi lạc. Cho nên nói tham có hai việc khó khăn. Kẻ đắm trước dục lạc giống như người vô trí, sai trái với cha mẹ. Ước muốn hạ liệt sanh khổ não tổn giảm, mất mát. Lại nữa nếu kẻ tham đắm dục lạc, hay hủy phạm cấm giới, xa lia cảnh người; nên mong cầu dục lạc rồi rơi vào sự khổ não. Do cái thấy không chơn thật nên sự khổ não như là sự khổ não của chính mình. Tuy nhiên chẳng tự tu tập nên khởi sanh hai loại mất mát”.

Như Kinh Nguyệt Đăng chép: “Phật bảo A Nan, giả sử có người từ chân đến đầu bỗng nhiên trở thành bị lửa đốt cháy. Lại có người đến nói như thế này: Ta khuyên thân người cùng thọ ngũ dục, ca vũ vui chơi. Phật bảo A Nan, Ý ông nghĩ sao? Người ấy có thể khuyên được thân này cùng với ngũ dục ca múa vui vẻ chăng? – A Nan bạch rằng: Chẳng được, bạch đức Thế Tôn. Phật bảo A Nan! Người này đối với ca vũ, kịch múa do phân biệt mà khởi lên, nên khuyên thân này cùng thọ ngũ dục, ca vũ múa hát. Còn Như Lai thì không phải vậy. Ngày xưa khi tu hạnh Bồ Tát thấy các chúng sanh ở ba đường ác khổ và tham lam vô cùng nên tâm chẳng hoan hỷ”.

Luận rằng:

Thế gian có những người con chẳng nhìn nhận cha mẹ . Lại làm mê mắc bệnh khổ về ơn lớn này. Tuy thấy mình vui hoặc gần gũi hay không gần gũi mà lòng thương lại chan chứa ân sâu. Giữ gìn pháp lành chớ nên hành tà dục với chúng sanh làm lợi ích hoặc làm tổn hại. Nghĩa là sự trói chặt ham thích của người dục lạc, thì sai trái. Đây đủ phạm hạnh phải làm sự lợi ích vậy. Nếu Tỳ Kheo nhập vào hành xứ này, phải biết cung dưỡng đối đãi như mẹ con. Chẳng nên như kia mà như kẻ phạm hạnh, để thành tựu chúng sanh chẳng bị xa lìa.

Như Kinh Vô Tận Ý chép rằng:” Đứng lúc hoặc chẳng đứng lúc xả bỏ việc làm trái; như thấy chúng sanh tăng thêm lợi ích, hoặc ở nơi học xứ”. Ngoài ra Kinh Phương Tiện Thiện Xảo chép: “Xưa kia có vị Phạm Chí sáng suốt sống đến bốn mươi hai ngàn tuổi nghiêm trì phạm hạnh. Nơi bảy bước đi rồi phát sanh lòng thương tưởng; phạm vào cấm giới rồi thọ khổ nơi địa ngục, chẳng chịu xả bỏ rồi làm cho mạng chung. Nay Thiện nam tử! Vị Phạm Chí sáng suốt ấy bèn chấp hai bên tả hữu mà nói rằng: Chị gái này khởi lên sự ham muốn. Đây là điều chính.

Nay Thiện nam tử! Như thế ân sâu nơi chỗ dục khởi tâm đại bi, trong mười ngàn kiếp thọ khổ luân hồi, sau đó mới trở lại để tu phạm hạnh. Nay Thiện nam tử! Bồ Tát phương tiện thiện xảo được sanh cõi Phạm Thế.

Kinh cũng chép:”Nếu có Bồ Tát vì một chúng sanh mà phát khởi căn lành, nơi sắc tướng như kẻ kia rơi vào, trong trăm ngàn kiếp thọ khổ địa ngục bị thiêu đốt. Thế Tôn! Bồ Tát ấy khởi lên tội như thế, chẳng bị khổ nơi địa ngục, nghĩa là do vì một chúng sanh lại chẳng xả lìa căn lành vậy.

Kinh lại chép:”Nay Thiện nam tử! Bồ Tát phương tiện thiện xảo mặc tội cực trọng. Hoặc lúc gặp ác tri thức khuyên thành tựu việc chúng đạt Niết Bàn,

mà sau đó lại chẳng bị đốt cháy như người kia. Vì sự hóa độ chúng sanh; cho nên ta chẳng khởi tâm như thế, mà như sự luân chuyển để hóa độ chúng sanh. Giả sử nếu là có tội, thì như pháp hành đây nên chẳng bị tội”.

Này Thiện nam tử! Nếu kẻ xuất gia Bồ Tát biết phân biệt tạo bốn trọng tội rồi, đó là Bồ Tát đầy đủ phương tiện thiện xảo vậy. Tùy theo đó mà khởi tâm sám hối, nên nói là vô tội.

Như Kinh Bảo Vân chép: “Kẻ tạo tội cực vô gián, nghĩa là làm cho người chết, mà luật Thanh Văn (Sravaka-vinaya) gọi là căn bản tội. Lại nữa như cắt lông cừ, khởi lên tâm bi mẫn nên nói là vô tội. Kẻ tham này; Nếu Bồ Tát khởi lòng tham lam giống in sanh vào con đường lành; là chẳng nên sân giận. Như nói phương tiện thiện xảo Bồ Tát ưa làm sự tham lam ám muội; đối với sắc đẹp của người nữ luôn luôn theo đuổi, và muốn nhiều người sanh thân nữ để có cơ hội nhằm chán thân nữ, khi xả bỏ thân nữ rồi liền được tướng trượng phu, thành thân cao đẹp. Phật bảo A Nan! Người thấy việc ấy có công đức không? Tự bỏ chúng sanh chỉ làm như thế, mà khởi sự tham lợi mạnh mẽ, có thể xa lìa chỗ khổ để sanh vào cõi trời, người, cho đến Dược Vương Đại Sĩ. Vì sao mà Bồ Tát khởi sân? Nếu phát khởi phiền não làm sao có thể thí cho người khác được những niềm vui kỳ diệu?”

Luận rằng:

Nếu vì điều ấy mà nghe như thế. Đối với chúng sanh làm lợi ích phương tiện thiện xảo mà khởi tham lam ấy là vô tội. Bồ Tát phương tiện thiện xảo như thế, tạo thêm việc lợi ích, mà chẳng bỏ chúng sanh. Như Kinh chép:”Tuy chưa được vào Thập Địa, Lục Độ, Vạn Hạnh, mà đối với điều cực thiện được tương ưng. Cho nên không dễ sân vậy”.

Lại nữa Kinh Ưu Ba Ly Sở Vấn chép: “Phật bảo này Xá Lợi Tử! Bồ Tát có hai tội lớn. Thế nào là hai ? – Nghĩa là tâm sân cùng với si đầy đủ. Cho nên Xá Lợi Tử, trước hết phải chí thành sám hối mười tội lỗi và năm điều tệ hại. Lại càng phải nên sám hối. Nghĩa là giữ gìn mắt, quán tâm, khó chế ngự dừng nghĩ. Hoặc đối với mỗi chúng sanh gồm luôn hai loại. Xá Lợi Tử! Lại cũng nói là có năm tội nặng về ngũ vô gián, là điều Bồ Tát này phạm. Hoặc lúc đối với người phụ nữ mà nhiễm hạnh phi pháp dứt bỏ mệnh căn, trộm vật nơi tháp Phật hoặc của tứ phương Tăng. Bồ Tát lúc bấy giờ như phạm tội, nên hướng về trước ba mươi lăm đức Như Lai ngày đêm một lòng sám hối rằng: Con tên là...Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam Mô Kim Cang Tiêu Phục Hoại Tán Phật (Vajrapramardi)

Nam Mô Bảo Diệm Phật (Ratnarsis)

Nam Mô Long Tụ Tại Vương Phật (Nagesvararaja)

Nam Mô Đồng Mãnh Quân Phật (Virasena)

Nam Mô Cần Dũng Hỷ Phật (Viranandi)

Nam Mô Bảo Hoả Phật (Ratnssri)

Nam Mô Bảo Nguyệt Quang Phật (Ratnacandra-prabha)

Nam Mô Bất Không Kiến Phật (Amoghadarsin)

Nam Mô Bảo Nguyệt Phật (Ratnacandra)

Nam Mô Ly Cấu Phật (Nirmala)

Nam Mô Đồng Thí Phật (Suradatta)

Nam Mô Phạm Đức Phật (Brahma)

Nam Mô Phạm Thí Phật (Brahmadatta)

Nam Mô Thủy Vương Phật (Varuna)

Nam Mô Thủy Thiên Phật (Varunadeva)

Nam Mô Hiền Kiết Tường Phật (Bhadrasri)

Nam Mô Chiên Đàn Kiết Tường Phật (Candanasri)

Nam Mô Vô Biên Uy Đức Phật (Anantaujas)

Nam Mô Quang Kiết Tường Phật (Prabhasasri)

Nam Mô Vô Ưu Kiết Tường Phật (Asokasri)

Nam Mô Na La Diên Phật (Narayana)

Nam Mô Hoa Kiết Tường Phật (Kusumasri)

Nam Mô Tịnh Chiếu Minh Du hí Thần Thông Phật

Nam Mô Liên Hoa Quang Du hí Thần Thông Phật

Nam Mô Tài Kiết Tường Phật (Dhanasri)

Nam Mô Niệm Kiết Tường Phật (Smrtisri)

Nam Mô Thiện Danh Xưng Kiết Tường Phật

(Sutparikirtitanamadheyasri)

Nam Mô Nhơn Đà La Vĩng Tràng Vương Phật

(Indra-ketudhvajaraja)

Nam Mô Thiện Du Bộ Kiết Tường Phật (Suvikrantasri)

Nam Mô An Tường Hành Phật (Vicitrasamkrama)

Nam Mô Thắng Du Bộ Phật (Vikrantagamin)

Nam Mô Phổ Biến Quang Nghiêm Kiết Tường Phật

(Samantavabhasavyuhasri)

Nam Mô Bảo Liên Hoa Thắng Du Bộ Phật (Ratnapad-mavikramin)

Nam Mô Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Ta La Thọ Vương Phật

(Ratnapadmasupratisthitasailendraraja)

Như thế hiện tiền cho đến tất cả thế giới Như Lai; Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Chỉ có Phật Thế Tôn quán sát hộ niệm. Con ở đời này hoặc

đời khác. Cho đến vô thi trở lại đây sanh tử luân chuyển tạo các nghiệp chướng tội. Hoặc tự làm hoặc bảo kẻ khác làm ; hoặc thấy làm mà vui theo. Hoặc lấy trộm đồ ở tháp; hoặc vật của tứ phương Tăng. Năm vô gián và con đường mười nghiệp chẳng lành. Tự mình làm hoặc bảo người khác làm hoặc thấy người khác làm mà vui theo. Do nghiệp này mà hủy báng giới cấm; nên đọa vào địa ngục; hoặc bàng sanh; cảnh giới Diệm Ma. Hoặc sanh biên địa, hạ tiện, hoặc sanh nơi Trường Thọ Thiên. Giả sử được làm người các căn không đầy đủ. Đắm trước nơi tà kiến lìa khỏi nơi Phật xuất thế. Những nghiệp chướng ấy, Phật bậc chân thật huệ, chân thật nhân, chân thật chứng minh, chân thật số lượng. Tất cả đều biết đều thấy. Nay con tất cả xin sám hối chẳng dám che giấu. Nếu con hủy phạm cấm giới nguyện Phật Thế Tôn quan sát ai mãi cho con ở đời này; hoặc ở kiếp khác. Cho đến từ vô thi lại đây sanh tử luân chuyển, thậm chí ở nơi bàng sanh. Hoặc bỏ thí một mẩu cơm, giữ gìn một tịnh giới, hoặc tu phạm hạnh về các thiện căn. Hóa độ chúng sanh phát tâm Bồ Đề và trí vô thượng tất cả căn lành. Xưng tán như thế rồi lại chẳng phải chẳng hồi hướng đến tối thượng tối thắng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề quả. Con nay lại như quá khứ, vị lai, hiện tại ở chỗ chửi Phật mà hồi hướng. Có kệ rằng:

Sám trừ tất cả tội

Các phước đều tùy hi

Và khuyến thỉnh chư Phật

Diễn thuyết vô thượng đạo

Quá khứ và vị lai

Hiện tại người trong đời

Vô biên công đức hải

Tất cả quy mạng lễ.

Này Xá Lợi Tử! Bồ Tát ở trước ba mươi lăm đức Như Lai như thế mà sám hối rồi, thì chư Phật tùy theo sự biết mà ủng hộ, tội được thanh tịnh. Do tội thanh tịnh rồi, liền ở trước chư Phật Thế Tôn, như thế mà giải thoát, lợi ích chúng sanh, hiện thành tướng tốt. Do đây mà kẻ ngu phu sanh nơi khác được sự hóa độ, liền sanh nghi hoặc. Cho đến tất cả Thanh Văn cùng chúng

Duyên Giác cũng chẳng có thể làm cho kẻ đã tạo những tội ác được vào thanh tịnh địa. Nếu chư Bồ Tát đối với danh hiệu của chư Phật Như Lai mà thường hay trì tụng ngày đêm ba thời, chuyển hóa chánh pháp ra khỏi tội kia, được Tam Ma Địa. Gọi đây là hồi quá và việc làm đối trị “.

Luận rằng:

Đọc tụng kinh điển thâm sâu tội kia được diệt như Kinh Năng Đoạn Kim Cương (Vajracchedika) Bát Nhã Ba La Mật Đa nói:”Lại nữa Tu Bồ Đề! Hoặc Thiên nam tử Thiên nữ nơn ! Thọ trì đọc tụng kinh này; có kẻ khinh chê. Vì sao vậy? Vì người này đời trước đã tạo các tội nghiệp; đáng đọa vào đường ác. Do thấy việc như thế mà người đời nay khinh chê vậy. Tội nghiệp đời trước liền được tiêu trừ, được Phật Bồ Đề vậy”.

Luận rằng:

Tin hiểu tánh không được tội ác thanh tịnh. Kinh Như Lai Tạng (Tathagatakosa-Sutra) chép: “Phật bảo: Này Ca Diếp! Có mười đường bất thiện nghiệp. Đó là đại tội. Tội trọng là kẻ sát sanh. Nghĩa là hoặc giết cha, đoạn mệnh Duyên Giác. Tội nặng là lấy đồ vật, là đoạt lấy tài vật của Tam Bảo. Tội nặng là dục tà hạnh, nghĩa là khởi tâm ô nhiễm với mẹ và Vô Học Ni. Tội nặng là vọng ngữ, nghĩa là nói ta đây là Như Lai. Tội nặng là lưỡng thiệt, nghĩa là với Thánh Chúng nói lời ly gián. Tội trọng là ác khẩu, là hủy báng Thánh Hiền. Tội trọng của ỷ ngữ , là xảo quyệt phù phiếm, loạn các pháp dục. Tội trọng của tham là đối với chánh đạo mà khởi tâm xâm phạm tài lợi. Tội trọng của sân là nơi ngữ vô gián tội chẳng có tâm bi悯. Tội trọng của tà kiến, là rộng nói chỗ chấp trước, thâm hiểm ác kiến.

Này Ca Diếp! Nếu một chúng sanh có đủ mười nghiệp bất thiện như thế là tội trọng. Như Lai do nhân duyên mà tuyên nói pháp yếu, vì làm cho ngộ nhập vô ngã, vô nơn, vô chúng sanh, vô thọ mệnh, vô tác, vô thọ. Kẻ tạo là huyền hóa; mà các pháp tánh là phiền não tánh. Nhập các pháp giải thoát, tự thể sẽ sáng tỏ. Tin hiểu nơi pháp, có nhiều loại thanh tịnh. Ta chẳng nói có chúng sanh đọa nơi ác thú đó!”

Kinh Tịnh Chư Nghiệp Chương chép: “Lại nữa Văn Thù Sư Lợi! Nếu Bồ Tát quán phi luật là luật; tức thấy tội chẳng phải tội. Quán cảnh giới luân hồi tức là cảnh giới Niết Bàn. Nghĩa là thấy các phiền não là duyên sanh , nên biết người này được nghiệp thanh tịnh”.

Lại nữa Kinh Đệ Lý Tam Muội Da Vương chép về những việc đối trị đó rằng: “Nếu nhắm mắt lại để quán nhân duyên đối với chư Phật và Bồ Tát; thì tụng một trăm chữ Minh tám ngàn biến rồi; khi mở mắt ra liền thấy Phật và Bồ Tát. Liền lia được tội cấu. Hoặc đi nhiều tháp Phật bên phải, tụng đọc tám ngàn biến trước tháp tượng kinh điển. Tùy theo mỗi trường hợp như nghi thức có nói rộng”.

Lại nữa Kinh Tôn Na Đà La Ni (Cundadharani) chép: “Nếu niệm tụng rồi, cho đến trong mộng thấy được tướng thì tội kia liền mất. Nếu thấy thiên nữ mang sữa và đồ ăn đến liền lia được tội kia. Hoặc thấy mặt trời, mặt trăng mọc lên giữa hư không trong đó lửa cháy mạnh, trâu nước, người to cao lớn đen thấy sợ mà chạy. Hoặc trong mộng thấy Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni Chúng; hoặc cây nhũ mộc, hoa trắng, bò trắng, đỉnh núi, thuyền bè, đại điện đường; nơi tòa Sư Tử ngồi nghe diệu pháp, nên biết đó là tất cả tướng làm tội sẽ tiêu diệt”.

Lại nữa như trong phẩm Như Lai Hình Tượng (Tathagatabimba-parivarta) nói về việc làm đối trị rằng: “Giống như có người bất tịnh nơi thân hôi thối khó ưa, lấy nước tẩy rửa cho hương thơm vào, mùi hôi liền tiêu sạch. Như thế tạo tội ngũ vô gián là đầy đủ những việc làm trong con đường mười nghiệp bất thiện. Nếu được tín giải của Như Lai mà tạo những hình tượng Phật liền được lia xa những tội kia. Do vô tội ấy mà trí huệ thù thắng đủ tâm Bồ Đề. Do sự thù thắng ấy, mà xuất gia kiên trì tịnh giới”.

Như Kinh Hoa Tích Đà La Ni (Puspakutadharani) chép rằng: “Lúc bảy giờ Sư Tử Du hí Như Lai đương ở đời, trải qua trăm ngàn năm bố thí những diệu lạc. Lúc ấy đức Như Lai sau khi vào Niết Bàn bắt đầu làm pháp xá lợi. Nếu có người phát tâm Bồ Đề mang một cành hoa đến cúng dường Phật; chấp tay xưng danh hoặc dùng nước trong sạch; hay dùng hoa tẩm hương, đèn hoa cho đến thân hành đi một bước mà xưng rằng: Nam Mô Phật. Đối với đức Sư Tử Du hí Như Lai chớ nên nghi hoặc. Trong một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp chẳng thể đọa vào ác đạo; tức chẳng có nơi nào như ở đây”.

Lại nữa Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Vương chép rằng: “Nếu trì ngũ giới, thập giới Bồ Tát bốn giới trọng. Xuất gia Tỳ Kheo hai trăm năm mươi giới. Tỳ Kheo Ni năm trăm giới (ba trăm bốn mươi tám giới). Như ở chỗ thọ, hoặc có hủy phạm, sẽ đọa vào đường ác; nếu có người chuyên niệm danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Như đây mà cúng dường, người ấy quyết định chẳng đọa vào đường ác”.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Ngài A Nan rằng :”Nếu ta xưng tán đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai có công đức, cũng vì cảnh giới thậm thâm của chư Phật . Người chẳng nên nghi hoặc mà sanh thật tín chăng?”

Lúc bấy giờ Ngài Huệ Mạng A Nan Đà bạch Phật rằng :”Kính bạch đức Thế Tôn: Con đối với kinh Như Lai thuyết chưa bao giờ sanh nghi hoặc. Vì sao vậy? – Vì tất cả thân ngữ ý của Như Lai đều tập trung những thiện hạnh, chẳng có phần nào là không thanh tịnh cả. Kính bạch đức Thế Tôn! Mặt trời mặt trăng là rất cao tột; đầy đủ ánh sáng có thể chiếu dọi xuống mặt đất. Diệu Cao Sơn Vương lại có thể khuynh động; mà lời chư Phật cuối cùng không thể thay đổi được. Kính bạch đức Thế Tôn! Chỉ có lòng tin của chúng sanh không đủ khi nghe nói đến cảnh giới thậm thâm của chư Phật, liền nói rằng: Do đâu mà chỉ niệm danh hiệu của một đức Như Lai, mà liền được công đức thù thắng như thế? Do sự chẳng tin này, liền sanh tâm hủy báng. Ở trong đêm dài đánh mất sự lợi lạc”.

Phật bảo A Nan rằng: “Nếu nghe tên vị Phật kia mà đọa vào ác thú, thì chẳng thể nào như thế được. Nay A Nan! Đây là cảnh giới thậm thâm của chư Phật. Khó có thể tin hiểu được. Nay A Nan! Người là kẻ tín giải nên biết tất cả đức Như Lai nhờ uy thần mà kiến lập ; chẳng phải các Thanh Văn, Duyên Giác chưa chứng nơi các địa; duy trừ những bậc Nhất Sanh Sở Hệ Đại Bồ Tát. Cho nên Kinh kia lại nói rằng: Nếu có tịnh tín Thiện nam tử, Thiện nữ nhơn, Ưu Ba Sắc Ca (Ưu Bà Tắc), Ưu Ba Tư Ca (Ưu Bà Di) , đầy đủ tám phần trai giới, trong một năm ba năm thọ trì học xứ này. Do thiện căn đây mà nguyện sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới của đức Vô Lượng Thọ Như Lai. Nếu được nghe danh hiệu của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai người này khi lâm chung có tám vị Đại Bồ tát đều dùng thần thông đến chỉ đường . Lại có nhiều màu sắc, mà trong đời hy hữu khó có; những hoa sen quý tự nhiên hóa sanh; hoặc là ở nơi thiên thượng . Khi sanh về đó như thế mà đầy đủ thiện căn. Ở nơi vô cùng tận đó lại chẳng sợ bị đọa vào ác đạo. Ở cõi trời kia hết rồi lại sanh làm người, làm Chuyển Luân Thánh Vương, thống lãnh cả bốn châu thiên hạ”.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ mười một

---o0o---

Quyển Thứ Mười Hai

Thứ tự Kinh văn số 1636

- Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Quyển thứ 32 thuộc Luận tập bộ toàn từ trang 75 đến trang 144.

- Ngài Pháp Xứng (Santideva-Tịch Thiên) Bồ Tát tạo luận.

- Tây Thiên dịch kinh Tam Tạng Ngân Thanh Quang Lục Đại Phu, Thích Quan Lục Khanh Phổ Minh Từ Giác Tuyên Phạm Đại Sư, Sắc Tử Sa Môn Thần Pháp Hộ cùng với những người khác phụng chiếu dịch.

- Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trưởng Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi, bắt đầu từ ngày 27 tháng 11 năm 2004 nhân kỳ nhập thất lần thứ hai tại đây.

Thanh Tịnh

(Papasodhanam Astamah Paricchedah).

Phẩm Thứ Tám - Phần Thứ Ba

Cùng với vô lượng trăm ngàn vạn vô số chúng sanh tu thập thiện nghiệp đạo. Sau khi sanh vào Sát Đê Lợi, Bà La Môn, Trưởng Giả những chủng tộc lớn, tiền của dồi dào; kho báu tràn đầy, bà con quyền thuộc đều đầy đủ.

Kinh chép rằng “ Nếu có người nữ được nghe đến danh hiệu của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai hoặc thọ trì; sau đó chuyển được thân nữ”.

Lại nữa Kinh Văn Thù Sư Lợi Trang Nghiêm Phật Sát Công Đức chép: “Diệu Cát Tường (Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát) nói: Ta lại cung kính Huệ Thượng Bồ Tát, Quang Tràng Bồ Tát, Như Ý Nguyên Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát. Nếu có người nữ thọ trì danh hiệu của bốn vị Bồ Tát này sẽ được chuyển đổi thân nữ sau đó không thọ lại nữa”.

Luận rằng:

Về việc làm đối trị đã lược nói như trước. Bây giờ sẽ nói về lực chế chỉ (làm cho dừng dứt) . Như Kinh Địa Tạng chép: “Nếu Đại Bồ Tát lia sát sanh; tức là ban cho tất cả chúng sanh việc chẳng lo chẳng sợ; cho đến chẳng sầu não,

sợ hãi, tổn hại. Do nhờ trồng thiện căn quả báo này, cho nên công việc ở nơi luân hồi ngũ thú chìm đắm trong biển khổ sanh tử đó, nguyên nhân là do sát sanh vậy. Tạo thân ngũ ý tất cả nghiệp chướng . Hoặc tự mình làm ; hoặc bảo người khác làm; hoặc tùy hỷ việc làm. Do lìa bỏ vòng sát sanh mà tất cả giảm xuống cho đến chẳng thọ quả báo nữa. Nơi hiện thân được thọ mệnh lâu dài, chư Thiên và loài người đều ưa mến.

Lại nữa Thiện nam tử! Nếu Đại Bồ Tát cho đến việc lìa bỏ trộm cắp chấp giữ, tức là thí cho tất cả chúng sanh không lo, không sợ và không nhiệt nảo. Chẳng sanh động loạn, nơi tài lợi của mình được vui vẻ đầy đủ. Cuối cùng chẳng lấy của phi pháp làm lợi, do thiện căn này là nhân duyên làm cho xa lìa sự chấp thủ vậy. Tất cả nghiệp chướng đều giảm xuống; chẳng bị thọ quả báo lại nữa. Điều quan trọng như trong mười đường bát thiện lại có thể đổi lại để tự mình tu thiện”.

Như Kinh Như Nguyệt Đăng chép: “Nghe tội sanh diệt, như nói phạm phu chẳng thật sâu, mà lị hủy báng mà an trụ nơi nhẫn cho đến ở những đời trước đã tạo những tội nghiệp , mà Bồ Tát nơi đó đã khởi lên sân hận”.

Luận rằng:

Lực chế ngự như trên đã nói: Bây giờ nói về lực nương tựa. Cho nên Kinh Duyên Khởi (Sukarikavadana) giải thích rằng: Nếu có thể quy y Phật chẳng đọa vào ác đạo. Khi xả bỏ thân này liền được sanh thiên giới. Pháp và Tăng lại cũng đồng như thế”.

Lại nữa như Kinh Từ Thị Giải Thoát (Metraiivimoksa) chép: “Bồ Tát làm tịnh các tội nghiệp; những pháp bất thiện lớn như đại địa, mà khi kiếp lửa nổi lên tất cả chỗ ấy không thể không thiêu đốt. Cho nên giống như có người khát và uống nước trái cây một hai lần; có trăm ngàn đồ sắt vảy hai bên làm thành màu vàng. Chẳng phải sắt có thể làm cho nước ấy trở lại thành sắt. Khi phát những tâm trí lại cũng như thế. Nơi mỗi căn lành hồi hướng trí, có thể nhiếp thọ tất cả nghiệp phiền não chướng thành tất cả pháp trí, mà chẳng phải những nghiệp phiền não chướng có thể làm tất cả tâm trí phiền não.

Này Thiện nam tử! Lại nữa nếu có kẻ mang một ánh đèn chiếu sáng vào phòng tối tức thời có thể làm tan đi sự u ám cả ngàn năm; Sự phát nguyện trí tâm lại cũng như thế. Như đi vào trong phòng tâm vô minh của chúng sanh,

cũng có thể phá trừ đi trăm ngàn kiếp chẳng thể nói hết về nghiệp chương phiền não, mà phát ra trí tuệ quang minh.

Này Thiện nam tử! Như Đại Long Vương trên đầu có đội mũ Như Ý Ma Ni Bảo Vương, chẳng sợ kẻ địch nào cả. Bồ Đề Tâm này lại cũng như thế. Nếu Bồ Tát đầy đủ tâm đại bi, chẳng có con đường ác nào đáng sợ cả”.

Như Kinh Ưu Ba Ly Sở Vấn chép:” Đối với Đại Thừa, Đại Bồ Tát vào buổi sáng có phạm tội hủy báng; đến buổi trưa chẳng xả bỏ mà làm tất cả bằng tâm trí, Bồ Tát này được giới uẩn đầy đủ. Vào buổi trưa có phạm tội hủy báng thì buổi tối chẳng xả làm tất cả tâm trí, tức Bồ Tát giới uẩn lại cũng đầy đủ. Ta lại nói như sau đây.

Phật bảo:” Này Ưu Ba Ly! Việc trụ nơi Đại Thừa Bồ Tát; hoặc xả học hoặc xả giới học xú từng thời lại cũng như Bồ Tát kia chớ khởi làm việc ác, lại chớ tùy theo đó mà chuyển. Nếu lại ở nơi Thanh Văn thừa để giải thích có phạm tội hủy báng với vị Thanh Văn đó. Nghĩa là mất giới uẩn. Nên như thế mà biết để nói rộng ra”.

---o0o---

Nhẫn Nhục

(Ksantiparamita Navamah paricchedah)

---o0o---

Phẩm Thứ Chín

Luận rằng:

Điều này chẳng xa rời những pháp môn triển chuyển khác, mà khéo giữ gìn làm cho giới thể được trường dưỡng. Như thế lia được nghiệp chương ràng buộc, phá bỏ những phiền não nội kết. Cho đến nghe nhẫn chẳng nhẫn, giảm mất sự tinh tấn, giải đãi đọa lạc vậy. Hoặc lại chẳng nghe chẳng biết giữ gìn phương tiện. Do không có những phương tiện để làm thanh tịnh những phiền não, cho nên sự giải đãi làm thôi lui khi nghe tu tập, khiến bị tạp loạn. Nghĩa là khi tụng tập cần khổ nương vào nơi núi rừng, kẻ tu hành dần dần tâm bị tạp loạn chẳng giữ được. Mà điều dừng nghỉ này lại nên

nhiep tri, thường có kết quả ít, hướng nữa là thanh tịnh những phiền não, khi tu chỉ quán lại quên sót những điều thiện, cho đến thanh tịnh các phiền não.

Kinh Pháp Tập chép: “Nói về điều nhẫn có ba loại: Là an trụ khổ nhẫn; Đé Sát Pháp nhẫn và chịu Oan Hại nhẫn. Kẻ an trụ khổ nhẫn được cứu cánh hạnh, đối trị với sơ khổ và loại trừ được những đấm trước vui say về ái. Trừ hai loại nào. Đó là những gì? Là sân si và giải đãi”.

Kinh Nguyệt Đăng chép: “Kẻ đấm nơi niềm vui lại chẳng xả sự khổ”.

Lại nữa Kinh Bảo Vân chép: “Nếu bên trong luôn nhớ về ưu bi khổ não, thì ở nơi phương tiện phải điều phục sự nhân”.

Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn chép:”Lại nữa Trưởng Giả! Tại gia Bồ Tát nên xa rời sự tổn hoại chẳng đúng như chân lý. Chớ đấm trước vào thế gian, tám pháp được vợ con, cho đến thọ dụng những tiền tài lúa gạo đầy đủ. Chẳng cao ngạo miến cưỡng. Giả sử những của cải lại chẳng đủ, thêm sầu não, nên quán sát các tướng hữu vi như thế ở chỗ tạo tác đều huyễn hóa. Khởi lên và nêu ra tức tội báo liền diệt. Nghĩa là cha mẹ, vợ con, nô tỳ cho đến thân bằng quyến thuộc tức chẳng phải ta. Ta lại chẳng phải họ”.

Như có kệ rằng:

Nếu có chỗ tập hội

Sao khởi lên sầu não.

Hoặc chẳng có chỗ hội.

Sao khởi lên sầu não .

Sở dĩ chỗ tập hội,

Vì sân si nào hại

Giải đãi mệt mỗi vậy.

Hoặc chấp vào chỗ mạnh

Khởi lên sự sai trái

Si mê theo tội lỗi

Đến Tu Di Thiên Thọ,

Xa lìa những việc này

Thì cũng vô ích thôi.

Đây mới thật là khó”.

Luận rằng:

Làm thế nào để xả bỏ sự sầu não này? Là phải phát tâm nhu nhuyển.

Như Kinh Tội Thượng Văn chép: “Ở đây xa lìa điều nào tức làm cho tâm nhu nhuyển như thấy được lụa là”.

Lại nữa, Kinh Hoa Nghiêm chép: “Nên như Vua Thắng Tài , đồng nữ phát tâm như thế, để diệt các phiền não, mà không thể có tâm nào khác phá được sự sân hận này. Chỉ có bất động tâm đối với biển chúng sanh là chẳng thể thoái hóa lạc vào cảnh giới thâm tâm khác”.

Luận rằng:

Kẻ tu tập chẳng có gì khó, chỉ có kẻ ngu mới khó vậy. Nếu kẻ bảo đảm việc canh nông, chăm sóc tu tập khó khăn; mang vác nhiều cây trái. Sự bụi bặm đó làm tâm chẳng tịnh lại chẳng hồi não. Huống nữa điều này sau tạo được niềm vui, mà chư Bồ Tát chỉ vui vì tội thắng ở nơi quả vô thượng . Lại như kẻ ti tiện ít được sự lợi ích, đối với thân khó làm cho không hư hỏng. Chỉ buộc nghĩ thọ lãnh hung hăng, như quyết hơn thua. Lại nữa, thời gian ở đây dài thật vô ích, thọ các khổ não. Do thiện pháp nào mà của cải ít, chẳng thấm nạp vào. Địa ngục trị tội tặc hại thế gian. Ngục tội giữ gìn án lệnh để trị tội chẳng thiên vị. Tùy theo điểm gặp gỡ mà thọ thống khổ bị chẳng vì oan, ở nơi xa xôi chẳng hề trói buộc. Sự lao nhọc nhần khô, phá phiền não tặc, đều chẳng trừ. Nơi ba cõi bị hơn kia, nắm giữ cây gậy đánh bại những ma oán để giải sự trói buộc của chúng sanh. Do trước tu tập một ít khắc khổ mà được thành tựu. Chúng sanh tu khổ thọ tướng, nghĩa là khi khổ sanh ở nơi

này tu tập tướng lạc. Kẻ trụ ở lạc tướng; tức có thể thành tựu biện tài quả vị và được Tam Ma Địa, gọi là siêu xuất pháp lạc.

Như Kinh Phụ Tử Tập Hội (Pitaputra-Samagama) chép: “Phật bảo: Có Pháp Thiên tên là Siêu Chư Pháp Lạc. Nếu Bồ Tát được Pháp Thiên này, đối với các sự duyên, thọ những niềm vui và thọ chẳng khổ chẳng vui. Chẳng phải một nhân duyên như thế, nơi ấy mà được lạc tướng. Giống như người nhân duyên chặt bỏ chân tay cho đến tai mũi. Tai mũi cắt rồi, cứ như thế mà được lạc tướng. Cho đến giày dép, gậy gộc bị đánh đập vẫn như lạc tướng. Lại vì ngực tối trời buộc cột chặt, bó lại như áo rồi đốt cháy, cho thêm dầu vào tạo sức nóng hơn lên, cứ như thế mà sanh lạc tướng. Hình mặt chim muông, hình mặt Sư Tử, hình xấu xí khó ưa; cho đến tạo đồng tiền; tạo thức ăn, cho voi uống rượu là như lạc tướng. Hoặc vì chạy trốn tránh, mạng căn bị hại, những sự tổn hại đôi đầu vẫn như lạc tướng; vô khổ lạc tướng. Vì sao thế? – Vì Đại Bồ Tát ở đây như nguyện lực trong đêm dài mà tu tập tạo thành. Nếu xa khỏi thì được gần với sự diệu lạc. Nếu ta là kẻ tội phạm; lại phụng sự tôn trọng cung kính cúng dường; mọi lúc mọi nơi, đều được gần gũi diệu lạc. Nếu gặp kẻ nói ác mắng trách cùng dùng gậy gộc, dao mác để đánh đập hại mình, cho đến làm nguy đến tánh mạng, tất cả đó đều được niềm vui Bồ Đề chứng thành quả A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây đủ như thế, suy nghĩ và làm như vậy, giống như sự nghiệp và nguyện lực. Lại đây đủ tất cả chúng sanh tùy theo biết vui tướng, gần gũi tu tập, nơi nghiệp báo là chỗ để tạo tác, họ được siêu xuất các pháp lạc Thiên định. Nếu lúc ấy Bồ Tát được tất cả pháp lạc Tam Ma Địa lại được việc lớn, chẳng động hoại đến ma sự. Đây là phương tiện đầy đủ tất cả xả thí. Thành tựu tất cả những việc khó là khổ hạnh. Kiên nhẫn tất cả những sự nhẫn nại để sách tấn mọi sự siêng năng. Giúp tu tất cả thiên định trí tuệ. Đây là thường hỷ.

Như Kinh Nguyệt Đăng chép: “Thường hỷ là luôn luôn tôn trọng chánh kiến”.

Lại Kinh Vô Tận Ý chép: “Thế nào là hỷ? – Nghĩa là niềm vui pháp thanh tịnh tin vui. Phát tâm dũng mãnh chẳng sanh giải đãi, chẳng có phiền não và chẳng cầu niềm vui của ngũ dục. Chẳng lìa các pháp lạc, do tâm kiến lập vui biết vui, khởi lên ý trong sạch. Như Lai thân trang nghiêm tướng hảo, mong cầu thiện xảo, nghe pháp chẳng mỏi mệt, nương tựa vào pháp thật để hành. Do pháp sanh niềm vui, thích vui tin thanh tịnh, mà đối với chúng sanh biết là vô ngại. Đối với tối thắng dục, cần cầu Phật pháp, chẳng xả bỏ pháp dục, tin hiểu sâu xa các diệu pháp của chư Phật, chỉ bày thừa giải thoát. Phát tâm cao thượng trừ tâm keo kiệt. Nếu sơ phát tâm bồ thí; nên thí; thí

rồi ba luân (người thí, người nhận và vật thí) thanh tịnh, hoan hỷ bố thí. Giới vi diệu và được thanh tịnh. Do trì giới thanh tịnh ngăn giữ được những hủy phạm cấm giới; mà thường vượt lên khỏi những con đường ác sợ hãi, hướng Phật cấm giới, kiên trì chẳng hủy phạm, dám ngăn kẻ ác đến mạ nhục. Đối với lời nói đạo vì làm tăng thêm phước báu an lạc, mà do nhân thay đổi nên tôn trọng, chẳng kiêu mạn. Dung mạo thường ôn hòa đáng kính; xa rời sự tật đố. Trước tiên ái ngữ; chẳng siểm nịnh, chẳng ton hót. Ý thanh tịnh chẳng tà dâm, chẳng thô tháo. Thấy người hơn mình lại chẳng mong cầu, chẳng khoa trương, chẳng làm cho người kia bị tổn hại. Tu pháp hòa kính. Đối với chúng Bồ Tát cung kính như Phật, khiến cho sự cung kính đó càng tăng thêm thọ mệnh của mình. Đối với Sư Trưởng xem như cha mẹ mình. Giúp đỡ các chúng sanh giống như con một. Đối với Hòa Thượng, A Xà Lê cung kính như tượng nhớ đến Phật. Đối với chánh hạnh, thấy đều giữ gìn như đũa trên đầu, tất cả Ba La Mật như yêu tay chân của mình. Đối với Pháp Sư thuyết pháp như những gì cao quý vi diệu. Xem lời dạy bảo như ngũ dục. Đối với vui đủ như chẳng có bệnh phiền não. Cầu diệu pháp như hy vọng vào thuốc hay. Đối với kẻ phát lồ như gặp được lương y. Như thế điều phục các căn, chẳng làm cho giải đãi. Đây gọi là hỷ.

Luận rằng:

Ở đây nói về sự học của Bồ Tát đề trang nghiêm. Như Kinh Đại Vân (Mahamegha) chép: “Nếu vui nơi địa ngục, bâng sanh; đối với địa ngục tâm thường giới định; Tuy ở trong ngục mà như khách trọ qua đêm. Lại kẻ vui nơi địa ngục nên tâm sanh đấm trước nhưng sự keo kiệt làm cho lửa địa ngục chuyển thành mạnh hơn.”

Luận rằng:

Nói việc an trụ nơi khổ nhẫn. Kinh Hải ý có chép rằng: “Có ba loại nhẫn. Phật bảo: Nay Hải Ý! Đại Bồ Tát này như chỗ phát những trí tâm quý báu; hoặc chẳng phải vì người hủy phạm tịnh giới, là các ma, dâm ma, thiên ma, tử ma, dùng lực để giữ gìn, làm cho bọn ma không đến xâm hại. Trời khánh khoa vang, đánh lên thành tiếng, ngay lúc ấy Đại Bồ Tát phát tâm sâu xa kiên cố làm cho chẳng hoại được. Lại nữa chẳng hoại tâm đại bi tinh tấn, giải thoát tất cả chúng sanh. Lại nữa chẳng hoại, làm cho hạt giống Tam Bảo phát triển chẳng dứt. Lại nữa chẳng hoại trong Phật pháp sự ứng hợp này tích chứa những điều lành căn bản. Lại nữa chẳng hoại sự thành tựu biện tài tướng hảo tu tập phước hạnh. Lại nữa chẳng hoại dũng lực tinh tấn nghiêm tịnh Phật độ. Lại nữa chẳng hoại cầu tất cả pháp chẳng tiếc thân

mệnh. Lại nữa chẳng hoại việc độ các chúng sanh chẳng đấm trước chẳng vui riêng. Đây là thâm tâm đầy đủ như ý. Nếu vì tất cả chúng sanh ở chỗ ác hiểm; hay gặp sân si hủy báng, mạ nhục cho đến sự đánh đập, tất cả đều có thể nhẫn thọ, cho đến tất cả chúng sanh có tâm ác đến bức bách não hại phá phách. Lại tất cả nên thâm nhận, chẳng mệt mỏi, chẳng giải đãi, chẳng thối lui, chẳng nông nổi. Phải chịu hiện phát thế lực đồng mãnh tinh tấn, phải siêng năng nhẫn khổ, khởi tâm thọ chịu. Lại nữa nếu có người ác tâm đến, đem sân đến mạ li, thách đố gây hại bức bách, não hại phần uất, đánh đập. Đối với tất cả như thế tâm đều chẳng gia tăng sự làm hại. Cho đến giả sử có người ở trong mười phương cầm các loại binh khí gây gộc bức bách truy tâm ở phía sau ở địa phương kia khi đi, đứng, ngồi, nằm, mà nếu gặp một người phát tâm Bồ Đề, tâm bố thí, cho đến tâm tu trí tuệ, nghe người phát khởi một tâm thiện lành, ta nên đến ngay địa phương đó, để làm cho trừ dứt sự gây hại nơi thân thể, giúp cho kẻ kia, mà ta hoàn toàn đều phải nhẫn.

Lại nữa, nếu tất cả chúng sanh ở trong thế gian đều khởi sân si, xảo quyết nói lời ác mạ li hủy báng, giả sử bị cắt rời thân thể này ra từng phần nhỏ như lá. Lúc ấy ta đối với thân cuối cùng của chúng sanh chẳng vì đó mà khởi lên mây may dao động nơi tâm. Vì sao vậy? – Vì thân này của ta trong nhiều kiếp quá khứ vô lượng vô số kiếp đã sanh tử luân hồi. Chẳng tạo chỗ xa hoa hoặc địa ngục súc sanh, Diêm Ma La; cho đến hiện tại của người đắm say mùi vị của sự ăn uống. Các dục lạc, ham thọ phi pháp, vất vả tìm cầu, sống bằng nghề đã làm, nhiều sự bức bách. Mà ở nơi thân mệnh chưa hề có kết quả lợi lạc. Duy chỉ nhiều thứ sung sướng. Gá vào đây nên chẳng thể tự lợi, lợi tha. Giả sử dòng sanh tử cuối cùng nơi biên tế, làm cho thân ta phân ra từng mảnh trong loài chúng sanh. Thà thọ những việc khổ, cuối cùng ta chẳng rời bỏ tâm trí. Lại cũng chẳng bỏ tất cả chúng sanh và những ham thiện pháp. Tại sao vậy? – Vì thân ta có nhiều thứ bức bách khổ não hủy hoại. Ở địa ngục khổ này, trăm phần ngàn phần cho đến vô số phần chẳng bằng một. Lại nữa đối với Phật pháp chẳng bỏ tâm đại bi mà duyên vào với tất cả chúng sanh.

Điều quan trọng là nếu có cơ hội khởi sự sân hận, ta sẽ dùng pháp để đoạn trừ. Thế nào là pháp? Nghĩa là sự ái lạc nơi thân, lệ thuộc vào thân, chấp trước vào thân, mà kẻ xả bỏ thân tức là xả bỏ sân hận.

Phật bảo này Hải Ý! Đối với pháp như thế tụ họp mà vào tức có thể kham nhẫn tất cả chỗ bức bách của chúng sanh, cho đến chẳng tiếc thân mạng mà hay thí xả, cũng chẳng ái lạc. Đây là điều có thể tu bố thí Ba La Mật Đa. Lại nữa nếu gặp lúc thân muốn hoại, lòng đại bi chẳng rời bỏ chúng sanh.

Điều này tức là có thể tu trì giới Ba La Mật Đa. Nếu gặp thân muốn cầm dút như nghĩa giải thoát mà kham nhẫn thọ chịu. Khi được nhẫn pháp lộ hiện, tâm này lại chẳng dao động. Điều này tức là có thể tu nhẫn nhục Ba La Mật Đa, khuyên tu đồng lực mạnh, chẳng bỏ nhiếp giữ tâm trí. Nơi sanh tử phát khởi những việc làm thiện, đây tức là có thể tu tinh tấn Ba La Mật Đa. Lại nữa nếu thân hoại, nơi tâm phát hiện tất cả trí sáng, chẳng xa rời Bồ Đề. Như thật quán sát yên vui tịch tịnh, tức có thể tu tĩnh lự Ba La Mật Đa. Nếu gặp lúc thân sắp hoại, quán thân như huyễn, giống như cây cỏ từng gặp sỏi đá. Quán nơi thân là vô thường, là khổ, là không, ta liền vắng lặng. Quán sát thật tế nơi thân này như thế. Điều này tức có thể tu thắng huệ Ba La Mật Đa. Cho đến giả sử có người ác tâm đến sân hận mạ nhục, liền nghĩ như thế này:

“-Người này giải đãi xa lìa thiện pháp. Ta làm cho người ấy phát khởi tinh tấn siêng năng cần cầu sự tu tập, trồng những căn lành, chớ sanh tâm che giấu. Nguyên cho người này sớm ngồi nơi đạo tràng, còn ta sẽ sau cũng thành Chánh Giác”.

Điều quan trọng là đối với chúng sanh, tâm chưa điều phục thì chưa thể tịch tịnh được. Cuối cùng kẻ mật giúp đỡ thật sự chưa thân cận hoàn toàn được, để làm việc nghĩa lợi trang nghiêm cho người kia, thậm chí y vào học pháp này. Sao lại sân, sao lại chẳng sân, là hai điều suy nghĩ đều chẳng thể được.

Lại nữa như sân chẳng sân, hoặc tự mình hoặc tự người khác; sân và chẳng sân đều chẳng thể được. Sự chẳng thể được thường lìa sự thấy, đây gọi là nhẫn.

Lại Kinh Bát Nhã (Phagavati-Prajnaparamita) chép:“Nếu các chúng sanh cạnh tranh nhau, nên phát tâm này. Ta sẽ khuyên hoặc làm cho sự cạnh tranh được không khó gặp. Nếu kẻ cạnh tranh và việc cạnh tranh, ta đối với chúng sanh làm chiếc cầu bắt qua, ta vì kia mà chịu lời ác mạ lị hủy báng. Người đối với lời nói ác chẳng nên để tâm báo hại. Nếu vậy là loại người si, như con dê cầm chẳng khởi sự tranh đấu, kẻ kia bị lời ác, gian dối, mạ nhục nên nói lời đạo lý không tổn hại. Gần gũi kẻ ác, ta nên nói lời lành. Chẳng giống như họ gây nên sự sai trái, nhẫn đến, nếu ta nghe sự sai trái, ta cũng giống như họ vậy. Vì sao thế? – Vì ý của ta chẳng khởi lên sự sân hận.

Lại nữa, đối với tất cả chúng sanh mà tu diệu lạc ta sẽ cùng với tất cả chúng sanh tịnh lạc đến Niết Bàn, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề; đối với kẻ ác ta chẳng khởi lên sân hận, nhẫn đến không khởi lên việc làm ngu si,

duy chỉ tu hành kiên cố vững bền là tinh tấn vậy. Giả như thân hoại mệnh chung cũng chẳng si nảo, chẳng sanh tật đố”.

Kinh Biệt Giải Thoát Bồ Tát chép rằng:”Nếu đối với chúng sanh giận dữ như thế, ta về bằng những lời thật lành để an ủi, kẻ mà đối với pháp nhân này được tùy thuận pháp lạc”.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ mười hai

---o0o---

Quyển Thứ Mười Ba

Thứ tự Kinh văn số 1636

- Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Quyển thứ 32, thuộc Luận Tập Bộ Toàn từ trang 75 đến trang 144.

- Ngài Pháp Xứng (Santideva-Tịch Thiên) Bồ Tát tạo Luận.

- Tây Thiên dịch kinh Tam Tạng Ngân Thanh Quang Lục Đại Phu, Thích Hồng Lô Thiếu Khanh Phổ Minh Từ Giác Tuyên Phạm Đại Sư Sắc Tử Sa Môn Thần Nhựt Xứng cùng với những người khác phụng chiếu dịch

- Sa Môn Thích Như Điền, Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi, cùng với sự phụ dịch của Tỳ Kheo Thích Đồng Văn, bắt đầu từ ngày 30 tháng 11 năm 2004 nhân kỳ nhập thất lần thứ hai .

Tinh Tấn Ba La Mật Đa

---o0o---

Phẩm Thứ Mười

Luận rằng:

Tuy nghe hẳn như thế để phát sanh tinh tấn , mà ở đây chưa nghe khởi lên hủy báng sai phạm. Như Kinh Nguyệt Đăng có kệ rằng:

Ưu Pháp chẳng hộ giới

Thì được phước bao nhiêu

Phá giới từ nghe nhiều

Chẳng thể trừ ác đạo

Luận rằng:

Do nghe đầy đủ. Kinh Na La Diên Sở Vấn chép rằng: “Này Thiện nam tử! Như chỗ nghe thấy hiểu biết hơn cả tánh trí huệ. Nếu nghe rồi liền tiêu trừ phiền não, làm cho phiền não ma hoàn toàn chẳng được dễ dàng khởi”. Kinh Quảng Như Tối Thượng Đại Tiên Bồ Khởi (Atraca Maharse Ruttarasya Jatakam Vistarena Krtvaha) chép rằng: “Đại Bồ Tát đầy đủ thâm tâm tôn trọng ưa Pháp, đối với thế giới hiện trước chư Phật, tùy theo đó mà nghe Pháp. Nếu Đại Bồ tát siêng năng muốn nghe Pháp, dù ở nơi núi thẳm vẫn có chứa nhiều pháp, được vô lượng kinh điển pháp môn an trí tại đó. Lại nữa chư Bồ Tát siêng năng muốn nghe Pháp, mà đối trước chư Phật cùng chư Thiên và chư Phật biện tài, cho đến khi sanh mạng hết rồi, vì Phật Thế Tôn và Chư Thiên, làm tăng mạng sống cùng sắc lực. Ở đời cả ngàn năm chẳng cần việc gì cả, vì do Phật và chư Thiên đều cùng gia trì vậy. Cho đến câu một kiếp cùng chư Bồ Tát sanh tâm tôn trọng pháp. Vì Phật Thế Tôn đã trừ các khổ già, bệnh, được chánh niệm và thần thông biện tài, cho đến được thọ chánh kiến tùy theo sự thấy mà có thể nói. Lại nữa Đại Bồ Tát siêng năng muốn nghe Pháp, không bị các ác cùng tất cả những oán địch khủng bố. Cho nên sự siêng năng nghe nhiều là Bồ Tát khéo tu tập được như thế đây”.

Luận rằng:

Bồ Tát nghe bao nhiêu loại thì nhập vào Luật (Kimakaram Srutam Bodhisatvavinaye Prasastam), như Kinh Vô Tận Ý chép rằng: “Do nghe 80 hạnh mà có thể vào được giải thoát. Nghĩa là những hạnh mong muốn; hạnh sâu sắc nơi tâm; hạnh thâm nhập của tâm; hạnh cực tương ưng; hạnh chẳng quấy rầy; hạnh chẳng buông lung; hạnh cung kính; hạnh cực tôn trọng; hạnh lia danh tướng; hạnh nói lời lành; hạnh thừa sự; hạnh nghe lợi ích; hạnh tác

ý; hạnh chẳng tán loạn; hạnh vô trụ; hạnh bảo tướng; hạnh được tướng; hạnh tiêu trừ tất cả tật bệnh; hạnh nhớ nghĩ đến vật dụng; hạnh đạt giải thoát; hạnh ý hỷ; hạnh ngộ nhập; hạnh nghe Phật Pháp chẳng xa lìa; hạnh xả ly; hạnh liễu tri điều phục; hạnh thân cận đa văn; hạnh hỷ lạc chấp nhận các việc làm; hạnh thân mạnh khoẻ; hạnh tâm vui vẻ; hạnh nghe chẳng giải đãi thối lui; hạnh nghe nghĩa; hạnh nghe pháp; hạnh nghe oai nghi; hạnh nghe người khác nói; hạnh Diệu Pháp chưa nghe; hạnh nghe thần thông; hạnh chẳng vui với thừa khác; hạnh nghe các Ba La Mật; hạnh nghe Bồ Tát Tạng (Bodhisattva-Pitaka); hạnh nghe nhiếp sự (Samkraha-Vastu); hạnh nghe phương tiện thiện xảo; hạnh nghe phạm hạnh; hạnh nghe chánh niệm chánh tri; hạnh nghe rời sanh thiện xảo; hạnh nghe chưa sanh thiện xảo; hạnh quán bất tịnh; hạnh quán từ bi; hạnh quán duyên sanh; hạnh quán vô thường; hạnh quán khổ; hạnh quán vô ngã; hạnh quán tịch diệt; hạnh quán Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, hạnh vô tác; hạnh làm lành; hạnh kiến lập chơn thật; hạnh chẳng mất mát; hạnh một mình; hạnh gìn giữ tự tâm; hạnh siêng năng chẳng giải đãi; hạnh quan sát các Pháp; hạnh đối trị những phiền não; hạnh mong cầu các thiện pháp; hạnh hàng phục các phiền não của người khác; hạnh nương vào thất tài; hạnh đoạn trừ sự bần cùng; hạnh tán thán sự hiểu biết; hạnh ca ngợi người trí; hạnh thánh chúng bình đẳng; hạnh chẳng phải Thánh làm tịnh tín thân tâm; hạnh thấy như thật; hạnh xa lìa các uẩn mất mát; hạnh xung lượng pháp hữu vi mất mát; hạnh nương vào nghĩa; hạnh nương vào pháp; hạnh tất cả ác tác; hạnh vì sự lợi ích của mình và người; hạnh ở nơi pháp lành tu tạo chẳng sanh nghiệp; hạnh thú hưởng thù thắng; hạnh được tất cả Phật Pháp.

Kinh chép rằng: “Nếu có trợ pháp tương ưng tức được trí nghiệp như thế. Thế nào gọi là trợ pháp tương ưng ? Nghĩa là nếu có ít ham muốn sự cầu mong cũng ít, chẳng nói lời sân si. Đầu đêm cuối đêm nghe việc thế gian thuận theo thích ứng. Gọi là lợi tha cho nhiều sự yêu cầu. Tâm chẳng ô nhiễm; trừ được các chương ngại. Nơi những tội lỗi khác, biết được mà rời bỏ, chẳng khởi tâm ác. Phát khởi thú hưởng kiên cố giữ chánh hạnh, vui nơi pháp, cung kính pháp làm chỗ che chở nơi pháp, đầy đủ siêng năng như cứu lửa cháy trên đầu, mong cầu trí tuệ, chẳng dừng nghỉ nơi nào, chẳng rơi vào cảm giới, chẳng bỏ việc nặng nhẹ. Chỉ phát tâm thù thắng xả ly; chẳng hại chúng sanh, giữ chánh hạnh vui riêng mình, tất cả nơi A Lan Nhã hiện tiền tác ý tạo hạt giống công đức. Vui vừa chẳng quá; Vui Pháp hỷ lạc; Chẳng nghĩ đến lời nói của thế gian. Cầu pháp xuất thế gian chẳng vọng nghĩ, hiểu rõ hết nghĩa lý, để thuận theo con đường chơn chánh. Biết giữ giới nương theo mô phạm trang nghiêm. Trí tuệ vững chắc phá diệt vô trí, dùng mắt trí tuệ cực diệu thanh tịnh rõ biết vô minh si ám trói buộc. Nghĩa là hiểu biết

một cách rõ ràng; chẳng tà mi, tất cả đều rõ biết. Phân biệt biết rõ rồi, hiện chứng đều rõ biết đó. Không từ người mà được; giữ riêng công đức mình, tán thán công đức người. Khéo tu các việc chẳng đọa vào nghiệp báo. Đây là trí nghiệp thanh tịnh”.

Lại nữa Kinh Bát Nhã (Jnana-Vaipulya-Sutra) chép rằng:”Nên nghe Kinh Phương Tiện Luận, nên biết và học điều này. Không phải việc lợi ích lại cũng nên xa lìa”.

Cho nên Thế Gian Xứ Luận (Lokayatasasta); Cách Phó Luận (Dandanitisastra); Trùng Độc Luận (Kakhorda-sastra); Mặc Trí Luận (Vadapadavidyasastra); Đồng Tử Hý Kịch Luận (Kumamakridasastra), các Luận Biệt Bộ Giải Thoát nói rõ ràng chỗ si mê, khéo trụ tất cả Bồ Tát Thừa. Tất cả nên xa lìa.

Lại Kinh Vô Tận Ý chép: “Có bốn loại thí mà Pháp sư nói pháp vì trí tuệ làm tư lương mà được thành tựu. Thế nào là bốn?

1. Lấy bút giấy chép Kinh
2. Trang sức nơi Pháp tòa
3. Đầy đủ tiếng tăm lợi dưỡng
4. Nhiếp thọ các pháp mà chẳng siểm nịnh xưng tán.

Lại nữa có bốn sự giữ gìn. Thế nào là bốn?

1. Gìn giữ tự thân
2. Gìn giữ những điều lành
3. Gìn giữ thế gian
4. Gìn giữ những việc lợi ích

Cho đến có bốn loại trụ vì trí tuệ làm tư lương mà được thành tựu. Thế nào là bốn?

1. Trụ nơi vị Pháp Sư thuyết pháp

2. Trụ nơi Pháp

3. Trụ nơi lợi dưỡng

4. Trụ nơi Giác ngộ

Đây có tên là bốn loại.”

Lại Kinh Hoa Lâu Các chép: “Nếu có người đem của bảy báu sánh với núi Tu Di mà bố thí cho tại gia Bồ Tát chẳng bằng ngàn đồng tiền lẻ để phụng thí cho xuất gia Bồ Tát và kính tín hiểu rõ công đức của vị xuất gia. Bố thí một vật dụng nhỏ như móng tay cũng gọi là khó bố thí. Nếu các sở hữu, tuy trừ người xuất gia được quả lớn này, như Như Lai tối thượng tối thắng, chẳng phải như người tại gia như điều này huống nữa người tại gia chẳng có trí tuệ, tâm chẳng đầy đủ”.

Như Kinh Tối Thượng Vấn chép: “Nghĩa là đối với tâm cùng quyền thuộc của người kia mà tội lỗi nên xa lìa. Nói rằng vô tội. Kẻ kia nếu chẳng xa lìa, tức khó thể điều phục tánh của mình. Người tại gia điều này trở thành tội”.

---o0o---

Nói về A Lan Nhã

(Aranyasamvarnanam

Namamaikadasah Parichhedah)

Phẩm Thứ Mười Một

Như Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn chép rằng: “Nương vào A Lan Nhã lần lượt nơi gia đình, tánh ấy mất hẳn vậy”.

Như Kinh Nguyệt Đăng có kệ rằng:

Chẳng khởi trước dục

Xa lìa quyền thuộc

Rời bỏ tại gia

Được vô thượng đạo

Nếu lìa nơi dục

Như tránh hầm lửa

Sợ hãi tại gia

Xa lìa quyền thuộc

Vô thượng Bồ Đề

Thật chẳng khó được

Chưa hết ba đời

Chư Phật Như Lai

Do thường tại gia

Ở nơi chỗ dục

Mà hay rộng được

Thắng diệu Bồ Đề

Rời bỏ chức vua

Như bỏ đờm dãi

Ở yên nhàn rồi

Xa lìa các dục

Đoạn trừ phiền não

Hàng phục ma oán

Lìa dơ vô vi

Ngộ Bồ Đề đạo

Ăn uống , quần áo

Hoa thơm ướp hương

Mà được thừa hưởng

Người trong bậc Thánh

Như kẻ xuất gia

Chánh pháp phụng hành

Nếu được như thế

Kẻ cầu Bồ Đề

Lợi ích chúng sanh

Chẳng có sợ gì

Một lòng yên tĩnh

Cho đến bảy bước

Đều được phước báo

Tối thắng chẳng bằng

Nếu lại gặp được

Chẳng cùng giống nhau

Nơi vui chẳng gặp

Bỏ tài cầu lợi

Tùy hạnh chúng sanh

Xa rời nơi kia

Khó mà tới tằm
Kính lại có kệ rằng:

Biết chẳng khò tranh cãi

Việc lợi nên xả bỏ

Lìa được tâm ác này

Chớ ngu cạnh tranh đày

Người trí chẳng gần ngu

Rõ biết bản tánh ấy

Nên nói gần gũi lâu

Sau sẽ thành oán hận

Trí chẳng chấp nơi ngu

Rõ biết ngu bản tánh

Vì thể tánh u tối

Tự sẽ phá hoại mình

Do đây khác với kia

Thế nào Thiện tri thức

Nếu Pháp cùng nói đến

Chẳng cùng sân hòa hợp

Pháp ngu này tham độc

Cho nên trí chẳng giữ
Ngu cùng ngu hợp lại
Nhu phân, đồ bất tịnh
Trí cùng trí đầy đủ
Nhu sữa hợp với sữa.
Lại nữa Kinh cũng chép rằng:
Thường ở thế gian
Tối cực niềm vui
Có không nhiều ít
Vui hay chẳng vui
Chỉ ưa suối rừng
Tùy được thọ dụng
Sa môn vui hơn
Nếu ở nơi ấy
Tất cả đều không
Chẳng có mây lông
Nơi bị trói buộc
Nhu gió thành không
Nhu cảm giác kia
Cho đến thế gian

Việc vui tốt bực
Tâm thường như gió
Chẳng có đấm trước
Nếu vui chẳng vui
Chẳng có hòa hợp
Nghĩa đây khổ nào
Chẳng vui an trụ
Nghĩa nếu vui kia
Chẳng khổ chẳng sai
Lìa hai bên vậy
Chỉ Pháp lạc này
Chẳng ai vui được
Kính kia lại cũng nói rằng:
Kia được thường rồi
Bèn được tương ưng
Lìa khỏi mất mát
Chẳng tranh cãi gì
Lý tương ưng kia
Ở A Lan Nhã
Rộng được công đức

Mà không được thường

Chẳng cầu hình tướng

Chẳng vui thế gian

Chẳng tăng hữu lậu

Ở nơi núi rừng

Rộng được điều lợi

Chẳng khởi phân bua

Thường vui tịch tĩnh

Thân miệng ý mật

Làm việc xa lìa

Ở nơi yên tịnh

Rộng được công đức

Được chán lìa kia

Liên ngộ Pháp Phật

Tịch tịnh giải thoát

Ở nơi núi rừng

Tức nơi giải thoát

Các A Lan Nhã

Rộng được công đức

Nương vào núi đồi

Mà thường xa lìa

Thành ấp xóm làng

Vui xa lìa rồi

Thường như Độc giác

Chẳng có bạn lữ

Chẳng lâu vui riêng

Được chứng thắng định

Lại nữa Kinh Hộ Quốc có kệ rằng:

Xả bỏ tại gia

Mất mát rất nhiều

Lại thường chẳng yêu

Sâu xa tư lự

Vui được núi đồi

Các căn diệu lạc

Tịch tịnh công đức

Chẳng có nam nữ

Cười nói ngôn luận

Nếu có người đến

Xúc chạm với thân

Tâm tịnh chẳng nhiễm

Chẳng vui tài lợi

Ý chẳng đắm trước

Nơi nơi ít muốn

Thường lia xa đây

Được cung kính thầy

Kinh Tỏi Thượng Vấn chép rằng:

“Ta chẳng làm cho chúng sanh tập hợp, chẳng phải vì nơi một chúng sanh mà phát khởi thiện căn. Hoặc chấp chỗ nghe, đầy đủ trong khoảng sát na, tâm bị trói buộc vào tài lợi chẳng thanh tịnh, nên trời và người hay tất cả bỏ đi. Giả sử có một vị trời hay người lại chẳng bỏ đi”.

Như Kinh Bảo Lâu Các (Ratnakuta) chép:

“Phật bảo: “Này Ca Diếp! Nếu lại có người thiếu nước nhiều ngày khát mà chết. Này Ca Diếp! Sa Môn, Tỳ Sa Môn lại cũng như vậy. Từ nơi thọ trì đọc tụng nhiều pháp, mà chẳng thể đoạn trừ sự khát vọng tham, sân, si. Đi vào trong biển pháp lớn vì khát khao phiền não ái dục mà chết đi, sau đó đọa vào ác đạo”.

Luận rằng:

Cho nên quyết định nương vào nơi A Lan Nhã là chỗ tương tự. Lại nữa Kinh Bảo Vấn chép:

“Nếu ở nơi nào được đi khát thực chẳng gần chẳng xa, nước non ao tắm thanh tịnh chẳng dơ là nơi ít sợ hãi. Cây trái hoa quả đều có đầy đủ. Lại lia những nhiễm ác như hang trùng độc, ở yên nơi đó. Bồ Tát như thế mà nương tựa vào để ở. Đầu tiên, ngày đêm sáu thời tụng kinh điển, nghe chẳng cao thấp. Khéo đóng chặt các căn, tâm chẳng lao chao. Đời sống thanh tịnh không nghĩ trói buộc, chẳng phải giữ việc lành này, chẳng bị ngủ nghỉ câu thúc. Lại nữa nhà vua, các quan, Bà La Môn, cho đến những gì thuộc về vua, hoặc vua đích thân đến nghinh tiếp nơi A Lan Nhã Tỳ Kheo nên nói rằng:

“Lành thay Đại Vương! Như chỗ bố thí. Ngài có thể đến ngôi”.

Nếu Vua ngôi rồi, Tỳ Kheo nên ngôi. Nếu Vua chẳng ngôi, Tỳ Kheo nên đứng. Nếu các căn của Vua động loạn, thì nên than rằng:

“Đại Vương được lợi ích lớn, nơi đất nước của Vua có các bậc Sa Môn, Bà La Môn đầy đủ giới đức, an trụ nơi đó, chẳng bị người ác kẻ giặc làm hại. Nếu các căn của Vua khéo nghe thanh tịnh, vì đó mà thuyết pháp, nên nói pháp phương tiện thiện xảo. Nói việc thiện xảo nếu vui chẳng vui pháp yếm ly. Phải biết, nếu chẳng vui Pháp yếm ly, làm cho vua biết Như Lai có đại từ bi đầy đủ uy đức, vì những người đến như Bà La Môn và các quan, mà Ngài tùy nghi hóa độ họ. Nếu là những người đa văn, pháp khí hiểu sâu, nên làm cho họ nghe diệu pháp để hàng phục tâm. Những chúng sanh tin vui pháp được đại hoan hỷ”.

Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn chép rằng:

“Lại nữa Trưởng Giả xuất gia Bồ Tát ở nơi A Lan Nhã nên quán sát nghĩa như thế này:

Tại sao ta ở trong A Lan Nhã? Ta chẳng phải là độc cư Sa Môn nên nhiều sự ác hại vây khốn. Chẳng phải tu mật, chẳng phải tịnh; chẳng phải giữ luật nghi, chẳng phải tương ưng, chẳng phải cầu mong mà ở chung chạ. Nhưng ta không phải người cùng các ác điều, thú dữ, đạo tặc, chiêm đà la... cùng ở chung. Họ là những người không đầy đủ công đức của Sa Môn. Lúc ấy, ta ở nơi A Lan Nhã, ta đã đầy đủ nghĩa của Sa Môn. Lại nữa Trưởng Giả xuất gia Bồ tát hành hạnh A Lan Nhã nên như thế này mà quán sát:

Ta vì nghĩa gì mà đến A Lan Nhã? Ta có nên vì đó mà sợ hãi chẳng? Vì sao mà sợ hãi? Nghĩa là ở nơi chúng yên tịnh mà sợ hãi; tập hợp mà sợ hãi; tham sân si mà sợ hãi; kiêu mạn che dấu mà sợ hãi; keo kiệt về tiền của mà sợ hãi; sắc, hương, vị, xúc mà sợ hãi; uẩn ma mà sợ hãi; phiền não ma mà sợ hãi; tử ma mà sợ hãi; thiên ma mà sợ hãi; vô thường cùng thường khuynh đảo mà sợ hãi; vô ngã làm ngã khuynh đảo mà sợ hãi; bất tịnh làm tịnh khuynh đảo mà sợ hãi; chấp khổ làm vui khuynh đảo mà sợ hãi; tâm ý thức mà sợ hãi; lia các chướng khởi chướng mà sợ hãi; thân kiến mà sợ hãi; ta và những gì thuộc về ta mà sợ hãi; nghi ở ba đời mà sợ hãi; ác hữu mà sợ hãi; quyền thuộc bọn ác mà sợ hãi; tiếng tăm và lợi dưỡng mà sợ hãi; chẳng thấy nói thấy mà sợ hãi; chẳng nghe nói nghe mà sợ hãi; chẳng biết nói biết mà sợ hãi; chẳng rõ nói rõ mà sợ hãi; Sa Môn dơ nhớp mà sợ hãi; sân hận với

nhau mà sợ hãi; tam giới mà sợ hãi; sanh vào các cõi khác mà sợ hãi; ba đường ác mà sợ hãi. Nói tóm lại tất cả các việc bất thiện tác ý sợ hãi, ta vì sợ hãi những việc ác ấy nên đến ở A Lan Nhã.

Lại nữa Trưởng Giả! Xuất gia Bồ tát ở A Lan Nhã nên biết học xứ, hoặc sợ sanh ngã chấp khởi lên. Điều quan trọng là nơi A Lan Nhã xa lìa ngã chấp, tức vô ngã và không ngã sợ; không ngã tương; không ngã ái; không ngã tưởng; không ngã kiến. Chẳng phải vì những gì thuộc ngã mà mình giữ; Chẳng phải vì những gì thuộc ngã mà tính toán. Xả bỏ nơi ngã, chẳng nên giữ gìn. Ở nơi A Lan Nhã, chẳng nghĩ lợi ích. Lại nữa Trưởng Giả! Kẻ ở nơi nhàn tịch, chẳng tưởng đến mình, chẳng tưởng đến người khác. Nếu ở nơi các Pháp, chẳng nói; tức ở nơi các Pháp không tạp. Tóm lại, này Trưởng Giả, giống như nơi A Lan Nhã, có cỏ thuốc, cây cối trong rừng, chẳng kinh chẳng sợ, chẳng lo. Lại chẳng làm tổn hại đến mảy lông. Ở đây người xuất gia Bồ Tát trụ tại A Lan Nhã cũng như thế. Đối với thân phát khởi lên cỏ thuốc, cây cối như trong rừng, bờ tường, gạch ngói...để suy tưởng. Tâm như huyền hóa sanh được những gì phân biệt và sợ hãi làm kinh động đến mảy lông, là thân tâm ở nơi thân mà quán sát thân này chẳng có ngã, như, chúng sanh, thọ giả, dưỡng nuôi do ý sanh ra, cũng như mọi sự hy vọng biến đổi. Điều sợ hãi cũng chỉ là giả danh, hư vọng, biến hóa chẳng nên phân biệt. Như nơi A Lan Nhã, có cỏ thuốc cây cối, chẳng có chủ tể nên chẳng nhiếp phục. Ở A Lan Nhã nếu không có sự nhiếp phục lại cũng như vậy. Nơi các pháp như thế mà nên biết. Hãy khởi tâm làm như vậy. Vì sao vậy?

-Kẻ nhàn hạ giống như tử thi chẳng có chủ tể, lại chẳng có nhiếp phục.

Lại nữa Trưởng Giả! Người xuất gia Bồ Tát ở nơi nhàn nhã như thế, đã biết vậy rồi, nương vào lời Phật dạy nên ở nơi A Lan Nhã, nên đầy đủ Chánh Pháp, sâu trồng căn lành, sau đó mới ra khỏi nơi tụ lạc, quốc ấp, rồi vào trong vương cung mà thuyết pháp. Lại nữa Trưởng Giả! Xuất gia Bồ Tát đọc tụng diễn thuyết giải nói nghĩa thú đi vào trong chúng được cung kính, thân cận Hòa Thượng, A Xà Lê, và những kỳ lão mà các tân học Tỳ Kheo lại nên cung kính, chẳng nên giải đãi, hẳn nên tự biết chẳng làm phiền kia. Lại chẳng nên bảo người tôn trọng vâng phục. Hãy quán sát như thế. Lại nữa Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác được chư Thiên, loài người, ma Phạm Thiên, Sa Môn, Bà La Môn và các chúng sanh tôn trọng cúng dường, cho chí những vật sở hữu tự làm việc biện tài chẳng mưu cầu phụng sự. Huống nữa, ta làm cho tất cả mong muốn cầu học, vô học như thế phụng sự tất cả

chúng sanh. Nếu ta phục vụ kẻ khác bằng sự cung cấp; tức ta cùng họ làm việc thành tựu, chẳng phải mưu cầu sự phụng sự cung cấp . Vì sao thế?

Này Trưởng Giả! Sự tôn trọng phụng sự này ở nơi công đức Pháp của Tỳ Kheo chấp thủ hay hủy phạm, tạo cho kẻ giữ gìn này, nguyên nhân được phụng sự vậy. Ta chẳng do Pháp ấy mà tạo ra sự chấp thủ như thế.

Kinh lại chép: “Lại nữa Trưởng Giả! A Lan Nhã nơi pháp Bồ Tát , nếu thấy, nếu nghe Hòa Thượng , A Xà Lê tật bệnh ở nơi riêng lẻ nên đến thăm viếng hỏi han, nghĩa là tùy lúc tùy thời niềm nở, nên phát tâm như thế. Giả sử vì kia thỉnh mời đọc tụng nói pháp làm cho ở nơi tăng phường ấy như chỗ A Lan Nhã, thì tâm chớ khởi thọ dụng đấm trước. Việc ở A Lan Nhã cầu pháp như thế, chẳng lìa bỏ tất cả mọi sự mà đều nhớ nghĩ đến chỗ an vui tịch tịnh”.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học luận

Hết quyển 13

---o0o---

Quyển Thứ Mười Bốn

Thứ tự Kinh văn số 1636

Thuyết A Lan Nhã

Phẩm Thứ Mười Một - Phần Thứ Hai

Kinh Bảo Tích chép rằng:”Lại nữa kẻ ở A Lan Nhã làm các việc khác chưa được chứng quả, thấy cọp sói chẳng nên sinh tâm kinh sợ, nên phát tâm rằng ta trước khi đến chỗ này là để xả bỏ thân mệnh chẳng phải sợ hãi, vì khởi tâm từ xả bỏ; nên chẳng sợ hãi. Lại nữa cọp sói đâu có ăn mất mạng sống ta, thì cho luôn thân thịt này, nên khởi tâm như vậy. Nếu ta được thiện lợi cũng chẳng giữ thân cho được vững chắc làm gì. Nếu chẳng có thể công hiến thân thịt của ta, há cọp có được vui chăng? Điều quan trọng là kẻ ở A Lan Nhã, có hoặc không có người đến, hoặc tốt, hoặc xấu, chẳng nên ưa mến; cũng chẳng bị tổn hại. Nếu có sự đến đi thấy như chư Phật và chư Thiên đến nơi A Lan Nhã.

Có Tỳ Kheo khởi hỏi vấn nạn thì Tỳ Kheo kia như khả năng nên đáp; tùy chỗ học pháp mà vì chư Thiên giảng. Lại nữa nếu có hỏi sâu khó A Lan

Nhã Tỳ Kheo hoặc chưa thể đáp, mà vẫn sanh tâm cung kính. Nên nói với kẻ kia rằng ta nay chưa được vô học vì ta chỉ tinh cần theo lời Phật dạy. Khi nghe Pháp rồi, hết lòng giải đáp cặn kẽ tất cả mọi nghi vấn. Ta chỉ làm cho kẻ hỏi nghe được pháp tổng quát, nếu ở nơi A Lan Nhã, thuốc cây cỏ nên chẳng lấy đi mà đấm nhiểm, thì làm sao có sanh có diệt.

Quán sát như thế, thân này vô ngã, vô chủ tử, vô tác giả, vô thọ giả. Ai sanh, ai diệt, cuối cùng rồi chẳng có sanh diệt gì cả. Thân này lại cũng như thế; giống như cỏ cây bờ tường như ngói gạch vô ngã, vô chủ tử, vô tác giả, vô thọ giả. Do nhân duyên hòa hợp mà sanh, nhân duyên ly tán liền diệt. Lại nữa ở nơi thắng nghĩa, chẳng có một pháp nào sanh, cũng như chẳng có pháp diệt.”

Kinh cũng chép rằng: “Lại nữa đối với A Lan Nhã nên phát tâm như thế này : Ta đến A Lan Nhã này không gặp bạn bè, hoặc nơi ta khởi nghĩ việc làm thiện, việc làm ác... Lúc bấy giờ có Thiên long, Dạ xoa cùng Phật Thế Tôn biết được thân tâm của ta, liền vì đó mà chứng cho. Lại nữa, nếu ở A Lan Nhã, mà tâm chẳng thiện, buông lung phóng dật. Ở nơi rất xa này chẳng có bạn lữ, chẳng có người thân, không ngã, không chấp...mà nên thật quán; vừa dục, vừa sân, trừ hại và trừ các bất thiện khác cũng như thế mà thật quán. Nếu ta vẫn chẳng khác với niềm vui của chúng hữu tình , náo loạn tức làm cho Thiên long, Dạ xoa và chư Phật, Thế Tôn giận. Nếu làm như vậy Thiên long, Dạ xoa chẳng gọi là xa rời. Như thế chư Phật Thế Tôn đều hoan hỷ.”

---o0o---

Trị Tâm

(Citta Parikarma Devadesah Paricchedah)

Phẩm Thứ Mười Hai

(Phụ vào phần Thiền Định Ba La Mật)

Luận rằng:

Đối với A Lan Nhã tu tập thiền định. Như trong Kinh Bát Nhã chép:”Tu thiền định Ba La Mật được tâm chẳng tán loạn, lợi ích chúng sanh. Vì sao

vậy? Khởi thế gian định, việc làm như thế làm cho tâm tán loạn chẳng thể được. Huống nữa vô thượng chánh đẳng Bồ Đề phải được tâm chẳng tán loạn, cho đến chứng được quả A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.

Kinh cũng chép:”Lại nữa Tu Bồ Đề! Sơ phát tâm Đại Bồ Tát tu hạnh thiền định Ba La Mật, ở nơi tất cả tướng trí đều tương ưng hoà hợp, nghĩa là khéo nhập vào thiền định. Nếu mắt thấy màu sắc chẳng nên giữ tướng này, cũng chẳng chấp lấy theo hình tốt đẹp. Lại nhãn căn, không tự dừng nghỉ, tức vương vào tà vọng, tổn não. Nơi việc ác chẳng thiện, tâm theo đó mà trôi nổi, giúp đỡ nhãn căn chế ngự điều này làm cho dứt hẳn. Như vậy nơi lỗ tai nghe âm thanh, lỗ mũi cảm được mùi hôi thối; lưỡi rõ biết rõ vị; thân đắm trước sự va chạm; ý biết được các pháp; tất cả đều chẳng chấp tướng, lại chẳng chấp thủ, mà tùy theo hình thể tốt đẹp. Nơi ý căn, chẳng dừng nghỉ; tức việc ác chẳng lành, phi pháp tâm nương theo đó mà lưu chuyển; giúp cho ý căn chế ngự điều này làm cho mất đi; lúc đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, giữ yên lặng, tất cả đều chẳng xa lìa chánh định. Chân tay chẳng dao động, miệng chẳng nói lời tạp. Lại chẳng cười giỡn, các căn chẳng rối loạn. Nếu thân tâm đều chẳng quên sót, ba nghiệp thanh tịnh; nơi hiển mật như phép luật nghi cho chí vui dễ dàng đầy đủ sung mãn. Khéo nhập vào nơi hành xử xa lìa nơi ồn ào. Chỗ được, chỗ chẳng được không có cao thấp cùng chẳng có sai biệt. Như thế khổ vui, hủy báng, danh dự; hoặc tán thán, chẳng tán thán, hoặc trời, hoặc người, chẳng cao thấp và chẳng sai biệt. Hoặc kẻ oán, hoặc người thân, tâm thường tự nhiên, là thánh, chẳng thánh, nghe xong chẳng lẫn tạp. Nơi vui chẳng vui giống như một tướng; chẳng cao chẳng thấp đều không sai biệt, vượt hẳn sai đúng. Vì sao thế: Nơi tự tướng không, như chẳng chơn thật tức là thấy các pháp chẳng sanh chẳng diệt cho đến nói rộng ra”.

Luận rằng:

Vui vẻ tu tập là xa lìa sự giải đãi và thối lui mà thường hay dụng ý tức trừ được cống cao. Đây là hai loại để đối trị. Kinh Hộ Quốc có kệ rằng:

Vô lượng vô số kiếp

Có chư Phật ra đời

Do đây đáng Đại Giác

Mỗi mỗi làm đại lợi

Xa lia mọi phóng dật
Giải thoát những nhiệm dục
Đây đều hư vọng cả
Như huyễn mộng đã thấy
Xa rời chẳng ở lâu
Các ái lại chẳng thường
Như lực xưa muốn lại
Ở nơi Ba La Mật
Cho đến ngộ Bồ Đề
Siêng năng chẳng nghỉ hoặc

Kinh Đại Hý Lạc (Lalita Vistara) nói rộng kệ này như sau:

Lão, bệnh, tử, khổ
Như lửa cháy đầu
Ba cõi chẳng yên
Vô định không lường
Chưa lia luân hồi
Thường nơi ngu tối
Giống như ong điên
Vào trong chỗ nhốt

Ba cõi vô thường
N như hài kịch vui
Mùa thu không mây
Lúc sanh lúc diệt
Đời người qua mau
Giống như sông núi
Trôi qua nhẹ nhàng
N như trời phát quang
Thiên giới không tường
Vào ba cõi ác
Vô minh liền khởi
Ái hữu lại sanh
Sa vào ngũ thú
N như nhà làm gốm
Thường ưa màu đẹp
N như tiếng vọng hay
Trong sạch mùi hương
Vui say tiếp xúc
Đắm đuối tham trước
N như bị ở tù

Như hươu đi võng

Như khỉ bị trói

Thường mong lo sợ

Nghĩ chuyện oan gia

Kẻ dục lạc này

Thường nhiều ưu não

Như gặp dao bén

Lại như độc dược

người trí xa lìa

Như bỏ đồ dơ

Ngu mới tham đắm

Nhơn là lo sợ

Khổ là gốc rễ

Ái bị ràng buộc

Bệnh chết và già

Thường vui dục lạc

Sợ chẳng nương về

Xưa có thánh hơn

Rõ biết dục này

Sợ như lửa cháy

Như nơi bùn lầy
Tựa giữ mật ngọt
Nếu gặp không hiểm
Lại với người trí
Rõ biết hiểm nguy
Như đồ nơ uế
Tựa đầu rắn độc
Cây thối nặng mùi
Tâm máu vào người
Như đầu chó chết
Như ác oan gia
Lại các bậc Thánh
Rõ biết đục này
Giống nước trong trăng
Như tiếng trong núi
Như ảnh trong gương
Như kẻ hí luận
Như mộng đã thấy
Lại đục lặc này
Kẻ trí ngộ rồi

Như huyễn như lửa

Như nước bọt bèo

Sát na ở đó

Thay đổi khởi lên

Hư vọng chẳng thật

Ngày tháng trôi qua

Sắc tướng thay đổi

Ý vui người này

Là kẻ ngu phu

Cùng lão bệnh đến

Hội khổ chẳng chừa

Thối thất chọn lựa

Trong sông bị khát

Tài lực phong phú

Kho đụn tích chứa

Niềm vui kẻ này

Thật như kẻ ngu

Hoặc lại cất giữ

Bệnh đến rồi chết

Lìa bỏ mọi người

Như vườn không cây.

Kệ rằng:

Giống như cây hoa quả

Ái lạc người chấp trước

Bần khổ già suy nhược

Buông xả như chim câu

Tài sản trang sức đẹp

Vui sanh ý hòa duyệt

Bần khổ cùng già chết

Xa lìa như tử thi

Tướng già hiện tức thì

Năm tháng trải qua rồi

Giống như điện lửa chớp

Đốt tất cả cây khô

Già suy có thể sợ

Giống nhà cửa cháy bùng

Cho nên đức Thế Tôn
Khuyên xa rời chớ cầu

Lại như rừng Ba La

Vì bó chặt nơi quả

Nam nữ cùng quyền thuộc
Khô cần sớm nên biết
Lại như chỗ bùn lầy
Làm bại những người mạnh
Tướng già cũng như vậy
Sức khoẻ chẳng tiến thêm
Già biến hình hài đến
Suy thế lực oai hùng
Tìm đến niềm vui lâu
Chỗ chết chẳng ánh sáng
Trong bệnh khổ não loạn
Chẳng phải là niềm vui
Là tướng của thế gian
Đốt cháy như mãnh thú
Xem nơi già bệnh khổ
Là khổ não thế gian
Đều bỏ tìm niềm vui
Khuyên mau cầu ra khỏi
Lại như sương cùng tuyết
Phủ lên trên cỏ cây

Bệnh khổ ở thế gian
Mệnh căn hoại suy yếu
Của cải chất chứa nhiều
Tìm cầu thật xa vời
Thường như người mang bệnh
Hay khởi việc sân hận
Hoặc oán hại kẻ kia
Nóng nảy như trời đốt
Cho đến khi chết đi
Tài mạng đều tan hoại
Giống nước chảy chẳng được
Quả lá rơi xuống gốc
Như dòng sông trôi chảy
Đắm chìm chẳng tự tại
Tùy nghiệp quả khó dừng
Độc hành chẳng bạn bè
Pháp sanh diệt tại đây
Lại như cá với nước
Ở nơi vô lượng chúng
Như đại bàng đớp rồng

Hoặc vua thú thành voi

Hoặc lửa cháy mạnh mẽ

Thieu đốt những cỏ cây.

Lại nữa, Kinh Giáo Thị Thắng Quân Đại Vương (Rajavavadaka-Sutra) chép rằng: “Phật bảo: “Này Đại Vương! Giống như bốn phương có bốn núi kiên cố chắc thật, vây bọc chung quanh. Lại được tạo thành không biết bao nhiêu vật chẳng gián đoạn. Nơi cảnh không ấy, tất cả động thực vật đều đi về chỗ hoại diệt; ai có sức lực mà có thể vượt được. Lại nữa, những thần chú được thuật, tài vật v.v..làm cho thối hư. “Phật bảo: “Này Đại Vương! Trong đời có bốn loại đáng sợ hãi như thế ai có thể vượt qua khỏi; mà nơi thế lực thần chú được thuật, tài vật v.v..có thể làm cho thối chuyên? Thế nào là bốn? Đó là suy, già, bệnh, chết.

Phật bảo:“Này Đại Vương! Một là khi thế lực suy vi đến thôi thúc hành hạ; hai là tướng già hiện ra thôi thúc không còn tráng lệ nữa; ba là bệnh khổ tập trung thôi thúc quẫn bách vây quanh; bốn là sự chết chóc đến, thôi thúc thọ mệnh. Vì sao vậy? Phật bảo:“Này Đại Vương! Như sư tử là vua của các loài thú, thân tướng dũng mãnh đầy đủ móng vuốt, răng nhọn là lợi thế giữa đám hươu non, bắt hươu tùy theo ý muốn, dầu hươu mạnh khỏe khi vào miệng mãnh thú, không thể chạy khỏi. Này Đại Vương! Mũi tên sanh tử bắn vào người lại cũng như vậy, làm cho con người không thể thoát chạy, chẳng nơi trở về, chẳng ai cứu giúp, lại cũng chẳng có chỗ gửi gắm. Mỗi mỗi thân phận mình như máu thịt khô cứng, đói khát nóng lạnh há miệng thở dài, tay chân bại hoại. Nơi tìm cầu, chẳng đâu có được, khóc lóc than trách, đại tiện, tiểu tiện, chẳng tịnh dơ nhớp thân thể. Mạng sống giảm dần, ở đó hiện ra, tùy theo nghiệp duyên mà khởi, đáng sợ hãi trước mặt Diêm Vương. Đêm dài tăm tối, hơi thở vào ra, từ từ cạn dần, chỉ có một mình độc hành chẳng có bè bạn, Bối cảnh lúc sanh, qua lại cuộc đời, thế nhưng đi trên con đường nguy hiểm vào chỗ tối tăm, nhằm nơi hoang dã, rừng rậm bao quanh. Biển nghiệp nổi trôi, gió thổi đọa lạc xua về nơi tối tăm chưa từng dừng nghỉ, chẳng có chỗ nương về, gửi gắm.

Phật bảo:”Này Đại Vương! Chỉ có Pháp và Pháp mới là chỗ đáng nương về tìm cầu gửi gắm. Đây là chỗ đáng tin cậy. Phật bảo:”Này Đại Vương! Đây là thiện pháp như mùa lạnh gặp được lửa, như mùa nóng gặp mát, như khát gặp nước uống trong lành, như đói gặp đồ ăn mỹ vị, như tật bệnh gặp lương y, như khi sợ hãi gặp được bạn bè có sức mạnh, đây là chỗ nương về.

Phật bảo: Này Đại Vương! Đây là những thiện pháp có đại thế lực, lại cũng như thế làm cho kẻ không có chỗ nương về có thể được nương về, không nơi gửi gắm được gửi gắm. Này Đại Vương cho nên phải rõ: Hiện ra vô thường, hiện ra sự diệt mất, mà pháp là như thế chỉ sợ khỏi chết.

Phật bảo: Này Đại Vương! Vua nương nhờ đó tức chẳng phải thiện pháp. Vì sao vậy? Này Đại Vương! Ở nơi thân này từ xưa đến nay, lo gia tâm bảo hộ giữ gìn trang sức đồ ăn uống, y phục đẹp đẽ, tâm tư gói trọn sung mãn cho đến khi mạng chung chưa khỏi được sự đói khát bức bách não hại mà chết. Như vậy thân này tuy khả ái dùng để trang sức đồ mặc, mùi thơm chải chuốt, đi đứng nằm ngồi tùy theo ý mà trang sức, nhưng khi mạng chung hôi thối chẳng thanh tịnh, đờm dãi chảy ra. Này Đại Vương! Lại nữa thân thể tuy tắm rửa, xoa hương, ướp các thứ hương hoa trang sức thật nhiều, đến khi mạng chung vẫn hôi thối chán ngấy. Lại như thân này, có hoàng hậu, thứ phi, cung nữ quyến thuộc vây quanh dù kỹ nhạc, ca múa hát xướng, cùng với tôi tớ an hưởng khoái lạc, đến khi mạng chung chưa hết sợ hãi cùng những khổ não.

Phật bảo: Này Đại Vương! Cho chí thân tuy ở cung điện, lầu các nguy nga dùng mọi đồ trang sức đẹp, tất cả đều tẩm hoa hương và đốt đèn sáng trang sức chỗ nằm ngồi đẹp đẽ, đốt các thứ danh hương, rải các hoa đẹp; hương thơm xông ngát khắp nơi, gồm toàn những châu ngọc quý báu như lụa là rực rỡ vô cùng. Nhưng đến khi mạng chung tới mộ phần xương cốt thịt lông, thân thể máu huyết đều hôi thối, xác nằm trơ trên đất chẳng còn biết gì nữa cả.

Phật bảo: Này Đại Vương! Lại nữa thân này, thường ngự trên xa mã, đánh trống, thổi nhạc, làm đại âm nhạc, treo bảo cái, che quạt v.v...có voi mạnh và binh lính hầu hạ chung quanh trước sau, có cả trăm ngàn đại thần cùng dân chúng trong nước vòng tay cung kính đánh lễ. Nhưng chẳng giữ tử thi được lâu trên xe, mà phải mang ra khỏi thành; tất cả cha mẹ vợ con, huynh đệ, chị em, nô tỳ cùng với những người tạo nghiệp khiến cho cả trăm người lâm vào chỗ ưu sầu. Đầu tóc bị loạn, gờ tay ôm đầu, buồn khóc thảm thương than thay khổ thay! Ta chẳng cầu, chẳng than, chẳng chủ, còn người trong nước thì sầu khổ luyến lưu. Qua một thời gian, hoặc để cho chim thú, kên kên, chồn cáo, dã can ăn thịt, rồi đem xương cốt để đốt, hoặc chôn xuống đất, mưa gió sương sa lẫn với đất cát tan vào dần dần mục rã.

Phật bảo: Này Đại Vương! Thân này huyễn hóa chung cuộc rồi cũng hoại diệt. Tất cả các hành đều là vô thường do đó có thể nói rộng ra.”

Luận rằng:

Tham, sân, si là nơi chứa phiền não, thế thì sự đối trị tu tập là nguyên nhân để xa lìa chúng. Cho nên Kinh Bảo Vân chép: “Đối trị tham, là khởi niệm về duyên vào tham, tất cả đều nên xa lìa. Thế nào gọi là đối trị tham và khởi niệm đối trị duyên vào tham? Tham, nếu rõ biết đối với sự khởi xuất tham lam bởi duyên vào tu bất tịnh quán. Thế nào gọi là bất tịnh quán? Nghĩa là đối với thân, tóc, lông, móng, răng, da, máu, thịt, gân, cốt, ruột, gan, mô hôi, nước mắt, cổ yết hầu, tim, gan, nước tiểu, đờm, v.v..Bồ Tát đối với những vật như thế mà khởi lên quán sát tức đối trị ngu si điên cuồng bất thiện kia. Khi biết vật như rồi, chẳng còn khởi tâm tham ái nữa, huống nữa là kẻ trí, Bồ Tát tu bất tịnh quán.”

Như Kinh Bát Nhã (Phagavati) chép rằng: Lại nữa Thiện Hiện! Đại Bồ Tát lúc tu Bát Nhã Ba La Mật Đa, như thế đối với thân này mà rõ biết. Này Thiện Hiện! Như trâu chúa và trâu con bị phanh thây bằng dao làm bốn phần; hoặc ngồi, hoặc đứng mà quán sát như thế. Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát lúc tu Bát Nhã Ba La Mật Đa hạnh, cũng như thế, đối với thân thể, địa, thủy, hỏa, phong, như thật mà quán sát. Lại nữa Thiện Hiện! Người nông phu hoặc Trưởng Giả chưa chắc đủ nhiều giống thóc; cho nên quán lúa gạo hạt giống đầy đủ. Kẻ có con mắt sáng, phân biệt rõ biết như thật, biết kia là hạt giống, đây là lúa mạch, đây là hạt cái v.v...

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát tu Bát Nhã Ba La Mật Đa cũng như thế, đối với thân thể quán sát từ đầu cho đến chân, lông, tóc, móng tay, răng v.v...đều đầy đầy sự bất tịnh. Bồ Tát quán sát thân này như thật, duy có tóc lông, móng tay, răng, đầu, mắt, ruột, tủy, gan v.v...chỗ tàng trữ ruột non, ruột già là đồ bất tịnh. Cho đến qua một thời gian, quán sát những tướng như thế nên để tử thi trong thời gian trải qua một ngày hai ngày cho đến năm ngày thân thể phình trương, màu xanh hôi thối, da căng thịt nhũn, tanh mùi máu huyết. Thấy như thế, nghĩ rằng thân ta cũng giống như thế, mà kẻ mang thân này đối với Pháp cũng lại như thế, bản tánh như vậy. Pháp tánh như thế chưa từng giải thoát.

Lại nữa Thiện Hiện! Đại Bồ Tát lúc tu Bát Nhã Ba La Mật Đa cũng nên đối với ngoài thân quán sát để tu. Ngay cả việc quán sát tử thi ở nơi hoang dã, trải qua một ngày hai ngày cho đến bảy ngày, bị chim muông, chim cú, kên

kênh, chồn cáo, dã can, ...đều đến ăn thịt, ngay cả trùng kiến cũng đến ăn thịt. Quán sát như thế để nghĩ rằng thân ta cũng như thế mà thân này các pháp cũng như vậy, bản tánh như thế, pháp tánh như vậy chưa từng giải thoát. Điều quan trọng là nếu quán sát sự bỏ tử thi kia ở nơi hoang dã, khiến trùng độc ăn, bất tịnh hôi thối. Thân ta và thân này cũng như thế, giống như trên đã nói. Lại nữa hướng đến chỗ thân khô, quán sát sự lìa bỏ tử thi như thịt xương và máu huyết hiện bày như nhớt, ta cùng với thân này cũng như thế. Ngoài ra, như đã nói trên lại hướng đến chỗ thắm khô, quán tử thi máu thịt cùng với xương cốt hiện ra ràng buộc chằng chịt, thân ta và thân này như vậy, ngoài ra như đã nói ở trước. Lại nữa như hướng về sự sâu thắm kia mà quán sát sự xả bỏ tử thi, chỉ có xương cốt tan hoại khắp nơi, mà xương đầu, xương chân, xương lưng, xương vai, xương tay ... thân ta và thân này lại cũng như vậy. Ngoài ra, như đã nói ở trước.

Lại nữa Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu Bát Nhã Ba La Mật Đa hướng về sự sâu thắm kia, nên quán sát như sự xả bỏ tử thi, duy chỉ còn xương sót lại, gió thổi mưa bay, làm trắng xóa xương cốt. Thân ta và thân này lại cũng như thế. Ngoài ra, như nói ở trên. Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ Tát khi tu Bát Nhã Ba La Mật Đa hướng về sự thâm thắm này nên quán sát chỗ xả bỏ tử thi, duy chỉ còn xương cốt lại. Trải qua nhiều năm biến thành màu xanh như bùn trong đất, rồi lại thành bột, thân ta và thân này lại cũng như vậy. Đối với thân này, pháp lại cũng thế. Bốn tánh như vậy, pháp tánh như vậy chưa từng giải thoát”.

Luận rằng:

Dùng quán bất tịnh để đối trị tâm tham trước, tu từ bị quán đối trị tâm sân nhuế. Pháp này bình đẳng. Nếu chẳng quán sát chúng sanh, hoặc do ăn uống, mà sanh ái lạc. Đối với họ muốn tán thán niềm vui và tìm cầu việc ăn mặc, chẳng phải chẳng ái lạc. Lấy lòng từ độ tâm tham dục là nhân duyên chẳng nhiễm trước về ái, nghĩa này có ba loại. Kinh Vô Tận Ý chép rằng: “Bồ Tát sơ phát tâm tu chúng sanh duyên từ, Bồ Tát tập hạnh tu pháp duyên từ, còn Bồ Tát vô sanh Pháp Nhân tu vô duyên từ”.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ 14

---o0o---

Quyển Thứ Mười Lăm

Thứ tự Kinh văn số 1636

Bắt đầu dịch từ ngày 01 tháng 12 năm 2004
nhân kỳ nhập thất lần thứ hai
Trị Tâm

Phẩm Thứ Mười Hai - Phần Thứ Hai

(Lại cũng có tên là Phẩm Thiên Định Ba La Mật)

Lại nữa, duyên vào Phật, duyên vào Bồ Tát, duyên vào Thanh Văn, Độc Giác, duyên vào chúng sanh ... Những chúng sanh kia duyên vào, nghĩa là trước vui và lợi ích an lạc. Do ý nương nơi Thiên Định và từ bi nương nơi tâm vậy. Như có khách trí thức đến ở gần tụ lạc của mình giống như tụ lạc của họ. Đối với nơi đây là một phương giải thoát. Như thế người nên duyên mười phương Phật, chẳng giải đãi yếm thế.

Như Kinh Kim Cang Đồng Hội Hương (Vajradhvaja Parinamana) chép rằng: “Đầy đủ tu tập hạnh Bồ tát là chỗ thấy sắc đối trị với ái, như thế cho đến thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng đối trị với ái, tức không có tội lỗi. Sự thanh tịnh là thiện, là tối thượng sáng sủa sạch sẽ vượt khỏi các diệu lạc. Ý sanh hoan hỷ khởi lên niềm vui thanh tịnh, phát sanh mạnh mẽ an trụ nơi thật an lạc. Đối với tâm phân biệt, chẳng sanh thối tâm phiền não. Tâm ý điều nhu, các căn mạnh khoẻ, thường thọ niềm vui diệu lạc, như thế hồi hướng đến chư Phật, chuyên tiếp hồi hướng đến Phật trí tuệ, được đầy đủ bất khả tư nghì Phật diệu lạc hạnh. Tuy nhiên chưa giống Phật được khéo nhiếp thọ vui Tam Ma Địa (Thiên Định). Do lực này, có thể lần lượt được Phật vô lượng diệu lạc, đầy đủ vô lượng niềm vui Phật giải thoát, nhiếp thọ vô lượng niềm vui Phật thân thông, được khéo nhiếp thọ vô số chư Phật làm những việc vui không đếm trước, được vui nơi Phật tự tại như Ngu Vương đã đến gần khỏi tật bệnh, cứu cánh được niềm vui, rộng được vô lượng Phật lực, hiểu rõ tất cả vắng lặng vô sanh vô diệt. Hạnh vô trước thường dẫn đạo được niềm vui diệu lạc của các đức Như Lai, chẳng có hay tập hạnh và không sân hận. Đây là Bồ Tát thường hành như thế, dùng thiện căn hồi hướng đến Như Lai. Việc Bồ Tát hồi hướng là nơi ý được vui chưa viên mãn; nên hồi hướng viên mãn đến nhưt thiết trí. Kẻ chưa thanh tịnh, tâm nhiễm sẽ được thanh tịnh, được tất cả Ba La Mật Đa. Kẻ chưa thành tựu biện tài, được thành tựu, phát tâm Bồ Đề, như Kim Cang làm cho trí tuệ

vững chắc, chẳng thối lui và chẳng bị khuấy phục. Người có nhưt thiết trí trở nên vững chải, đối với Bồ Đề diệu lạc thường được nhẹ nhàng, an trú nơi con đường lành, không bị thối lui, bình đẳng an trú trong mọi thế giới, đầy đủ tất cả hạnh nguyện của Bồ Tát, rõ biết lợi căn của Bồ Tát, đầy đủ thần thông, chứng nhưt thiết trí. Đây là nghĩa của các căn lành vậy.

Hồi hướng Bồ Tát, lại như người học Phật, tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật, đối với thiện căn như thế đều hồi hướng. Như có chúng sanh nào trong khoảng khắc như khảy móng tay nghe được Phật Pháp, và tôn trọng chúng Thánh Hiền như thế, căn lành được hồi hướng đến A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, cho nên hồi hướng niệm Phật viên mãn, hồi hướng niệm Pháp phương tiện, hồi hướng tôn trọng Thánh chúng, hồi hướng chẳng rời thấy Phật, hồi hướng tâm thanh tịnh, hồi hướng thông đạt Phật Pháp, hồi hướng chỗ tu vô lượng công đức, hồi hướng thanh tịnh tất cả thần thông, hồi hướng đoạn các pháp nghi. Như vậy, Thanh Văn, Bích Chi Phật là chỗ hồi hướng của những người học Phật.

Lại nữa Bồ Tát hồi hướng thiện căn đến tất cả chúng sanh, cho nên xa lìa con đường đưa đến địa ngục, đoạn trừ con đường đưa đến súc sanh, con đường đưa đến các cõi A Tu La, đoạn trừ sự đoạ lạc ác thú, làm cho chúng sanh tăng trưởng niềm vui, hồi hướng vô thượng Bồ Đề. Vì làm cho thâm tâm được nhưt thiết trí, tâm hồi hướng, chẳng hủy báng Phật Pháp, cứu cánh thành tựu tất cả trí địa, hồi hướng đến cứu cánh thanh tịnh chúng sanh. Đối với vô thượng trí, hồi hướng đến tất cả chúng sanh. Cho đến đồ uống ăn y phục, chỗ nằm bệnh duyên, y dược. Đối với thân những việc, đến, đi, đứng, ngồi, đều trụ trong luật nghi, không sanh tâm sân hận, thân, khẩu, ý nghiệp tu tạo việc lành, nghiêm mật các căn, hoặc tự thân biến mất. Đối với hơi thở, mùi vị của thức ăn, nước uống, nếu khai, nếu tổng hợp, hoặc quán, hoặc chẳng quán, hoặc ngủ hoặc thức, tự thân đều rõ biết. Đối với nhưt thiết trí, Bồ Tát duyên vào sự ứng hợp bình đẳng, chẳng có gì mà chẳng hồi hướng. Đối với nhưt thiết trí, tâm vui lợi lạc đối với tất cả chúng sanh. Cho đến ý thường hay cứu khổ thế gian, phát khởi thiện căn, xa lìa kiêu mạn.

Điều quan trọng là làm cho phiền não chẳng hiện khởi. Vì đối với việc thủ hộ, chư Bồ Tát quyết định khuyến tấn tất cả con đường trí. Vui vẻ thân cận những thiện hữu tri thức. Cho đến tu tập tất cả thiện căn sớm được viên mãn liên tục các hạnh. Nói chung, đối với súc sanh, hoặc thiếu việc ăn uống nên có thể thí cho, làm cho tất cả được sanh vào cõi lành. Như thế là lợi ích giải thoát hồi hướng. Súc sanh nơi biển khổ chấp vào sự khổ, tạo thành khổ nên gọi là Khổ Thọ. Khổ nhóm lại, lưu chuyển, khổ không có ngăn mé. Đây là

căn bản khổ, đây là nương vào chỗ khổ. Đối với chúng sanh, chẳng lui hồi hướng.

Lại nữa, tất cả chúng sanh duyên vào hồi hướng, nghĩa là chúng sanh phải để niệm trước mắt về việc lành đã làm trước đây, phát tâm hồi hướng đến nhưt thiết trí, nên chẳng đọa vào luân hồi, lia con đường hiểm, được Phật gia bị, hiện tiền vô ngại ra khỏi biển luân hồi, vĩnh viễn đoạn trừ và được ánh sáng Phật Pháp chiếu soi mà khởi tâm đại bi”.

Như Kinh Tối Thắng Kim Quang Minh (Suvarnap-hanottama Maitrikarunagarpha Gatha) Từ Bi Tạng nói kệ:

“Đây Kim Quang Minh

Cao nhất là vàng

Từ đó tiếng hay

Biển ba ngàn cõi

Đến tận địa ngục

Nơi A Tu La

Cho đến loài người

Bần cùng khổ sở

Lại khua trống đồng

Diệt trừ thế gian

Tất cả chướng não

Lại nguyện chúng sanh

Được trừ sợ hãi

Như đức Mâu Ni

Tịch tịnh chẳng sợ
Như các Thánh Nhân
Nơi biên sanh tử
Tu nhưt thiết trí
Như kia đã được
Thắng huệ giữ gìn
Và Bồ Đề phần
Công đức rộng thay
Lại tiếng trống này
Nguyện cho chúng sanh
Nghe tiếng Phạm Âm
Như Phật chứng rồi
Thắng diệu Bồ Đề
Chuyển xe Diệu Pháp
Ở vô số kiếp
Thuyết Pháp lợi sanh
Diệt tham, sân, si
Phiền não các khổ
Nếu có chúng sanh
Ở nơi đường ác

Vì lửa đốt cháy

Thân thường nóng bỏng

Nghe tiếng trống vang

Như vậy hồi cải

Nên quy y Phật

Làm cho chúng sanh

Được ở yên ổn

Nơi trăm ngàn ức

Kiếp số sanh vào

Nhớ đức Mâu Ni

Nghe dạy sâu xa

Lại tiếng trống này

Thường được gần Phật

Tịch tu việc lành

Xa lìa tội ác.

Lại nữa kệ rằng:

Cùng các quốc độ

Tất cả chúng sanh

Thế gian dứt trừ

Cho đến các khổ

Nếu có chúng sanh
Thân phận hạ liệt
Căn khuyết giảm sút
Đều được các căn
Tất đều đầy đủ
Nếu kẻ tật bệnh
Thân hình yếu đuối
Tùy theo nơi chốn
Chẳng chỗ nương tựa
Giải thoát các bệnh
Được mau lành khỏi
Căn lực khoẻ mạnh
Lại nếu chúng sanh
Phép Vua gia hình
Sanh nhiều lo ngại
Cùng nhiều ưu não
Các chúng sanh kia
Khổ nạn nếu đến
Việc ác hung hiểm
Trăm loại sợ hãi

Tất khiến được giải
Hoặc bị đánh đập
Trói buộc kiềm tỏa
Nhiều loại cực khổ
Bức bách nơi thân
Nhiều vô số lượng
Trăm ngàn chủng loại
Ưu bi sâu thán
Làm khổ tâm này
Ngục tối đóng cửa
Hoặc bỏ thuốc độc
Tất cả giải thoát
Bị lâm hình sự
Lụy đến tánh mạng
Việc khổ đã đến
Được mất lo toan
Lại nếu chúng sanh
Đói khát bức nảo
Cho được mùi ngon
Ăn uống no đủ

Kẻ mù thấy rõ

Được tướng tốt đẹp

Kẻ điếc được nghe

Đầy đủ âm thanh

Kẻ thiếu đồ mặc

Được áo mặc vào

Bản khổ chúng sanh

Được các cửa quý

Kho đụn tràn đầy

Nhiều loại nghiêm sức

Tất cả chúng sanh

Rộng được niềm vui

Chẳng một chúng sanh

Thọ các khổ báo

Các tướng đoan nghiêm

Người thấy vui đẹp

Uống ăn no đủ

Phước đức tràn đầy

Thường được thọ dụng

Vô lượng niềm vui

Ca khúc khái hoàn
Nghe âm thanh hay
Tùy tâm niệm kia
Đúng lúc hiện tiền
Nhớ nước liền hiện
Trong sạch ao hồ
Hoa sen màu vàng
Và Ưu Bát La
Khắp đầy trong ấy
Tùy nhớ nghĩ kia
Liền được hiện tiền.

Lại có kệ rằng:

Hoa thơm cài tóc
Hòa hợp mùi hương
Mỗi ngày ba lần
Từ cây mưa đến
Chúng sanh lấy rồi
Liền sanh hoan hỷ
Cúng dường mười phương
Bất khả tư nghì

Tất cả Như Lai

Bồ Đề Diệu Pháp

Chư Đại Bồ Tát

Lìa trần lia cấu

Và các Thanh Văn

Được lia tất cả

Những chủng tộc thấp

Lìa nơi bát nạn

Thường chẳng gặp nạn

Vua là tối thượng

Thường được gần gũi

Chư Phật Như Lai

Lại có kệ rằng:

Nguyện các người nữ

Được thân nam tử

Sức lực mạnh khỏe

Trí tuệ thông minh

Mà thường tu hành

Con đường Bồ tát

Sáu Ba La Mật

Thấy mười phương Phật

Dưới gốc cây quý

Nơi toà lưu ly

An ổn khoái lạc

Vây quanh cung kính

Nghe nói Diệu Pháp.

Luận rằng:

Ở đây lược nói về lòng từ để đối trị với tâm sân; dùng quán duyên sanh đối trị tâm si. Bây giờ nói về ý nghĩa của duyên sanh. Kinh Đạo Cang (Salistamba Sutra) chép: “Thế nào là nội duyên sanh? Nguyên nhân của Pháp trói buộc vào? Nghĩa là do vô minh duyên hành cho đến sanh duyên nơi lão, tử, khổ. Do không có vô minh, không có hành, cho đến không có sanh, không có lão tử. Lại nữa, vô minh diệt tức hành diệt, như thế cho đến sanh diệt tức lão tử diệt. Lại nữa vô minh chẳng nhớ từ hành khởi; hành lại chẳng nhớ từ vô minh khởi, như thế cho đến sanh lại chẳng nhớ từ lão tử khởi. Lão tử cũng chẳng nhớ từ sanh mà khởi. Nếu vô minh khởi tức hành khởi chẳng thể được. Như thế cho đến sanh khởi tức lão tử khởi, lại cũng chẳng thể được, cho nên biết rằng: Vì nội duyên sanh nên nguyên nhân của Pháp ràng buộc lệ thuộc; Nhưng tại sao nội duyên sanh là duyên để ràng buộc các Pháp? Vì đất, nước, gió, lửa, không, thức và giới hòa hợp bên trong, duyên vào để hệ thuộc. Thế nào gọi là địa giới? Nghĩa là thân này nhóm tập rồi thay đổi, lấy sự cứng làm tánh; gọi là địa giới. Lại làm cho thân nhiếp trì tạo tác, gọi là thủy giới. Lại làm cho thân có tánh ẩm, hiện hữu thành thực và sự ăn uống gọi là hỏa giới. Làm cho thân tạo hơi thở ra vào gọi là phong giới. Làm cho thân ở nơi rỗng rang gọi là không giới. Nghĩa là tên gọi sắc tướng, giống như giao hưởng làm cho năm thức, thân tướng lệ thuộc vào nhau. Ý thức hữu lậu là thức giới, nếu chẳng được duyên vào tức thân chẳng thay đổi. Nếu bên trong chẳng liên quan với địa giới như thế thủy, hỏa, phong, không, thức giới, lại cũng chẳng có sự suy hao. Những sự hòa hợp ấy, do nơi thân cố định chuyển biến vậy, mà địa giới này, chẳng

nhớ đến ngã, có thể làm cho thân kiên cố nhóm họp. thủy giới chẳng nhớ nghĩ đến ngã, có thể làm cho thân nhiếp trì tạo tác. Hỏa giới chẳng thể nhớ nghĩ đến ngã, có thể làm cho thân nóng ấm và thành thực sự ăn uống. Phong giới chẳng thể nhớ nghĩ ngã, có thể làm cho thân này là chỗ vào ra của hơi thở. Không giới chẳng nhớ nghĩ ngã có thể làm cho thân này là chỗ rỗng không. Thức giới chẳng thể nhớ nghĩ đến ngã làm cho duyên sanh; do duyên sanh mà thân quyết định được thay đổi. Lại nữa địa giới vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh; vô thọ giả, không sợ sanh; chẳng phải đồng tử, chẳng phải nam; chẳng phải nữ; chẳng phải phi nam; chẳng phải phi nữ; chẳng phải tự tại; chẳng phải chủ tể; chẳng phải đây; chẳng phải kia; chẳng phải sở hữu.

Lại nữa vô minh là gì? Là đối với sáu giới khởi một tưởng hợp với một tướng kiên cố về thường, lạc, ngã, tịnh, chúng sanh thọ giả; Ý sanh tư tưởng nhu đồng, tư tưởng tự tại chủ tể v.v...như thế đủ loại vô trí, nói là vô minh. Do vô minh thật có nên tham, sân, si khởi lên. Cảnh của tham, sân, si gọi là hành. Khi việc ấy biểu thị rõ ràng gọi là thức. Thức đầy đủ khi sanh, chấp vào nắm giữ nơi bốn uẩn kia, nói là danh sắc. Lại nữa danh sắc nương vào nơi căn nói là lục xứ, ba pháp hòa hợp đây nói là xúc. Do xúc lãnh nạp đây gọi là thọ. Thọ đắm trước nên đây gọi là ái. Ái nhiễm rộng nên gọi là thủ. Thủ hay sanh Hữu, Hữu là nhân của sanh. Do uẩn này khởi gọi là sanh. Uẩn chín muối gọi là Lão. Uẩn mất đi gọi là Tử. Suy sân nhiễm trước, sợ chết gọi là Ưu. Lo lắng thương nhớ gọi là Bi. Ngũ thức cùng nhau chẳng thường lãnh nạp gọi là Khổ. Tác ý hòa hợp thật khổ gọi là não. Như thế vẫn sanh tùy theo phiền não v.v...cho đến nói rộng ra nhiều nữa”.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ 15

---o0o---

Quyển Thứ Mười Sáu

Thứ tự Kinh văn số 1636

- Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Quyển thứ 32 thuộc Luận Tập Bộ Toàn từ trang 75 đến 144.
- Ngài Pháp Xứng (Santideva Tịch Thiên) Bồ Tát tạo Luận.

- Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng Ngân Thanh Quang Lục Đại Phu, Thích Hồng Lô Thiếu Khanh Phổ Minh Từ Giác Tuyên Phạm Đại Sư Sắc Tử Sa Môn Thần Nhựt Xứng cùng với những người khác phụng chiếu dịch.

- Sa Môn Thích Như Điền, Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi, cùng với sự phụ dịch của Tỳ Kheo Thích Đồng Văn, bắt đầu dịch từ ngày 01 tháng 12 năm 2004 nhân kỳ nhập thất lần thứ hai.

---o0o---

Trị Tâm

Phẩm Thứ Mười Hai - Phần Thứ Ba

Lại nữa đây nói về chân thật hạnh và tà vọng hạnh nghĩa là vô trí vô minh. Do vô minh này khởi ra ba loại hạnh, nghĩa là Phước, Phi Phước, Bất Động Hạnh. Đây nói là vô minh duyên hành. Lại nữa đây là phước hạnh, phi phước hạnh, bất động hạnh. Tùy theo chỗ được thức mà chiêu tập, đây nói là hành duyên thức, như thế danh sắc và gọi là sắc tăng trưởng ở nơi lục xứ môn; tạo tác chỗ sanh khởi. Đây nói là danh sắc duyên lục xứ. Lại nữa lục xứ này với lục xúc nơi thân, đắp đổi. Đây nói là lục xứ duyên xúc. Nếu xúc sanh thời làm cho thọ khởi. Đây nói là xúc duyên thọ. Nếu thọ mùi ngon, đắm trước vào chỗ hỷ lạc. Đây nói là thọ duyên ái. Vui đắm mùi vị rồi ở chỗ vui về sắc. Rồi sắc lìa tan, mỗi mỗi truy cầu mà chẳng lìa bỏ. Đây gọi là ái duyên thủ. Như thế truy cầu làm cho sau đó khởi lên nơi thân, ngữ, ý nghiệp. Đây nói là thủ duyên hữu. Nếu nghiệp biến đổi làm cho uẩn sanh khởi. Đây nói là hữu duyên sanh. Lại nữa, nếu sanh rồi biến thể làm cho thành thực và cho đến hoại diệt. Đây nói là sanh duyên Lão Tử. Cho đến trong đây do Thức tự thể làm chủng tử. Nghiệp tự thể làm ruộng tốt. Vô minh, ái tự thể làm phiền não. Do nghiệp, phiền não làm thức sanh ra, nghĩa là nghiệp vì Thức làm ruộng chủng tử. Ái vì thức mà thấm qua. Vô minh vì Thức mà phát khởi chủng tử. Rồi nghiệp chẳng nhớ về ngã làm thức là chỗ ruộng của chủng tử. Ái lại chẳng nhớ ngã, vì Thức nhuần thấm qua chủng tử. Vô minh chẳng nhớ Ngã, vì Thức chủng tử khai phát; mà Thức chủng tử lại chẳng thể nhớ nghĩ Ngã làm cho duyên sanh ra. Tuy nhiên, Thức chủng tử nơi đất Nghiệp ; mà Ái nhuần thấm với Vô Minh trưởng dưỡng sanh ra gọi là mầm mống của sắc. Đây là mầm mống của sắc chẳng tự tạo, chẳng phải kẻ khác tạo, chẳng phải cả hai cùng tạo. Chẳng phải Tự Tại thiên hóa ra, chẳng do thời gian biến đổi, chẳng phải một nhơn mà sanh, chẳng phải

không nhờn mà sanh, chẳng phải chẳng ràng buộc nơi cha mẹ làm nhân duyên hòa hợp đằm nhiễm tương tục sanh.

Đây là hạt giống của thức trong bụng mẹ sanh ra mầm của sắc. Rồi Pháp này chẳng có chủ tể. Vô ngã, không giữ như hư không; Thể tướng huyền hóa nhân duyên chẳng liên hệ. Do năm loại duyên mà phát sanh nhãn thức.

Thế nào là năm?

Nghĩa là khi nhãn thức sanh, căn gốc của nhãn và màu sắc không duyên vào chỗ sáng rồi sanh ra chỗ tác ý. Đây là nhãn thức. Vì nhãn có chỗ y cứ nơi sắc làm chỗ duyên vào. Ánh sáng chiếu rõ; không làm chỗ vô ngại. Đồng thời tác ý là bị cảnh phát ra sự liên hệ; do duyên đây mà nhãn thức chẳng sanh. Nghĩa là nếu chẳng liên hệ với nhãn căn bên trong; như thế chẳng liên hệ với sắc và chỗ không tác ý duyên vào vậy. Tất cả sự hòa hợp như thế có thể sanh nhãn thức, mà nhãn chẳng nhớ nghĩ ngã cùng nhãn sắc làm chỗ tác ý nương vào. Sắc lại chẳng nhớ ngã, nhãn thức vì làm chỗ duyên vào. Không lại chẳng nhớ ngã, nhãn thức vì làm chỗ vô ngại. Ánh sáng lại chẳng nhớ ngã và nhãn thức vì làm chỗ chiếu soi. Tác ý chẳng nhớ ngã và nhãn thức mà làm chỗ cảnh giác phát ra. Như thế nhãn thức chẳng nhớ ngã tùy duyên mà sanh. Khi nhãn thức sanh, thật căn gốc của các loại duyên vào sự hòa hợp để sanh. Như lần lượt các căn sanh thức tùy theo đó mà nói. Tuy nhiên chẳng có pháp từ đời này đến đời kia chỉ vì do nghiệp quả nhân duyên không thiếu mà kiến lập nên. Ví như không có rơm, lửa chẳng có thể sanh. Đây nghiệp phiền não là chỗ sanh ra những loại thức lại cũng như vậy. Sự sanh kia tương tục hòa hợp sanh ra có tên gọi là mầm mống của sắc. Như thế pháp ấy chẳng có chủ tể. Vô ngã, vô chấp như hư không vậy. Thể tướng huyền hóa nhân duyên chẳng thiếu. Nên biết nội duyên sanh pháp hữu có năm loại.

Thế nào là năm?

Đó là bất thường, bất đoạn, vô sở cho đến nhân ít quả nhiều, tương tự tương tục.

Thế nào là bất thường? Nghĩa là nếu ở bên uẩn này chết, bên uẩn kia sanh chẳng phải uẩn bên này chết rồi sanh sang bên kia cho nên nói là bất thường. Lại nữa bất diệt, uẩn bên này chết mà khởi lên uẩn bên kia. Lại nữa chẳng phải bất diệt vì uẩn này chết; mà uẩn kia sanh. Giống như, quyền thuật đây gọi là bất đoạn. Lại nữa nơi những chúng sanh khác thân xứ chẳng phải

giống với phần sanh uẩn khởi. Đây gọi là vô sở chí hướng. Lại làm cho thiếu tác dụng thiện, ác nghiệp nhân. Ở đời vị lai được nhiều quả báo. Đây gọi là nhân ít quả nhiều. Lại nữa, nếu sự sanh này tạo nghiệp tức là thọ báo trong đời vị lai. Đây gọi là tương tợ tương tục.

Phật bảo Xá Lợi Phất:

“Đây là duyên sanh, nên như thật chánh huệ, thường tu vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả. Như chẳng điên đảo tức chẳng sanh chẳng diệt. Không tạo tác, không thực hành, không đối tượng, không trở ngại, không sợ hãi, không đoạt lấy, không siêng năng, không giải đãi. Quán nơi tự tánh kia chẳng có chắc thật. Như bệnh, như hủi, như đau, như hại. Đây là tánh khổ, không, vô thường, vô ngã. Ấy lại tùy thuận nơi quán sát trước mà chẳng lưu chuyển. Nghĩa là trong quá khứ ngã chưa có sao? Ai là ta mà chưa từng có mặt trong thời quá khứ? Ở đời quá khứ ta chưa có sao? Trong thời quá khứ ai là ta, mà sao chẳng có?

Lại nữa ở đời sau chẳng lưu chuyển. Trong đời vị lai ta có không? Ai là ta, mà gọi là có mặt trong đời vị lai? Trong đời vị lai ta chẳng có gì sao? Trong đời vị lai ai là ta mà sao chẳng có? Lại nữa trong hiện tại chẳng lưu chuyển ta có mặt trong hiện tại chẳng? Ai là ta trong hiện tại này? Thế nào là ta có mặt trong thời hiện tại? Lại nữa trong Kinh Thập Địa nói: “Nơi vô minh, chấp ái chính đây là phiền não lưu chuyển chẳng dứt, hành động đó. Đây là nghiệp lưu chuyển chẳng dứt. Phiền não thác loạn. Đây là khổ, lưu chuyển chẳng dứt. Lại nói vô minh duyên hành, đây là đời trước. Quán sát chờ đợi thức và thọ v.v... Đây là quán sát chờ đợi ái và hữu v.v... Đây gọi là đời sau quán sát chờ đợi. Điều này trên đây đã nói tất cả gọi tên là lưu chuyển cho đến như thế. Do sự hệ thuộc tức bị lưu chuyển. Nếu lia sự hệ thuộc tức chẳng lưu chuyển. Do sự hòa hợp, tức là lưu chuyển vậy. Nếu lia hòa hợp tức chẳng lưu chuyển. Do đây mà biết rõ các pháp hữu vi có nhiều loại mất mát tổn thất. Cho nên ta sẽ đoạn trừ sự trói buộc và sự nhóm hợp kia rồi mới hóa độ chúng sanh, rốt ráo chẳng đoạn các việc làm hữu vi”.

---o0o---

Niệm Xứ

(Smrtyupasthana

Paricchedah Trayodasah)

Phẩm Thứ Mười Ba - Phần Thứ Nhất

Luận rằng:

Nghiệp trị tâm giản lược nói về duyên sanh đời trị là do si mê. Thứ nữa, về sự hiểu biết bất tịnh của thân, bây giờ sẽ nói về niệm xứ.

Như Kinh Pháp Tập chép: “Lại nữa Thiện nam tử ! Bồ Tát trụ ở thân niệm xứ. Nghĩa là chấp ngã có mặt trong thân này từ chân đến móng chân, da thịt, xương, dạ dày, ngực, hông, tay, móng tay, vai, đầu, và các xương khác v.v... phân tích chúng hợp. Đây là nghiệp hữu. Do sự tạo tác những loại phiền não và tùy phiền não trong trăm ngàn loại tà chánh phân biệt. Thân tuy có tóc lông, móng tay, răng, máu, thịt, da, xương, đốt, tim, phế, mật, ruột non, ruột già, não, màng óc, nước đờm, nước dãi, nước mắt, thật là bất tịnh nhiều vật tích tụ. Cái gì là thân? Do đó quán sát thân như hư không, tức thấy tất cả pháp đều không, là không niệm xứ. Rõ biết thân này là do hai loại niệm: lưu tán và chẳng lưu tán. Đây là thân đến chẳng từ kiếp trước, đi chẳng đến vị lai, chẳng ở giữa hai khoảng thời gian đó. Duy từ sự khuynh đảo hòa hợp tạo thành, do đây mà lãnh thọ thân. Đây là nơi nhân làm căn bản mà thật chẳng có chủ thể, lại cũng chẳng có sự nhiếp phục lệ thuộc. Chỉ đến như là khách trần trước tiên làm chỗ tác hợp nên thân thể hình hài, thọ dụng nương tựa làm chỗ giữ gìn, mà thân này tuy có cha mẹ, tinh cha, huyết mẹ hòa hợp bất tịnh xứ uế mà tạo nên tự thể. Tam độc ưu não thường vì đó mà tác hại. Theo pháp tan hoại trong ngàn loại bệnh não, thân là nơi chứa chấp”.

Như Kinh Bảo Kế (Ratnacuva) chép rằng: “Thân này là vô thường, chẳng ở lâu sẽ chết về sau. Rõ biết điều này rồi chẳng nên chấp thân, mà sanh tà mệnh. Nên nơi thân tu ba nghiệp thí thanh tịnh. thế nào là ba? Nghĩa là thân tịnh thí, thọ mệnh tịnh thí và thọ dụng tịnh thí. Đây thân vô thường nên thường trụ nơi tất cả chúng sanh gần gũi phụng sự, muốn làm việc gì hoặc như kẻ hầu hoặc như đệ tử. Lìa bỏ các sự đua nịnh cuồng vọng của thân sai trái. Là thân vô thường tuy hơi thở vào ra làm nhân của thọ mạng, chớ có tạo tội ác. Là thân vô thường nên nơi ái lạc thọ dụng chẳng sanh đắm trước, tất cả nên xả. Lại nữa Thiện nam tử! Bồ Tát nơi thân quán thân niệm xứ nên quán tự thân cùng tất cả thân chúng sanh đều giống như thân Phật. Nhờ oai thần gia trì được lìa khỏi sự ràng buộc. Quán tự thân cùng tất cả thân chúng sanh và thân Như Lai thể pháp tánh không có khác nhau, nên biết như thế”.

Lại nữa Kinh Vô Úy Thọ Sở Vấn chép:”Thân này của ta chẳng phải chỗ trước tập hợp, chẳng phải rồi dần dần tan hoại, giống như vi trần, chín lỗ

chảy xiết như cửa ra vào. Lại nữa các lỗ chân lông có nhiều vi trùng , giống như rắn độc nương chỗ ở. Thân này như chỗ tập hợp nước mà thể tánh yếu mềm, như nước ở trên cây liền tan, như ánh sáng mặt trời chẳng có hữu thể. Thân như trái chín rồi chẳng có thật. Thân như việc huyễn chẳng vì chủ mà ra lệnh. Thân như bạn ác có nhiều sự tranh chấp. Thân như tánh khí thay đổi liên liền. Thân lại chẳng thường, mà tuổi thọ còn ngắn ngủi. Thân như kẻ trộm, xảo quyệt tham lam. Thân như người tù thường bị trói cột. Thân như kẻ oán chẳng được yên vui, lại như dao đâm có thể cắt đứt mạng sống này. Lại nữa thân này như làng ấp và không có ngã. Như bánh xe bằng sành chẳng bao giờ dừng nghỉ. Như đồ dơ ứ bất tịnh, thân hôi thối chỉ toàn bệnh tật. Thân như gỗ làm nhà, chẳng giữ lâu bền được. Thân như chiếc thuyền thủng không thể qua bên kia bờ. Thân như đồ chứa đựng dần dà sẽ hoại đi. Lại nữa thân như cây bên bờ sông, tất bị dòng nước xói mòn. Thân như khách lữ hành ở qua đêm có nhiều nạn khổ. Thân như vọng chấp chủ thể. Thân như kẻ trộm cướp thường sanh bạo ác. Cho đến thân như bé thơ si dại thường cần sự bảo hộ. Kinh lại cũng nói như thế nhiều loại bất tịnh nơi thân. Do ngã mạn, ngu si, vọng tưởng làm mờ ánh sáng thanh khiết. Kẻ trí quán sát nơi thân giống như đồ ô ứ: mắt, mũi, miệng, v.v... đầy nước dãi ra vào. Làm sao có thể sanh lòng tham mạng sống đây được? ”.

Lại nữa, có kệ rằng:

Như đồng tử ngu si

Muốn rửa than cho trắng

Giả sử than sạch rồi

Màu trắng chẳng thể có

Lại như kẻ vô trí

Rửa thân muốn sạch sẽ

Càng dùng nước nhiều hơn

Đến chết chẳng thể sạch

Bồ Tát quán thân này

Chín lỗ chỗ ra vào

Tám mươi ngàn vi trùng

Nương ở trong thân ấy

Bồ Tát quán thân này

Như chặt cây làm tượng

Xương cốt giả liền nhau

Nên biết chẳng chủ tể

Bồ Tát quán như vậy

Hoặc thọ đồ ăn uống

Nên biết giống chó chồn

Ăn thịt thân nuôi sống

Luận rằng:

Do sự ăn uống nuôi dưỡng làm cho thân lớn ra. Như thế nơi nơi có thể hiểu rõ. Thọ niệm xứ.

Như Kinh Bảo Kế chép: “Này Thiện nam tử! Bồ Tát đối với thọ, quán thọ niệm xứ rõ biết chúng sanh nương vào đại bi được vui như thế. Nếu tất cả chúng sanh chẳng có giải thoát, nên tu tập quán sát về thọ và thọ niệm xứ. Ta sẽ được lòng từ bi nhiếp thọ điều phục tất cả chúng sanh, tất được niềm vui diệt trừ khổ não. Lòng đại bi của ta khiến mọi việc làm từ tâm tham lam của chúng sanh xa lìa các tham nhiễm, rõ biết thọ lạc. Lòng đại bi nơi ta khiến cho tâm sân của chúng sanh xa lìa các điều sai trái, rõ biết sự khổ thọ. Lòng đại bi nơi ta khiến tâm si mê của chúng sanh xa lìa tất cả những gì sanh ra si mê, rõ biết được điều chẳng khổ chẳng lạc thọ. Lại vì lạc thọ chẳng làm tan khổ thọ; chẳng giảm, chẳng khổ, chẳng lạc thọ, lìa nơi đối trị, tức là vô minh. Nếu không vô minh, điều ấy gọi là thọ. Làm sao biết được tất cả là vô thường vô ngã mà lạc thọ này tức là tánh vô thường, khổ thọ này

là tánh bức bách, bất khổ bất lạc thọ này là tánh tịch tịnh. Do đây mà rõ biết hoặc lạc hoặc khổ vô thường vô ngã v.v...

Lại nữa Kinh Vô Tận Ý nói rằng: “Nếu khi thọ khổ, nên nhớ nghĩ tất cả con đường ác của chúng sanh mà khởi tâm đại bi. Dứt trừ tất cả sân, lìa những điên đảo phân biệt về thọ.”

Lại nữa Kinh Pháp Tập có kệ rằng:

Nói thọ là lãnh nạp

Lãnh nạp lại là ai

Thọ là lìa nơi thọ

Sai biệt chẳng thể được

Kẻ trí quán nơi thọ

Ở niệm xứ như thế

Tướng kia như Bồ Đề

Quang minh biến tịch tịnh.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ 16

---o0o---

Quyển Thứ Mười Bảy

Thứ tự Kinh văn số 1636

Bắt đầu dịch từ ngày 01 tháng 12 năm 2004

Nhân kỳ nhập thất lần thứ hai

Niệm Xứ

Phẩm Thứ Mười Ba - Phần Thứ Hai

Luận rằng:

Ở đây lược nói về thọ niệm xứ. Thứ đến làm rõ tâm niệm xứ. Như Kinh Bảo Tích nói rằng: “Phật bảo: Nay Ca Diếp đối với tâm này, hoặc sanh ái lạc, hoặc khởi ghê chán; hoặc nhiều nhiễm trước. Ở nơi ba loại kia, làm sao biết hết được. Nếu quá khứ đã diệt rồi, hiện tại chưa dừng, và vị lai chưa đến. Không trong, không ngoài, chẳng có khoảng giữa. Tất cả chẳng thể được. Lại nữa tâm chẳng thể thấy bằng màu sắc, chẳng thể khoa trương, chẳng thể đối trị, chẳng quán, chẳng chiếu, vô trụ, vô trước, mà tâm là tất cả. Như Lai thường không có chỗ thấy, trừ việc có thể quán sát. Không riêng cảnh giới, chỉ có pháp tướng còn đối đãi. Nay Ca Diếp! Tâm như huyễn, thay đổi chẳng thật. Do chỗ chấp thủ mà nhiều loại được sanh. Tâm như hư không vì các phiền não và tùy phiền não khách trần tự hội. Tâm như dòng sông, chảy xiết sanh diệt chẳng ở yên; Tâm như đèn sáng là nhân duyên sanh khởi; Tâm như điện chớp tích tắc trong khoảng sát na; Tâm như bùa ác có thể tạo các khổ; Tâm như người đi câu cá, khổ vui đều tương đến; Tâm như ủy mị làm chỗ não hại não phiền; Tâm này như dạ xoa bòn rút các tinh khí; Tâm như cuồng tặc, cướp đi các thiện căn; Tâm như ánh đèn thường tỏa ra màu sắc; Tâm như tiếng trống trận khi nghe phải chiến đấu; Tâm như nô tỳ tham lam nơi mùi vị; Tâm như rùa biển gặp được chỗ nướng tựa; Tâm như heo con, sống giữa đồ bất tịnh mà tưởng như hương thơm.

Phật bảo : Nay Ca Diếp! Kẻ cầu Tâm rõ chẳng thể được. Do chẳng thể được nên chẳng có thể được. Ở trong các thời quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả chẳng thể được, tất có thể ra khỏi ba cõi; có và không”.

Lại nữa Kinh Bảo Kế chép rằng: “Tâm chẳng ở bên ngoài cho nên chẳng thể thấy, ở trong uẩn, xứ, giới cũng chẳng thể thấy. Như thế sự tìm cầu cũng chẳng thể thấy. Do duyên gì mỗi mỗi được khởi lên, nghĩa là tâm duyên vào việc này. Vì sao nói tâm chẳng thể thấy? Nên biết tâm như con dao lợi hại có thể tự giết mình. Lại nữa tâm cũng giống như móng tay tự cắt móng tay. Nên có thể nói tâm chẳng thấy cũng như vậy. Cho đến như người đi xa dù thân thể di chuyển nhẹ nhàng nhưng không thể bị gió làm bệnh, cho đến ngoại cảnh chẳng thể chướng ngại.

Này Thiện nam tử! Như có người nơi sáu xứ của cảnh giới này, mà tự mình và tha nhân bị trôi buộc. Tâm chẳng ái trước, thân chẳng tán loạn. Tức trong thiên định, tâm tánh trụ một cảnh được vô chướng ngại. Đây là tâm niệm xứ”.

Lại nữa Kinh Vô Tận Ý chép rằng: “Đối với pháp tương ưng hành tu tập trang nghiêm, tâm đối với Pháp tánh chẳng diệt mất. Thế nào là trang nghiêm nơi Pháp tánh, mà tâm cũng giống như sự huyền hóa, nếu tự xả tất cả sở hữu có thể hồi hướng đến Pháp tánh của tâm. Đây là nghiêm tịnh các Phật quốc. Pháp niệm xứ là: Như kia nói Bồ Tát nơi Pháp chẳng quán pháp hành, pháp vô có thể quán được vậy. Nếu không phải Phật Pháp chẳng phải là Bồ Tát đạo, tức tất cả Pháp đều chẳng lia ở đây. Hiểu rõ điều ấy rồi, được đại bi Tam Ma Địa. Đối với tất cả pháp chẳng có phiền não, chẳng không phiền não, được tam luân vô tướng. Vì sao vậy? Vì rõ các pháp tướng và các pháp tánh chẳng có hai tướng. Đây là các phiền não tánh chẳng tích tụ, tánh không tham, tánh không sân và tánh không si. Nếu có thể ngộ được điều này tức là Bồ Đề vậy. Rõ biết tánh phiền não tức là tánh Bồ Đề. Đây là pháp niệm xứ.”

Lại nữa Kinh Bảo Kế chép rằng: “Này Thiện nam tử! Bồ Tát đối với Pháp quán pháp niệm xứ, nếu pháp khởi tức là sanh, pháp mất tức là diệt, nghĩa là nơi Pháp, lúc ấy ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả, Trưởng giả, Sĩ phu, Bồ đặc già la (Hữu tình chúng sanh), ý sanh trẻ con, rồi sanh lão tử... Ở tập tức là tập trung những việc làm, nếu chẳng tập tức là chưa tập trung những việc làm. Nếu thiện và bất thiện, lại chẳng động đến việc làm. Cũng không ít Pháp không có nhân duyên mà được sanh khởi, cho đến đối với Pháp xứ sâu xa nhỏ nhất, chẳng rời tất cả trí tâm của Bồ Tát”.

Như Kinh Đại Hý Lạc chép :” Ở đây vì có hành, tuy do tâm tạo tác giống như một cái bình vô thường tan hoại. Hành như cái thành không có gì cả bởi mưa làm hư hoại. Đất bùn chẳng kiên cố dần dần do sự cọ sát mà diệt. Lại như bờ sông chứa đầy cát mà thành, tự tánh yếu đuối vì nước xoi mòn. Hành giống như gió thổi tắt ánh sáng cho nên sanh ra diệt, chẳng ở lại. Hành cũng giống như nước đọng có thể giữ lại. Hành cũng giống như trái chuối, không thật. Lại như nắm tay đưa vào hư không để dọa người ngu. Cho đến hoặc cỏ rác v.v... tạo nên con rùa, nương vào nơi ngói gạch, có thể bị thay đổi, chưa gặp có một tác dụng. Tất cả các phần hổ tương nương vào

tụ tập mà thay đổi. Đây trước sau đều chẳng có thể được. Như người cầm lửa ở hai tay và cây rung động nín thở, lửa chẳng được phát sanh. Các duyên hoặc lìa khỏi lửa, tùy theo mạnh yếu mà diệt. Ở nơi hành như thế có ấn tượng và chỗ ấn tượng. Nếu tự mình và kẻ khác có thể ra khỏi chỗ đoạn thường và việc làm . Như biết người đi buôn vào trong con đường hiểm nạn, rồi được thông suốt”.

Luận rằng:

Do vô minh , ái và phiền não nghiệp duyên vào chỗ huân tập để thành uẩn, xứ, giới. Ở trong nghĩa tối cao, tất cả đều chẳng thể được.

---o0o---

Tự Tánh Thanh Tịnh

(Atmabhavaparisuddhih

Paricchedas Caturdasah)

Phẩm Thứ Mười Bốn - Phần Thứ Nhất

Luận rằng:

Nói về niệam xứ rồi, thứ đến nói về nhập giải Bồ Đặc Già La (hữu tình chúng sanh), quyết định thành tựu tương ưng với tánh không, đoạn lìa căn bản này; trừ phiền não và chẳng tập hạnh. Lại nữa như Kinh Như Lai Bí Mật chép: “Phật bảo: Này Tịch Huệ! Giống như có cây tên là Bát La Xa. Nếu chặt gốc đi tức tất cả cành lá đều bị khô hoại. Này Tịch Huệ! Ở đây lại cũng như vậy, nếu đoạn lìa thân kiến tức có thể trừ diệt được tất cả phiền não”.

Luận rằng:

Phân biệt tánh Không có vô số hình tướng. Như Kinh Nguyệt Đăng có kệ rằng:

Nếu ai tin lời dạy Như Lai

Giới Phật luôn luôn được tỏ bày

Nên nhớ nữ nhân phải xa lia
Biết Pháp thường thường vốn không sai
Nhỏ sạch tất cả mũi tên khô
Ban cho y dược để an bài
Trở thành Lương Túc ngay hiện tại
Biết tự tánh pháp thường không hai
Như tứ chi vốn trong thân mệnh
Gậy gộc đánh nhằm cũng không sao
Lực nhãn tuyệt vời như trăng sáng
Biết tự tánh pháp chẳng khác nào
Giả sử trăm lần vào ác đạo
Thường được huân tu sắc tướng lành
Lại hay có được ngũ thần thông
Chư Phật an trụ độ chúng sanh

Kinh Bát Nhã (Phagavati) nói: “Lại nữa Xá Lợi Tử! Đại Bồ Tát muốn thành tựu thân Phật với ba mươi hai (32) tướng đại trượng phu và tám mươi (80) vẻ đẹp. Đối với tất cả chúng sanh nên nhớ nghĩ đến tâm Bồ Đề chẳng làm cho tổn hoại. Đối với Bồ Tát hạnh được chỗ không quên mất. Liạ ác tri thức cùng những việc sai trái. Gần gũi với chư Phật, Bồ Tát cùng với những Thiện tri thức v.v... và hàng phục những thiên ma, thanh tịnh các nghiệp chướng. Đối với tất cả các Pháp đều không trở ngại nên học Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Lại nữa, Xá Lợi Tử! Đại Bồ Tát phát mỗi một niệm như thế nơi tâm, tất có thể qua khỏi đông phương hằng hà sa thế giới, đến tất cả các phương khác để

học Bát Nhã Ba La Mật Đa. Lại nữa Xá Lợi Tử! Đại Bồ Tát giả sử ở mười phương cõi Phật, sẽ học Bát Nhã Ba La Mật Đa lại cũng nói như thế. Cho đến rộng hơn như các pháp vô ngã. Diệt trừ nghiệp chướng ràng buộc tức thấy được tự tánh của các pháp không diệt”.

Như Kinh Phụ Tử Hợp Tập nói rằng :”Phật bảo: Nay Đại Vương! Đây là sáu giới, sáu xúc xú, mười tám ý nương chỗ nhỏ nhiệm. Đây là vì duyên mà sanh. Thế nào gọi là sáu giới? Đó là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Thế nào là sáu xúc xú? Nghĩa là nhãn xúc xú, thấy ở nơi sắc, nhĩ xúc xú được nghe nơi âm thanh, tỷ xúc xú có thể ngửi mùi hương, thiệt xúc xú có thể nếm được mùi vị, thân xúc xú gần gũi cảm giác được sự sờ mó, ý xúc xú tức biết được nơi Pháp. Thế nào là 18 ý nương vào chỗ nhỏ nhiệm? Nghĩa là mắt thấy sắc rồi sanh khoái thích, sanh ưu não, sanh giữ hay bỏ. Đây là sáu căn mỗi mỗi duyên vào chỗ khoái thích ấy và ba loại nên có tên là 18 ý ở chỗ nhỏ nhiệm.

Nay Đại Vương! Thế nào là nội địa giới? Nghĩa là nơi nội thân sanh ra như tóc, lông, móng tay, răng v.v... Nếu ở nội địa giới chẳng sanh, lại chẳng có dịp tức chẳng huân tập những việc làm. Nay Đại Vương! Nếu ở người nữ mà nơi nội thân như thế suy nghĩ, rồi sanh ái lạc. Do hai loại hòa hợp sanh ra yết la lam (Kalaia – tinh cha, huyết mẹ). Lại nữa như tư duy ở sự tương tự hòa hợp mà được sanh ra, chẳng có nơi chốn. Nếu hai người nữ chẳng có nơi chốn, cũng chẳng có sanh. Nếu tư duy mà sanh ra được, lại chẳng phải chỗ này. Tự tánh vô thật, phi tương ưng vậy. Thế nào nói đây là tánh kiên cố?

Nay Đại Vương! Tánh kiên cố tương tự mà thành lập. Cứu cánh của thân này bị đốt cháy tan ra hoại diệt. Rồi khoảng giữa không gian đó là chỗ quy hướng về. Tánh cứng rắn ấy từ đây mà đến. Lại chẳng phải từ phương thượng hạ mà đến. Nay Đại Vương! Đây là nội địa giới như thế nên biết”.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ 17

---o0o---

Quyển Thứ Mười Tám

Thứ tự Kinh văn số 1636

Bắt đầu dịch từ ngày 02 tháng 12 năm 2004
Nhân kỳ nhập thất lần thứ hai

Tự Tánh Thanh Tịnh

Phẩm Thứ Mười Bốn - Phần Thứ Hai

Này Đại Vương! Ở ngoài địa giới , tánh cứng cõi. Lúc bấy giờ , nơi thế gian được thành lập đầu tiên do Phạm Thiên tạo nên cung điện, có thành Bảo Sở. Lại có Tha Hóa Tự Tại, chư thiên cùng các cung điện. Tất cả đều làm bằng bảy thứ bảy. Này Đại Vương! Nếu không có địa giới, tánh kiên cố sanh, nơi kia do đâu mà đến. Đất đai lại rộng đến tám mươi bốn ngàn do tuần. Bề rộng có sáu mươi ngàn do tuần. Lại nữa chung quanh có núi lớn bao bọc, kiên cố an trụ, vững chắc như kim cương. Lại nữa, núi Tu Di, núi Dữu Kiến Đà, núi Ninh Nê Đà, núi Y Xá Đà cho đến Hắc Sơn. Như thế có ba ngàn đại thiên thế giới lần lượt được thành lập kiên cố tồn tại. Nếu không có địa giới do tánh kiên cố sanh, những thế giới kia từ đâu đến.

Này Đại Vương! Lại nữa thế giới này khi hoại đi rồi, hoặc vì lửa cháy, hoặc vì nước trôi, hoặc vì gió thổi mà đại địa này khi bị đốt cháy, giống như dầu thêm vào lửa càng nung đốt cho đến tàn lụi chẳng có thể thấy được. Nếu bị nước trôi, tất cả đều cuốn hút vào trong nước, dấu vết bị hoại diệt. Vì gió tùy phong thổi mạnh, nơi ba ngàn đại thiên thế giới tất đều tan hoại, sạch nhẵn chẳng còn gì.

Này Đại Vương! Khi ngoại địa giới sanh, góc gác vẫn là không. Khi diệt cũng trở thành không. Tự tánh nó là không vậy! Chẳng có tướng nam, lại cũng chẳng có tướng nữ. Chỉ do lời nói mà hiển bày vậy! Như thế địa giới và địa giới tánh chẳng thể được. Chỉ có trí tuệ chơn chánh như thật mới có thể rõ biết. Thế nào là nội thủy giới? Bên trong thân này, có chấp thọ, tánh ấm lạnh. Nhưng đó là gì? Đó là mồ hôi, nước mắt, mỡ, mũi dãi, huyết máu v.v...làm nội thủy giới.

Này Đại Vương! Bỗng nhiên thấy người thân bằng mắt rồi chảy nước mắt; hoặc vì khổ não gặp chuyện bức bách mà rơi nước mắt; hoặc vì nghe pháp thâm sâu, tín tâm càng vững mà rơi nước mắt; hoặc vì gió đông thổi lạnh mà rơi nước mắt. Như thế thủy giới từ nơi đâu mà đến. Khi tướng của nước khô đi rồi, lại đi về đâu? Cho đến khi thế giới này hoại rồi, sanh ra mây đen. Ba mươi hai loại như thế phủ lên trên ba ngàn đại thiên thế giới . Ở nơi hư không, mưa nặng hạt hoặc lớn như voi ngày đêm liên tục chẳng gián đoạn.

Như thế phân chia ra trải qua năm kiếp, nước tích tụ lại đầy tràn cho đến cõi Phạm Thế.

Này Đại Vương! So sánh thủy giới to lớn từ đâu mà đến. Lại nữa thế giới này sẽ hoại diệt, có hai mặt trời xuất hiện. Hai mặt trời xuất hiện rồi, sông nhỏ, suối nhỏ, khe nhỏ, tất cả đều khô cạn. Khi mặt trời thứ ba xuất hiện, không còn khô nữa, nước ao hồ bắt đầu chảy ra bốn sông. Tuy nhiên tất cả cũng khô dần. Lúc mặt trời thứ tư xuất hiện, nước trong biển lớn cũng giảm đi một, hoặc hai hoặc ba cho đến mười, hai mươi do tuần, dần dần khô cạn đến tám mươi do tuần. Nước còn lại hoặc cao bằng một cây Ta La, hoặc sâu đến ngực người, hoặc sâu đến vũng chân bò. Lại giảm thiểu đến sâu còn một ngón tay, đến lúc ấy thời nước trong đại hải tất cả đều khô cạn, chẳng còn giọt nào.

Này Đại Vương! Tướng của thủy giới không từ đâu sanh ra, mà diệt cũng chẳng về đâu. Sanh thời vốn từ Không. Diệt thời lại cũng Không. Tự tánh là không vậy! Chẳng có tướng nam, chẳng có tướng nữ. Duy chỉ có nói bằng lời để chỉ bày mà thôi! Đây là thủy giới và thủy giới tánh. Tất cả đều chẳng thể được.

Thế nào là thân nội hỏa giới?

-Trong thân này có chấp thọ về tánh nóng lạnh. Như thế nào: Đó là ấm, nóng, mát lạnh. Từ chỗ ăn uống thành thực biến đổi tan hoại. Làm cho an lạc vào chỗ nóng bức. Đây có tên là nội hỏa giới. Thế nào gọi là ngoại hỏa giới? Nghĩa là chẳng chấp thọ của tướng nóng lạnh sanh. Lại nữa có người nơi rừng sâu tìm lửa đốt, hoặc bằng cỏ rác, hoặc bằng phân bò, hoặc bằng dây đậu để dẫn cho lửa phát ra và đốt cây cỏ rừng, làng xóm, mọi nơi để có chỗ thiêu đốt.

Này Đại Vương! Như thế hỏa giới sanh ra cũng chẳng từ đâu và mất đi cũng chẳng đi đâu cả. Từ xưa đến nay, tự tánh lìa xa nhau vậy!

Thế nào là thân nội phong giới? Tánh động nhẹ nhàng đó là gì vậy?

Nghĩa là nội phong này, hoặc ở trên cao, hoặc bay dưới thấp, hoặc nằm nơi bụng, hoặc nơi hông, nơi vai, hoặc phát ra hơi thở, hoặc tụ lại thành khối, hoặc như dao cắt, hoặc như kim đâm. Hơi thở ra vào biến bỏ đầy khắp thân thể tứ chi.

Ngoại phong giới nghĩa là gió từ bốn phương lại, hoặc tụ lại như mũi tên; hoặc sắc bén lợi hại như con dao; hoặc cuồng nộ khởi lên làm gãy đổ cây rừng la liệt trong núi lớn; hoặc khởi lên gió nhẹ làm động y áo trên thân người và cây Ta La. Đây gọi là ngoại phong giới. Ngoài ra, như trước đã nói.

Thế nào là nội không giới?

Thịt da, máu huyết của thân hiển rõ tăng trưởng, có tánh xa cách chẳng ngại. Như thế là thế nào? Nghĩa là lỗ mắt, hang tai, cửa miệng, yết hầu. Khi ăn uống, mùi vị đi vào và chứa trong ruột gan, rồi tổng ra ngoài. Lúc ấy nghiệp duyên dẫn sanh vào lục xứ. Khi các xứ sanh ra, vậy nhiều không giới. Thế gọi là nhập nội không giới. Nhưng không giới ấy từ đâu đến? Ngoài tuy hiển hiện tánh chất xa lìa, ấy gọi là ngoại không giới.

Này Đại Vương! Nếu sắc biến hoại thì tất cả đều thành không. Vì sao thế? Hư không giới gốc chẳng có cùng tận vậy. An trụ nơi bất động giống như Niết Bàn. Biến tất cả xứ chẳng có chướng ngại. Này Đại Vương! Giống như có người sống trên cao nguyên đảo giếng. Nghĩa là thế nào? Tướng không của giếng ấy từ đâu mà đến? Vua đáp: Chẳng từ đâu đến cả! Phật bảo: Này Đại Vương! Giả sử người kia lại lấp đất lại thì sao? Không ấy đi về đâu? Vua đáp: Không ấy chẳng đi đâu cả! Vì sao thế? Vì hư không giới này chẳng đến chẳng đi vậy. Chẳng trụ ở tướng nam, chẳng trụ ở tướng nữ. Này Đại Vương gọi hư không giới bỗng lại chẳng động tịnh. Vì sao thế? Tự tánh chia lìa vậy? Như kẻ có trí tuệ chân thật mới có thể hiểu rõ.

Lại nữa này Đại Vương! Thế nào gọi là Thức giới? Nghĩa là nhãn căn làm chủ, các sự sai biệt duyên vào hiển sắc hình sắc cho đến biểu sắc gọi tên là nhãn thức giới. Lục căn làm chủ duyên vào lục cảnh và mỗi mỗi sai biệt kiến lập. Đây gọi tên là lục thức giới. Lại nữa thức giới chẳng nhiệm trước nơi căn, chẳng trụ nơi cảnh giới, chẳng trong, chẳng ngoài, chẳng ở giữa hai bên. Thức giới này mỗi mỗi riêng biệt, mỗi mỗi cá thể. Tức khi diệt rồi, sanh chẳng từ đâu đến, diệt cũng chẳng đi đâu. Này Đại Vương! Thức sanh đã không, thời diệt cũng lại không. Tự tánh vốn không vậy. Chẳng trụ ở tướng người nam, chẳng phải tướng người nữ. Chỉ có nói việc hiển thị. Thế thì thức giới và thức giới tánh, tất cả đều chẳng thể được. Chỉ có trí tuệ như thật mới có thể hiểu rõ.

Này Đại Vương! Thế nào là nhãn xứ - Nghĩa là bốn đại các địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, chỗ tạo nên các tịnh sắc. Địa giới thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh. Thủy, Hỏa, Phong giới thanh tịnh tức là nhãn xứ

thanh tịnh. Vì sao vậy? Do địa giới thanh tịnh nên nhân xứ được sanh. Đây chẳng có ít pháp có thể được. Như thế cho đến do phong giới thanh tịnh, nhân xứ được sanh. Trong đây không có ít pháp có thể được. Vì sao vậy? Vì vô chủ tể vậy. Vô tạo tác, giống như tự tánh Niết Bàn tịch tịnh vậy. Nay Đại Vương! Như thế nhân xứ mỗi mỗi tìm cầu tất cả đều chẳng thể được. Vì sao thế? Do địa giới không, tức địa giới thanh tịnh. Cho đến phong giới không tức phong giới thanh tịnh. Các pháp tự tánh bản lai là không, tức những giới kia thanh tịnh như thế nào? Lại chẳng phải không phần nộ tranh đấu. Hoặc thanh tịnh, hoặc đấu tranh, tất cả đều chẳng thể được. Lại nữa có sắc nào mà có thể thấy chẳng? Nên biết nhân xứ cứu cánh là không; do đó tự tánh cũng lại không. Trước sau tất cả đều không thể được. Vì lại nếu tạo lại cũng không thể được. Vì sao thế? Vì tự tánh vốn xa lìa - Tự tánh không có tức không có tướng nam, chẳng có tướng nữ, thế thì làm sao có ái lạc. Nếu sanh ái lạc tức là cảnh giới của ma. Nếu chẳng ái lạc là cảnh giới của Phật. Vì sao thế? Vì không ái lạc tức có thể xa rời tất cả các pháp.

Này Đại Vương! Thế nào là nhĩ xứ? Nghĩa là bốn loại tạo nên tịnh sắc. Lại nữa này Đại Vương! Các pháp giải thoát quyết định hiện tiền như không của Pháp Giới, chẳng thể thi thiết, chẳng thể hiển thị, chẳng thể nói riêng, chẳng nơi hy vọng. Nay Đại Vương! Các căn mỗi mỗi vui say đắm trước nơi cảnh giới. Khi mắt duyên vào sắc, sanh đắm trước niềm vui. Cho nên nói sắc là nhân cảnh giới. Lại nữa nhãn căn duyên vào nơi cảnh sắc có ba loại tương thuộc, sắc dễ mến khởi lên sự tham tưởng. Chẳng thể yêu màu sắc khởi lên sự sân tưởng; chẳng yêu, chẳng ghét khởi lên sự xả tưởng. Như thế cho đến ý đắm trước nơi pháp xứ làm ý cảnh giới. Ý xứ duyên vào sự khả ái của sắc rồi sanh ra niềm vui đắm trước. Vì nơi ấy dẫn sanh ra tham lam. Sắc chẳng dễ thương khiến cho tâm sanh sân hận. Nơi sự yêu thương, chẳng yêu thương khởi lên việc làm si mê. Đây là thỉnh có ba loại phan duyên lãnh nạp nơi tướng. Như trước đã nói.

Này Đại Vương! Nên biết những căn như cảnh giới huyền, như mộng. Giống như có người nằm ngủ mộng thấy cùng với những người nữ hoan lạc giao hợp. Nay Đại Vương! Ý Ngài nghĩ sao? Mộng khi rõ rồi, nhớ lại giấc mộng hoan lạc với người nữ là thật có chẳng? Vua đáp:

- Chẳng có! Bạch Thế Tôn.

Này Đại Vương! Ý Ngài nghĩ sao? Người chấp mộng là thật có phải là người trí chẳng?

- Chẳng phải, Bạch Thế Tôn

Vì sao vậy? Vì điềm trong mộng thấy liên hệ thật chẳng có. Hà huống là cùng nhau hoan lạc! Nên biết người này tự lao làm khổ mình. Nhớ nghĩ cảnh trong mộng ấy lại chẳng thể có được .

Phật bảo : Này Đại Vương! Như thế như thế kẻ ngu si khi mắt thấy sắc rồi, tâm sanh ái lạc, lại khởi lên chấp trước. Vì thế mà tạo ra nghiệp tham lam. Thân nghiệp gồm ba, Ngũ nghiệp có bốn, và Ý nghiệp có ba. Đầu tiên tạo tác sát-na diệt rồi, chẳng nương vào phương đông, phương tây, phương nam, phương bắc, bốn bên trên dưới, ở giữa mà trụ. Ở nơi cảnh giới của sự chết. Mạng này khi diệt rồi, chính nghiệp báo của mình đều hiện tiền, giống như biết mộng và nhớ nghĩ về giấc mộng.

Này Đại Vương! Thức bây giờ làm chủ mà nghiệp là phan duyên. Hai nguyên nhân của tướng, đầu tiên thức sẽ sanh khởi. Hoặc cõi địa ngục; hoặc đọa vào Ma giới, hoặc A Tu La, hoặc người, trời. Thức đầu tiên sanh ra tên gọi. Mỗi thọ là quả báo này. Cùng nhau liên tục thay đổi với phẩm tướng của tâm. Cuối cùng thức diệt gọi đây là tử uẩn. Tối sơ thức khởi lên gọi là sanh uẩn. Đại Vương nên biết, chẳng có ít pháp từ trong cuộc đời này được đến cuộc đời kia. Vì sao vậy? Vì tánh sanh diệt vậy.

Này Đại Vương! Khi thân thức sanh, chẳng đến từ nơi đâu; khi diệt chẳng đi đâu cả. Khi nghiệp ấy sanh, chẳng từ đâu đến và khi diệt cũng chẳng về đâu cả. Khi thức đầu tiên sanh, chẳng từ đâu đến, và khi diệt cũng chẳng về đâu cả. Vì sao vậy? Vì tự tánh xa lìa vậy! Như thế rõ biết thân thức là thân thức không. Tự nghiệp là tự nghiệp không. Sơ thức là sơ thức không; cho đến sự diệt là sự diệt không. Sự sanh là sự sanh không. Rõ biết nghiệp ràng buộc, chẳng có kẻ tạo tác, lại chẳng có người thọ nhận. Cho nên gọi là tướng vậy.

Lại nữa này Đại Vương! Giống như có người khi ngủ nằm mộng thấy các tướng oán đối cùng nhau gây hấn. Ý Ngài nghĩ sao? Người này khi tỉnh dậy nhớ lại trong giấc mộng ấy, việc gây hấn đó có thật chẳng? Vua đáp:

- Chẳng có vậy. Bạch Đức Thế Tôn.

Phật bảo: Này Đại Vương! Ý ông nghĩ sao? Người này chấp trước giấc mộng cho là thật, có phải kẻ trí không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Vì sao vậy? Trong mộng cuối cùng chẳng có oán đối. Hà huống là tướng cùng với kia gây hấn. Người này tự chạy đi tìm sự khổ não cùng với sự chẳng thật. Phật bảo: Này Đại Vương! Như thế như thế đó. Kẻ ngu si có việc gì đó sanh ra trong mắt, thấy cảnh vật xấu sanh ra não hại, xa lìa phá hoại hủy báng, rồi tạo ra nghiệp sân. Điều này cũng giống như trước đã nói. Lại nữa này Đại Vương! giống như người ở trong mộng bị não hại, tâm sanh sợ hãi, si mê tuyệt vọng.

-Này Đại Vương! Ý Ngài nghĩ sao? Người này khi tỉnh rồi nghĩ đến giấc mộng bị qui nhiều hại có thật có không?

-Không! Bạch Thế Tôn!

Trong mộng , rất ráo chẳng có qui não hại. Huống là si mê sao!

Phật bảo: Này Đại Vương! Như thế như thế đó. Kẻ ngu si sanh ra chỗ thấy nơi mắt về màu sắc hình tướng rồi si mê chẳng rõ, nên đã tạo ra nghiệp si. Ngoài ra, như trước đã nói.

Lại nữa , này Đại Vương! Giống như trong mộng được nghe mọi người ca hát thổi sáo đàn địch âm thanh vui nhộn hay đẹp. Này Đại Vương. Ý Ngài nghĩ sao? Khi người này tỉnh rồi nhớ lại trong giấc mộng có việc ca vui là thật chẳng?

Vua đáp

-Thưa không, Bạch Thế Tôn.

Phật bảo:

-Này Đại Vương! Ý Ngài nghĩ sao? Người này ở trong mộng chấp trước cho là thật có phải người trí chẳng?

-Chẳng phải! Bạch Thế Tôn.

Vì sao? Người thấy trong mộng thường chẳng được hà huống là những âm thanh hay ho kỳ diệu. Người này tự chạy đi tìm sự mệt mỏi, rốt cuộc rồi chẳng có.

Phật bảo: Này Đại Vương! Như thế như thế đó. Kẻ ngu si khi nghe, sanh ra ý lại nghe. Khi nghe rồi vui thích lại sanh đấm trước nơi niềm vui tạo nên nghiệp tham vậy. Như thế mùi hương mỗi mỗi đều có ba loại. Nên như trước mà biết.

Lại nữa , này Đại Vương! Ở trong pháp này khéo tự an ý nên nhớ như thế này: Ta vì sao ở nơi trời, người tạo mắt này, làm ngọn đèn sáng để chiếu soi, làm chiếc thuyền để đưa người qua bờ bên kia, làm đại thương chủ hướng dẫn kẻ khác đến xứ có châu báu. Kẻ chưa giải thoát làm cho giải thoát, người chưa an ổn làm cho được an ổn. Người chưa chứng Niết Bàn liền được chứng Niết Bàn. Đại Vương nên biết các căn như huyễn. Cảnh giới như mộng. Phạm phu bị trói buộc đấm nhiễm chẳng biết đủ. Cho đến trải qua quá khứ vô lượng kiếp, có lúc làm Chuyển Luân Vương, được tôn trọng rất nhiều, uy đức tiếng tăm giàu có tự tại. Thống nhất cả bốn đại châu. Riêng mình tối cao. Tùy theo ý vui mà được thọ dụng. Tất cả cây rừng thường hay trở hoa. Lúc ấy trong đời người dân an ổn không nào hại. Lại khi mưa rơi, nước toàn mùi thơm quý.. Vàng bạc trân bảo, nhiều loại khác nhau. Những người có tu đều được đầy đủ bỗng nhiên một lúc được lên cõi Trời Đạo Lợi. Vua Trời Đế Thích phân cho chỗ ngồi rồi bảo ngồi. Sự tham dục không nhàm chán, ước muốn xâm nhập vào tâm, liền nghĩ như thế nên bị thối lui. Quần thần vây nhiều, hoặc thấy cùng nhau. Giống như vầng sữa, chẳng được lâu dài. Khi mệnh chung rồi, lúc bấy giờ có vui tên là tác ái thấy việc này rồi mà nói lời rằng. Ta sẽ vì thế gian mà nói lời lành này! Rồi vô lượng lời xưng tán tạo nên lời nói yêu thương. Người ở đời vị lai sẽ nói như thế. Vô lượng xưng tán kia về tham lam chẳng biết đủ nên tự giữ lấy, khi mệnh chung cho chí như thế đó.

Này Đại Vương! Các căn như huyễn, cảnh giới như mộng, hãy tự thanh tịnh nơi ý mình, chớ sanh tin theo. Thân như ánh sáng mặt trời, tự tánh không có gì cả. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, tự tánh lại chẳng thật. Lại cũng như thế!

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ 18

---o0o---

Quyển Thứ Mười Chín

Thứ tự Kinh văn số 1636

Bắt đầu dịch từ ngày 02 tháng 12 năm 2004
Nhân kỳ nhập thất lần thứ hai

Tự Tánh Thanh Tịnh

Phẩm Thứ Mười Bốn - Phần Thứ Ba

Luận rằng:

Đây nói về việc nương vào thế tục để thành lập ý nghĩa của các Pháp, nên biết như thế. Lúc ấy đức Thế Tôn dùng nhất thiết trí quán sát thế gian, chúng biết rõ rồi, nương vào thế tục để nói, tức là có sáu cõi. Đó là trời, người, A Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh. Trên dưới chúng tộc thọ báo nghèo giàu; suy lạc khổ vui cho đến hủy hoại. Sắc vô sắc và các loại tướng khác sanh ra. Lúc bấy giờ đức Như Lai xuất hiện ở thế gian, chúng sanh nhờ đức Phật phát sanh lòng tin thanh tịnh vui thắng nghĩa.

Lúc ấy đức Như Lai, vì lợi ích chúng sanh nói điều chứng như thật, thật tướng các pháp chẳng tạo tác, chẳng phân biệt, chẳng hiểu biết, chẳng hiển bày, chẳng lời nói. Như thế nơi các pháp đây đều là không. Nếu như vậy, vì sao đức Thế Tôn lại nói về thọ ký vô thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, mà trong pháp này, cái gì gọi là sắc, cái gì gọi là thọ, tướng, hành, thức, mà có thể thọ ký riêng biệt vô thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Do đây mà rõ biết rằng sắc gốc vốn là không vậy, tức là Bồ Đề vô sanh cho đến thức vốn cũng không vậy. Lại cũng như thế để nói nơi các pháp đều chẳng thể được. Sao gọi là Phật? Sao có tên là Bồ Đề? Sao gọi tên là Bồ Tát? Thế nào là thọ ký? Sắc và không sắc cho đến thức và không thức lại nương vào thế tục sát na để kiến lập. Như vậy những lời nói này có phải là danh tướng chẳng? Kể trí nơi đây chớ sanh sân não, như đức Thế Tôn nói: “Thật tế của các pháp, cứu cánh vô cùng tận. Thế giới chư Thiên vui vẻ biến hóa chẳng thể giải thích được hết nghĩa sâu, chấp ngã là có, lại không chương ngại.”

Thế Tôn lại nói: “Các pháp tự tánh Bồ Đề lìa khỏi, nếu có thể rõ biết điều này tức là gần gũi vô lượng Bồ Đề. Vì sao vậy? Vì nếu lìa Bồ Đề tức chẳng có Niết Bàn. Nếu không có Niết Bàn an lạc, tức chẳng có luân hồi có thể sợ hãi. Thế Tôn như cõi vui biến hóa, chư Thiên là chỗ chấp hữu. Ta không thể được như vậy hà huống chỗ thật tế mà có thể được chẳng?”

Lúc ấy chủ cõi Ta Bà nghe Phật nói rồi liền lãnh hội nói kệ rằng:

Như người trong mộng gặp đau thương

Trăm vị thức ăn dạ chẳng lường

Tương mộng rõ rồi, không tất cả

Như như các pháp vốn như hương

Như bậc hiền nhân phát tiếng lành

Một khi nghe được thiện tâm sanh

Nói, thương, tất cả đều không có

Nghi hoặc, trong đây chẳng có thành

Như đờn Tỳ Bà phát tiếng hay

Tự tánh âm kia chẳng hiển bày

Như như các uẩn biết là vậy

Cho đến diệu âm cũng chẳng thay

Giống các nhà buôn nghe tiếng lành

Nghe được lắng tìm chỗ phát sanh

Tự tánh âm thanh vốn chẳng thật

Chư Tiên các pháp biết thật rành

Như mùi vị ngon, hương tuyệt vời

Uống ăn cảm nhận thật là vui

Nơi thân, mùi vị chẳng an ở

Rõ rồi các pháp chư Tiên cười
Giống như thiên đế hiện bảo tràng
Chư Tiên thấy được tâm vui nhàn
Rõ biết tướng này không thật có
Các pháp chư Tiên biết rõ ràng
Địa giới có người chia nhỏ ra
Thành ấp tên kia, vốn không là
Thân này, thành nợ đều chẳng thật
Rõ biết chư Tiên, các pháp là
Như tập trung các người đánh trống
Nghe rồi tất cả đều vui mong
Tự tánh tiếng kia không thật thể
Các pháp chư Tiên rất rõ thông
Tiếng trống vang lên do duyên sanh
Chẳng âm , chẳng lạnh, nghe chẳng thành
Tìm cầu tướng trống từ đâu đến
Rõ biết các pháp chư Tiên rành
Tiếng trống tạo ra âm thanh to
Âm thanh chẳng nghĩ, chẳng vừa cho
Như thế phân biệt không phân biệt

Rõ biết các Pháp chư Tiên nhờ

Luận rằng:

Điều này lại làm rõ nghĩa ở trước. Nghĩa là nhãn đối với các pháp, tự tánh vốn không. Nếu các pháp không, tức không thành tựu biện tài. Nếu không thành tựu biện tài, tức là vô sanh diệt. Cho đến nhãn căn cũng duyên nơi ba tướng, ái, phi ác tất cả chẳng thể được. Chẳng lời nói lại chẳng ý thị. Giống như gươm tay không lên bảo với đứa bé chỉ dọa nó, chứ thật sự ra không thật, cho đến gọi là số lượng lại cũng chẳng thể được. Nơi nghĩa không tuyệt đối quyết định là chẳng có, như người trong mộng vì đại tiên kia mà hiện oai thần, tướng oai thần mạnh mẽ, rồi chém đầu này. Kẻ trí biết điều ấy rồi, rõ tất cả đều do thức của mình biến hiện, do đây mà giải thoát. Như ông thần cây hỏi đức Phật rằng:

-Nơi các pháp mà nói tất cả là không, thế thì tại sao Thế Tôn đã thọ ký cho con, mà con chẳng biết? Con vẫn ở trong lâu các, chẳng tăng, chẳng giảm, lại chẳng mất, thọ dụng vô tận. Tướng này là gì?

Phật bảo:

-Như người đã rõ biết tất cả các pháp tự tánh thanh tịnh, pháp giới vốn là không, cũng giống như trong gương hiện ra hình ảnh vậy. Như bánh xe bao gồm nhiều loại tụ hội mà thành. Ta nói tác nghiệp tự tánh lại cũng như thế. Lại nữa như cây trong rừng do gió thổi động hai cây cọ xát với nhau sanh ra lửa. Như thế suy nghĩ chỗ được của lửa là gì? Ta nói tác nghiệp lại cũng như thế. Nghe nói có người tuổi thọ mãn trăm tuổi, nên biết chẳng có nhân tụ năm tháng mà có thể thấy được.

Lại như trong kinh Pháp Tập nói rằng: “Mắt và Sắc vốn không có sự tranh đua. Như thể tai và âm thanh, cho đến ý và pháp lại không có sự tranh đua. Thế nào là nhãn sắc chẳng có sự tranh đua mà cả hai hòa hợp chẳng sai khác vậy. Cho đến ý, pháp hai tướng hoà hợp lại cũng như thế, nếu chẳng hòa hợp tức có chỗ tranh đua.

Thế Tôn nói: “Pháp không có hai cho nên chẳng có tranh cãi. Các Pháp chẳng có hai, mỗi mỗi chẳng có tướng rõ biết. Do chẳng có tướng rõ biết tức là không phân biệt. Nếu li phân biệt tức vô sanh diệt. Chẳng có tăng giảm, chẳng sanh ái lạc, lại chẳng hoạn nạn, chẳng có luân hồi, chẳng đấm trước nơi Niết Bàn. Thế Tôn nói nơi các Pháp chẳng vui, chẳng lia, nên biết

là không nhiễm tịnh và tướng. Thế Tôn gọi như thế, ta biết như thế, ta biết rồi tất cả đều không vọng phân biệt. Thế Tôn nói lại nơi mắt và các pháp lành rõ biết như thế rồi chẳng tạo sự nhớ nghĩ. Ta có thể phân biệt, nên biết người này không cùng với vật tranh luận tức có thể tùy thuận Sa Môn đạo hạnh. Vì kẻ thấy pháp, vì kẻ thấy Phật, vì kẻ thấy chúng sanh, vì kẻ thấy không tánh. Thế Tôn nói thấy chỗ không thấy, có tên là pháp chẳng thấy”.

Kinh chép rằng: “Chẳng có chỗ để Bồ Tát phát tâm Bồ Đề, hỏi rằng:

-Như như là không, vậy thì pháp gọi là gì?

Phật bảo:

-Như hư không kia chẳng sanh chẳng diệt. Là như vậy tất cả pháp đều không. Lúc ấy chẳng có chỗ phát tâm, Bồ Tát nói như thế như thế cho nên đức Thế Tôn nói hết thấy mọi pháp đều chẳng sanh diệt.

Thế Tôn nói tại sao lại nói các pháp hữu vi tất cả đều sanh diệt. Nếu là như vậy, tức là tháp miếu của Phật quyết định sanh diệt?

Này Thiện nam tử! Như Lai Đại Bi vì muốn trừ sự sợ hãi của chúng sanh ở thế gian, nên đã tùy thuận nói các Pháp sanh diệt. Trong đây chẳng có một pháp nhỏ chẳng thể được, hà huống việc sanh diệt ư!”

Như Kinh Bát Nhã (Pagavate) nói: “Huệ Mạng Tu Bồ Đề! Pháp vốn vô sanh nhưng gọi là vô sanh, Tu Bồ Đề đáp: Này Xá Lợi Tử! sanh không có chỗ sanh tức là pháp vô sanh.”

Luận rằng:

Ở đây sự tích tụ phước đức thanh tịnh thành Bồ Đề, mà sự thanh tịnh do lòng từ duyên vào nơi hữu tình khéo quan sát rồi chẳng có tướng chúng sanh. Nếu lại cúng dường mười phương chư Phật, thì nơi đáng Lương Túc Tôn lia được cấu nhiễm, chẳng có thể trông thấy. Nên cúng dường sự khổ não của chúng sanh, như đáng Điều Ngự Sư đã chỉ bảo: Con người là chỗ đáng cúng thí hơn cả. Do tâm đại từ để bạt trừ khổ chúng sanh, làm cho niềm vui an ổn, phát sanh tịnh huệ, đoạn trừ phiền não. Nơi lý giải chính đáng này khéo rõ biết rồi, nên lia nghi hoặc. Như thế quả của sự cúng dường không khó được. Rõ biết lời dạy chánh đáng của Phật rồi, nên quán về thân như thế mà bỏ, nhớ nghĩ về bát thánh đạo và đoạn trừ những suy

nhiệm như thế. Khi xả bỏ thân này rồi, theo chư Phật, chẳng mong cầu thế gian hoặc niềm vui diệu lạc chư Thiên. Tu Chi và Quán được chỗ tịch diệt ra khỏi con đường khổ.

Thế nào là kiến lập các pháp thế tục? Là không vọng xứ hòa hợp tương ưng với mê mờ điên đảo của phàm phu, vì con nhỏ dại mà tạo nên chỗ nương tựa thành tựu. Nói về nghĩa không tuyệt đối, tức chẳng phải tướng này mà tất cả pháp gốc vốn là vô sanh vậy.

Như Kinh Vô Cấu Xung (Duy Ma Cát) (Vimalakirtinirdesa) chép: “Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi Ngài Duy Ma Cát rằng:

-Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?

Đáp rằng:

-Lấy điên đảo tướng làm gốc

Hỏi:

-Điên đảo tướng lấy gì làm gốc?

Đáp:

-Lấy vô trụ làm gốc.

Hỏi:

-Vô trụ nương vào đâu làm gốc?

Đáp:

-Vô trụ tức chẳng có gốc.

Ngài Văn Thù Sư Lợi từ gốc vô trụ mà có thể kiến lập tất cả các Pháp”.

Lại nữa Kinh Bát Nhã chép rằng: “Nên từ bỏ gia đình, an trụ đồng mãnh đoạn trừ phiền não, tâm tịnh bình đẳng, tu tập Bát Nhã Ba La Mật Đa”.

Lại Kinh Pháp Tập chép rằng: “Khéo hiểu về Không, tâm chẳng nương nơi thế gian; nơi có lợi, tạo nên niềm vui hoặc sự hủy báng nơi những sự khổ não; chẳng sanh lo lắng, nơi những sự khoái lạc chẳng sanh ái trước. Chẳng vì thế pháp phá hoại, khéo rõ về không như thế tức rõ biết tánh không. Không có ít pháp để mà sanh lấy bỏ. Nếu không thủ xả tức không tham tiếc. Đây gọi là khéo thấy không; khéo biết không; nơi tất cả không có chấp trước, không có chấp trước tức là nơi các pháp không có sự tranh cãi”.

Luận rằng:

Ở đây làm rõ sát-na tâm được thanh tịnh nghĩa là do ngã mạn khinh xuất nơi chúng sanh. Rõ biết ngã kiến gốc chẳng có, nếu vậy một lòng chuyên chú có thể dứt người ấy tâm liền được thanh tịnh. Như thế quán sát nơi tất cả xứ, nơi hết thấy chúng sanh ; thường vui tôn trọng lìa các phan duyên; cho đến chỗ phân biệt mình, người; thế nào là bình đẳng đẳng sai biệt?

Học hạnh như thế điều này chẳng khó. Giống như món bảo châu như ý ma ni có người yêu thích, trân quý cho nên sanh ra sự tôn trọng, nghĩa là do điên đảo chấp trước biên tế ở nơi hữu tình, mà sanh keo kiệt, hoặc sanh hủy báng. Tất cả đều do ngã mạn khiến bị trói buộc mà duyên vào vậy. Sanh ra nhiều sự tán thán hay hủy báng để tăng trưởng lòng phiền não.

Như Luận A Tỳ Đàm thán rằng: “Đây là âm thanh chẳng có tâm, sao có vọng huệ khởi để sanh ra thích chí. Sao nói lời sanh ra ái nhiễm. Niềm vui sanh chẳng có ngã vậy. Thường, lạc bình đẳng tự giữ an tịnh. Cởi bỏ sự phân biệt trói chặt lìa tướng tán thán và hủy báng. Như thế rõ biết rồi kết quả chẳng có lợi ích.

Lại nơi tài lợi thường sanh nhiều vui phiền, thói hư tật xấu xảo quyết mong cầu. Hai loại đúng, sai đều là tội lớn, tùy thuận chánh lý khởi sự đối trị, diệt tâm ngã mạn liền được thanh tịnh. Lìa lời nói quá mạn sẽ được niềm vui tịch tĩnh. Tuy nhiên phải dạy sám hối liên tục mới thấy rõ vọng pháp chẳng kiên cố chắc thật, chẳng thể lâu dài tồn tại được”.

---o0o---

Chánh Mệnh Thọ Dụng

(Bhogapunya-suddhih

Pancadasah Paricchedah)

Phẩm Thứ Mười Lăm - Phần Thứ Nhất

Lại nữa Trưởng giả tại gia Bồ Tát vui nơi Chánh Mệnh bình đẳng thọ dụng lìa phi pháp, tà mạng như kinh Bảo Vân chép: “Thế nào là Bồ Tát nơi kẻ thí mà đối với thân nghiệp chẳng giả hiện oai nghi, hoặc lúc bước chân đi, chẳng qua mỗi bước, hoặc lúc hạ chân xuống, chẳng làm nên động tác oai nghi, hiện tướng êm nhẹ nhu nhuyễn. Thế nào là lời Bồ Tát chẳng kiêu sa, chẳng làm lợi dưỡng, mà hiện ra lời nói nhỏ nhẹ, nhu nhuyễn, ái ngữ tùy thuận. Thế nào là tâm Bồ Tát chẳng nói chài chuốt, chẳng làm lợi dưỡng, chẳng nói lời hiện tâm đa dục, rộng tham cầu; bên trong chứa nhiều nhiệt não. Thế nào là Bồ Tát nhiếp hay xả ly, vì lợi dưỡng mà hiện ra dị tướng, hoặc thấy kẻ bố thí, cuối cùng chẳng tự nói ta nghèo về áo mặc, chỗ ngủ, thức ăn, bịnh duyên, y dược, mà mong làm ân bố thí.

Vì sao Bồ Tát khéo hay xả ly? Vì lợi dưỡng môi mép đánh động, hay vì thấy kẻ thí chẳng nói lời khoa trương. Kẻ thí chủ lấy vật mà thí cho ta, ta đối với vật nhận mà báo ân vậy.

Lại nói: Ta thiếu dục, trì giới, đa văn nên cúng thí, ta khởi tâm bi mà nhiếp thọ, cho đến thân làm việc ác, vì lợi dưỡng vậy, chạy qua lại để phá cấm giới. Nếu thấy người đồng phạm hạnh mà được lợi dưỡng, cùng với tâm ấy bị tổn hoại, cho nên Bồ Tát lìa nơi hiểm ác mà cầu lợi dưỡng.

Thế nào là xả ly chẳng phải pháp lợi dưỡng? Nghĩa là Bồ tát chẳng khoa trương mà làm việc khoa trương, ủy thác lòng tin, chẳng đem tâm làm hại. Thế nào là xả ly bất tịnh lợi dưỡng? Nghĩa là Bồ Tát này nơi tháp Phật, hoặc Pháp, hoặc Tăng, sở hữu chư Phật chẳng dùng đến, hoặc có chỗ được lại chẳng thọ nhận. Thế nào là sự xả ly đấm trước lợi dưỡng? Nghĩa là Bồ Tát với vật được chẳng giữ lấy, rồi lại chẳng tạo nên giàu có cho mình, lại chẳng tích chứa. Tùy thời mà cúng dường cho Sa Môn, Phạm Chí, Bà La Môn v.v...hoặc phụng dưỡng cho cha mẹ, thân quyến bằng hữu, hoặc tự thọ dụng. Trong khi thọ dụng, chẳng sanh nhiễm trước. Khi ấy Bồ Tát, chẳng vì lợi dưỡng tâm chẳng sanh khổ, lại không nhiệt não, hoặc là thí cho người, chẳng còn chỗ để thí. Bồ Tát như thế chẳng sanh tâm sân”.

Lại như Kinh Vô Tận Ý chép rằng: “Chẳng có chúng sanh, chẳng thọ thí, như chỗ hứa giữ dùng đồ thí. Có kẻ đến xin chẳng khởi phiền não để cho, chẳng vì người khác bức bách mà thí; chẳng phải lao nhọc mà thí; chẳng phải tương khác mà thí; chẳng phải khinh dễ mà thí; chẳng phải sau lưng mà thí; chẳng phải thí cho rồi; chẳng phải chẳng cung kính mà cúng dường, chẳng phải không phân biệt mà thí; chẳng phải không phải tự tay mình mà thí; chẳng phải không nơi nương tựa mà thí; chẳng phải không bình đẳng mà thí; chẳng phải làm phiền chúng sanh mà thí”.

Lại như Kinh Tối Thượng Thọ Sữ Vấn chép: “Bồ Tát hành bố thí Ba La Mật Đa, nếu có người cầu đến xin đồ vật, mong ta cho họ. Nếu có người say rượu xin cũng phải giữ chánh niệm tức cùng với sau khi uống ăn, sau khi làm cho việc say chấm dứt. Như thế Bồ Tát phương tiện thanh tịnh nhiếp thọ chúng sanh. Lại nếu ở nội tâm này, ái lạc chẳng xả, Bồ Tát ái tức là gây nhiều hủy báng. Rượu là điều sai trái như dao bén nguy hiểm, quyết định xa lìa, chẳng nên tiếp diễn, kẻ bố thí như thế chẳng sai trái vậy”.

Luận rằng:

Việc bố thí gọi là thanh tịnh dần dần đưa vào chỗ an vui. Như nhiều Kinh đã nói rộng về việc này. Như Kinh Hư Không Tạng chép: “Đối với ta, thanh tịnh bố thí, những gì thuộc về ta, thanh tịnh bố thí, nguyên nhân thanh tịnh bố thí, thấy biết thanh tịnh bố thí, hình tướng thanh tịnh bố thí, nhiều tánh thanh tịnh bố thí, sát na quả báo thanh tịnh bố thí, tâm sánh với hư không thanh tịnh bố thí, cho đến bố thí giống như hư không chẳng có ngăn mé. Bồ Tát làm việc bố thí, lại cũng như vậy. Giống như hư không, rộng rãi vô ngại, Bồ Tát làm việc bố thí quảng đại hồi hướng cũng lại như thế. Giống như hư không chẳng có sắc tướng, như thế Bồ Tát lìa sắc làm việc bố thí cũng lại như vậy. Giống như hư không, không tướng không tác, không biểu hiện, không tương, Bồ Tát làm việc bố thí nhiếp thọ tất cả loài hữu tình, lại cũng như thế. Giống như hư không, biến vào trong các quốc độ Phật, Bồ Tát đại từ duyên nơi hữu tình, rộng vì việc làm bố thí, lại cũng như thế. Giống như hư không, chứa đựng được tất cả, Bồ Tát làm việc bố thí này nhiếp thọ tất cả loài hữu tình, lại cũng như thế. Cho đến như người biến hóa,, thí biến hóa; không có thọ dụng, lại chẳng phân biệt. Ý đạt đến các pháp lại chẳng mong cầu lìa ngã và ngã sở; tự tánh thanh tịnh. Vượt hơn cả trí tuệ, đoạn trừ những phiền não, do phương tiện trí mà chẳng xa rời loài hữu tình. Đây là Bồ Tát tu hành bố thí Ba Ma Mật Đa giống như hư không vậy.”

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ 19

---o0o---

Quyển Thứ Hai Mươi

Thứ tự Kinh văn số 1636

- Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh . Quyển thứ 32 thuộc Luận Tập Bộ
Toàn từ trang 75 đến 144.

- Ngài Pháp Xứng (Santideva Tịch Thiên) Bồ Tát tạo Luận.

- Tây Thiên dịch kinh Tam Tạng Triều Tán Đại Phu, Thích Hồng Lô Thiều Khanh (*) Tuyên Phạm Đại Sư, Sắc Tử Sa Môn Thần Pháp Hộ cùng với những người khác phụng chiếu dịch.

- Sa Môn Thích Như Điền, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi cùng với sự phụ dịch của Tỳ Kheo Đông Văn, bắt đầu từ ngày 02 tháng 12 năm 2004 nhân kỳ nhập thất lần thứ hai tại đây.

Chánh Mệnh Thọ Dụng

Phẩm Thứ Mười Lăm - Phần Thứ Hai

Luận rằng:

Ở đây lại làm sáng tỏ việc giữ giới thanh tịnh. Như Kinh Hư Không Tạng chép: "Xa rời tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, nơi tâm Bồ Đề chẳng sanh thối chuyển, nơi giới luật được thanh tịnh. Nay Thiện nam tử! Giống như hư không thể tánh thanh tịnh, Bồ Tát giữ giới thanh tịnh lại cũng như thế. Hư không chẳng dơ, Bồ Tát giữ giới chẳng dơ lại cũng như vậy. Hư không tịch tĩnh, Bồ Tát giữ giới tịch tĩnh lại cũng như vậy. Hư không vô hoại, Bồ Tát giữ giới vô hoại lại cũng như vậy. Lại nữa, như hư không không thể vượt hơn, Bồ Tát giữ giới nơi hữu tình cũng không thể vượt hơn. Lại nữa, hư không thanh tịnh bình đẳng; Bồ Tát thực hành nhẫn nhục nơi hữu tình bình đẳng hòa hợp thanh tịnh. Lại cũng như thế giống như có người cầm dao vào rừng Sa La, để đốn cành lá, nên biết cây Sa La chẳng sân nhuế; chẳng sanh

phân biệt, là ai có thể đón nó. Lại nữa, cũng chẳng cần phân biệt ai là người đón nó. Bồ Tát thực hành hạnh nhẫn lại cũng như vậy. Đây là Bồ Tát tối thượng nhẫn nhục giống như hư không”.

Lại Kinh Bảo Phát chép: “Thân tinh tấn thanh tịnh, nghĩa là thân này giống như hình ảnh và tiếng vang. Nơi lời nói, tự tánh không ghi nhận. Rõ biết tâm này rớt ráo là không tịch. Cho nên lòng đại bi bị lòng từ chế ngự. Đầy đủ các hạnh, sâu tu thiền định, nơi công đức của Pháp chẳng làm cho khuyết giảm. Nơi tâm Bồ Đề này, quán sát tất cả chúng sanh chẳng có khuyết giảm. Hoan hỷ bố thí cho đến phương tiện chẳng có khuyết giảm. Với từ bi hỷ xả thâm tâm tương ưng chẳng có khuyết giảm. Bồ thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự chẳng có khuyết giảm, ở nơi chánh niệm chánh tri chẳng có khuyết giảm. Chánh niệm xứ, chánh cần, thần túc, căn lực, giác chi, thánh đạo, chẳng có khuyết giảm. Cho đến pháp Chỉ và Quán chẳng có khuyết giảm. Bỏ nghiệp phiền não tự tánh vô tri. Tu kiểm thân tâm, chẳng cho buông lung. Thường siêng làm Phật sự thành thực hữu tình, hoặc được thanh lương an trụ nơi tịch tĩnh. Nay Thiện nam tử! Đây gọi là Bồ Tát tu Thiên Ba La Mật Đa hạnh thanh tịnh. Như thế cho đến Trí Huệ Ba La Mật Đa nên biết cũng như vậy”.

---o0o---

Tăng Trưởng Thắng Lực

(Bhadracaryavidhih

Sodasah Paricchedah)

Phẩm Thứ Mười Sáu - Phần Thứ Nhất

Luận rằng:

Ở đây làm sáng tỏ ba loại: Tăng trưởng thắng lực nghĩa là chỗ làm, tâm thường và vô yếm túc. Độ chúng sanh, chẳng sanh giải đãi, thối thác. Cầu Phật diệu trí, kiên cố dũng mãnh. Đây là ba loại lực mà chẳng phải Thanh Văn có thể hành được. Như Kinh Bảo Vân chép: “Nơi chúng sanh tự tánh khiếm nhược, duy trừ Bồ Tát hiển hiện tăng trưởng”.

Lại Kinh Như Lai Bí Mật chép rằng: “Lúc ấy Vua A Xà Thế lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn: Bồ Tát tu pháp nào mà có thể rộng được thắng

lực như thế? Phật bảo: Này Đại Vương! Bồ Tát tu mười pháp rộng được thắng lợi. Thế nào là mười?

Một là thà bỏ thân mệnh, chứ chẳng bỏ Vô Thượng Chánh Pháp.

Hai là đối với tất cả chúng sanh luôn luôn khiêm hạ, tâm kiêu mạn không tăng trưởng.

Ba là đối với chúng sanh yếu đuối, khởi tâm bi mẫn nhớ nghĩ, chẳng sanh tổn hại.

Bốn là thấy chúng sanh đói khát, bố thí đồ ăn ngon sạch.

Năm là thấy chúng sanh sợ hãi, bố thí sự không sợ hãi.

Sáu là thấy chúng sanh tật bệnh, bố thí thuốc thang cứu khổ.

Bảy là thấy chúng sanh bần cùng, bố thí trí tuệ để được đầy đủ.

Tám là thấy tháp miếu hình tượng, tranh ảnh Phật hư, làm cho trang nghiêm thanh tịnh.

Chín là đón đưa vui vẻ nói lời an ủi chúng sanh.

Mười là thấy ai thiếu thôn bịnh nặng khổ não, liền giúp cho họ bớt khổ.

Bồ Tát đầy đủ mười pháp như thế tức có thể rộng làm được những lực tối thắng”.

Lại nữa, Kinh Hải Ý chép rằng: “Bồ tát có thể phát khởi tinh tấn, thường do nơi kiên cố, siêng năng làm việc vui vẻ; khởi tâm tinh tấn không ngừng nghỉ. Chư Bồ Tát đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề làm được không khó. Tại sao vậy? Này Hải Ý! Do tinh tấn vậy! Cho nên mới được Bồ Đề. Nếu kẻ giải đãi, xa rời Phật Bồ Đề, lại càng xa hơn nữa. Kẻ chẳng giải đãi, có thể hành bố thí cho đến không giải đãi, có thể tập trung được trí tuệ”.

Như Kinh Nguyệt Đăng chép rằng: “Dụ như trong nước, hoa Ưu Bát La (Hoa Sen Xanh) sanh ra phải biết lần lượt mà được tăng trưởng. Dần dần tu học rồi thực hành hạnh bố thí”.

Như Kinh Năng Đoạn Kim Cang nói: “Nếu Bồ Tát trụ bố thí, rộng được phước tụ chẳng thể xưng lượng”.

Lại Kinh Đại Bát Nhã (Mahati Prajnaparamita) chép rằng: “Lại nữa Xá Lợi Tử! nếu Đại Bồ Tát vui tu tập Bát Nhã Ba La Mật Đa, dù bố thí ít mà được viên mãn, nên biết rằng sự bố thí kia đến với tất cả chúng sanh như vàng, bạc, đồ trân bảo, vườn rừng, nhà cửa ... nhiều loại như thế tùy theo ý này mà vui. Tất cả tướng trí phương tiện thiện xảo, có thể hồi hướng đến vô lượng vô số kiếp của tất cả chúng sanh. Thế cho nên học Bát Nhã Ba La Mật Đa”.

Luận rằng:

Ở đây làm rõ đại bi không tàng tự tánh thanh tịnh, thọ dụng phước lạc, rời bỏ tăng trưởng tật bịnh. Nếu chẳng đại bi, thì chẳng phải hành Bồ Tát, kiến lập những việc thiện là điều căn bản. Như thế, lòng từ bi sâu dày kiên cố hiện tiền. Đồng mãnh tu tạo các hạnh từ bi tương ứng tức có thể giữ giới luật thanh tịnh.

Kinh có kệ tụng rằng:

“Như người khéo đấu tranh

Lợi khí tâm vững chãi

Nếu có ít giải đãi

Tức giữ giới đưa lại”.

Lại như Thiện Tài qua nghinh đón Thánh Từ thiện tri thức liền tự nghĩ rằng:”Nơi thân ta, về kiếp quá khứ chẳng có tâm đồng mãnh, chẳng có ý kiên cố, chẳng có nhân thanh tịnh, thọ các luân chuyển. Tâm vui, dong ruổi, điên đảo phân biệt. Tự suy nghĩ tà vạy, vui làm nơi dục hạnh. Chấp trước thế gian, chẳng lợi sự nghiệp, hoặc nơi tự thân làm cho được rộng nghĩa lợi. Khởi lên bất bình đẳng, tất cả đều xả thí. Ở đời hiện tại, khởi lên đại dừng mãnh, loại bỏ phân biệt, chân thật tư duy. Chỗ làm của chư Bồ Tát, chánh hạnh nên siêng tu tạo, nơi chúng sanh, khởi lên tăng thượng tâm làm lợi lạc tất cả. Nơi Chư Phật liền phát đại tinh tấn, làm những việc lành lợi lớn. Trang nghiêm các căn, tăng trưởng nguyện lực. Đọc tụng kinh điển, tâm

tịnh tín giải. Nhiếp giữ thân tâm, chẳng sanh trạo cử, thường vui xuất ly; sanh lão bệnh tử; ưu não khổ hải. Đời sau làm các việc vui, chỗ làm của Bồ Tát hạnh nên đến tất cả nước quốc độ Chư Phật. Cung kính lãnh thọ lời dạy dỗ của Như Lai, gần gũi cúng dường những Pháp Sư thuyết pháp, vui cầu tương ứng đúng Phật. Thừa hành cung cấp các Thiện tri thức. Khai thị diễn thuyết tất cả Phật Pháp. Bồ Tát có thể tư duy quan sát như thế. Tức có thể tăng trưởng nguyện lực thân trí, nhằm độ thoát tất cả chúng sanh, trồng đạo đức nơi chỗ căn bản”.

Như Kinh Vô Tận Ý (Aksayamatirredsa) chép: “Bồ tát một mình không bạn đồng hành kiên cố cứu cánh đạt đến Bồ Đề. Thân tâm tự tu, chẳng giả dối làm việc đó. Do sự tinh tấn nung nấu mà tự trang nghiêm mình. Vì các chúng sanh mà tạo nên những thiện nghiệp. Ta lại cũng như thế tất phải làm như vậy. Chư Bồ Tát từ sơ phát tâm là chỗ tu hành, ta cũng thường hành như thế. Bồ thí chẳng phải một nửa cho mình, và một nửa còn lại mình cho. Giới cho đến tinh tấn, thiền định, trí tuệ chẳng phải là nửa của mình, một nửa của người khác. Các Ba La Mật chẳng thể sai khiến mình, mà mình có thể sai khiến các Ba La Mật. Tất các căn lành đều là như thế cho đến nơi Kim Cang Tòa, tại Bồ Đề Đạo Tràng các chúng ma bị hủy hoại. Trong mỗi mỗi sát na, bình đẳng tương ưng với trí tuệ, thành Bồ Đề”.

Như kinh Kim Cang Tràng (Vajradhvaja Sutra) chép rằng: “Như mặt trời xuất hiện ở thế gian riêng rẽ không có bạn hữu, trải qua nhiều cảnh giới mà chẳng thối chuyển; đối với người mù, cũng chẳng hề chi; đối với La Hầu A Tu La Vương, cũng chẳng sao cả; đối với thành Căn Thát Bà, cũng không có vấn đề; đối với các nơi đơ uế của cõi thế gian cũng không bận tâm; đối với bốn thiên hạ vi trần trong địa giới cũng chẳng lo lắng; đối với núi cao, núi lửa, tuyết phủ tất cả cũng không làm chướng ngại. Đại Bồ Tát xuất hiện nơi thế gian lại cũng như thế. Chẳng phân biệt trí, chánh niệm rõ biết, vì chúng sanh mà chẳng tổn hại; chẳng sanh tâm nhàm chán và không thối chuyển, nơi Bồ Tát rộng vì căn lành lớn mà sanh tất đó. Bồ Tát như thế chẳng sanh tâm hiềm giận, lại chẳng thối chuyển.

Lại có chúng sanh vì tà, thấy dơ và ô nhiễm, Bồ Tát nơi đó chẳng sanh tâm nhàm chán và không thối chuyển. Nếu thấy chúng sanh thường vì sân nhuế ràng buộc. Bồ Tát đối với họ cũng chẳng xa rời. Nếu thấy chúng sanh ngu si, bị phiền não sâu dày che lấp, phá hoại chủng tử Bồ Đề; hết thấy thế gian chẳng thể cứu giúp, Bồ Tát nơi đó chẳng sanh khinh mạn. Vì sao vậy?

Bồ Tát đại bi chẳng thấy chúng sanh có sai trái, giống như mặt trời xuất hiện nơi thế gian, làm cho tất cả sáng sủa không có chướng ngại. Lại nữa, chúng sanh ngu si che dấu, chẳng tin Chư Phật, chẳng nghe Chánh Pháp, chẳng hiểu ruộng phước nơi Tăng. Tự mình tạo ra nhiều loại nguyên nhân khổ, hoặc đọa vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ v.v...

Lúc ấy, Bồ Tát thấy chúng sanh tạo nghiệp rồi, tâm chẳng động, chẳng hoảng hốt, chẳng kinh sợ, liền phát tâm đồng mãnh chẳng sanh thoái chuyển, quyết định thay thế chúng sanh thọ những sự khổ não đó. Vì sao thế?

Vì ta đang mang vác những chúng sanh cho đến sự sanh lão bệnh tử khổ não khó khăn trên thế gian này, vào chỗ không già nạc; vào nơi chỗ hiểm của luân hồi, vào nơi nạn ác kiến, nơi nạn quỷ hoại thiện pháp, nơi nạn sanh ra vô trí. Ta sẽ rớt ráo làm cho thoát khỏi những nạn này. Những chúng sanh ấy do vô minh ràng buộc, lưới ái nhiễm trước, lại kết chặt thành dây; mê mờ khổ chẳng sanh tâm rõ biết, chẳng cầu ra khỏi; thường hay nghi hoặc, cùng với những nguyện sai khác. Nơi biên luân hồi, trôi nổi bập bênh, ta thường an trụ tất cả chỗ trí tuệ cao tốt. Làm cho tất cả chúng sanh, thành tựu lợi ích và tất cả được giải thoát. Chỉ riêng ta một mình có thể cứu khổ. Giả sử tất cả thế giới đều làm ác, thọ khổ chúng sanh đầy dẫy trong đó; nơi đó ta sẽ tích tập mọi căn lành, bình đẳng hồi hướng, chẳng trừ bỏ một ai. Cho đến sau cùng trải qua nhiều thời gian mỗi mỗi các đường ác đều tiêu diệt không còn. Mỗi mỗi chúng sanh đều được giải thoát. Nếu một chúng sanh chưa lìa được khổ, thân ta chưa ra khỏi luân hồi. Nguyện cho tất cả chúng sanh, nơi thân được hết sự khổ, làm cho an ổn vui vẻ. Mỗi mỗi niềm vui khi được thốt lên là lời nói chân thật. Chớ không phải tướng, chẳng sanh tổn hại. Ta sẽ làm cho tất cả phát nhất thiết trí và tâm lìa cảnh ngũ dục, làm hạnh Bồ Tát, cứu cánh an trụ nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.

Vì sao vậy? Nơi các chúng sanh, do nhiễm dục mà chấp nhận những cảnh Ma, hủy báng Chư Phật, Thế Tôn, nên biết tham dục là gốc của sự khổ. Do duyên này, sự tranh tụng, đấu tranh tạo ra, khởi lên phiền não, để rồi phải đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh ... cho đến chẳng sanh lên cõi Trời, xa lìa chư Phật. Làm thế nào để có thể phát Vô Thượng Trí Vương? Những chúng sanh vì dục lạc trôi nổi, đốt cháy vô lượng khổ não thiếu sót; ta từ nơi thiện căn bình đẳng mà hồi hướng, làm cho tất cả chúng sanh đều được xả ly, vui cầu Phật trí, được Niết Bàn an lạc. Ta sẽ vì chúng sanh mà làm Đại Đạo Sư. Ở nơi phương tiện trí, làm cho họ đạt đến bờ giải thoát.

Lại nữa như mặt trời chiếu sáng bốn đại châu; nơi cảnh giới đó làm cho sáng tỏ. Cung điện nhà Vua, làng xóm, thành ấp, nhân dân ra vào tạo tác sự nghiệp; thành thực cày cấy trồng rau quả. Mặt trời chiếu ánh sáng uy đức, độc xuất nơi thế gian, quyết định chẳng có hai. Như thế Bồ Tát từ sơ phát tâm, thấy các chúng sanh chẳng trồng căn lành, liền niệm rằng: Ta sẽ cứu hộ tất cả chúng sanh, ta sẽ giải thoát tất cả chúng sanh, ta sẽ soi sáng tất cả chúng sanh. Ta sẽ giáo hóa tất cả chúng sanh; ta sẽ thay thế tất cả chúng sanh; ta sẽ nhiếp thọ tất cả chúng sanh. Ta sẽ thành thực tất cả chúng sanh, làm cho họ an ổn, đoạn các nghi hoặc. Lại như mặt trời xuất hiện ở tất cả thế gian, ánh sáng đều chiếu khắp chẳng phải vì kia cầu. Đại Bồ Tát lại cũng như vậy, tái xuất hiện nơi đời thấy chúng sanh khổ, chẳng chờ chúng sanh thỉnh mời, mà liền đến cứu hộ, không phải kể ít thiện căn mà không hồi hướng, nơi chúng sanh mà trang nghiêm”.

Lại nữa Kinh Vô Tận Ý chép:”Bồ Tát chẳng kể kiếp số, để cầu Bồ Đề, từ gốc sanh tử cho đến ngày nay, đã trải qua nhiều thời gian không thể tính đếm được. Ở nơi những kiếp ấy đã làm trang nghiêm, cho đến thấy Chư Phật, phát một tâm đạo. Rồi trải qua Chư Phật ấy hằng hà sa số phụng sự cúng dường, chẳng có giải đãi mỗi một. Lại có thể hiểu rõ tất cả tâm của chúng sanh để thi hành. Cho nên có tên là Bồ Tát Vô Tận Trang Nghiêm. Tu tập bố thí Ba La Mật, phát Bồ Đề tâm; mà có thể đầy đủ tướng hảo trang nghiêm như thế”.

Lại nữa Kinh Bảo Vân chép rằng: “Bồ Tát thấy các chúng sanh mù lòa không có huệ nhãn, ngọng câm, khó điều phục, phá giới, ỷ lại, chắc chắn đọa vào cõi ác. Bồ Tát khởi tâm xa lìa, cầu sanh Tịnh Độ, nguyện tai chẳng nghe tên của các việc ác. Nghĩ như thế rồi, liền tư duy, đây là những chúng sanh ngu si ngọng câm, chẳng có phần Niết Bàn, không thể sanh tín tâm, xa lìa Chư Phật. Ta sẽ điều phục cứu họ ra khỏi. Phát tâm như thế rồi, tất cả ma cung đều chấn động. Mười phương Chư Phật, đồng thanh tán thán, người này chẳng bao lâu, ngồi nơi đạo tràng, chứng được tâm Bồ Đề”.

Luận rằng:

Việc này từ từ tư duy quán sát, tức có thể tăng trưởng vô lượng phước lạc; nên ngay chánh thân tâm kiên cố tu hành đạo giác. Như Kinh Pháp Tập chép: “Trong Phật Pháp lấy tâm ngay thẳng làm gốc. Nếu chư Bồ Tát chẳng có tâm ngay thẳng tức là xa rời tất cả Phật Pháp. Nếu đầy đủ thân tâm kiên cố, khi chưa nghe đủ pháp sâu xa thâm diệu, sanh khát ngưỡng; hoặc nơi vắng vẻ, hay dưới gốc cây trong rừng, tự nhiên xuất hiện pháp âm vi diệu

thâm sâu, mà được liễu giải. Cho nên Bồ Tát nên làm như thế. Như người có chân, tức có thể đi đây đó. Bồ Tát nếu ngay thẳng sâu xa, có thể tu hành tất cả Phật Pháp. Như người có thân, tức có thọ mạng. Bồ Tát, có đầy đủ thân tâm ngay thẳng, tức có thể rộng được Chư Phật Bồ Đề. Như người có mạng sống tức có tài lợi. Bồ Tát nếu có đầy đủ thân tâm ngay thẳng, có thể rộng được nơi thánh tài của Chư Phật. Giống như chiếc đèn lớn cháy sáng rực rỡ vậy. Bồ Tát đầy đủ thân tâm ngay thẳng, đối với Pháp Phật rõ biết sáng suốt, giống như có mây, tức có thể có mưa. Bồ Tát nếu đầy đủ thân tâm ngay thẳng; tức có thể tuyên bố Pháp vũ của Chư Phật. Cho nên Bồ Tát phải rõ biết thân tâm ngay thẳng khéo giữ gìn. Giống như gốc cây mục nát chẳng thể sanh cành lá hoa quả. Bồ Tát nếu không có thân tâm ngay thẳng, đối với các thiện Pháp chẳng được sanh trưởng ; lại chẳng thể nhận được sự giác ngộ của Chư Phật”.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ 20

---o0o---

Quyển Thứ Hai Mươi Một

Thứ tự Kinh văn số 1636

Bắt đầu dịch từ ngày 03 tháng 12 năm 2004
nhân kỳ nhập thất lần thứ hai.

Tăng Trưởng Thắng Lược

Phẩm Thứ Mười Sáu - Phần Thứ Hai

Luận rằng:

Sao gọi là thân tâm giác liễu? Kinh Vô Tận Ý nói rằng: “Lại nữa, tâm này nơi các chỗ làm lia dôi trá. Lia dôi trá là chẳng khởi lên siểm nịnh vậy. Chẳng khởi lên siểm nịnh là có thể quyết định vậy. Có thể quyết định là trừ cuồng, huyễn vậy. Trừ cuồng, huyễn là trụ thanh tịnh vậy. Trụ thanh tịnh là thường chánh trực. Thường chánh trực là vô tà khúc. Vô tà khúc là tánh minh liễu. Tánh minh liễu là khéo hiểu rõ. Khéo hiểu rõ là được chân thật.

Được chân thật là chẳng thể hoại. Chẳng thể hoại là rộng kiên cố. Rộng kiên cố là được chẳng động. Được chẳng động là chẳng bỏ chúng sanh. Cho nên ở đây nói là thâm tâm giác liễu vậy”.

Kinh cũng lại chép: “Tối thượng thù thắng thâm tâm tu tập; an trụ nơi tịch tĩnh, lòng từ bảo bọc chúng sanh. Đối với người hiền lành nên cung kính tôn trọng, đối với người chẳng hiền lành đem tâm từ để cứu bạt. Kẻ chẳng cứu hộ mình lại cứu hộ, kẻ chẳng quy y tạo cho họ quy y. Kẻ trôi nổi làm cho họ lên bờ. Kẻ vô chủ tể tạo cho họ có chủ tể. Kẻ không bạn lữ tạo cho họ có bạn lữ. Đối với những kẻ tà mị, tạo cho họ chánh trực, đối với kẻ bạo ác khiến cho họ nhu thuận, đối với kẻ điêu ngoa, siểm nịnh, khiến cho họ ngay thẳng, đối với kẻ hư cuồng khiến cho họ thành thực; đối với kẻ gian manh, khiến họ thuần hậu, chất trực; đối với kẻ không hiểu biết suy nghĩ, khiến họ hiểu biết suy nghĩ; đối với kẻ khỗ não, khiến họ được an ổn; đối với kẻ chẳng làm lợi lạc, khiến họ được lợi lạc; đối với kẻ ngã mạn làm cho họ khiêm hạ; đối với kẻ hủy báng làm cho họ sanh tâm tán thán. Đối với kẻ điêu ngoa làm cho họ vâng lời, đối với kẻ chẳng biết lo lắng làm cho họ biết lo lắng, đối với kẻ sai trái làm cho họ thấy đúng. Đối với các bậc thầy, khởi lên hạnh thanh tịnh, phương tiện thiện xảo, tâm hằng cung kính. Đối với sự dạy dỗ, thường hay nhớ nghĩ chẳng quên”.

Luận rằng:

Như thế từ từ thâm sâu tu tạo; tức được tăng trưởng thắng lực Đại Bi hiện tiền. Như Kinh Pháp Tập chép: “Lúc bấy giờ đức Quán Thế Âm Bồ Tát bạch Phật rằng:

Kính bạch Đức Thế Tôn! Bồ Tát tu học chẳng thuận nhiều Pháp; nếu giữ một Pháp tức có thể khéo biết tất cả Phật Pháp. Một Pháp đó là Đại Bi. Nếu chư Bồ Tát có thể hành Đại Bi, có thể nhiếp thủ tất cả Phật Pháp trong lòng bàn tay. Kính bạch Đức Thế Tôn! Như Chuyển Luân Vương có luân bảo như ý, cho nên được tất cả kẻ phục tùng. Bồ Tát nếu khởi tâm Đại Bi tức nơi Phật Pháp tự nhiên rộng được, lại cũng như thế. Bạch Đức Thế Tôn! Giống như mặt trời chiếu sáng thế gian, các loài hữu tình mọi sự đều được thành tựu biện tài. Bồ Tát nếu được tâm Đại Bi chiếu diệu, đối với tất cả phần Bồ Đề, tất nhiên dễ tu hành, giống như thế. Bạch Thế Tôn! Ý giống như các cây xanh, có thể giữ lấy cảnh giới riêng mình, Bồ Tát dùng tâm Đại Bi, đối với tất cả phần phát Bồ Đề, mỗi mỗi đều tu tạo như lý mà hành trì. Bạch Đức Thế Tôn! Giống như nương tựa vào mệnh căn, các căn khác. Bồ Tát nếu có tâm Đại Bi, tức có thể tu các phần phát Bồ Đề”.

Lại nữa Kinh Vô Tận Ý chép rằng:”Giống như mạng sống của con người, lấy hơi thở ra vào làm gốc, cũng như thế đó, Bồ Tát tu học Đại Thừa tức lấy tâm Đại Bi làm gốc vậy. Lại nữa như Trưởng Giả có một con yêu mến nhớ nghĩ thâm tình, chưa từng bỏ rơi. Bồ Tát có tâm Đại Bi rộng lớn đối với chúng sanh yêu mến như con mình”.

Luận rằng:

Ở đây quán như thế nào? Nghĩa là dùng tâm từ để tu. Đối với tất cả chúng sanh yêu thương giống như con riêng của mình. Trong đời quá khứ vô lượng khổ não; sanh trong hiện tại nhiều bệnh khổ, lớn lao như biển cả; vì lại thời luân hồi hiểm nạn.

Như Kinh Thập Địa chép:”Kẻ vô trí ngu si sẽ sanh vào các loài khác. Đã có vô số thân mệnh mất rồi, hiện tại đang mất và sẽ mất trong tương lai. Như thế khi chết đi, chẳng thể sanh ra thân này, mà phải chuyển đổi bị các khổ liên hệ tăng trưởng. Tùy theo sự sanh tử lưu chuyển chẳng thể ra khỏi, chẳng thể bỏ lia; các uẩn chấp giữ; chẳng thể lìa xa các rắn độc; chẳng thể quán sát lục xứ không tụ; chẳng thể đoạn trừ ngã và ngã sở; chẳng thể đánh bật mũi tên độc kiêu căng ngã mạn; chẳng thể diệt trừ lửa tham, sân, si; chẳng thể phá hoại hắc ám vô minh; chẳng thể làm khô cạn sóng khát ái lao xao; chẳng cầu mười lực của đạo sư bậc thánh; nhập vào rừng tà, chạy theo ma đảng; bị nổi trôi trong biển luân hồi; là mầm móng dày sâu của sự trói buộc. Sự đau khổ của tuổi già, tật bệnh luôn luôn bức bách, ta đem lòng thương các loài hữu tình, mà cứu giúp họ. Chứa vô số tư lương phước trí, làm căn lành cho tất cả làm cho được rốt ráo thanh tịnh”.

Kinh lại cũng chép:”Loài hữu tình rong ruổi trong sanh tử hiểm nguy trong ác đạo địa ngục bàng sanh, đọa trong cõi A Tu La, ngu si ám muội, thiếu thầy dẫn đường, cho đến chìm đắm trong sông mê, biển ái, mà lưu lạc mãi chưa từng tỉnh ngộ. Nguy hại suy bại trở ngại do tập khí tham dục chẳng chịu thí xả. Thân thấy La Sát là chỗ mình giữ ngã mạn ở bên bờ không chỗ nương tựa. Chẳng thể qua khỏi lục xứ, tụ lạc; chẳng thể ít thiện căn mà có thể tế độ được. Cho nên ta lấy Đại Bi lực đưa chúng sanh ra khỏi, làm cho họ thoát khỏi khổ đau, lìa những dơ uế, được tịch tịnh và làm cho họ an trụ trong tất cả trí tri, là chỗ quý giá vậy. Các loài hữu tình dù ưu bi khổ não, lưu chuyển liên tục, buộc tham ái, bị nguy hiểm trói buộc, làm cho vô minh siểm trá tạo ra che khuất, chìm đắm trong ba ngục mà chẳng cầu ra khỏi,

nhưng ta nguyện khiến cho họ thoát khỏi sự sợ hãi và khổ não trong hiện tại; làm cho họ không còn chướng ngại, được an ổn vui thú”.

Luận rằng:

Đối với tâm kiên cố như thế tức có thể tăng trưởng Đại Bi phước hạnh. Lại Kinh Tối Thượng Vấn : “Ngày đêm sáu thời, mặc áo mới thanh tịnh, lễ kính Chư Phật, thường sanh lòng tôn trọng. Lần lượt tu tạo thành hạnh Phổ Hiền”.

Lại nữa, Kinh Tam Tụ (Triskhandhaka) chép rằng: “Đầu mặt tiếp với chân tay kính lễ Chư Phật; tức có thể sám hối tiêu trừ tất cả tội cấu. Tam tụ nghĩa là: sám hối, khuyến tỉnh và tùy hỉ phước đức.” Lại nữa Kinh Ưu Ba Ly Sở Vấn nói: “Phàm làm rõ sự khuyến tỉnh, một loại ý nghĩa lợi lạc; giải thoát khỏi lưới ma, ngộ được vô thường. Lại phải làm lễ cung kính tất cả Chư Phật”.

Như Kinh Vô Tận Ý chép:”Tự mình sám hối sẽ rộng được các phước”. Như bốn bài kệ về Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói:”Tùy hỉ phước hạnh”. Như trong phẩm Nguyệt Đăng Kinh tùy hỉ nói: “Tự mình làm tiêu trừ có ba loại sáng suốt; ánh sáng ấy do: Sự cúng dường hồi hướng hình tướng”. Như Kinh Bảo Vân chép:”Nếu các Bồ tát chỗ cúng hoa tươi và hương thơm . Hương chiên đàn, gỗ lâu năm, gỗ quý, cho đến kẻ vô chủ tể, vô chấp trì, ngày đêm sáu thời vận tâm cúng dường Phật, Bồ Tát”. Lại nữa, Kinh Tam Muội Da (Trisamayaraja) chép rằng: “Mười phương thế giới các quốc độ, từ đất sanh ra các núi quý; nước sanh ra núi quý; tất cả thuốc hay thanh tịnh tốt đẹp. Từ nước cho những thức ăn uống và các loại vàng bạc quý cho đến nơi cõi Bắc Cu Lô Châu, rừng rậm đất đai mùi vị, hương thơm tự nhiên, tối thượng ái lạc là chỗ thọ dụng. Vận tâm lâu dài như trước để cúng dường”.

Luận rằng:

Như trên đã nói sự gần gũi thừa sự cúng dường Chư Phật và Bồ Tát. Như thế nghe rồi, hoàn toàn nhất tâm nương vào sự dạy dỗ mà phát nguyện hồi hướng.

Như Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện (Bhadracarya) thấy Kinh Kim Cang Tràng (Vajradhvaja Parinamana) hoặc Thập Địa Kinh chép: “Lại nữa Bồ Tát, ở nơi Cực Hỷ Địa phát mười loại thệ nguyện rộng lớn, để thừa sự cúng dường tất cả Như Lai, mà có thể thành tựu thanh tịnh thắng giải. Hành

tướng như thế tận đến hư không giới cùng với Pháp tánh cùng cõi vị lai vô số kiếp, mà nơi Chư Phật ra đời trụ thế làm việc cúng dường rộng lớn chẳng có nơi nghỉ. Đây là việc phát khởi đại nguyện thứ nhất.

Vì muốn thọ trì tất cả các Pháp của Như Lai, mắt khéo hay giữ gìn chánh pháp của Chư Phật. Tận hư không giới cùng với pháp tánh; cùng đến vị lai tất cả kiếp số nhiếp thọ tất cả chánh pháp chẳng có nơi nghỉ. Đây là sự phát khởi đại nguyện thứ hai.

Vì tất cả Chư Phật xuất hiện ra nơi đời; đầu tiên là an trụ nơi cung Đâu Suất thiên, rồi giáng thân, gá vào bào thai, đản sanh và lớn lên, xuất gia tu khổ hạnh, tọa Bồ Đề đạo tràng, hàng phục các ma, chuyển bánh xe Pháp, thị tịch Niết Bàn. Đầu tiên, giữ hạnh đến lui cúng dường tất cả nơi; đồng thời chuyển bánh xe Pháp tối thượng đến tận hư không giới cùng với pháp tánh cho đến đời vị lai vô số kiếp. Với Chư Phật xuất hiện trên thế gian, thỉnh mời chuyển Pháp luân, chẳng để ngừng nghỉ. Đây là phát khởi đại nguyện thứ ba.

Vì muốn phát hạnh nguyện rộng lớn đến vô lượng Bồ Tát; không phân biệt các Ba La Mật, đầy đủ thanh tịnh. Nhiếp thọ các địa tổng tướng, biệt tướng, đồng tướng, dị tướng, thành tướng, hoại tướng, như thật chẳng thấy ngược, hiển thị lời giáo huấn và các hạnh của chư Bồ Tát, làm cho sự phát tâm này đến tận hư không giới cùng với pháp tánh; nhẫn đến vị lai vô số kiếp nơi chánh hạnh chẳng có dừng nghỉ. Đây là sự phát khởi đại nguyện thứ tư.

Vì muốn thành thực các loài hữu tình, có hình sắc, vô hình sắc, hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng, loài sanh bằng trứng, loài sanh bằng thai, loài sanh dưới nước ẩm thấp, loài hóa sanh. Ba cõi sáu loài nơi bị trời buộc, nơi danh sắc bị nhiếp làm cho vĩnh viễn đoạn trừ. Tất cả cõi ấy đều vào nơi biển Phật Pháp của chư Phật. Cứu cánh an trụ tất cả trí tri, làm cho chẳng mất đến tận hư không giới cùng với pháp tánh. Nhẫn đến đời vị lai tất cả kiếp số, thành thực hữu tình, chẳng có nơi nghỉ. Đây là sự phát khởi đại nguyện thứ năm.

Vì muốn nhập vào cảnh giải thoát của mười phương thế giới, hoặc rộng, hoặc hẹp, hoặc thô, hoặc tế, hoặc che đậy, hoặc tạp loạn mà ở, giống như lưới võng phân chia khác nhau, tương ứng với hiện tại mà rõ biết; đến tận hư không giới cùng với pháp tánh, nhẫn đến đời vị lai vô số kiếp, đều có thể vào cảnh giới giải thoát chẳng có ngừng nghỉ. Đây là sự phát khởi đại nguyện thứ sáu.

Vì muốn nghiêm tịnh tất cả quốc độ Phật, từ một Phật sát cho đến một Phật sát. Tất cả quang minh chiếu khắp trang sức, lia các phiền não, thành nơi chốn thanh tịnh. Đại trí hữu tình đầy đầy nơi đó, hòa nhập vào chư Phật rộng đến các đại cảnh giới, tùy theo các loài hữu tình, ý vui quy hướng, bình đẳng hiển thị, tất cả làm cho hoan hỷ. Tận hư không giới đồng với pháp tánh. Nhấn đến đời vị lai, tất cả kiếp số và các quốc độ Phật đều làm cho nghiêm tịnh, chẳng có ngừng nghỉ. Đây là sự phát khởi đại nguyện thứ bảy.

Vì muốn cùng chư Đại Bồ Tát đồng một ý vui, tích chứa thiện căn. Đồng một nơi duyên vào nơi tánh bình đẳng. Thường được gặp Chư Phật, chư vị Bồ Tát, tùy nơi ý muốn này, chẳng phải lia bỏ. Theo uy lực của Phật mà đồng phát tâm, để rộng được chẳng mất thần thông, tức có thể tới lui khắp các thế giới. Nơi đại chúng hiện cùng một loại thân, vui tu Bồ Tát nơi chánh hạnh, ngộ bất khả tư nghĩ, Đại Thừa diệu pháp; tận hư không giới, đồng với pháp tánh, nhấn đến vị lai tất cả kiếp số và cùng với chư Bồ Tát ngộ vào Đại Thừa chẳng có ngơi nghỉ. Đây là điều phát khởi đại nguyện thứ tám.

Vì muốn bất thối chuyển nơi hạnh Bồ Tát; thân ngữ ý nghiệp tất cả chẳng hao tổn, dần thấy chỗ làm nơi Phật Pháp, liền được quyết định. Dần nghe âm thanh lời nói; tức sanh tịnh tín, có thể khởi chánh tri, vĩnh viễn đoạn lia phiền não. Nguyện làm cho thân này như cây thuốc lớn, để cứu bệnh khổ cho đời. Như lương thực, như ý để cứu người nghèo khổ, rộng làm lợi ích chúng sanh tu Bồ Tát Hạnh, cho đến tận hư không giới cùng với pháp tánh. Nhấn đến vị lai tất cả kiếp số; chẳng hư huyễn nơi các hạnh và không ngừng nghỉ. Đây là sự phát khởi đại nguyện thứ chín.

Vì nơi mười phương tất cả thế giới sẽ chứng được vô thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Nơi ấy biến hóa từng sợi tóc nhỏ của chúng sanh hoặc một hoặc nhiều. Tất cả có thể hiển thị giáng sanh xuất gia thành Đẳng Chánh Giác, chuyển đại pháp luân, nhập đại Niết Bàn. Hiển thị cảnh giới của Phật, trí huệ oai lực, tùy theo loài hữu tình mà an lạc. Trong khoảng Sát na, liền làm cho giác ngộ, tận đến chúng sanh giới, chơn thật mà hồi hướng. Duy chỉ có một Bồ Đề quảng đại Niết Bàn; hoặc một âm thanh tuyên nói pháp yếu, làm cho tâm các loài hữu tình, tất cả đều lịch duyệt. Với thần thông lực, tất cả có thể đầy đủ nơi các thế giới, biểu hiện đại trí lực, tức có thể kiến lập tất cả các Pháp, hiển thị đại Niết Bàn, mà chẳng chìm vào trong tất cả các hành; cho đến tận hư không giới cùng các pháp tánh; nhấn đến vị lai nhiều kiếp số; thành vô thượng Bồ Đề chẳng ngừng nghỉ. Đây là Bồ Tát phát khởi đại nguyện rộng lớn thứ mười”.

Luận rằng:

Ở đây quán sâu về sự tinh tấn, nơi tất cả xú làm rồi hồi hướng. Như Kinh Quán Âm Giải Thoát (Avalokitesvara Vimoksa) chép: “Nơi ta tạo tất cả thiện căn bình đẳng hồi hướng, làm cho chúng sanh lìa khỏi rơi vào chỗ sợ hãi; làm cho chúng sanh thoát khỏi sự sợ hãi về ái ân trong quyền thuộc; làm cho tất cả chúng sanh diệt trừ sự nguy hiểm của ngu si. Làm cho chúng sanh đoạn trừ những sợ hãi về trời buộc, làm cho chúng sanh lìa dứt được sự sợ hãi nơi mạng sống; làm cho chúng sanh lìa khỏi sự sợ hãi của bản cùng; làm cho chúng sanh lìa khỏi sự thiên thọ; làm cho chúng sanh lìa khỏi sự sợ hãi của hủy báng; làm cho chúng sanh lìa khỏi sự sợ hãi luân hồi; làm cho chúng sanh lìa khỏi sự sợ hãi uy đức của đại chúng; làm cho chúng sanh lìa sự sợ hãi của việc chết chóc; làm cho chúng sanh lìa khỏi sự sợ hãi nơi con đường ác; làm cho chúng sanh lìa khỏi sự sợ hãi của hắc ám; làm cho chúng sanh lìa khỏi sự sợ hãi của oán hận mà gặp gỡ; làm cho chúng sanh lìa khỏi sự sợ hãi của ái biệt ly; làm cho chúng sanh lìa khỏi sự sợ hãi của ganh ghét; làm cho chúng sanh lìa khỏi sự sợ hãi của bức hại thân tâm; làm cho chúng sanh đoạn trừ những sự phiền não của ưu bi khổ não”.

Lại nữa, ở đây lược nói rõ về sự hồi hướng, như trong Kinh Phổ Hiền Hạnh, có kệ rằng:

“Thanh tịnh trang nghiêm Hạnh Văn Thù

Phổ Hiền thắng đức như thế nhu

Cả hai Đại Sĩ đều hồi hướng

Con nguyện tùy thuận mà học tu

Mười phương ba đời Chư Như Lai

Đều hồi hướng đến thanh tịnh đài

Con nay nguyện chứa các căn lành

Cùng Phổ Hiền Hạnh quyết không sai”.

---o0o---

Cung Kính Hành Lễ

Vandananusamsah Saptadasah Paricchedah)

Phẩm Thứ Mười Bảy - Phần Thứ Nhất

Luận rằng:

Ở đây lần lượt nêu rõ sự lễ kính Chư Phật tăng trưởng phước hạnh, nên biết như thế nào? Như Kinh Quán Sát Thế Gian (Avalokana Sutra) có kệ rằng:

Ở trong mỗi sát na

Thừa sự nơi Chư Phật

Ta nói các quả báo

Xa rời tám sự thật

Hình sắc thật đẹp tươi

Thành tựu tướng nghiêm trang

An trụ trong Phật Pháp

Không cùng với biếng làm

Trong hiện tại người này

Thọ dụng rất đủ đầy

Thường làm chúng Trung Tôn

Chẳng bệnh thân sáng sạch

Sanh vào nhà trưởng giả

Tôn kính chẳng kể xiết

Bồ thí cả trí huệ

Trần bảo chẳng hề tiếc

Lại làm Chuyển Luân Vương

Thông lãnh bốn thiên hạ

Chúng dân đều vâng tòng

Đất nước giàu cao cả

Oai đức đều đầy đủ

Bảy báu nhiều vô lượng

Trong tất cả mọi nơi

Đều khuyên tu cúng dường

Được sanh trời Đao Lợi

Trời Tự Tại, Phạm thiên

Vì Thiên chủ Đế Thích

Phụng trì thanh tịnh giáo

Nếu ai trong tháp Phật

Chấp tay đi kinh hành

Trong một hằng sa kiếp

Thọ phước chẳng gì bằng

Nếu ở nơi tháp Phật

Phát tâm lễ chân Phật
Trong vô lượng ức kiếp
Khởi sanh cảnh mù tạt
Giữ vững các thiện căn
Dũng mãnh và tinh chuyên
Chứng thành Bồ Đề nguyện
Do lễ tháp cảm nên

Nếu trong đời ác này
Chuyển hướng về Phật thầy
Được gần Phật chỉ dạy
Trăm ngàn kiếp thật ngay
Ngay trong thế gian này
Tối thắng không ai bằng
Người, Tụ Tại, Cõi Tiên
Không sao sánh kịp hiền
Ai thường đem tràng hoa
Cúng dường nơi tháp Phật
Dù nổi trôi lây lất
Sanh lên cõi trời nhất

Lên xe đẹp rục rờ

Trang sức nhiều trân bảo

Lầu các và cung điện

Thiên nữ thường ghé vào

Thanh tịnh nhiều ao hồ

Lưu ly, chất pha lê

Đủ đầy tám công đức

Cát vàng phủ đầy ao
Trên không nhạc vang lừng

Huệ mạng thọ dài lâu

Sau này dù trôi nổi

Cũng sanh trong nhà giàu

Trong trăm ngàn ức kiếp

Thọ hưởng phước không lường

Thường đem hoa tốt đẹp

Nơi nơi rộng cúng dường

Vì Chuyển Luân Thánh Vương

Cùng Thiên Chủ, Đế Thích

Đại Tự Tại Thiên Tử

Chủ cõi Đại Phạm Vương

Do bồ thí niệm thường
Công đức ấy vô lượng
Bao nhiêu đồ đẹp đẽ
Cúng Phật, Thầy dẫn đường
Người này ở thế gian
Phước lợi đều sẵn sàng
Và nữa y phục sang
Đem cúng dàng tháp miếu
Xa lìa chủng tộc hèn
Không bao giờ tái sanh
Quyến thuộc thường vây quanh
Chẳng biệt ly khổ não
Thường được đại Quốc Vương
Cúng dường , xưng tán luôn
Hoặc sanh loài trời, rồng
Người trí nơi thế gian
Được dưỡng mãnh oai thần
Phước báo chẳng thể lường
Đất nước cùng nhân dân
Tháp Miếu của Thế Tôn

Li ti hạt cải nhỏ
Người này dùng ít hương
Quyết định có tín tâm
Mà đến đễ cúng dường
Rộng được công đức này
Liên nghe ta nói đây
Vĩnh viễn rời ô uế
Kiên cố tâm tịnh đầy
Trừ bệnh khổ ưu bi
Dung nghi cao đẹp lạ!
Được làm Chuyển Luân Vương
Đủ uy đức đại trí
Tùy theo ở chốn nào
Phước lực thật là cao
Hoặc Vua, hoặc dân chúng
Niềm vui chẳng xiết bao
Toàn y phục tốt đẹp
Phụng cúng dâng tháp Phật
Người ấy khi tái sanh
Thân mình rực rỡ nhất

Thiên Y Ca Hộ La

Đầy đủ để hiện ra

Thường hiện mùi hương lạ

Cảm nhận liền vui ca

Lại nữa trong lầu vàng

Y dật thật nghiêm trang

Rực rỡ sao mà đẹp

Tướng sư tử nguyên thanh

Tái sanh vào cõi trời

Thỏa ước mơ tâm nguyện

Lầu báu, trân bảo riêng

Tùy niệm mà sanh thiên

Nếu ai có phan đẹp

Cúng dường dâng tháp Phật

Theo ý mà vui lên

Nước Phật sanh về thật

Được thân màu vàng ánh

Các tướng đẹp vui thanh

Hương mỹ vị cao sang

Hiển nhạc vui hùng mạnh

Ở những nơi an lành
Y phục đẹp lịch thanh
Cúng phan đẹp cho Phật
Trên cung trời Đâu Suất
Người này khi sanh ra
Của cải đầy kho nhà
Không quyền thuộc nào hại
Kiên cố trí rộng đa!!
Trên dưới đều đoan nghiêm
Hiển cúng dường âm nhạc
Không bị lửa thiêu đốt
Cùng dao gậy làm ác
Chỉ dâng một đèn sáng
Cúng dường tháp của Phật
Công đức thí hoàn tất
Thọ mạng dài bậc nhất
Tâm thanh tịnh tuyệt vời
Hình sắc đẹp khôn nguôi
Khi tái hiện thân sau
Cõi tịnh vàng đẹp tươi

Sáng lành tỏa quang minh
Lực kiên cố quanh mình
Du hành nơi thế gian
Không sợ khùng bố nạn
Giả sử vô số kiếp
Cùng với các Phật quốc
Như số hạt cải mòng
Xung lượng ấy chân thật
Ta bảo phước báo này
Không thể nào nói hết
Rộng lớn như hư không
Cúng dường tháp miếu Phật
Người này chẳng bao lâu
Đủ ba hai tướng tốt
Ánh quang minh chiếu diệu
Thật không sao nói hết
Ánh sáng ấy rực rỡ
Soi tận sông cát vàng
Như hoa Tô Ma đẹp
Mở bày tướng nghiêm trang

Danh đồn khắp các nơi
Đặc biệt đại thần thông
Nhiều vô kể thọ dụng
Được an ổn tối thượng
Thường cùng Người và Trời
Thân cận và hỗ trợ
Đủ oai nghi thiếu dục
Kiên trì giới hạnh đúng
Trong rừng sâu vắng vẻ
Tu thiền định vui khỏe
Trí huệ chẳng giảm suy
Tâm Bồ Đề chẳng di
Tri túc chẳng cầu thêm
Từ Bi thường an vui
Ai tạo ra âm nhạc
Cúng dường người trong đời
Lìa phiền não sầu lo
Viên mãn tướng nhận nghe
Mắt thường thật sáng rõ
Xét xem rõ tư bề

Tai thường nghe tiếng lành
Như thể tâm tịnh thanh
Mũi cao, đẹp ngay thẳng
Tướng mạo thật hùng anh
Lưỡi này thường mềm mại
Màu sắc hồng êm ái
Âm lượng như Trời, Người
Nghe rõ câu thanh bai
Lưỡi chẳng nói điêu ngoa
Không đọa làm thân rắn
Không hư vọng, đoan chánh
Tối thượng thân thù thắng
Ý thường nghĩ hiền lành
Chẳng bao giờ gián đoạn
Chư Thiên, Người, Rồng, Thần
Ma Hầu, La Đà toán
Theo việc làm thế gian
An ủi mà thủ thường
Công đức bố thí thầy
Rộng như phước cúng dường.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ 21

---o0o---

Quyển Thứ Hai Mười Hai

Thứ tự Kinh văn số 1636

Bắt đầu dịch từ ngày 04 tháng 12 năm 2004
nhân kỳ nhập thất lần thứ hai.

Cung Kính Hành Lễ

Phẩm Thứ Mười Bảy - Phần Thứ Hai

Ai sau khi Phật diệt độ rồi

Thường hay tu sửa Tháp Phật vui

Khoảng trăm , ngàn, na do tha kiếp

Nguy nguy thân tướng mãi xinh tươi

Tối thượng tuyệt vời chiên đàn hương

Hợp cùng cung điện ngựa xe thường

Được phước báo nhưng không chấp trước

Bởi nhờ tu sửa Tháp miếu đường

Chánh Pháp một khi đã diệt rồi

Diêm Phù bông chốc biến xa xôi

Thiên cung an trụ thường vui vẻ
Bởi nhờ tu bổ Tháp miếu vui
Năm dục, cầu nhiệm quyết xả buông
Giới đức trang nghiêm mãi an thường
Nương duyên phạm hạnh, không tạo ác
Bởi nhờ tháp Phật nguyện xông hương

Mãn kiếp Ta Bà hãn sanh Thiên
Giàu vui khoái lạc thật vô biên
Hóa duyên hóa độ chư Thiên ấy
Bởi nhờ đến Tháp cúng kết duyên
Diện mạo đoan trang, vẻ xinh lành
Nói năng khéo độ cả chúng sanh
Ai ai được gặp đều kính ái
Bởi nhờ cúng Phật đóa hương thanh
Xa lìa đường khổ rộng thênh thang
Thường gặp Như Lai sống an nhàn
Tịnh nghiệp siêng tu thường chuyển hóa
Bởi nhờ Tháp Phật thấp nén nhang
Ai từng trong khoảng một sát na

Siêng năng quét dọn Tháp miếu ngà
Quả báo cảm chiêu nhiều vô lượng
Xa rời tám nạn, lúc sanh ra
Trí tuệ trang nghiêm rất rõ ràng
Năm dục thế gian chẳng luống màng
Luân hồi xa lánh xa xa lánh
Bởi lau Tháp Phật sạch gọn gàng
Giới hạnh viên dung chẳng hoại suy
Diệu Pháp khi nghe, sanh ngưỡng quy
Quyết không chuyển đổi tâm Phật ấy
Nhờ dọn Tháp miếu được quang huy
Ở trong đời ác cũng không sao
Hủy báng buông lung chẳng khi nào!
Phước huệ trang nghiêm thường tích trữ
Tâm tịnh Tháp Phật bởi dọn lau
Mùi vị, đồ ăn mãi dồi dào
Y phục trang nghiêm đẹp biết bao
Các căn tịnh uế đều biết rõ
Bởi nhờ Tháp Phật thường xuyên lau
Một khi gặp Tháp tâm thanh nhàn

Thay hoa cúng Phật được nghiêm trang

Nhờ nương học lực Đại Tôn Sư

Ngũ dục lìa xa mãi mãi an

Trong thế giới này, thọ mạng lâu

Những thú vui kia chẳng cần cầu

Vương giả thường sanh tâm kính nể
Nhờ chọn hoa tốt cúng Tháp màu

Giới phẩm Bồ Tát trọn viên dung

Hiểm nguy dù mấy cũng như không

Tâm thường rõ biết si mê ấy

Nhờ duyên đến Tháp cúng hoa hồng

Đoạn trừ phiền não các chướng duyên

Bệnh khổ bao nhiêu, chẳng nào phiền

Dù ở nơi nào, tâm vẫn tịnh

Từng đến Tháp Phật cúng hồng liên

Trong cõi người ta, thí đứng đầu

Cùng với chúng sanh cúng thật nhiều

Thanh tịnh trang nghiêm thân phước huệ

Nhờ cúng hoa tươi kính Tháp yêu

Hoa đẹp thường đem cúng Phật đài

Tràng phan bảo cái khắp muôn nơi

Trang nghiêm Tháp Phật, siêng năng ấy
Được phước vô biên, thật tuyệt vời
Ai từng thấy Tháp Phật trang nghiêm
Lễ bái, hân hoan ý ngưỡng chiêm
Thường hay xưng tán hồng danh Phật
Khiến cho người thấy phước tăng thêm
Chư Thiên, Long Thần, ma Hầu La
Tăng trưởng tín tâm khắp mọi nhà
Nhu hoa tươi đẹp một khi nở
Thường xuyên tuyên thuyết pháp như là
Do thường tuyên thuyết Pháp Như Lai
Phật trí chưa từng khuyết giảm sai
Khiến cho chúng sanh lìa ác đạo
Trời, người tăng trưởng phước huệ vui
Đầy đủ phước huệ thật nghiêm trang
Quyến thuộc vô biên rộng khinh an
Tùy tâm mãn nguyện được thanh tịnh
Ta nói người này vui thế gian
Nhu hòa, tịch tĩnh thật tinh anh
Giáo hóa đường tu cho chúng sanh

Dầu giàu đi nữa, không tham đắm
Nhờ thường lễ Tháp cả lòng thành
Bồ thí, hòa vui luôn thực hành
Bình đẳng, lợi hành, nhiếp chúng sanh
Dù ai hủy báng không sân hận
Bởi thường lễ Phật cả lòng thành
Hoặc sanh lên trời làm Đế Thích
Hoặc làm hoàng đế trong thế gian
Dù trời Tự Tại cũng từ tâm
Bởi nhờ lễ Phật thật nghiêm trang
Dù ở cõi dục, không đắm nhiễm
Dù đời giàu có dôi dào ấy
Cũng chẳng rơi vào ba ác đạo
Bởi nhờ lễ Tháp tâm vui thấy
Buông lời ý nghĩa theo lời ra
Không khác kinh điển vốn như là
Thường được sanh vào dòng quý phái
Bởi nhờ lễ Tháp tâm thật thà
Dù ở nơi nào tâm tịnh thanh
Cúng Phật hoa thơm với lòng thành

Thọ hưởng phước báo được làm vua

Ở yên như trước được lợi sanh

Đôi với năm dục biết rõ ràng

Bức bách bao nhiêu cũng được an

Tâm tánh tịch nhiên không sợ hãi

Thân tướng đoan nghiêm vạn lạc quan

Như Kinh Đại Bi (Mahakaruna Pundarika Sutra) chép rằng : “Này A Nan, nếu có chúng sanh ở trong hiện tại hay cúng dường ta, hoặc sau khi ta diệt độ, cúng dường Xá Lợi như hột cải, lại hay vì ta mà tạo lập hình tượng, cùng tháp miếu.

Này A Nan! Chớ cản trở ý muốn này, giả sử có người hay phát khởi một lòng tịnh tín nương vào sự nhớ nghĩ Chư Phật mang một cánh hoa để rải trên hư không dùng để cúng dường, người này sẽ được Chuyển Luân Thánh Vương, Đế Thích, Tiên Chủ, Đại Phạm Thiên Vương, tức liền ra khỏi nghiệp của đời trước, cùng kiếp sanh tử vị lai lưu chuyển mà chẳng biết.

Này A Nan! Cũng nên biết việc này , giả sử có người trong mộng, hay mang một cành hoa tung vào trong hư không để cúng dường, ta nói người này có căn lành , sẽ được phước báo, chẳng biết là bao nhiêu.”

Lại nữa Kinh Bà Gia La Long Vương Sở Vấn (Vrhat Sagara Nagaraja Paripreccha) chép:”Nếu Bồ Tát gần gũi Chư Phật tức có thể được tám loại Pháp tăng thượng. Thế nào là tám:

Một là giáo hóa chúng sanh, thấy tướng tốt của Phật.

Hai là phụng sự cúng dường Như Lai.

Ba là ở nơi chúng hội tán thán công đức thù thắng của Chư Phật.

Bốn tạo lập hình tượng tưởng niệm Như Lai.

Năm là khuyến hóa chúng sanh thường chẳng lìa Chư Phật.

Sáu là tùy theo nơi thường hay nghe danh Phật

Bảy là thường nguyện vãng sanh về quốc độ của Chư Phật

Tám là chí chẳng yếu hèn, vui cầu trí Phật

Đây là tám loại pháp tăng thượng”.

Luận rằng:

Làm sao để tăng trưởng lợi ích thù thắng? Đối với Phật khởi lòng phụng sự, được Bồ Đề. Như Kinh Hoa Nghiêm có kệ rằng:

Vô lượng vô biên kiếp

Khó được nghe danh Phật

Hướng gì được gần gũi

Nghi ngờ đều đoạn mất

Như ánh sáng trong đời

Chiếu soi khắp mọi Pháp

Phước đức trong ba đời

Khiến người người đều tịnh

Bạc xuất thế Như Lai

Vì đời, trao phước lớn

Dẫn dắt các chúng sanh

Khiến phước được tích thành

Ai biết cúng dường Phật

Lìa hết các hãi sợ
Mọi khổ tiêu diệt sạch
Trí tuệ sớm đạt thành
Thấy được đấng Lương Túc
Phát tâm đại Bồ Đề
Thường được gặp Chư Phật
Tăng trưởng lực trí tuệ”
Kinh cũng lại chép:
“Đấng Như Lai Đại Từ
Thị hiện vào trong đời
Vì độ các chúng sanh
Chuyển Pháp màu an lành
Trong vô số kiếp trước
Vì chúng sanh, cần khổ
Thế gian như thế nào
Đền ân đức Thầy Tổ
Vô lượng vô số kiếp
Vào trong các đường ác
Quyết chẳng bỏ Như Lai
Mà cầu được giải thoát

Không vì trong cõi ác
Một khi nghe danh Phật
Mà không sanh cõi lành
Bởi chẳng nghe danh Phật
Vì sao nguyện ở lâu
Ở lâu trong đường ác
Vì muốn thấy Như Lai
Tăng trưởng lực trí tuệ
Ai muốn thấy Chư Phật
Để trừ các khổ hoạn
Gặp Như Lai thường an
Cảnh giới bậc Đại Trí
Ai thấy được Chư Phật
Lìa xa mọi chương nạn
Bao nhiêu phước tăng trưởng
Thành tựu Bồ Đề giác.”

Luận rằng:

Dầu thấy hình tượng được phước báo rộng lớn, huống nữa là gần gũi sắc tướng của Như Lai tin thọ lời giáo huấn, lại được phước rất nhiều. Như Kinh Tín Lực Nhập Ấn nói: “Này Văn Thù Sư Lợi, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhen ở nơi các thế giới vi trần số, đối với Bích Chi Phật, mỗi ngày

mang hàng trăm vị thức ăn uống ngon lạ và y phục trải qua hàng hà sa số kiếp để cúng dường.

Này Văn Thù Sư Lợi! Nếu lại có người dần dần chiêm nghiệm phụng trì trước một bức tượng Phật họa vẽ và các kinh điển, phước này hơn kia vô lượng a tăng kỳ; huống gì chấp tay mang một cành hoa, hoặc một nén hương, bột hương, đèn nến cúng dường phước này hơn vô số lượng phước trước”.

Luận rằng:

Ở đây làm sáng tỏ phương tiện công đức tăng trưởng . Như Kinh Bồ Tát Tạng (Buddhisattva Pitaka) chép rằng: “Nếu ai tu sửa Tháp cũ của Phật, được bốn loại thanh tịnh đại nguyện:

Một là tối thượng sắc tướng, chẳng có gì sánh bằng

Hai là thọ trì kinh điển tinh tấn chẳng giải đãi

Ba là sanh ra nơi nào cũng được gặp Như Lai

Bốn là khi sanh ra thân hình đầy đủ các tướng tốt”.

Kinh cũng chép:”Nếu ai hay đối với Tháp của Như Lai, dùng các hoa quý và hương bột cung kính cúng dường, được tám loại chẳng giảm:

Một là sắc tướng chẳng giảm

Hai là thọ dụng chẳng giảm

Ba là quyền thuộc chẳng giảm

Bốn là giới phẩm chẳng giảm

Năm là định lực chẳng giảm

Sáu là đa văn chẳng giảm

Bảy là trí huệ chẳng giảm

Tám là thắng nguyện chẳng giảm”.

Lại Kinh Bảo Tích chép rằng: “Giả sử chúng sanh đầy ba cõi, mỗi mỗi đều tạo tác, Tháp miếu Như Lai; cao rộng như núi Tu Di, trong hằng hà sa kiếp, mỗi nơi đều dùng đồ tốt đẹp để cúng dường. Nếu Bồ Tát chẳng xả tất cả tâm trí; mang một cành hoa phụng cúng Tháp ấy, sẽ được phước báo thù thắng nhất”.

Kinh cũng chép:”Giả sử trong ba ngàn đại thiên thế giới có các chúng sanh, mỗi mỗi chúng sanh đều được Chuyển Luân Thánh Vương an trụ nơi Pháp Đại Thừa, mỗi mỗi Chuyển Luân Vương là những ánh đèn chiếu sáng nơi đại hải, sánh như núi Duy Lô, làm chỗ soi sáng . Mỗi mỗi như thế mà cúng dường Tháp Phật.

Nếu Bồ Tát xuất gia hay dùng ít dầu, rồi tẩm dầu thơm để đốt, mang đến cúng dường Tháp miếu của Như Lai được công đức hơn công đức đốt sáng ở trước, trăm phần nhỏ nhất chẳng bằng một.

Lại nữa ở nơi Chuyển Luân Thánh Vương hay ở trước Phật và chúng Tỳ Kheo dùng các nhạc cụ để bố thí. Nếu Bồ Tát xuất gia thường hành khát thực; hoặc ở chỗ kia, được tùy theo sự thấy rồi chia phần ra để ăn, được công đức rộng lớn so với trước rất nhiều.

Lại nữa Chuyển Luân Thánh Vương ấy, tích chứa y phục cà sa như núi Tu Di, có thể đổi với hiện tiền Phật và Tỳ Kheo chúng, mang đến để bố thí. Còn Bồ Tát xuất gia ở nơi ba y làm đồ sở hữu, tùy theo đó mà phụng thí, hiện tiền Chư Phật an trụ nơi Đại Thừa, các Tỳ Kheo Tăng và các Đức Như Lai, ở đây được phước gấp đôi phước ở trước.

Lại nữa Chuyển Luân Thánh Vương ấy mỗi mỗi đầy đủ nơi Diêm Phù Đề này, dùng những hoa để cúng dường Tháp miếu Phật. Còn Bồ Tát xuất gia có thể chỉ cầm một cành hoa để cúng thí nơi Tháp của Như Lai, sự cúng dường này hơn sự cúng dường trước, trong trăm phần chẳng bằng một”.

Luận rằng:

Đây nói rõ về hành tướng . Như Phẩm Thứ Đệ Siêu Việt (Anupurvasamudgata Parivarta) chép rằng:”Bồ Tát xuất gia như đã rõ biết rồi, lại hay ở trước Như Lai mà cúng dường, được bốn công đức hiện tiền:

Một là thường được tối thượng cung kính cúng dường

Hai là chỗ thấy được tùy thuận nương theo để học tập

Ba là luôn kiên cố tâm đại Bồ Đề

Bốn là tăng trưởng thiện căn, hiện được thấy ba mươi hai tướng đại trượng phu”.

Lại Kinh Hải Ý Bồ Tát Sở Vấn (Sagaramati Pariprccha) chép rằng:”Lại nữa này Hải Ý ! Có ba loại Pháp tên là cúng dường thừa sự Như Lai . Thế nào là ba?

Một là phát Bồ Đề tâm chẳng thối chuyển

Hai là đối với Chánh Pháp có thể giữ gìn

Ba là đối với chúng sanh phát khởi đại bi”.

Lại Kinh Bảo Vân chép: “Này Thiện nam tử! Bồ Tát thành tựu mười pháp, đối với thai tạng cầu uế chẳng nhiễm. Thế nào là mười?

Một là tâm tịnh tín tạo hình tượng của Như Lai

Hai là tu bổ Tháp miếu cũ của Chư Phật

Ba là dùng hương thơm và những hương bột để đốt

Bốn là giữ những hương bằng nước tắm Chư Như Lai

Năm là đối với Tháp Phật quét dọn lau chùi sạch bụi đất

Sáu là gần gũi phụng sự cha mẹ

Bảy là gần gũi cúng dường Hòa Thượng , A Xà Lê

Tám là thường hay cung cấp kẻ đồng phạm hạnh

Chín là hay làm huệ thí chẳng cầu báo đáp

Mười là căn lành này làm cho các loài hữu tình chẳng nhiễm nơi thai tạng cấu uế khi sanh ra.

Này Thiện nam tử! Nếu đầy đủ mười Pháp như thế, tức có thể phát khởi tâm tâm tùy hỷ”.

Như Kinh Bát Nhã chép: “Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát an trụ nơi Đại Thừa, đầu tiên phải nên phát tâm tùy hỷ, những Bồ Tát này việc hay làm lại làm; tức là đối với Đại Thừa bất thối chuyển.

Phật bảo: Kiền Thi Ca! Giả sử có người hay sánh với ba ngàn đại thiên thế giới có thể biết được số lượng, những Bồ Tát khi phát tâm tùy hỷ sẽ được công đức chẳng thể tính đếm. Lúc ấy Thiên Chủ Đế Thích bạch Phật rằng:

-Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chư Bồ Tát từ sơ phát tâm cho đến thành được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mà ở trong ấy tùy chỗ tạo tác vô lượng tùy hỷ căn lành; nhưng chư Bồ Tát ấy chẳng nghe, chẳng biết, lại chẳng nhiếp thủ, nên biết họ vì bị ma ám!

Phật bảo:

-Này Kiền Thi Ca! Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhen muốn mau chứng được Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác, nên phát tâm Đại Thừa tùy hỷ, đối với Thanh Văn, Bích Chi Phật thừa, không nên tham đắm, lại cũng chẳng xả ly, mà hay cùng với họ phát tâm tùy hỷ, nên biết người này sanh nơi nào cũng thường được mười điều lành, được nhiều sự cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán. Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, chẳng phải chẳng có ý, vĩnh viễn xa lìa ác đạo; được sanh lên cõi trời. Vì sao thế?

Vì người này , chỗ tạo tác được lợi ích làm cho các chúng sanh đều được khoái lạc, mà thiện căn có thể làm cho những người trong vô lượng a tăng kỳ, phát tâm tùy hỷ, sẽ chứng được Bồ Đề.”

Kinh chép rằng: “Này Tu Bồ Đề! Giả sử trong hằng hà sa số ba ngàn đại thiên thế giới, tất cả chúng sanh, đều phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Tâm mà mỗi mỗi hằng hà sa kiếp đó tu bốn loại thiền định, an trụ tịch tĩnh, lìa những tư tưởng động loạn.

Đại Bồ Tát tu tập Bát Nhã Ba La Mật Đa ấy có thể dùng phương tiện thiện xảo để nhiếp giữ quá khứ, vị lai, hiện tại Chư Phật, chỗ tu định huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Đối với Duyên Giác thừa và Thanh Văn thừa, có giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến; như thế nhiều loại căn lành tập hợp xung tán, cao tột, tối cực tối thắng, tối sâu rộng, vì vô lượng không thể so sánh tâm; tất cả đều tùy hỷ. Lại như tùy hỷ căn lành này hồi hướng đến vô thượng chánh đẳng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Điều này sẽ được phước đức hơn trước. Đây là Bồ Tát tu công đức định, mà chẳng thể so sánh được, trong trăm phần chẳng bằng một”.

Luận rằng:

Điều này đem hồi hướng việc làm cứu cánh khuyến thỉnh công đức.

Như Kinh Tối Thượng Vấn (Ugra Pariprccha) chép: “Này hay giữ gìn Chánh Pháp; là đối với vô số lượng Chư Phật sát độ, hộ trì gìn giữ mạng mạch của Phật Pháp vậy”.

---o0o---

Niêm Tam Bảo

(Ratnatrayanusmrtirnamastadasah

Paricchedah)

Phẩm Thứ Mười Tám - Phần Thứ Nhất

Luận rằng:

Làm sáng Hạnh Phổ Hiền, dần dần được tăng phước. Ở đây chẳng nói riêng biệt nguyên nhân, mà có thể theo nghĩa rộng do niềm tin thường hay tu tập. Như Kinh Bí Mật Đại Thừa chép rằng:”Phật bảo: Này Đại Vương! Ngài biết rằng có bốn loại Pháp, có thể như thế mà thực hành, tức là an trụ nơi chí hướng Đại Thừa, con đường rõ ràng với những Pháp lành, chẳng hoại diệt. Thế nào là bốn?

Này Đại Vương! Một là niềm tin có thể hướng đến con đường cao cả. Thế nào là tin mà có thể tin được? Có thể tùy thuận các Thánh Chủng, chỗ chẳng nên làm thì không làm.

Hai là tôn trọng có thể hướng đến con đường cao cả, mà tôn trọng vậy. Đối với các bậc Thánh, nói Diệu Pháp nghe hiểu rõ ràng.

Ba là chẳng kiêu mạn, có thể hướng đến con đường cao cả, mà không kiêu mạn vậy. Nghĩa là có thể ở nơi Thánh Chúng, cung kính, tín thọ đánh lễ.

Bốn là tinh tấn, có thể hướng đến con đường cao cả, gọi là tinh tấn vậy. Nếu thân không khô, tâm tất được nhẹ nhàng, chỗ thực hành những pháp lành đều được thành tựu biện tài”.

Luận rằng:

Ở đây nói về lòng tin, thường nên tu tập như thế. Giải thêm rõ ràng về niềm tin của năm căn. Như Kinh Vô Tận Ý nói rằng: Thế nào là năm căn? Đó là : Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn và Huệ căn. Thế nào là Tín căn? Nghĩa là nơi bốn Pháp sâu nhẫn an vui.

Một là đối với sinh tử; trong đời làm việc Chánh hạnh, tin nghiệp báo, do tạo nghiệp mà nghiệp ấy có định sẵn. Cho đến khi mạng chung rồi chẳng tạo tội.

Hai là tin vui nơi Bồ Tát thực hành Chánh hạnh; chẳng cầu dư thừa chẳng tùy theo sự thấy.

Ba là nơi thẳng nghĩa, rõ biết vô ngã, chúng sanh, thọ giả. Chúng sanh đều là không, vô tướng, vô nguyện . Các Pháp thâm sâu có thể tin hiểu.

Bốn là đối với Phật công đức lực, chẳng sợ hãi, khởi niềm tin quyết định, đoạn trừ tất cả các lưới nghi. Đây có tin là Tín căn.

Thế nào là Tấn căn? Đối với Pháp Tín căn mà tu Pháp nhiếp thọ; siêng năng dũng mãnh chẳng gián đoạn, gọi là Tấn căn.

Thế nào là Niệm căn? Đối với Pháp Tín căn, tu pháp này, cuối cùng chẳng quên mất, gọi là Niệm căn.

Thế nào gọi là Định căn? Đối với Pháp Niệm căn, nhiếp thọ pháp này một lòng chẳng đoạn, gọi là Định căn.

Thế nào là Huệ căn? Đối với Pháp Định căn, nhiếp thọ pháp này, tự nơi ấy quán chiếu chẳng từ chỗ khác mà giải bày, gọi là Huệ căn. Đây là năm căn tương tục mà khởi, tức có thể đầy đủ tất cả Phật Pháp”.

Luận rằng:

Lại nữa đối với Pháp tín lực, thường nên tu tập. Như Kinh Bảo Kế chép: “Này Thiện nam tử! Năng lực của Bồ Tát thực hành hạnh thanh tịnh như thế nào? Đó là không bị các căn làm khiếp nhược; không bị các ác ma làm loạn động; không bị thói chuyển tâm đối với các thừa Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát; không bị các phiền não phá hoại; mà hoàn toàn an trụ vào Đại Thừa. Ngoài ra, sở nguyện được viên mãn, tâm thường thanh tịnh đồng mãn, mật hộ cho thân căn cũng thường thanh tịnh”.

Luận rằng:

Năng lực của các căn: Tín căn, Tấn căn v.v...làm cho họ thường tu tập. Những gì tu tập hạnh từ bi, làm cho công đức tăng trưởng. Như Kinh Nguyệt Đăng có kệ rằng:

“Dầu cho trong vô lượng cõi Phật

Đem hết bao nhiêu đồ cúng dường

Phụng cúng hết thấy Chư Như Lai

Không bằng chỉ có chút lòng lành.”

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ 22

---o0o---

Quyển Thứ Hai Mười Ba

Thứ tự Kinh văn số 1636

Bắt đầu dịch từ ngày 04 tháng 12 năm 2004
nhân kỳ nhập thất lần thứ hai.

Niệm Tam Bảo

(Ratnatrayanusmrtimamastadasah

Paricchedah)

Phẩm Thứ Mười Tám - Phần Thứ Hai

Luận rằng:

Nhờ duyên vào các Tín, Tấn căn v.v...,mà thường nhớ nghĩ đến công đức của Chư Phật. Như Kinh Hộ Quốc Tôn Giả Sở Vấn có kệ rằng:

Cúi đầu đánh lễ đức Kim Thân

Vô nhiễm trang nghiêm mặt như trăng

Công đức thánh nhân khó nghĩ bàn

Khắp trong tam giới chẳng ai bằng!

Nhục kế Mâu Ni vút thanh cao

Cao sánh Tu Di đẹp dường nào

Lông mày chiếu diệu muôn hảo tướng

Chim Sắc Ni Sa chẳng nhận sao!

Như Lai mắt đẹp tợ sen xanh

Trắng sáng, trời thanh chẳng thể bằng

Lân mẫn hữu tình thường quán chiếu

Con nay đánh lễ tận lòng thành

Màu lưỡi Như Lai tựa màu đồng

Rộng lớn bao trùm cả mặt vòng

Chúng sanh khắp nhuận cam lồ ấy
Bởi vậy con nay, dạ kính mong
Bốn mươi răng đẹp của Như Lai
Tợ chất kim cương hiện thẳng bày
Tuyên thuyết bao nhiêu lời chân thật
Vì thế hôm nay con lễ Ngài
Sắc tướng Như Lai thật đặc thù
Oai quang chiếu diệu thấu ngàn thu
Từ Trời Thích, Phạm đến tất cả
Bao nhiêu ánh sáng chẳng thể bù
Vai rộng Như Lai tợ nai vương
Ngực như sư tử thật nghiêm đoan
Phong cách uy nghi như voi chúa
Mỗi bước sơn hà mỗi tiếng vang
Thân tướng Như Lai thật tuyệt vời
Đông khô chiếu tỏa bỗng nhuận tươi
Trong cõi người ta, ai sánh kịp!!!
Gặp Phật một lần, trọn niềm vui
Ngàn kiếp xa xưa của Như Lai
Tâm vui bỏ thí Pháp lẫn Tài

Lòng Từ trang trải cho tất cả
Bởi thế nay con, kính lễ Ngài

Như Lai hoan hỷ hành sâu độ

Thí, Giới, Tấn , Nhẫn thật kiên cố

Thiền định, Trí huệ cũng viên minh

Bởi thế nay con xin lễ kính

Lời Ngài như tiếng sư tử vang

Bao nhiêu ngoại đạo cũng dẹp tan

Ba độc ứ nhiễm đều trong sạch

Nay con kính lễ dưới thân vàng

Ba nghiệp Mâu Ni vượt cao tăng

Sen (Phù Cừ) chưa từng bị nước vương thân

Như tiếng Ca Lãng vi diệu ấy

Bởi thế hôm nay, con kính mừng

Rõ biết thế gian là huyễn hóa

Như hoa tươi đẹp màu sắc lạ

Tợ như trong mộng và lửa dữ

Vô Ngã, Vô Nhân, Vô thọ giả

Pháp vốn vắng lặng, vốn không sanh

Vì người chưa ngộ, nên Pháp chuyển

Chuyển đại từ bi độ người mê
Tùy cơ, phương tiện mà quảng diễn
Quán chiếu các khổ của chúng sanh
Bệnh tham, bệnh hận, bệnh hoành hành
Như Lai như vị lương y giỏi
Ai ai được trị, bệnh đều lành
Sanh, già, bệnh, chết đau làm sao!
Ái biệt ly kia khổ đường nào!
Lần lượt Mâu Ni đều giải hết
Làm cho tất cả được lên cao
Cõi ác: địa ngục, quỷ, súc sanh
Luân hồi xoay chuyển mãi quay nhanh
Hết lòng thương họ không thầy, bạn
Mong kẻ ngu mê rõ ngọn ngành
Ngàn xưa Chư Phật, xuất thế gian
Giáo Pháp dung thông rộng muôn ngàn
Nay đức Thế Tôn cũng như vậy
Mong muốn độ sanh đến Niết Bàn
Lời Phật thấu tận cõi Phạm Thiên
Âm hưởng thanh cao tỏa mọi miền

Đến cõi Thất Bà, Khẩn Na La
Nhạc kia bổng chốc ngừng hiển hiện
Chứa nhóm bao nhiêu công đức lành
Quảng diễn, lời thật lợi quần sanh
Nhiều đến ngàn Na Do Tha ấy
Nghe được, Tam Thừa phát tinh anh
Ai từng cúng dường các Như Lai
Được vạn đặc ân, được an bài
Không chỉ đời này hưởng công đức
Đời sau là bậc minh quân tài
Hoặc Chuyên Luân Vương trong bốn châu
Bảy báu đầy kho chẳng cần cầu
Thường dùng Thập Thiện để hóa độ
Nghiep lành hưng nhuận khắp đâu đâu
Hoặc làm Vua trời trên Đao Lợi
Trên cõi Dạ Ma, Suất Đà Thiên
Hoặc trên Tha Hóa, Hoặc Tự Tại
Nhờ cúng Như Lai thưở sanh tiền
Một khi gặp Phật được cúng dường
Được nghe Chánh Pháp, Tín thêm hương

Đoạn trừ tất cả nhân đau khổ
Đắc Niết Bàn vui, bụi chẳng vương
Thế Tôn hiểu rõ Đạo, phi Đạo
Chuyển ác về lành, sướng biết bao
Làm cho tất cả đều an ổn
Thọ hưởng gia tài bậc Thánh cao
Ai cầu phước báo, cúng dường Phật
Thường được nhân duyên phước như thật
Trong khoảng sát na không lường hết
Bồ Đề quả phước là bậc nhất
Quốc độ trang nghiêm đẹp biết bao!
Vui trời Tha Hóa, trọn vui nào!
Tùy theo nguyện lực mà an trụ
Nguyện thân, khẩu , ý nhẹ nhàng sao!
Bao nhiêu phước báo bấy nhiêu vui
Đều nhờ công đức cúng dường thôi!
Dù rằng vẫn sống trong trần thế
Nhưng tợ long cung, hoặc trên trời.
Như Lai đầy đủ mọi danh xưng
Nơi nơi chốn chốn gọi triêm ân

Muôn loại muôn người đều tán thán
Mười phương Chư Phật cũng chúc mừng
Xây dựng thế gian lia khổ đau
Đại từ bi , chẳng ai đâu!
Niết Bàn an tịnh, Ngài bậc nhất
Bởi thế nay con nguyện cúi đầu
Nay con chứng được ngũ thân thông
Xin tán thán Ngài giữa hư không
Đảnh lễ bậc Thầy đầy hùng lực
Dùng đạo trang nghiêm tịnh chốn hồng
Nay cùng tiên nhân họp lại đây
Xưng dương thiện nguyện công đức này
Ruộng phước bao la, trồng công đức
Chánh Giác, người người rạng rỡ thay!

Lại như Kinh Pháp Tập chép: “Lại nữa Thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn đầy đủ phước trí để làm trang nghiêm , mà đại từ bi là chỗ cảnh giới thực hiện. Đối với thế gian vì đó mà cứu hộ, làm đại y vương , khéo nhổ mũi tên độc ra, thường ở chỗ tịch tịnh cùng Thiên định, chẳng những sanh tử và cả Niết Bàn, cho đến các loài hữu tình , xem như cha mẹ. Tâm đại từ bi bình đẳng lân mẫn tất cả thế gian, chẳng trừ một ai cả. Đối với trí tương ưng, vì thế gian mà chiếu rọi. Đại trí đối với chư hữu tình thường bảo bọc cho tất cả nhân dân thường hay vui vẻ phụng sự. Xa rời niềm vui riêng tức là trừ dứt những đau khổ của họ; an trụ trong Chánh Pháp, nhận Pháp làm chủ, được Pháp tự tại. Lấy Pháp ấy làm thức ăn, Pháp ấy là thuốc, Pháp đó là vật bố thí, tất cả đều nên xả, dùng trí tuệ mà quyết đoán, chẳng bao giờ buông lung. Ở những chỗ hiểm nạn làm chiếc cầu để bắc qua, như Vua đi săn trên con

đường bằng thẳng chẳng có chướng nạn. Cho đến thanh tịnh sắc thân, ai thấy được chẳng muốn xa lìa, Chư Phật Thế Tôn có vô lượng công đức như thế. Ta nay sẽ thành tựu những ý nghĩa của lợi ích ấy. Đây gọi là Bồ Tát niệm Phật.

Thế nào là niệm Pháp?

Bồ Tát đã rõ biết Chư Phật Thế Tôn vô biên công đức, tất cả đều từ Pháp mà sanh, từ Pháp mà hóa, từ Pháp mà được, từ Pháp mà tăng thượng; từ Pháp mà có; từ Pháp mà sanh ra cảnh giới; từ Pháp mà có chỗ nương tựa; từ Pháp mà thành tựu. Cho đến thế gian, xuất thế gian, những sự vui tốt cùng, cũng từ Pháp mà sanh, từ Pháp mà thành tựu. Cho đến ta cầu Chư Phật vô thượng Bồ Đề, phải nên tôn trọng Pháp. Nương vào cảnh giới của Pháp, nương vào Pháp để trở về, nương vào Pháp để quyết định; nương vào Pháp kiên cố; nương vào Pháp để tu hành; Đây gọi tên là Bồ Tát niệm Pháp.

Lại nữa Bồ Tát đối với chúng sanh, nên bình đẳng mà nói Pháp, làm cho Pháp chẳng cao thấp. Ta cùng với Pháp, tâm bình đẳng. Pháp không từ mặt nổi, để từ đó ta diễn nói; Pháp không có tướng của phe phái, ta cùng với Pháp và tâm bình đẳng. Pháp chẳng lệ thuộc vào thời tiết khi nói đến, mà Pháp ở trong nội tâm để lãnh thọ. Ta cùng với Pháp kia tâm này bình đẳng. Pháp chẳng vì hơn thua mà nói. Đối với kẻ hạ liệt chẳng nên tuyên nói. Đối với Pháp mỗi mỗi nên thâm nhập giải bày. Ta cùng với Pháp, tâm bình đẳng. Pháp nếu không phải chỗ thanh tịnh thì không nên nói; Pháp nên lìa chỗ nhiễm ô. Ta cùng với Pháp, tâm bình đẳng. Pháp chẳng phải ở chỗ Thánh hơn mà tuyên nói, mà đối với Phàm nhân cũng chẳng nên tuyên nói. Pháp lìa sự thấy biết vậy. Ta cùng với Pháp, tâm bình đẳng. Pháp chẳng nói ở ban ngày, mà cũng chẳng nói ban đêm. Lại chẳng nói ban đêm, mà cũng chẳng nói ban ngày. Pháp thường ở chỗ gia trì. Ta cùng với Pháp, tâm bình đẳng, Pháp chẳng phải điều phục. Lại chẳng phải sai trái vượt qua, mà đối với Pháp chẳng có chỗ chấp trước vậy. Ta cùng với Pháp tâm bình đẳng. Pháp chẳng giảm mất lại chẳng tăng thêm, mà Pháp như hư không vậy. Ta cùng với Pháp tâm bình đẳng. Pháp chẳng lìa chúng sanh, chúng sanh có thể hộ Pháp, ta cùng với Pháp tâm bình đẳng. Pháp không cầu chỗ quay về, cùng với thế gian để làm chỗ nương tựa. Ta cùng với Pháp tâm bình đẳng. Pháp chẳng tồn não, mà đối với Pháp lìa chỗ tướng hoại vậy. Ta cùng với Pháp, tâm bình đẳng, Pháp chẳng oán hờn và tật đố, mà đối với Pháp lìa các kiết sử vậy. Ta cùng với Pháp, lấy tâm bình đẳng. Pháp chẳng sợ luân hồi, lại chẳng vui Niết Bàn. Đối với Pháp không phân biệt, ta cùng với Pháp tâm bình đẳng. Bồ Tát chứa nhóm chánh niệm như thế, đây gọi là niệm Pháp.

Thế nào là niệm Tăng?

Trong đây lại nói về kể thuyết pháp, về việc thi hành Pháp; về người tư duy Pháp; Pháp phước điền. Đây là trụ trì Pháp, đây là y chỉ Pháp, đây là cúng dường Pháp, đây là Pháp sở tạo, đây là Pháp cảnh giới, đây là Pháp hành xứ, đây là Pháp thành tựu, đây là tự tánh ngay thẳng, đây là tự tánh thanh tịnh, đây là tùy thuận giáo huấn, đây là phát khởi đại bi, đây là có thể chọn lựa trí tuệ cảnh giới, đây là thường tu tập thiện Pháp”.

Luận rằng:

Bồ Tát niệm Tăng như thế tức có thể thành tựu biện tài tất cả chúng sanh chân thật công đức . Như Kinh Vô Cấu Xưng có kệ rằng:

“Hoặc thấy già bệnh chết

Mà khiến cho chúng sanh

Biết như là huyễn hóa

Thông đạt chẳng gì ngại

Hoặc kiếp này tiêu hết

Trời đất, như nước lửa

Người người nghĩ là thường

Nhưng biết rõ vô thường

Chúng sanh nhiều vô kể

Đều đến thỉnh Bồ Tát

Bồ Tát đến nơi này

Giáo hóa hướng về Phật

Ma chú, những huyền thuật

Kỹ nghệ thật kỳ xảo

Bỗng không còn hiện hữu

Lợi ích các quần sanh

Thế gian các đạo Pháp

Từ đây mà xuất phát

Vốn là những người mê

Nhưng không đọa tà kiến

Hoặc là trời, làm trăng

Vua trời, chủ thế giới

Hoặc làm đất, làm nước

Và làm gió, làm lửa

Kiếp ấy vì bịnh tật

Hiện ra các cỏ thuốc

Ai được chữa thuốc này

Sẽ không còn bịnh độc

Kiếp ấy vì đói khát

Hiện ra muôn đồ ăn

Trước là cứu đói khát

Sau ban cho Chánh Pháp

Kiếp ấy vì đao binh

Hiện khởi tâm từ bi

Giáo hóa các chúng sanh

An ổn chẳng sân si

Như cuộc chiến xảy ra

Tạo ra muôn khổ đau

Bồ Tát hiện uy lực

Khiến cho họ an hòa

Tất cả ở trong nước

Trong các cõi địa ngục

Thong dong trong đường khổ

Cứu tất cả các khổ

Tất cả ở trong nước

Trong các cõi súc sanh

Hiện sanh trong cõi ấy

Vì chúng mà độ thoát

Thọ dụng cả năm dục

Nhưng hiện việc lợi lành

Khiến ma tâm xa rời

Không việc gì được thành

Hoa sen trong biển lửa
Thật vô cùng hy hữu
Thiền định trong cõi dục
Nhu thế thật hiếm thay
Hoặc hiện làm dân nữ
Dùng sắc đẹp quyến rũ
Sắc đẹp như lưỡi câu
Đem về cảnh giới Phật
Hoặc làm người trưởng thôn
Hoặc làm kẻ bán buôn
Hoặc quốc sư, đại thần
Khiến ai ai cũng chuộng
Cho đến kẻ bần cùng
Hiện thân ra giúp đỡ
Vốn hay khuyên làm lành
Cho tâm họ bừng mở
Vì Ngã, tâm kiêu mạn
Liền hiện đại lực sĩ
Tiêu trừ những công cao
An trụ vô thượng đạo

Chúng sanh sợ điều ác
Hiện ra trước an ủi
Trước ban cho vô úy
Sau khiến phát đạo tâm
Hoặc hiện lìa dâm dục
Làm tiên nhân, ngũ thông
Khai đạo các quần sanh
An trụ giới nhẫn từ
Thấy ai đến cúng dường
Hiện ra làm bé trai
Hoan hỷ vui phụng cúng
Khiến phát khởi đạo tâm
Tùy họ mà giúp đỡ
Vào được trong Phật đạo
Dùng năng lực phương tiện
Để cung cấp đầy đủ
Đạo bao la như vậy
Chỗ làm chẳng đến cùng
Trí tuệ thật thâm thang
Độ thoát chúng vô lượng

Hóa ra tất cả Phật

Trong ngàn muôn kiếp số

Tán dương công đức ấy

Thật không thể cùng tận”.

Bồ Tát tu tập cúng dường công đức như Kinh bảo Quang Minh Đà La Ni có kể rằng:

Nhục kế trang nghiêm phóng hào quang

Ánh sáng lung linh chiếu muôn ngàn

Phóng quang như thể biển nơi nơi

Phật sự viên dung khắp thế gian

Ngào ngạt hương thơm thật tuyệt vời

Như mây ngàn tỏa tận xa khơi

Hương lành thơm ngát ngàn muôn nẻo

Cúng dường Phật sự khắp dặm khơi

Rực rỡ hoa xinh phóng chiếu ra

Hoa đẹp muôn trùng trời biển xa

Khắp nơi hoa đẹp trang nghiêm ấy

Cúng dường Phật sự khắp mọi nhà

Lầu các trang nghiêm theo ánh quang

Mây trời, biển biếc lầu các sang

Lầu các muôn tầng biến khắp nơi
Cúng dường Phật sự khắp quan san
Đẹp để hiện ra những bảo tràng
Trang sức muôn màu đỏ trắng vàng
Trần bảo, hợp thành bao nhiêu loại
Đất Phật bây giờ được nghiêm trang
Lưới trời ngọc báu , cùng giao thoa
Bảo cái tràng phan hiện muôn nhà
Trong ngọc vang ra muôn tiếng Pháp
Nhu Lai thường tọa tâm thiết tha
Thân cận Như Lai, được cúng dường
Ngàn muôn báu vật nguyện hiến dâng
Phụng cúng Chư Phật cũng một lòng
Thiền định biến hiện tâm thanh thang
Thần thông trí lực khó thể lường
Lợi lạc chúng sanh thật vô biên
Thiền định dung thông muôn vạn lối
Phương tiện hiển hiện cả trăm ngàn
Thân cận Như Lai được cúng dường
Bồ thí bao nhiêu cũng đều buông
Công đức trì giới không thể biết

Quyền năng nhẫn nhục cũng khó lường

Tinh tấn phát huy thật cao thâm

Thiền định vui tu uơm chồi mầm

Trí tuệ vươn lên đỉnh vọi vọi

Tịnh hạnh tịnh tu đạt thần thông

Bốn nhiếp thường tu tâm hỷ hoan

Tích phước, đạt trí, thầy lương toàn

Tứ đế, duyên sanh, và giải thoát

Căn, lực thật tu chẳng nghĩ bàn

Ngộ môn giải thoát Thanh Văn thừa

Quán Duyên Giác vừa thường thanh tịnh

Tu Tối Thượng thừa đến thần biến

Hoặc hiện vô thường khổ biến sanh

Liễu tri pháp môn vô ngã, thọ

Quán Pháp Bất Tịnh, tham không có

Chứng ba vị giác Chơn, Thường, Lạc

Muôn ngàn phương tiện liền hé mở

Phổ cập, bình đẳng quán chúng sanh

Giải thoát, ai ai có thể thành

Giải thoát độ tha không quái ngại

Giáo hóa chúng sanh thật khó hành
Tùy thuận không phân biệt dáng hình
Người người hoan lạc ái kính sanh
Mong sao thoát khỏi cảnh thế gian
Tam Ma Địa mãi được tịnh thanh
Lìa xa đời khát cảnh Ta Bà
Tùy theo tất cả mà chu cấp
Vì thương khắp hết chúng hữu tình
Lìa những lo toan thường an ổn
Mỹ vị cao lương đây thức ăn
Đầy đủ viên dung vạn muôn ngàn
Quốc thành thương mến không tổn hoại
Ban bố hữu tình khắp thế gian
Thân tướng trang nghiêm đẹp tuyệt vời
Nguy nguy hùng lực lắm người ơi
Hương thơm ngào ngạt hương đức hạnh
Rực rỡ đoan nghiêm chẳng ai ngờ!
Tướng mạo đoan nghiêm thật oai nghi
Ai gặp một lần, quyết phụng trì
Dùng muôn phương tiện diễn diệu âm

Khiến chúng sanh đạo cả phát huy
Phát lên tiếng Ca Lăng Tần Già
Tiếng Câu Loa và tiếng Kế La
Khôn Na La muôn tiếng trông hay
Giáo nghĩa Như Lai hiện tỏ ra
Trong thế gian Phật đã tuyên thuyết
Tám mươi bốn ngàn Chơn Ngôn tạng
Nhu thế phân biệt các Pháp môn
Chúng sanh đều được lợi muôn ngàn
Được lợi ích, hoặc được gọi nhuần
Do nghĩa Pháp, hoặc diệu nghĩa thuần
Theo căn cơ phát tâm thanh tịnh
Ngàn sau tất cả cùng quang vinh
Hoặc gặp chướng nạn lẫn tai ương
Nhiều nỗi đớn đau khó nghĩ lường
Phải dùng bi nguyện cao vời vợi
Thay thế chúng sanh thoát đau thương
Nơi nào chưa có Pháp Như Lai
Chẳng có Già Lam một cảnh chùa
Ban phước tôn trọng được như Vua

Khiến cho tất cả tín tâm thừa
Ai lia tham ái, lia khổ đau
Vượt thoát ra ngay nhân héo sầu
Dù ở trong đời, không bị khổ
Nhờ bởi hào quang ảnh nhiệm màu
Công đức lành đầy đủ ai hay
Đây là hành Pháp đại trượng phu
Ai muốn sanh về cõi Cực Lạc
Mâu Ni diệu hạnh tất năng tu
Thọ mệnh lâu dài chẳng sánh lường
Thọ các niềm vui chẳng tai ương
Sanh, già, bệnh khổ không xâm tổn
Tâm an hằng trụ chốn vô thường
Hiển thị tham, sân, các trái sai
Lửa si đốt cháy chẳng dừng nghi
Bốn tướng hoại si như thế ấy
Làm cho quần mê giác ngộ ngay
Mười lực, bốn vô úy Như Lai
Mười tám bất cộng, các công đức
Con nay xưng tán và quy y

Thường ở thế gian hành đại nghĩa
Như đất phì nhiêu tợ huyễn sanh
Biến hiện nguyên hình các chúng sanh
Như Lai xuất hiện trong đời thật
Biến hóa thần thông chẳng ai sánh
Lại hay quyền biến và phương tiện
Đem đến an vui cho hữu tình
Vui tươi thanh tịnh nơi tâm thức
Như hoa sen đẹp vượt bùn tanh
Múa hát lời vui, tiếng nói hay
Nhảy múa , đờn ca hiển tỏ bày
Thấy nghe cảm nhận thật khéo léo
Hiện đủ sắc tướng như huyễn say
Đối với quyền uy của trượng thôn
Quyền uy trượng giả trong một phương
Phó tướng , tế quan và tất cả
Trí tuệ biện tài khó nghĩ lường
Hoặc ở rừng sâu, hoặc dưới cây
Hoặc vì báu vật tận muôn ngàn
Như ý, ma ni tùy châu lượm

Vì kẻ mê kia lại dẫn đường
Mọi việc đều hiện trong cách làm
Gỗ quý điều khác, hoặc đan chằm
Kinh doanh trông trọt thật hy hữu
Không gì không đạt thật thậm thâm
Hoặc hiện oan gia tâm ghen ghét
Hoặc hiện mùi thương, dạ luyến thương
Dùng lương dược ấy độ bệnh nhân
Mâu Ni phương tiện chỉ rõ đường
Hoặc diễn pháp mâu tối thượng sao
Si hoặc vượt qua đến tầng cao
Khiến cho kẻ lạ đều xuất gia
Phát tâm quy hướng trí huệ vào
Ngoại đạo khổ hạnh được bao lâu
Đức Gô-ta-ma nói được đâu
Lìa bỏ lửa hình (Asela) thành đệ tử
Thầy dạy uyên thâm Pháp nhiệm mâu
Phát tâm xả bỏ tấm thân này
Không ai tối thắng chấp trước đây
Đẻ tóc buông dài , thành đồng tử

Tất cả đều nương lời Thầy dạy
Dùng năm màu hương thoa vào thân
Thọ giới chó trâu thật khỗ hình
Khâu vá da nai thành áo mặc
Nương lời Thầy đạt thật cao thâm
Chứng được thần thông biết rõ Trời
Không lành, không dữ, không như Người
Nước suối, trái cây, ngày qua bữa
Tất cả nương tựa lời Thầy dạy
Ngồi xếp bằng, hoặc đứng một chân
Bôi than, nằm yên chẳng cựa gân
Cây tăm nho nhỏ cũng chẳng nương
Nương lời Thầy dạy tất cả đây
Cho dù đến cả các ngoại đạo
Tất cả khổ hạnh thật siêng sao
Hòa hiện xa lìa các nhân khổ
Để cho tâm họ được giải mau
Thế gian so đây có khác sai
Thành tâm nương tựa đáng cao thay
Vì độ người tà nên thị hiện

Khai thị chân thật nghĩa Như Lai
Quảng diễn Đại Thừa Pháp thậm thâm
Tuyên thuyết bí mật giảng chơn ngôn
Muôn trùng ý nghĩa giải rõ ràng
Vi lợi trời người thuyết kệ âm
Từng câu, từng ý từng giảng giải
Ý nghĩa kim cang rộng muôn ngàn
Trí ấy từng khác các tranh luận
Bỏ hẳn phi pháp, nói lời vàng
Hoặc chỉ cho người cầu thần chú
Hoặc hiện chư Thiên nghĩa nhiệm màu
Long Vương, Dạ Xoa, Càn Thát Bà
A Tu La, Bồ Đà La sau
Khẩn Na La và Nga Lô Noa
Ma Hầu La cùng với thuyết này
Mỗi mỗi đều hay ngôn từ đẹp
Tuyên dương rõ biết Pháp Như Lai
Bởi nhờ chứng ngộ chân thật nghĩa
Đối với Phật Pháp tâm quyết định
Lời nói, cảnh trí thật khó nghĩ

Đây vì tối thượng Tam Ma Địa
Nghĩa là rộng khắp Thiên Định này
Phóng đại quang minh sáng thẳm sâu
Ánh sáng nhiếp hóa biết bao nhiêu
Làm cho tất cả đều thiên tịnh
Phóng đại Thiện Kiến ánh quang minh
Thấy sáng, chúng sanh khởi niềm tin
Quán sát thấy rõ nhân lành ấy
Vô thượng trí tuệ thật uy linh
Nhờ ánh sáng này chiếu thế gian
Tam Bảo vô biên hiện rõ ràng
Tháp miếu Như Lai bao màu nhiệm
Tất cả tán dương nguyện cúng dàng
Ánh sáng Thắng Đấng cũng phóng ra
Rực rỡ muôn màu chiếu sáng lò
Vì muốn nghiêm tịnh các thế gian
Phá tan vi trần hoặc ác ma
Ánh sáng nhiệm màu chiếu thế gian
Công đức đèn hoa nguyện cúng dường
Muôn thuở đắp xây không thể biết

Như thế mới là phụng cúng dâng
Hoặc đèn bằng sữa hay bằng dầu
Hoặc bằng tùng , trúc, hoặc thân cây
Bao nhiêu đèn đốt hương thơm ấy
Nguyện cúng Thế Tôn thọ ký sau
Ánh sáng Câu Chiêu cũng sáng lên
Thức tỉnh bao nhiêu chúng hữu tình
Giáo hóa muôn ngàn quần mê ấy
Thoát khỏi ái hà, đạt bến thanh
Ánh sáng Từ quang khắp chiếu xa
Khai ngộ chúng sanh thoát Ta Bà
Bốn khổ quyết lìa, không trở lại
Loại trừ ưu não, được an hòa.”

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ 23

---o0o---

Quyển Thứ Hai Mươi Bốn

Thứ tự Kinh văn số 1636

- Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Quyển thứ 32 thuộc Luận Tập Bộ
Toàn từ trang 75 đến trang 144.

- Ngài Pháp Xứng Bồ Tát (Santideva-Tịch Thiên) tạo Luận.

- Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng Triều Tán Đại Phu, Thúc Hồng Lô Thiếu Khanh (*) Tuyên Phạm Đại Sư, Sắc Tử Sa Môn Thần Nhựt Xung cùng với những người khác phụng chiếu dịch.
- Sa Môn Thích Như Điền , Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi cùng với sự phụ dịch của Tỳ Kheo Thích Đồng Văn , bắt đầu dịch từ ngày 07 tháng 12 năm 2004 nhân kỳ nhập thất lần thứ hai.

Niệm Tam Bảo

(Ratnatrayanusmrtimamastadasah

Paricchedah)

Phẩm Thứ Mười Tám - Phần Thứ Ba

Những con đường ấy chảy về đâu
Thuyền bè qua lại, những chiếc cầu
Lợi lạc bao nhiêu cho nhân loại
Tán dương thanh tịnh độ thẳm sâu
Trừ khát ái, phóng đại quang minh
Ánh sáng nhiệm màu độ chúng sanh
Xa rời tất cả bao ngũ dục
Chuyên cầu giải thoát Pháp thâm uyên
Ai đã xa rời năm món dục
Cần cầu giải thoát Pháp thậm thâm
Thường được thấm nhuần mưa Pháp Phật

Khát ái thế gian bỗng thoát ngằm
Trí huệ luân lưu nguồn suối mát
Chuyển hóa chúng sanh đến Bồ Đề
Lìa xa năm dục, ưa tịch tĩnh
Khát ái được trừ thoát cảnh mê
Ánh sáng Tác Biến phóng chiếu ra
Rực rỡ hào quang cảnh sáng lòa
Ai được chiếu sáng, ưa Phật Pháp
Vô Sư Đại Trí nguyện sớm thành
Tạo lập hình tượng đấng Từ Tôn
Ngồi trên sen đẹp, tướng trường tồn
Tán dương công đức Như Lai mãi
Ánh sáng yêu thương mãi chiếu luôn
Ánh sáng Hân Lạc chiếu muôn phương
Giác ngộ chúng sanh tỏ nẻo đường
Chư Phật hân hoan, nguồn đại giác
Vui cùng Pháp Lạc, vui tăng phường
Ai thường vui vẻ với Chư Phật
Cùng vui với tất cả chúng Tăng
Đối với Như Lai và Thánh Chúng

Chúng được Pháp Nhẫn với Vô Sanh
Khai ngộ chúng sanh khó nghĩ lường
Niệm Phật, Pháp, Tăng mãi tuyên dương
Phát tâm làm cả bao công đức
Hân Lạc gọi tên thắm dư hương
Ánh sáng Phước Tụ phóng chiếu lên
Giác ngộ chúng sanh rạng tâm bền
Tu tập tất cả phước bồ thí
Đề cầu chúng đấng đạo vô biên
Thiết lập đạo tràng vô giá hội
Ban bố tình thương đến muôn loài
Tâm sanh giàu có, giàu có mãi
Phước Tụ gọi tên ánh sáng soi
Ánh sáng Cụ Trí phóng chiếu cao
Giác Ngộ quần sanh rõ biết bao
Một Pháp đả thông vạn Pháp rõ
Vạn Pháp đạt thông ngộ ánh sao!!
Với chúng sanh rõ ràng phân biệt
Quyết định liễu tri nghĩa chân thật
Khéo hay giảng nói không tổn giảm

Cụ Trí hiển bày danh sáng nhất
Phóng ánh sáng lớn tên Huệ Đăng
Với ánh sáng này giác chúng sanh
Tánh Không, ai ai đều rõ biết
Nhứt thiết Pháp chẳng có chi thành
Pháp không chủ thể, trước, sau không
Sương mai gặp nắng, nước trong trăng
Như cảnh mơ màng , như ảnh tượng
Trong ánh sáng này gọi Huệ Đăng
Phóng ánh sáng lớn tên Tụ Tại
Giác ngộ chúng sanh, ngộ mãi mãi
Thành tựu Vô Tận Đà La Ni
Với Như Lai tạng đều vô ngại
Cung kính cúng dường kẻ hành Pháp
Cấp người gìn giữ như chư tiên
Pháp thí vô vàn chúng sanh đặng
Ánh sáng Tụ Tại được nêu tên
Phóng ánh sáng lớn tên Cụ Xả
Giác ngộ chúng sanh tâm kiên cố
Liễu tri vô thường trong tất cả

Vô cùng sung sướng mà ban bố
Khéo hay điều phục kẻ cứng đầu
Tiền tài mây trắng chẳng bao lâu
Huệ Thí tăng trưởng tâm thanh tịnh
Cụ Xả phương danh thật nhiệm màu
Phóng ánh sáng lớn tên Trừ Nhiệt
Những kẻ điêu ngoa, nhờ sáng biết
An trụ thân giới mà thanh tịnh
Chứng Vô sư Trí thật tha thiết
Khuyên bảo chúng sanh hoặc phụng trì
Con đường thập thiện mãi quang huy
Ngày ngày tăng trưởng Bồ Đề đạo
Gọi tên Trừ Nhiệt chẳng ai bì
Phóng ánh sáng lớn tên Nhẫn Nghiêm
Sáng này giác ngộ kẻ sân hiềm
Phẫn nhuê diệt trừ cùng Ngã Mạn
Vui tu Nhẫn nhục được an nhiên
Chúng sanh ác, hành nhẫn khó thay
Vì đạo Bồ Đề, tâm hiển bày
Tán dương công đức nhẫn nhục ấy

Gọi tên ánh sáng Nhẫn Nghiêm này
Phóng ánh sáng lớn tên Càn Dũng
Giác ngộ muôn loài đạt thung dung
Không ai chẳng nhớ ân Tam Bảo
Cung kính cúng dường chẳng thối tâm
Ai thường đối với ba ngôi Báu
Cung kính cúng dường chẳng hề than
Ra khỏi Tứ Ma tâm tự tại
Chứng đạo Bồ Đề vạn lạc an
Khuyên ai hãy mau tu tinh tấn
Cúng dường Tam Bảo thật chuyên cần
Hộ trì thật vững khi dục hết
Càn Dũng tên này quá cao thâm
Phóng ánh sáng lớn tên Tịch Tĩnh
Những mong giác ngộ ý buông lung
Sân hận, si mê không còn nữa
Ý thêm sáng tỏ, chẳng động lòng
Xa rời hết thấy ác tri thức
Vô nghĩa, mạn đàm thời giờ mất
Tán dương thiền định A Lan Nhã

Tịch tịnh xứng danh niềm chân thật
Phóng ánh sáng lớn tên Huệ Nghiêm
Giác ngộ kẻ mê, kẻ ngu hiền
Một khi rõ biết Nhân Duyên ấy
Các căn trí huệ đặng cao thêm
Ai mà rõ biết Pháp Duyên sanh
Trí huệ cao sâu tự nhiên thành
Chứng đắc Huệ Nhứt Tam Ma Địa
Ánh sáng Trí Tuệ, chiếu đạt thành
Tất cả tài sản đều xả ly
Kẻ mong giác ngộ được tức thì
Nghe rồi vì chúng rộng diễn thuyết
Huệ Nghiêm ánh sáng chẳng gì bì
Phóng ánh sáng lớn tên Phật Huệ
Sáng này giác ngộ các người mê
Thấy rõ trăm ngàn muôn ức Phật
Đài sen thanh thoát vọng hương về
Phật đầy uy đức, giải thoát sao
Tự tại thần thông rộng biết bao
Phật lực cao thâm ai nghĩ được
Ánh sáng Phật Huệ tên gọi nào

Phóng ánh sáng lớn tên Vô Úy
Rực rỡ trang nghiêm trừ sợ nguy
Không ai đánh phá bao trời buộc
Tất cả hỏa tai chẳng còn gì
Đối với chúng sanh thí Vô Úy
Não hại bao nhiêu chẳng là gì
Nguy nan qua khỏi cơ cùng ấy
Cho nên sáng này tên Vô Úy
Phóng ánh sáng lớn tên An Ổn
Chữa lành tất cả bệnh trầm kha
Thống khổ không còn trong khoảnh khắc
Liên được thiên định, tâm an hòa
Ban bố thuốc hay cứu khổ đau
Cứu khổ quần mê, thật nhiệm màu
Thức ăn đầy đủ trong tay ấy
An Ổn tên này đẹp biết bao
Phóng ánh sáng lớn tên Kiến Phật
Sáng cho người thấy bao sự thật
Như Lai hiển hiện tùy nhớ nghĩ
Tịnh Độ quay về sau khi mất

Niệm Phật hành trang lúc lâm chung
An bày tôn tượng niệm dung thông
Nương về với Phật, giây phút chót
Kiến Phật tên này ý rõ lòng
Phóng ánh sáng lớn tên Lạc Pháp
Sáng này giác ngộ các quần sanh
Khiến cho Chánh Pháp thường hân lạc
Rõ nghe đọc, tụng và biên chép
Khi Pháp tận rồi hay diễn thuyết
Làm kẻ cầu Pháp ý mãi duyệt
Đối với ái lạc khuyên tu tập
Gọi là Lạc Pháp ai cũng biết
Phóng ánh sáng lớn tên Diệu Âm
Sáng soi khai ngộ các Bồ Tát
Tam Giới được nghe tiếng Pháp Âm
Liên nghe được tiếng Như Lai Phật
Âm thanh lớn ấy xưng tán Phật
Lại cho chuông báo tiếng âm nhạc
Khiến thế gian nghe âm thanh Phật
Cho nên sáng này tên Diệu Âm

Phóng ánh sáng lớn tên Cam Lô
Bồ Đề sáng rỡ sạch mây mờ
Phóng dật buồng lung đều lia khỏi
Tu tập công đức thỏa ước mơ
Vi Pháp Hữu Vi chẳng ỏn an
Khô não vô biên càng tăng trưởng
Tán dương công đức vui tịch tịnh
Cam lồ tên gọi tợ ánh dương
Phóng ánh sáng lớn tên Tỏi Thắng
Sáng kia khai ngộ các chúng sanh
Đối với Chư Phật đều nghe rõ
Giới, Định, Huệ tăng thêm Pháp lành
Thường vui xưng tán đại Mâu Ni
Thắng Giới, Thắng Định và Thắng Huệ
Vì cầu Vô Thượng Đạo như thế
Tỏi Thắng gọi tên rõ mọi bề
Phóng ánh sáng lớn tên Bảo Nghiêm
Giác ngộ quần sanh sáng êm đềm
Như được Bảo Tạng vô cùng tận
Cúng dường Như Lai phước đặng thêm

Đôi với các loại trân bảo quý
Phụng cúng lên Phật và Tháp Phật
Dùng Huệ thí cho kẻ nghèo nàn
Được ánh sáng này quả chân thật
Phóng ánh sáng lớn tên Hương Nghiêm
Sáng màu giác ngộ khắp mọi miền
Một khi nghe được, lòng hoan hỷ
Công đức Như Lai quyết đạt thêm
Người, Trời, dùng hoa đẽ nghiêm trang
Đấng tối thắng Chủ, nguyện cúng dường
Tạo lập tháp miếu và tượng Phật
Được thành ánh sáng thật minh quang
Phóng ánh sáng lớn tên Trang Nghiêm
Bảo cái, tràng phan, rủ xuống thêm
Dâng cúng hương hoa cùng âm nhạc
Thành ấp trong ngoài thật dịu êm
Kỷ nhạc du dương vi diệu sao
Phan lọng hương hoa kẻ xiết bao
Nhiều loại trang nghiêm cúng dường Phật
Được thành ánh sáng đẹp dường nào

Phóng ánh sáng lớn tên Nghiêm Tịnh

Đất bằng phẳng lặng tợ thủy tinh

Nơi này Phật tháp trang nghiêm đẹp

Được thành ánh sáng thật quang vinh

Phóng ánh sáng lớn tên Đại Vân

Mưa ngát mùi hương thơm vô ngần

Hương thơm xin cúng Tháp và Phật

Được thành ánh sáng tợ tường vân

Phóng ánh sáng lớn tên Nghiêm Cụ

Những kẻ loã lồ, quần áo đủ

Nghiêm thân diệu vật đem bố thí

Được thành ánh sáng như tinh tú

Phóng ánh sáng lớn tên Thượng Vị

Những kẻ đói khát no li bì

Nhờ cúng bao đồ trên bảo ấy

Được ánh sáng này thật quang huy

Phóng ánh sáng lớn tên Thắng Tài

Cho kẻ nghèo cùng được của vui

Bảo vật vô lượng dâng Tam Bảo

Được ánh sáng này tợ tiếng cười

Phóng ánh sáng lớn tên Tịnh Nhãn
Những kẻ mù lòa được thấy rõ
Nhờ cúng đèn đuốc lên Tháp Phật
Được ánh sáng này thật sáng tỏ
Phóng ánh sáng lớn tên Tịnh Nhĩ
Những kẻ điếc mờ thấy đều nghe
Bởi vui cúng dường tháp miếu Phật
Nên được ánh sáng khó nghĩ nghĩ
Phóng ánh sáng lớn tên Tịnh Tỷ
Xưa chưa nhận mùi nay nhận kỹ
Nhờ dâng hương tốt lên Tháp Phật
Nên được ánh sáng này chân thật
Phóng ánh sáng lớn tên Tịnh Thiệt
Thường trừ thô ác lời chẳng hay
Bởi dùng mỹ ngữ tán dương Phật
Được thành ánh sáng nhật quang soi
Phóng ánh sáng lớn tên Tịnh Thân
Những kẻ thiếu căn được đủ phần
Dùng thân lễ Phật nơi Tháp Phật
Nên được ánh sáng rọi xa gần

Phóng ánh sáng lớn tên Tịnh Ý

Những kẻ buông lung được Chánh Niệm

Do tu Thiên Định, tâm tự tại

Nên được ánh sáng màu chơn kim

Phóng ánh sáng lớn tên Tịnh Sắc

Diệu Tướng trang nghiêm được hiển bày

Dâng hoa hiến cúng nơi Tháp Phật

Nên được sáng trong ánh nhiệm màu

Phóng ánh sáng lớn tên Tịnh Thanh

Quán âm thanh nọ tợ duyên sanh

Biết rõ tánh thanh vốn tự Không

Cho nên được tự thành ánh sáng

Phóng ánh sáng lớn tên Tịnh Hương

Xú ướm bỗng nhiên được thơm lừng

Nhờ dùng nước thơm cúng Tháp Phật

Nên được ánh sáng thật huy hoàng

Phóng ánh sáng lớn tên Tịnh Vị

Hay trừ tất cả mùi độc ướm

Bởi cúng Phật, Tăng và Cha Mẹ

Nên được ánh sáng mát chớ che

Phóng ánh sáng lớn tên Tịnh Xúc
Quan hệ tiếp cận thành nhu nhuyễn
Nhu hạt mưa rơi không trung chuyển
Đều biến thành hoa tươi thật nhuyễn
Xưa chưa từng có như đường này
Dùng bột hương thơm y phục ướp
Nhờ đức Như Lai bước lên trên
Nên được ánh sáng vàng chiếu lên
Phóng ánh sáng lớn tên Tịnh Pháp
Từng lỗ chân lông nơi thân thể
Kể nghe vui vẻ sanh giải thoát
Các Pháp Môn chưa thể từng nghe
Tự Tánh Vô Sanh từ duyên khởi
Pháp Tánh thường trụ tợ hư không
Rõ biết Phật Thân là Pháp Thân
Được ánh sáng trong ngàn chiều ấy
Nhu những ánh sáng kể trên đây
Nhiều như hạt bụi khó lường thay
Từ lỗ chân lông của Đại Tiên
Sự nghiệp tự thành khác thường này

Mỗi lỗ chân lông mỗi hào quang
Phóng ra vô lượng ức muôn ngàn
Mỗi lỗ chân lông đều như thế
Từ lực tam muội của Đại Tiên
Vị ấy nhờ tu bao công đức
Tương ứng các duyên đồng phạm hạnh
Phóng ánh sáng từ lực cao đại
Đây là Đại Tiên trí Tự Tại
Ngàn xưa thường tu phước nghiệp lành
Tùy hỉ ái lạc thường phát sanh
Tùy thuận việc làm mà như thế
Cho nên ánh sáng gọi tên thành
Ai nguyện tự tu các phước nghiệp
Tất cả cúng dường lên Chư Phật
Đối với công đức mà nguyện cầu
Nhờ ánh sáng này bày chỗ thật
Người mù làm sao thấy mặt trời
Mặt trời hiện hữu khắp muôn nơi
Ai ai có mắt đều thấy cả
Mỗi mỗi tùy duyên ánh rạng ngời

Quang minh Đại Sĩ cũng thể thôi
Ai có trí tuệ miệng luôn cười
Phàm phu, không tín, tâm hạ liệt
Dù có ánh sáng chẳng thấy thôi
Cung điện lầu các nhiều khôn lường
Bao nhiêu hương thấm khắp trời hương
Phước báo dồi dào, phước tự nhiên
Không có công đức, chẳng thể tường
Ánh sáng Đại Sĩ cũng thể thôi
Bậc đại trí vui mãi rạng ngời
Kẻ tà, hạ liệt, phàm ngu tối
Không thể có được ánh tuyệt vời
Ai đã từng nghe sự khác biệt
Thâm tín tư lương thuần tinh khiết
Xa lìa tất cả lưới nghi hoặc
Thành tựu vô thượng công đức thiết
Lại hiện tối thượng Tam Ma Địa
Quyến thuộc trang nghiêm đều Tự Tại
Mười phương tất cả mọi quốc độ
Phật tử quay quanh cùng chúng hội

Có hoa sen đẹp sáng trang nghiêm
Thông cả ba ngàn thế giới thiên
Thân ngự tòa sen, thân sung mãn
Hiện ra Tam Muội thần thông biến
Lại có mười cõi số bụi trần
Có hoa sen báu đẹp vô ngần
Rất nhiều Phật tử ngự trong ấy
Bởi nhờ Tam Muội lực oai thần
Ngàn xưa thành tựu nhân duyên lành
Viên mãn công đức Phật tu hành
Chúng hội chấp tay trông chẳng chán
Chiêm ngưỡng một lòng quay xung quanh
Thân đồng tử nhập vào tam muội
Nhiều năm thân ấy từ định khởi
Nhiều năm thân lại vào tam muội
Ở nơi thân già từ định khởi
Tuổi già thân ấy vào tam muội
Gần gũi nữ thân từ định khởi
Gần gũi nữ thân vào tam muội
Gần gũi nam thân từ định khởi

Gần gũi nam thân vào tam muội

Tỳ Kheo Ni thân từ định khởi

Tỳ Kheo Ni thân vào tam muội

Nơi thân Tỳ Kheo từ định khởi

Nơi thân Tỳ Kheo vào tam muội

Học, Vô Học thân từ định khởi

Học, Vô Học thân vào tam muội

Nơi thân Duyên Giác từ định khởi

Nơi thân Duyên Giác vào tam muội

Hiện thân Như Lai từ định khởi

Ở thân Như Lai vào tam muội

Nơi thân Chư Thiên từ định khởi

Từ thân Chư Thiên vào tam muội

Hiện thân Đại Long từ định khởi

Từ thân Đại Long vào tam muội

Hiện thân Dạ Xoa từ định khởi

Từ thân Dạ Xoa vào tam muội

Hiện thân Bộ Đa từ định khởi

Từ thân Bộ Đa vào tam muội

Mỗi lỗ chân lông từ định khởi

Từ lỗ chân lông vào tam muội

Tất cả chân lông từ định khởi

Tất cả chân lông vào tam muội

Một lông trên đầu từ định khởi

Từ trên đầu lông vào tam muội

Tất cả tóc lông từ định khởi

Từ trong tóc lông vào tam muội

Trong mỗi vi trần từ định khởi

Từ trong vi trần vào tam muội

Tất cả trần ấy từ định khởi

Từ tất cả trần vào tam muội

Nơi kim cương tế từ định khởi

Từ kim cương tế vào tam muội

Nơi ma ni báu từ định khởi

Từ ma ni báu vào tam muội

Ánh sáng Phật soi từ định khởi

Từ ánh sáng Phật vào tam muội

Nơi trong nước lớn từ định khởi

Từ trong nước lớn vào tam muội

Ở nơi lửa lớn từ định khởi

Từ trong lửa lớn vào tam muội

Ở nơi gió lớn từ định khởi

Từ trong gió lớn vào tam muội

Ở nơi đất lớn từ định khởi

Từ nơi đất lớn vào tam muội

Cung điện Chư Thiên từ định khởi

Từ điện Chư Thiên vào tam muội

Nơi không ấy khởi tâm bất loạn

Có tên giải thoát không thể bàn

Thiền định công đức vượt trần gian

Mười phương Như Lai đều hiển hiện

Ngàn kiếp thông dong vạn vạn an

Tất cả Như Lai cùng tuyên thuyết

Chúng sanh nghiệp báo biến hóa luôn

Chư Phật tự tại thần thông lớn

Nhập đại định lực không thể lường

Trong bát giải thoát, tâm thường nghe

Một thân hay hiện khắp thân về

Mọi thân vốn ở trong một vậy

Trong hư không, hiện lửa Bồ Đề

Những ai chẳng đủ đại từ bi
Phật đạo hiện ra bất tư nghi
Chúng sanh chẳng độ, chẳng gần gũi
Thế gian lợi lạc chẳng ai bì
Giữa trời lồng lộng trăng trên không
Mười phương cõi sáng ánh linh lung
Biển nước muôn trùng ma chẳng hiện
Suối hồ ảnh hiện nước trong ngần
Hảo tướng Bồ Tát đẹp vô cùng
Mười phương hiển hiện chẳng thể lường
Năng lực thiên định và tự tại
Chỉ có Như Lai mới tỏ tường
Biển lớn có thần tên Thiện Âm
Chúng sanh tùy thuận thật nan tầm
Ngôn ngữ bao la đều thông suốt
Bao nỗi niềm xưa thỏa ước mong
Thần ấy muôn lần tham, nhuế, si
Lại thêm thần lực với tổng trì
Khéo giải rõ ràng muôn lời nói
Chẳng làm cho chúng nhẹ vơi đi

Như nhà huyền thuật khéo bày trò
Khéo tạo sự đời khó lường cho
Trăng gió thông dong bao năm tháng
Thành ấp phong nhiêu một chuyến đò
Huyền gia cũng có tham, nhuế, si
Năng lực huyền ảo có khác gì
Huống nữa khả năng người Thiên Định
Há không thể tạo bao hoan hỷ
La Hầu, Tu La thường biến hiện
Kim Cang ngự giá trên trời biển
Nhưng nước xanh kia chẳng nhận chìm
Đầu kia sánh núi Tu Di biến
Họ có tham dục, sân nhuế si
Thế nhưng hiển hiện chẳng ai bì
Huống lực hàng ma chiếu thế giới
Mà chẳng tự tại thôi nói chi
Trời và Tu La chiến đấu nhau
Thần lực Đế Thích thường tự tại
Quân binh số lượng không sao kể
Hiện ra cùng khắp khó địch nhau

Các A Tu La nghĩ thế này
Thích Đề Hoàn Nhơn hãy lại đây
Trói cột thân ta đến năm vòng
Nhờ vậy quân binh sợ hãi ngay
Đế Thích hiện thân thiên nhãn ra
Chùy lửa Kim Cang thật sáng lò
Gậy vàng rực rỡ trên tay ấy
Tu La nhận thấy thối lui xa
Bởi họ ít phước, thân nhỏ hơn
Làm sao phá được địch oán hờn
Huông gì phước báo cứu muôn loại
Sao mà công đức tự tại luôn
Gió mây tạo thành trận mưa lớn
Sớm tan tất cả các vàng mây
Thành thực muôn ngàn đẹp cỏ cây
An lạc quần sanh đã hiển bày
Ai không thể học Ba La Mật
Không có công đức để học Phật
Thành tựu tất cả không thể bàn
Huông gì đầy đủ cả nguyện lực

Luận rằng:

Bồ Tát làm hết thấy việc vì lợi lạc chúng sanh, tự làm tăng trưởng nguyên nhân phước đức, như Kinh Bảo Vân có kệ rằng:

Nếu các Bồ Tát

Nghiêm trì hương hoa

Phụng hiến Như Lai

Tháp Miếu cao tòa

Hồi hương việc này

Nguyện cho chúng sanh

Lìa sự phá giới

Được hương giới Phật

Nếu các Bồ Tát

An trụ Tịnh Độ

Thường hay quét dọn

Hồi hương công đức

Nguyện cho chúng sanh

Lìa các ác tướng

Khéo tu Pháp lành

Chỉnh đốn viên dung

Nếu chư Bồ Tát

Nghiêm trì Hoa Cái

Phụng hiến Chư Phật

Hồi hương công đức

Nguyện cho chúng sanh

Lìa lửa phiền não.

Hoặc vào Già Lam

Phát tâm thế này

Nguyện cho chúng sanh

Nhập thành Niết Bàn

Ra khỏi Già Lam

Phát tâm thế này

Nguyện cho chúng sanh

Vượt ngục sanh tử

Khi mở cửa ra

Phát tâm thế này

Nguyện cho chúng sanh

Mở cửa Thánh Trí

Lúc đóng cửa lại

Phát tâm thế này

Nguyện cho chúng sanh

Đóng các cửa ác

Nếu ngồi an tịnh

Phát tâm thế này

Nguyện cho chúng sanh

Ngồi Bồ Đề tràng

Nằm quay bên phải

Phát tâm thế này

Nguyện cho chúng sanh

An trụ Niết Bàn

Từ nằm đứng dậy

Phát tâm thế này

Nguyện cho chúng sanh

Lìa chương triền cái

Khi đi qua lại

Phát tâm thế này

Nguyện cho chúng sanh

Vào đường Đại Giác

Lúc đại tiểu tiện

Phát tâm thế này

Nguyện cho chúng sanh

Bỏ mũi tên độc

Khi làm tầy tịnh

Phát tâm thế này

Nguyện cho chúng sanh

Rửa sạch phiền não

Khi rửa tay mình

Phát tâm thế này

Nguyện cho chúng sanh

Lìa nghiệp ô uế

Lúc rửa chân mình

Phát tâm thế này

Nguyện cho chúng sanh

Khỏi các chương nạn

Lúc xia răng mình

Phát tâm thế này

Nguyện cho chúng sanh

Không bị uế nhiễm

Bồ Tát như thế

Nếu thân thường tạo

Tất cả thiện nghiệp

Dem đến hồi hương

Lợi ích an lạc

Tất cả chúng sanh

Hoặc lễ Như Lai

Nhiều Tháp miếu Phật

Phát tâm thế này

Nguyện cho chúng sanh

Thường được người trời

Cung kính đánh lễ.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ 24

---o0o---

Quyển Thứ Hai Mươi Lăm

Thứ tự Kinh văn số 1636

Bắt đầu dịch từ ngày 8 tháng 12 năm 2004
nhân kỳ nhập thất lần thứ hai.

Niệm Tam Bảo

(Ratnatrayanusmrtimamastadasah

Paricchedah)

Phẩm Thứ Mười Tám - Phần Thứ Tư

Luận rằng:

Nghĩa là chư Bồ Tát hoặc gặp nhân duyên các việc khó khăn dùng chánh niệm để đối trị chẳng sanh sợ hãi. Như Kinh Bát Nhã nói: “Lại nữa này Xá Lợi Tử! Nếu Đại Bồ Tát giả sử nơi ác thú gặp nạn, chẳng sanh sầu não, lại không sợ hãi. Bồ Tát có thể nghĩ như thế nào? Ta sẽ vì lợi ích chúng sanh cho nên xả bỏ tất cả. Nếu các ác thú muốn làm hại ta, ta sẽ thí tất cả để đầy đủ thí Ba La Mật. Ta nguyện thành Bồ Đề, mà ở trong quốc độ đó thanh tịnh chẳng nghe đến những tên của ác thú, trùng độc.

Lại nữa Xá Lợi Tử! Nếu Đại Bồ Tát bị nạn oán tặc cũng chẳng sanh nỗi hại, chẳng sợ hãi. Vì sao vậy? Bồ tát ở đây nếu có sở hữu tất cả bị tổn hoại, tức liền niệm rằng nếu oán tặc đến, muốn hại ta, ta kiếp kiếp có thể xả bỏ thân này, mà thân, ngữ, ý nghiệp chẳng sân hận, liền được giới viên mãn Ba La Mật; lại được đầy đủ Nhân Nhục Ba La Mật, nguyện ta thành tựu Bồ Đề. Lúc ấy đất nước thanh tịnh chẳng nghe đến tên của sự oán tặc nữa.

Lại nữa, Xá Lợi Tử! Nếu Đại Bồ Tát gặp nạn khát nước, lại cũng chẳng sợ hãi. Vì sao vậy? Vì Bồ Tát được Pháp lợi ích nên chẳng ưu não; tức liền nhớ nghĩ: Ta sẽ vì tất cả chúng sanh, tuyên thuyết pháp yếu đoạn trừ những khát ái. Giả sử thân của ta vì sự đói khát mà mệnh chung, qua đời sau sẽ khởi lòng đại bi. Ôi chúng sanh này, phước báo kém cỏi! Khi mất đi rồi sanh trở lại gặp nạn khổ không có nước, làm cho tu chánh hạnh để đầy đủ thắng huệ, mà có thể đầy đủ Tinh Tấn Ba La Mật, ta nguyện sẽ thành tựu Bồ Đề. Lúc ấy đất nước thanh tịnh chẳng nghe đến tên của sự đói khát nữa, trong đó chúng sanh đầy đủ phước đức, tự nhiên có nước tám công đức.

Lại nữa Xá Lợi Tử! Nếu Đại Bồ Tát gặp nạn đói khổ, không sanh sợ hãi. Vì sao thế? Vì Bồ Tát mặc giáp tinh tấn kiên cố chẳng giải đãi. Như thế nhớ nghĩ làm cho chúng sanh này, nhận chịu sự đói khát khổ sở, mà có thể thương mến. Ta nguyện sẽ thành tựu Bồ Đề, quốc độ chẳng có tên đói khát. Giáo hóa chúng sanh, làm cho tất cả được an ổn như niềm vui tự nhiên ở cõi trời Đạo Lợi. Tất cả đều hiện ra với ước muốn tùy tâm, thọ mạng dài lâu, an trụ trong tịch tịnh.”

Luận rằng:

Làm như thế tức có thể tăng trưởng rộng phước báo là nhân duyên cảnh giới tối thượng. Lại Kinh Thanh Tịnh (Gocara Parisuddhi Sutra) chép rằng: “Nếu bố thí mà không mong cầu, liền được phước báo lớn. Thấy được thâm tâm như Kinh điển đã dạy. Nếu ai không cầu tiếng khen, tài lợi, khi bố thí Pháp sẽ được hai mươi loại công đức của tâm từ bi như:

Một là an trụ trong chánh niệm

Hai là có thể sanh giác ngộ

Ba là hướng về đạo giải thoát

Bốn là giữ gìn bảo vật

Năm là tăng trưởng huệ mạng

Sáu là được trí xuất thế

Bảy là đoạn trừ phiền não tham lam

Tám là đoạn trừ phiền não sân hận

Chín là đoạn trừ phiền não si mê

Mười là không bị ma não hại

Mười một là được Chư Phật gia trì

Mười hai là được chư Thiên ủng hộ, hình sắc đẹp đẽ

Mười ba là phi nhơn , kẻ ác không đến gần

Mười bốn là thường được thiện hữu tri thức thương kính

Mười lăm là lời nói chân thật

Mười sáu là không bị sợ hãi

Mười bảy là ý thường vui vẻ

Mười tám là tiếng khen lan rộng

Mười chín là nhớ rõ chẳng quên

Hai mươi là thường vui Pháp thí

Đây gọi là công đức của tâm từ bi. Lại nữa Kinh Bát Nhã chép rằng: “Này A Nan! Nếu người nghe Pháp được ba nghìn đại thiên thể giới chúng sanh như thế, vì chỗ chứng biết mà diễn thuyết, tất rộng được quả A La Hán. Này A Nan! Nếu Đại Bồ Tát hay Bát Nhã Ba La Mật Đa tương ứng hơn với những câu nghĩa, vì chúng sanh mà khai thị diễn thuyết hơn trước ba ngàn đại thiên thể giới, trước chúng sanh chứng được A La Hán, sẽ được công đức.

Lại nữa, đối với các A La Hán ấy, cũng tích tụ công đức bố thí, trì giới, ý ông nghĩ sao? Đây có nhiều chẳng? A Nan thưa:

-Rất nhiều, Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Thưa bậc Thiện Thế.

Phật bảo: Này A Nan! Phước đức ấy tuy nhiều, nhưng chẳng như các Bồ Tát đối với Bát Nhã Ba La Mật Đa là pháp môn tương ứng vì họ mà diễn nói. Phước này sẽ hơn phước kia. Lại nữa Đại Bồ Tát, đối với Bát Nhã Ba La Mật Đa, là Pháp môn sâu xa có thể mỗi ngày làm người phân biệt; như thế cho đến một giờ một khắc, một khoảng sát na, khéo nói.

Này A Nan! Bồ Tát bố thí Pháp như thế, Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thể có được thiện căn như vậy, để mà so sánh thí dụ được. Vì sao vậy? Đại Bồ Tát đối với Bồ Đề không bị thối chuyển, hướng nữa đối với Pháp thí.

Như Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có kệ rằng:

Bồ Tát có lúc

Vào trong tịnh thất

Thường hay nghĩ nhớ

Theo nghĩa quán Pháp

Bồ Tát hoan hỷ
An vui thuyết Pháp
Trong chỗ thanh tịnh
Ban bố chỗ ngồi
Tắm rửa sạch sẽ
Thoa dầu thơm mát
Khoác Pháp y sạch
Trong ngoài thanh tịnh
An trụ Pháp tòa
Tùy cơ thí Pháp
Nếu có Tỳ Kheo
Hoặc Tỳ Kheo Ni
Bỏ tâm tránh né
Cùng tâm biếng lười
Lìa các lo rầu
Từ bi thuyết Pháp
Ngày đêm thường nói
Vô Thượng Bồ Đề
Mà các nhân duyên
Vô lượng thí dụ

Khai thị chúng sanh

Làm cho hoan hỷ

Y phục ngọa cụ

Uống ăn thuốc thang

Mà ở trong ấy

Chẳng chỗ hy vọng

Chỉ một lòng nghĩ

Thuyết Pháp nhân duyên

Nguyện thành Phật đạo

Làm chúng như thế

Tức được lợi lớn

An lạc cúng dường

Kinh lại chép: “Thuận theo Pháp chẳng nhiều chẳng ít, cho đến kẻ tham ái Pháp này, chẳng vì đó mà nói nhiều”.

Lại nữa kinh Nguyệt Đăng có kệ rằng:

“Nếu kỳ túc thỉnh vấn

Muốn cầu được Pháp thí

Nên trước nói lời ấy

Chỗ học tôi không rộng

Lại nên nói thế này

Nghe Ngài là bậc huệ

Ngài là bậc đại đức

Kính xin giảng cho con

Nói xong chớ phê bình

Nên chọn hay không chọn

Rõ biết điều ấy rồi

Chẳng thình lại chẳng nói

Nếu ở nơi đại chúng

Thấy kẻ hủy báng ấy

Chớ nên than giữ giới

Nên ca ngợi bổ thí

Nếu thấy kẻ ít đức

Cùng trì giới giống nhau

Khởi lên tâm đại bi

Khen thiếu đức trì giới

Được hơn hẳn rất nhiều

Liên tán dương trì giới

Luận rằng:

Như thế Pháp Sư phải nên tắm rửa, mặc áo mới trong sạch tu tâm từ bi và vì chúng diễn thuyết. Tất cả ma chẳng thể đến gần.

Kinh Hải Ý (Sagaramati Sutra) có chú Đà La Ni rằng:

”Đản Ninh Tha, Thiết Di, Thiết Ma Phục Đệ, Thiết Di Đa Thiết Xúc, Lô Ích Cổ Lý, Ma La Nhĩ Đệ, Yết La Ni, Chỉ Dụ Lý, Điều Yết Phục Đệ, Điều Hộ, Yết Dã Đệ Vĩ Du, Đà Nhĩ Nhĩ Lý Ma Lê, Ma La Bát Na Lý, Ô Khác Lý, Khác Lô Nga La, Tế Bát La, Tát Nhĩ Hệ, Mục Khế A Mục Khế, Thiết Duệ Đa Nhĩ, Tác Lý Phục Đản La Nga La, Hạ Mãn Đà, Na Nhĩ Ngật Lý Hệ Đa, Ma La Phẩm Xá, Tát Tha Tát Đa, Một Đà Mẫu Nại La Mẫu Nại Già, Đệ Đa Tát Lý Phục, Ma La A Đô Lê Đa, Bát Nại Bát Lý, Mậu Đà, Vĩ Nga, Khải Đệ, Tát Lý Phục, Ma La, Yết Lý Ma Ni.”

(Tadyatha, same, samavati, samitasatru, ankure, mankure, marajite, karate, keyure, oghavati, ohokayati, visathanirmale, malapanaye, okhare, kharo, grase, gorasane, hemukhi, paranmukhi, samitani, sarvagrahapandhanani, nigrhitah, sarvaparaprapadinah, vinukta, marapasah, sthapita, buddhamudrah, semudghatitah, sarvamarah, acalitapadaparisuddhua, vigaccharti, sarvamarakarmani).

Pháp sư thuyết pháp ấy với chơn ngôn này trì tụng rồi ở nơi pháp tòa phổ quán chúng hội vận dụng lòng từ bi rộng lớn, từ thân này khởi lên y vương, tướng Pháp như thuốc, người nghe Pháp này, khởi tướng là bịnh nhân, nơi các đức Như Lai, khởi lên bậc Chánh Sĩ. Trong mắt Chánh Pháp khởi lên tướng Pháp cứu trụ, đối với chơn ngôn nói về bố thí hiện tiền, làm đúng pháp như thế mà nói.

Lúc bấy giờ, trong khoảng chu vi trăm do tuần, các thiên chúng ma không thể đến phá hoại. Giả sử các ma vương đến pháp hội, cũng chẳng thể làm những việc chương nạn.

Luận rằng:

Bố thí Pháp bình đẳng như thế tức hay tăng trưởng tâm đại bồ đề. Như Kinh Bảo Khiếp (Ratna Karandaka Sutra) có chép rằng:

“Này Văn Thù Sư Lợi! Giống như cây trong rừng , cành lá rể tất cả đều do bốn đại mà được sanh trưởng. Văn Thù Sư Lợi! Như thế Bồ Tát nơi các cửa tập trung các căn lành, tất cả đều nhiếp lấy tâm Bồ Đề. Nơi tất cả trí hồi hướng đến Bồ Đề làm chỗ tăng trưởng.”

Luận rằng:

Nếu chư Bồ Tát vì muốn rộng rãi hiển bày sự tu học về cảnh giới của Chư Phật, đầu tiên phải an trụ trong chánh niệm, chánh tri, như thế tất có thể thành tựu chánh đoạn mà chẳng buông lung. Nghĩa là do sự phát khởi tinh tấn dục lạc, mà ở nơi kia sanh việc ác, pháp bất thiện, được phòng hộ chẳng khởi. Đã sanh việc ác bất thiện pháp ấy, có thể dứt hẳn làm cho thanh tịnh, chưa sanh khởi làm cho phát khởi, pháp lành đã sanh rồi, làm cho tăng trưởng. Ở nơi chẳng buông lung thường được an trụ. Trong các pháp lành, lấy làm căn bản.

Như trong Kinh Nguyệt Đăng có kệ rằng:

“Như ta sẽ nói các Pháp lành

Nơi giới nghe xả và nhẫn nhục

Chẳng nên buông lung làm căn bản

Có tên Thiện Thệ tôi thắng tài”

Sao gọi là phóng dật? Nghĩa là nếu buông lung theo những người bạn ác và tà giáo, do tâm sanh. Như người nhắc nhở vua uống thuốc, đầy đủ đồ đạc, chỗ đi nguy hiểm, phải biết người này khổ não lo sợ, không dám buông lung”.

Lại nữa Kinh Như Lai Bí Mật chép rằng: “Thế nào chẳng buông lung? Nghĩa là đầu tiên nhiếp phục các căn; mắt thấy sắc và chẳng chấp vào tướng, chẳng đắm trước sự tốt đẹp. Như thế cho đến ý cũng lại như vậy. Rõ biết điều này, tất cả chẳng chấp trước, chẳng sanh nhiễm ái, thường cầu ra khỏi. Lại nữa, đối với tự tâm đã được điều phục, có thể tùy theo đó mà nhiếp hộ tâm thường hay khởi lên ái nhiễm. Đây gọi là chẳng buông lung. Nếu người tin, hiểu, chẳng buông lung, tức là tùy thuận sự tinh tấn. Lại nữa, tích chứa công đức của lòng tin thanh tịnh. Do tu tịnh tín, mà Pháp tinh tấn chẳng phóng dật; Tức có thể tu tạo chánh niệm, chánh tri và ở trong chánh niệm, chánh tri ấy, tức nơi tất cả Bồ Đề pháp phần mà không hoại mất. Nếu như tịnh tín chẳng phóng dật, tinh tấn, chánh niệm, chánh tri, tức có thể khuyến tu, thâm sâu niệm kiên cố. Bồ Tát đối với pháp thâm sâu kiên cố ấy rõ biết rồi, tức có thể rõ biết chỗ không thật, cho đến nơi thế tục đế, nói mắt là có”.

Như Kinh có kệ rằng:

“Vói Pháp cam lồ, chẳng buông lung

Vì đạo Bồ Đề ích chúng chung

Tịch tịnh thâm sâu, lòng thanh thản

Căn bản niềm vui cũng vậy bùn”.

Luận rằng:

Nếu hay tích chứa các việc làm tương hợp, tức là đối với mình và người được tăng trưởng phước đức; lại có kệ tụng rằng:

Pháp học đều bình đẳng

Tâm Bồ Đề kiên cố

Với người, mình thành tựu

Đổi thay như không thật

Đứng ở bờ bên kia

Thấy chờ đợi bên này

Bờ kia cũng chẳng có

Ngã này vốn chẳng thật

Vì khổ mà phòng hộ

Đó chính là trói buộc

Bậc tu hành như thế

Sao lại chẳng giữ gìn

Khởi phân biệt tà vọng

Chấp Ngã vốn thường còn

Nếu Ngã như thật có
Sao lại có sanh diệt
Đau khổ có sanh ra
Vì ai, tu phước nghiệp
Để cầu được tài lợi
Thọ nhận bao khoái lạc
Hiện ra tướng già bệnh
Chẳng bao lâu tổn hoại
Tái sanh là em bé
Em bé từ thiếu niên
Trong khoảng sát na thôi
Biến hoại thấy rõ rồi
Ở đâu gọi là thân
Tóc tai đều bồi rồi
Thức gá vào thai mẹ
Từ hạt mầm nảy sanh
Già suy theo năm tháng
Lửa đốt đến cuối cùng
Tự tánh của thân này
Giả, phân lập, an bày

Cứu cánh như hạt bụi
Hình tướng nào sống dai
Lại nữa nơi thân này
Không nói cũng tự biết
Vì tướng thay đổi luôn
Thử hỏi Ngã ở đâu
Bởi phân lập hòa hợp
Tùy thể mà hiển hiện
Giáo nhiệm màu của Phật
Tùy tướng cũng phải dứt
Khổ kia cũng phải dứt
Tức chẳng thể kiến lập
Không tham, nhuế và si
Làm sao có công đức
Ngoài chín việc thế gian
Mỗi mỗi có ba loại
Vô thức cùng nương tựa
Sao lại sanh niềm vui
Nương chẳng thể sanh vui
Nên biết từ nhân sanh

Nếu vui sanh nương tựa
Tướng kia hiện hữu chẳng
Cho nên lời dạy đúng
Rằng các hành vô thường
Hiện chứng và tư duy
Do nhân duyên hòa hợp
Thấy quyền thuộc của mình
Sao lại nói là thường
Ở nơi đáy tim cầu
Chẳng mấy một vi trần
Như đèn kia cạn dầu
Thử hỏi dầu đi đâu
Như thế quán sát rõ
Sát na chẳng trụ lâu
Tụ tập các quyền thuộc
Nghiêm sức để đi lại
Vọng chân là có Ngã
Vui kia biết đó mà
Bao chúng sanh rõ rồi
Không gì tích chứa được

Ta, người tức có duyên
Mà khô lại chẳng thật
Nhu thể chẳng ứng hợp
Ngã có ở nơi nào
Hoặc như lực riêng mình
Mỗi mỗi mà khai thị
Thế gian các chúng sanh
Nhiều khổ thường bức thiết
Nên khởi tâm đại bi
Vì họ, mà thương xót
Khéo hay thường quán sát
Bình đẳng mà cứu độ
Giả sử vào địa ngục
Nhu ngỗng bơi trong hồ
Nhu biển cả thường vui
Thường vui đạo giải thoát
Cứu giúp họ không sợ
Cứu giúp thường không ngại
Làm xong bao ích lợi
Chẳng sanh tâm ý lại

Không bao giờ mệt mỏi
Chẳng mong cầu báo đáp
Nếu phước tụ mười phương
Ngã ấy thật rộng đường
Không sanh tâm tật đố
Vui vẻ thật khôn lường
Ta và người cùng tu
Tu tập và sám hối
Khuyến thỉnh Phật, Thế Tôn
Tùy hỷ phước nghiệp rồi
Như thế xin hồi hướng
Bình đẳng không sai biệt
Bồ thí này tùy phước
Chúng sanh giới vô lượng
Bồ Tát làm việc này
Tức sẽ sanh lợi ích
Tăng trưởng lòng đại bi
Rộng tối thượng an vui
Được tay Kim Cang kia
Cùng Chư Phật, Thế Tôn
Thường làm việc hộ trì

Quần ma khiếp nể vì
Pháp là con của Vua
Chư Thiên phải tán dương
Tâm chuyên chở Bồ Đề
Khéo đi hết con đường
Chúng sanh khéo tu tập
Tức trừ tự tha khổ
Còn ta chẳng đấm trước
Tất cả hãy buông xả
Ai bị ái trói buộc
Bị đau khổ vô cùng
Thường sanh ra phiền não
Tổn hoại thường theo đó
Lửa khô đốt chúng sanh
Đốt cháy khắp tất cả
Nhỏ như từng mây lông
Ta thấy chẳng đành lòng
Vì tất cả Ngã Ái
Khổ là gốc đầu tiên
Thieu đốt chẳng trừ ai

Vì lợi các hàm thức
Vui vợ con quyến thuộc
Cứu cánh đều bỏ hết
Suy nghĩ nhân duyên sanh
Nơi thân lại chẳng ái
Những người trí đầy đủ
Nơi kia xả hai lần
Rõ biết thân và tâm
Sát na sai biệt khởi
Là thường chẳng có thường
Lìa dơ gốc chẳng dơ
Tự được nơi Bồ Đề
Kia lại thành Chánh Giác
Chẳng nghĩ về thế pháp
Mà lợi lạc chúng sanh
Pháp dược cùng tượng Phật
Ta đều thí hoàn tất
Trí tuệ tự chọn lựa
Làm việc ấy tương ưng
Nhiếp hộ nơi tiền tài

Chứa rồi sẽ tiêu tan

Hoặc thân ta thân người

Như khô nhiều khô ít

Như thế đều làm được

Ấy thượng diệu khoái lạc

Chúng sanh trong cảnh dục

Phòng hộ sanh chương nã

Như rắn ở trong hang

An ổn và lặng trong

Như đất ruộng phì nhiêu

Lúa thóc đều dư dả

Trừ các đói khát ấy

Đầy đủ mọi phước báo

Ai chẳng chịu xa rời

Danh lợi và ngũ dục

Chỗ nói lại chẳng thành

Cũng chẳng sanh giận dữ

Ai đánh mất chính mình

Nhẫn nơi giận khó gì

Như thế chẳng sanh sân

Lợi tha cũng chẳng mất
Khéo tu nhẫn chân thật
Nhu quán sát hương thơm
Dù có bị xâm phạm
Vẫn không hề tổn hoại
Phương tiện tu tư duy
Không khoái lạc, chủ tể
Tự mình không thọ dụng
Làm sao không sám hối
Phật tử tu như thế
Từng niệm trừ phiền não
Biết căn, và cảnh giới
Giống như chỗ tụ hội
Nhuế, phần, sân cùng hận
Lợi ích mà khai mở
Tự tánh lia điều nhu
Nơi khô, vui sao được
Năm loại lớn như thế
Cho thấy có tên riêng
Cho đến ở hữu tình

Đều thành việc nghĩa lợi
Nếu không sanh biếng lười
Tức không tạo việc ác
Khuyên ai gắng tu tập
Sáu cõi đều chẳng lạc
Đến hư không vô tận
Thế gian thật bao la
Vì chúng sanh , ta ở
Khiến trí tâm hiện hòa
Từng làm A Xà Lê
Khéo học lia các khổ
Chẳng hỏi khả năng riêng
Sao chẳng chịu phòng hộ
Ai tự làm khổ mình
Sợ hãi, nhân gì sanh
Tùy rõ biết thầy mình
Ngã mạn chẳng quá thành
Trụ cảnh giới đại bi
Chẳng tham nơi quả báo
Thường gần gũi tu học

Bình đẳng không ngã nã

Thấy kẻ mù cuồng si

Thật khó khăn đứng đi

Hay rơi vào đường hiểm

Buồn thương thật chẳng bì

Vì tìm cầu cho họ

Cũng khó mà cứu nạn

Như thế làm giống nhau

Tức thấy công đức to

Tội lỗi ta thật nhiều

Sâu xa như biển cả

Nếu bây giờ tạo nữa

Làm sao giải thoát ra

Ai được giáo hóa rằng

Hồ thẹn điều sai trái

Thường lãnh thọ lời dạy

Tất cả học là phải

Nghe người oán thì lo

Không nói lời sân hận

Người và ta giống nhau

Người vui mình không thẹn

Phiền não và oán tặc

Riêng một mình chiến đấu

Nếu tâm thường lưu ý

Tổn hoại chẳng an lạc

Cầu xin đức Quán Âm

Bậc Đại Từ Đại Bi

Tóc xanh đầu xoắn ốc

Mượt mà ở trên đầu

Mười phương mọi quốc độ

Thông dong trên biển cả

Cứu địa ngục quỷ thú

Thoát luân hồi cực khổ

Vì tất cả chúng sanh

Tâm thanh mà cứu độ

Bà Trĩ A Tu La

Oán hại không còn khổ

Thật trang nghiêm vô lượng

Trên đời chưa từng thấy

Biết ngu chúng hữu tình

Cung phụng hoặc vui vẻ

Lại nữa cùng tin lễ

Đại Sĩ Diệu Cát Tường

Nơi gom Chánh Pháp Tạng

Thế gian lợi lạc thường

Không sánh Đại Y Vương

Khéo chữa các bệnh tật

Ban vui và cứu sống

Nên ta kính lễ luôn

Nhiệt nã khổ vô cùng

Hiện suối nước trong lành

Khiến tâm sanh an lạc

Khát ái chẳng thể sanh

Mười phương các thế giới

Mỗi mỗi kiếp La Ba

Chúng sanh tâm thỏa mãn

Đều hiện mắt Thanh Liên

Bồ Tát đông vô số

Tán dương đến vô cùng

Kính lễ đáng Văn Thù

Tôi thắng chẳng ai bằng
Công đức Bồ Tát thật hiếm sao
Bao nhiêu tích tụ biết là bao
Phước báo vô biên ta tác tạo
Gọi là Văn Thù trí tuệ cao
Viết lách Chánh Pháp này
Ta có chút phước đây
Xót thương loài hữu tình
Trí huệ phát từng ngày
Các Pháp từ duyên sanh
Pháp nương duyên mà diệt
Thầy ta, Đại Sa Môn
Thường thường nói như thế.

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Hết quyển thứ 25

Phiên dịch công đức khó nghĩ lường
Phước báo vô biên nguyện cúng dường
Nguyện cầu thế giới thường an lạc
Nguyện các chúng sanh vãng Tây Phương

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử và chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo

Dịch xong vào ngày 9 tháng 12 năm 2004,

nhằm ngày 28 tháng 10 năm Giáp Thân, Phật lịch 2548.

Nhân lễ húy kỵ lần thứ 30 của Cố Hòa Thượng Hương Sơn

Thích Trí Hữu, Bổn Sư Hòa Thượng Thích Bảo Lạc,

Viện Chủ Tu Viện Pháp Bảo, Sydney, Úc Đại Lợi.

---o0o---
Hết